

“Một tác phẩm quan trọng và tràn đầy nhiệt huyết – một thiên phóng sự nóng bỏng và xuất sắc về cuộc xung đột mà thế giới đã quyết định làm ngơ.”

SALMAN RUSHDIE

BASHARAT PEER

Đêm giới ngkiêm

Hồi ức về Cuộc sống, Tình yêu
và Chiến tranh ở Kashmir



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

BASHARAT PEER

Maya Huynh dịch

Đêm giới nghiêm

Hồi ức về Cuộc sống, Tình yêu
và Chiến tranh ở Kashmir

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

epub@vctvegroup
08-11-2017

*Để tưởng nhớ những chàng trai đã ra đi không trở về
Dâng tặng Ngoại và cha mẹ của tôi, Hameeda Paveen và G.A.Peer*

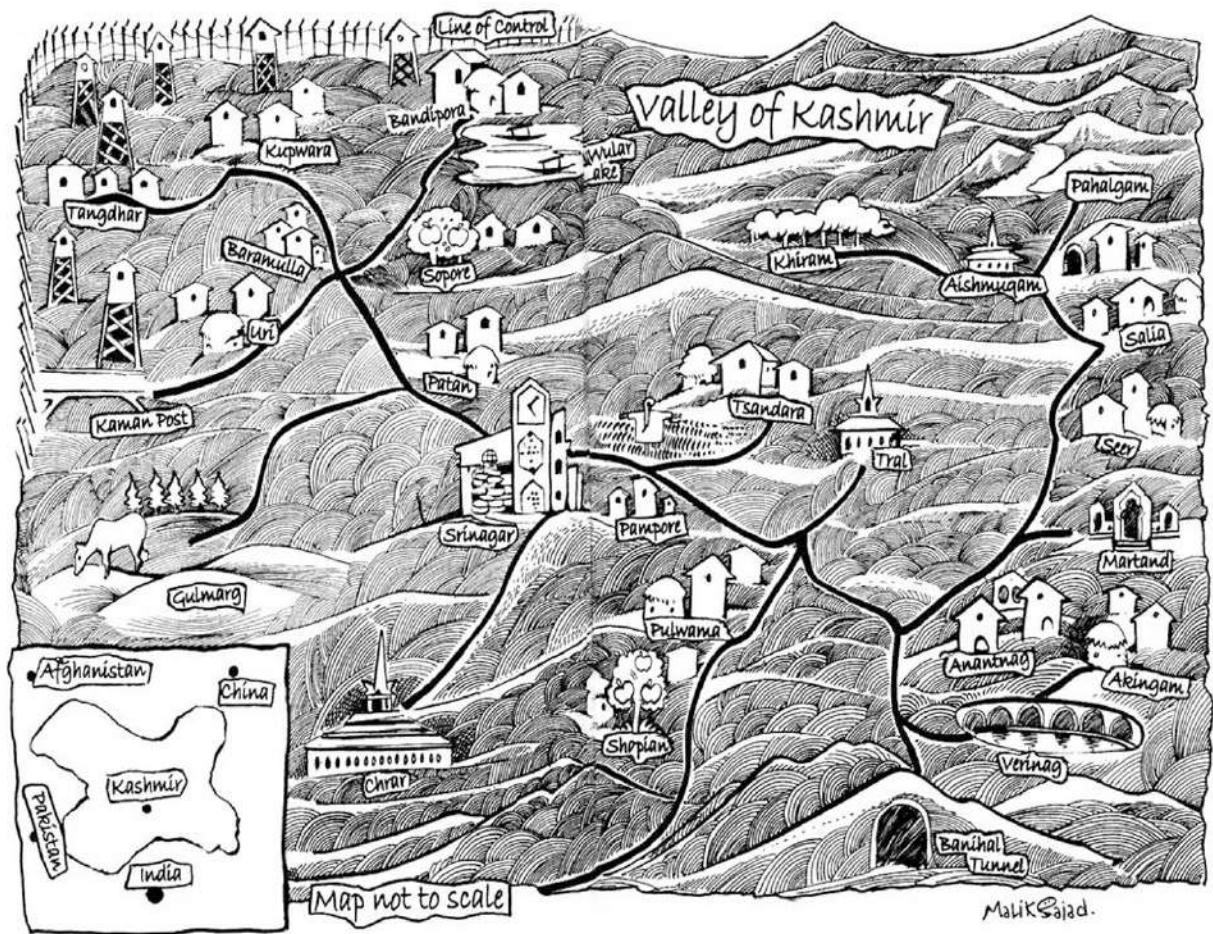


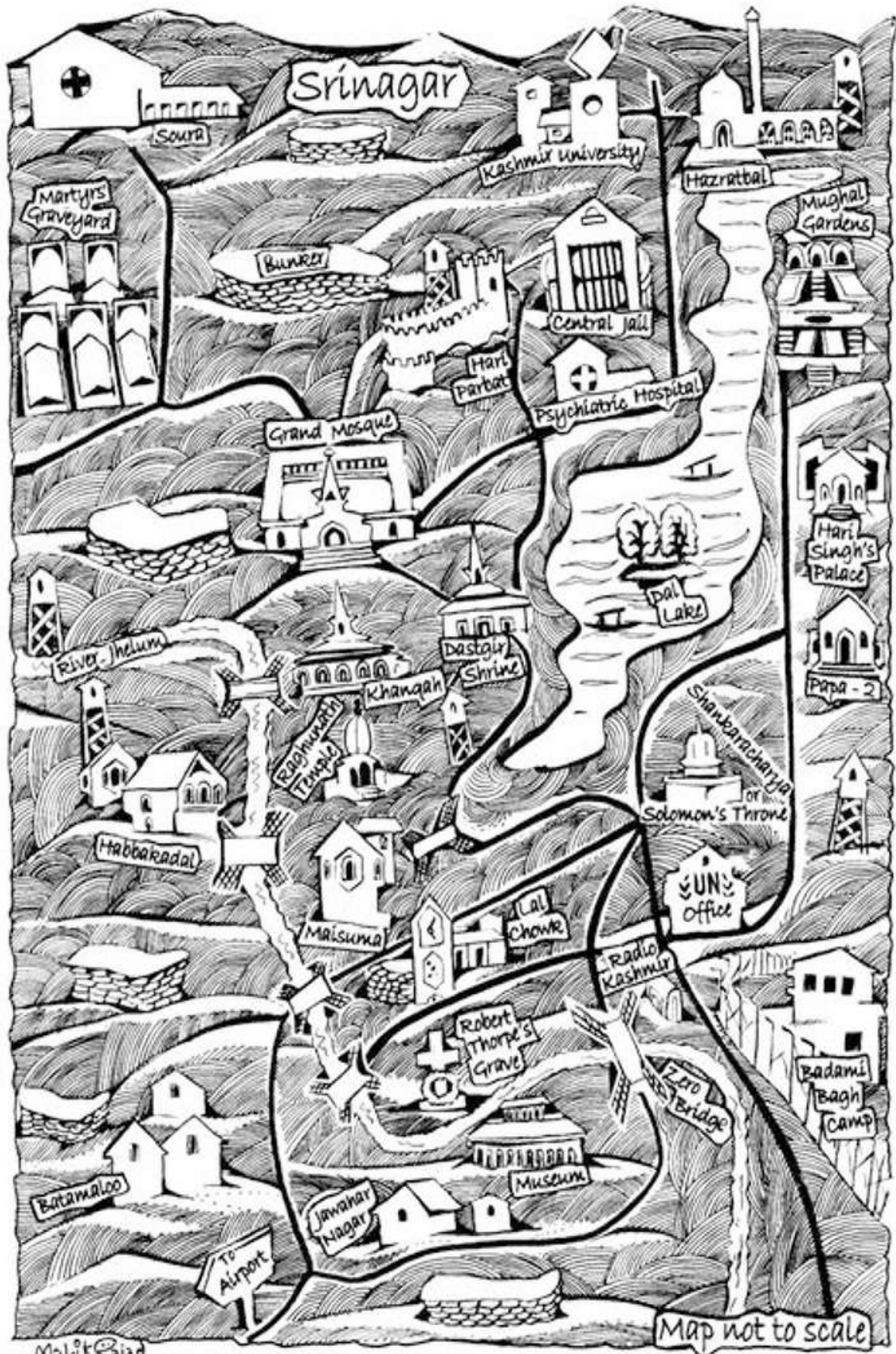
“Con người bị mắc kẹt trong lịch sử và lịch sử bị mắc kẹt trong con người.”

- ***Những ghi chép của người con trai bán xứ, - James Baldwin***

“Cái thành phố, nơi không tin tức nào có thể đến được, lúc này hiện ra mồn một trong đêm giới nghiêm của nó đến nỗi thứ tồi tệ nhất cũng trở nên xác thực: Từ cầu Zero, một cái bóng bị rượt đuổi bởi ánh đèn pha đang bỏ chạy để đi tìm thân xác của nó.”

- ***Đất nước không có bưu điện, - Agha Shahid Ali***





Malik Sajad

Map not to scale

Phần Một

Ký Ức

Mong manh xứ sở thần tiên



Tôi sinh ra vào mùa đông ở Kashmir. Làng tôi nằm trên rìa một rặng núi ở vùng phía nam của Anantnag. Bao quanh những ngôi nhà được đắp bằng bùn và gạch là những cánh đồng lúa xanh mướt vào đầu hè và vàng ươm khi thu đến. Vào mùa đông, tuyết trượt chầm chậm từ trên mái nhà của chúng tôi rồi đổ ụch xuống mặt cỏ. Tôi và đứa em trai cùng đắp những tảng người tuyết với đôi mắt làm bằng những mẩu than vụn. Và khi mẹ bận rộn với việc nội trợ và Ngoại đi ra ngoài, chúng tôi phóng lên mái nhà, bẻ mấy cục nước đá trên đó, trộn chúng với hỗn hợp sữa và đường ăn cắp ở nhà bếp rồi cùng ăn món kem tự chế của mình. Bọn tôi thường đi trượt tuyết trên sườn đồi, nhìn xuống làng mình hoặc chơi cricket trên một cái hồ đóng băng. Chúng tôi cũng liêu, vì chơi như thế có thể bị Ngoại, cũng là hiệu trưởng của trường tôi, mắng mỏ hoặc đánh đòn. Nếu bắt gặp chúng tôi chơi cricket vào mùa đông, ông sẽ bộc lộ chủ trương chú trọng sách vở hơn là cricket bằng tiếng quát tháo khiếp đảm: “Cái lũ ăn hại!” Nghe tiếng quát quen thuộc của ông, mấy đứa chơi cricket tản ra và lẩn đi mất. Không chỉ lũ cháu ngoại mà tất cả trẻ con trong làng đều sợ ông thầy hiệu trưởng như lính sợ quân luật.

Những chiều mùa đông, Ngoại và mấy người hàng xóm ngồi trước những cửa tiệm và sưởi ấm bằng *kangris*, một loại bình giữ lửa tiện dụng, rồi tán gẫu, hoặc nói chuyện tuyết rơi sẽ ảnh hưởng thế nào đến vụ mùa tạt vào mùa xuân. Sau khi *thầy tu* báo giờ triệu tập cuộc lễ chiều, họ rời các cửa tiệm để về nhà, cho đàn gia súc ăn, cầu nguyện ở đền thờ trong làng, rồi quay lại mấy

cửa tiệm đó để trò chuyện tiếp.

Mùa xuân là mùa của những đồng cỏ và sườn núi xanh mơn mớn, của tuyết hồng và những thảm hoa mù tạt vàng trải rộng trên những cánh đồng bao quanh làng chúng tôi. Trên đài phát thanh Kashmir, người ta phát những bài hát bằng tiếng Kashmir ca ngợi những đóa hoa trên đồng cỏ và các chú sơn ca đậu trên cành liễu. Bài hát yêu thích nhất của tôi kết thúc bằng điệp khúc: “Và bây giờ ca hát với những đóa hoa rằng: đất đai của chúng ta là một khu vườn!” Khi chúng tôi phải thu hoạch vụ mùa, hàng xóm và bạn bè sẽ cử người đến giúp và đến lượt họ, chúng tôi sẽ giúp lại. Bạn không bao giờ cần một lời đề nghị trịnh trọng trước đó nhiều tuần lễ. Lúc nào cũng sẽ có người đến giúp bạn.

Trong vụ mùa, giáo sĩ Akhoon, người không chịu tin là Neil Armstrong đã đặt chân lên mặt trăng, than phiền về lượng người đi lễ thưa thớt ở đền thờ của làng. Tôi phải cố nén cười khi dân làng vì nôn nóng quay về với việc trồng trọt, đã giả vờ ho trong lúc cầu nguyện để cho ông ấy kết thúc nhanh hơn. Ông thỏa hiệp bằng cách đọc những đoạn kinh Koran ngắn hơn. Sau đó trong ngày, ông sẽ trở lại đồng ruộng để thu tiền cúng của mùa, cũng là tiền công của ông cho việc dẫn dắt các cuộc cầu nguyện trong đền thờ.

Vào mùa hè, sau khi thu hoạch mù tạt chúng tôi gieo mạ. Những ngày trong tuần, trước khi đến trường tôi và đứa em mang mấy ấm samovar đựng trà *kahwa*^[1], thoang thoang mùi nghệ tây, quả hạnh và quế cho những người làm công ở cánh đồng nhà mình. Cuối tuần, tôi phụ khiêng các bao đựng hạt giống đến vườn ươm. Mẹ, các dì và những người phụ nữ khác, từng hàng, khom lưng trên những cánh đồng tốt tươi, gieo trồng và ca hát.

Ngoại canh chừng gã nông dân thuê đất cạnh đồng nhà tôi. Mỗi khi thấy gã đi về hướng đồng nhà mình, Ngoại lại quay sang bảo tôi: “Này, con thấy ai không?” “Con thấy con Vện^[2] ạ.” Tôi đáp. Và chúng tôi cười phá lên. Vóc người thấp, dẻo dai với khuôn mặt nhăn nhúm, gã Vện chuyên đầu têu những chuyện dẫn đến cãi vã, như tháo nước sang đồng của hã hay dùng xẻng cào đất ruộng nhà chúng tôi để làm mảnh ruộng thuê của hã rộng thêm vài phân.

Gã Vện, Ngoại và tất cả dân làng đều lo lắng về tiết mây và những trận mưa. Mưa không đúng lúc có thể làm hỏng mùa màng. Người ta nói, nếu có mây ở đường chân trời phía bắc thì sẽ có mưa. Và vào khoảng xế chiều, nếu thấy những vệt đỏ trên bầu trời, họ sẽ nói, “Chắc có một vụ giết người ở đâu đó. Nếu ai đó bị giết, bầu trời sẽ chuyển sang sắc đỏ.”

Đến mùa thu, chỉ trong vài tuần trà *kahwa* là lúa đã được đập xong. Thóc được chứa trong những vựa gỗ và mấy đụn rơm cứ cao dần lên như những trái núi nhỏ, xung quanh là mấy đứa trẻ con chơi trò trốn tìm. Táo trong vườn sẽ được hái, phân loại và đóng vào những chiếc thùng mỏng bằng ván liễu rồi bán cho lái thương. Bởi lũ trẻ trong làng hay ăn trộm táo, tôi và đứa em trai phải thay phiên nhau canh chừng sau khi đi học về. Rất ít đứa dám trộm trong vườn chúng tôi, bởi bọn nó sợ Ngoại. “Nếu hôm nay chúng ăn trộm táo thì ngày mai chúng sẽ ăn cướp ngân hàng. Mấy thằng bé này lớn lên sẽ giống như thằng Janak Singh,” Ngoại nói vậy. Nhiều năm trước, gã Janak Singh ở làng bên đã giết một người bảo vệ trong lúc cướp ngân hàng. Gã bị bắt và lãnh án mười bốn năm tù. Trước và sau vụ đó không có ai trong vùng chúng tôi giết người cả.

Trên đường từ nhà đến trường trong những buổi trưa, giữa những năm tám mười, tôi thường nhìn chằm chằm vào ngôi nhà mái lợp rạ của gã Janak Singh qua cửa sổ xe buýt như thể nếu nhìn nó thêm lần nữa thì có thể khám phá thêm vài điều bí mật. Nhà tôi, một hình hộp chữ nhật ba tầng xây bằng gạch đỏ và gỗ đánh véc-ni, mái lợp tôn, chỉ cách đường cái chừng một dặm. Tôi sẽ đứng trên bậc cửa và nhìn xe buýt chở khách du lịch chạy ngang qua. Đám xe buýt sặc sỡ chở khách tham quan từ những thành phố xa xôi như Bombay, Calcutta và Delhi và cả rất nhiều *angrez* – từ dùng để chỉ người Anh và từ duy nhất chúng tôi dùng để chỉ người phương Tây. Các *angrez* rất thú vị. Một số để tóc rất dài và một số cạo trọc. Họ chạy những chiếc mô tô to đùng và có khi còn cưỡi trần nữa. Chúng tôi vẫy tay với họ và họ vẫy tay lại. Tôi đã hỏi một người hàng xóm làm trong khách sạn, “Sao người *angrez* đi du lịch còn chúng ta thì không?” “Bởi vì họ là *angrez* còn chúng ta thì

không,” ông nói. Nhưng tôi cũng đoán ra được lý do. Họ phải đi du lịch để được nhìn thấy Kashmir chứ.

Cha mua cho tôi một cuốn từ điển truyện tranh của Mỹ, loại sách dạy từ vựng qua những truyện *Siêu nhân*, *Người dơi* và *Robin* và *Tia chớp*. Tôi thường đọc nó dưới ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn dầu và nghĩ, nếu Tia Chớp sống ở Kashmir, chúng tôi có thể nhờ anh ta sửa nguồn điện chập chờn của nhà mình. Tôi thích đọc truyện tranh hơn mớ sách Ngoại muốn tôi đọc cho tinh thông. Người ta đã thêm thắt những câu chuyện mới vào tuyển tập các huyền thoại của xứ Ba Tư và Kashmir mà tôi đã được nghe kể bởi bà ngoại và ông giúp việc Akram của chúng tôi – những huyền thoại đại loại như chuyện cổ tích về tình yêu của chàng Farhad dành cho nàng Shirin. Ông Akram luôn bắt đầu câu chuyện bằng cách kể, “Chuyện kể rằng, ngày xưa ngày xưa ở Iran, có một hoàng hậu xinh đẹp tuyệt trần tên là Shirin...” Chàng điêu khắc trẻ Farhad đã phải lòng Shirin và cứ quanh quẩn gần bên, tìm kiếm một ánh mắt của nàng. Thời gian trôi qua, Shirin bắt đầu thấy thích chàng. Chồng nàng là vua Khusro nổi cơn thịnh nộ và các quan tham mưu của vua dâng lên một kế sách nhằm trừ khử chàng: nàng Shirin sẽ thuộc về chàng nếu chàng có thể đào một con kênh từ ngọn núi Behistun xa xôi đến cung điện. Shirin nói với Farhad về nhiệm vụ bất khả thi này và chàng tình-nhân nghệ-sĩ đến ngọn núi với cái mai đào đất của mình. Farhad đã quần quật làm việc một mình nhiều năm trời, đẽo núi đá, gào tên người mình yêu và tạc khuôn mặt nàng Shirin vào vách đá dọc theo con kênh.

Khi con kênh sắp sửa hoàn thành, vua Khusro rất lo lắng khi nghĩ đến việc phải giữ lời hứa và để vợ mình lấy một người đàn ông khác, một phó thường dân. Những quan tham mưu của vua đã hiến kế: họ đưa một mụ già tới ngọn núi để báo với Farhad rằng nàng Shirin đã chết.

Điều này sẽ bẻ gãy quyết tâm của Farhad và làm chàng bỏ dở việc đào kênh. Farhad đang quần quật làm việc thì một mụ già đến, khóc lóc, nghẹn ngào không nói nên lời. “Sao bà lại khóc?” chàng hỏi. “Ta khóc thương một sắc đẹp đã chết,” mụ nói. “Và ta khóc thương con, chàng trai dũng cảm ạ!”

“Khóc thương con ư?” Farhad ngạc nhiên hỏi. “Con đã xé núi, chàng trai dũng cảm! Nhưng người con yêu, nàng Shirin xinh đẹp đã chết rồi!” Farhad đã tự đánh gục mình bằng chiếc mai và ngã xuống, tiếng gào cuối cùng của chàng vang rền qua những ngọn núi: Shirin nàng ơi!

Gia đình tôi ăn tối cùng nhau trong gian bếp đồng thời là phòng khách, cùng ngồi quanh một tấm thảm dài màu vàng trải trên sàn, dọc đường biên của nó là những dòng thơ tiếng Farsi^[3] và Urdu^[4] được viết bằng mực đen ca ngợi vẻ đẹp của lòng hiếu khách. Bữa tối thường bắt đầu với cảnh ông ngoại dựa lưng vào chiếc đệm ở giữa phòng và quay sang mẹ tôi: “Hama à, có vẻ như hôm nay mẹ con sẽ bỏ đói chúng ta đấy.” Bà ngoại sẽ ngừng bập bập cái ống tẩu^[5] và nói, “Tôi đang nghĩ đến những lời cầu nguyện buổi tối. Nhưng thôi, để tôi cho ông ăn trước đã.” Rồi bà sẽ thông thả đến bên chiếc ghế gỗ của bà ở gần lò sưởi, bên trên là chén đĩa bằng đồng tráng thiếc đặt trên nhiều kệ khác nhau. Mẹ sẽ bỏ bộ kim đan hay mớ bài vở học trò của mẹ xuống và nhanh chóng đến sắp xếp chén đĩa gần chỗ “ngai vàng” của bà. Tôi sẽ cho nước vào vại và lấy riêng một chậu để rửa tay. “Gọi đám con gái đi,” mẹ sẽ nói thế và tôi sẽ chạy lên lầu gọi các dì xuống ăn tối.

Hai người dì trẻ – Tasleema và Rubeena – sống cùng chúng tôi, những dì khác đã có chồng nhưng thường xuyên ghé thăm cùng chồng và con họ. Dì Tasleema như con mọt sách, lúc nào cũng cắm đầu vào những cuốn sách hóa học và động vật học dày cộp hoặc chuẩn bị mấy bài thuyết trình cho nhóm tranh luận ở trường đại học và còn tập các điệu bộ bằng tay trước gương. Dì Rubeena không quan tâm lắm đến sách vở nhưng đặc biệt thích những cuốn tạp chí phụ nữ, truyện trinh thám và những bài hát Bollywood luôn được mở nhỏ trong chiếc máy thu thanh được đặt có tính toán bên cạnh dì để được tắt thật nhanh nếu dì nghe có tiếng ai đó đi lên lầu.

Chúng tôi sẽ ngồi thành vòng tròn xung quanh ông ngoại và cùng ăn. Hầu hết những lần chúng tôi nấu thịt, ông cắt một phần của mình rồi để vào đĩa của tôi và kêu dì Tasleema mang một ly sữa cho ông Akram, người hăn một mẻ sau một ngày dài làm việc trong vườn hay ngoài đồng.

Vào buổi sáng, chúng tôi sẽ tụ tập quanh chiếc ấm samovar đựng hồng trà mằn mặn và sau đó ông ngoại và mẹ sẽ đi dạy, còn các dì, em trai tôi và tôi đi học. Trường tôi là một tòa nhà gỗ xập xệ trong thị trấn nhỏ cạnh Mattan, được đặt là Lyceum. Ngày thứ bảy đồng nghĩa với các bài văn đáp, các cuộc thảo luận và thi viết luận. Một lần tôi giành được giải nhất – phần thưởng là ba cây bút chì than và hai cuốn tập được gói trong giấy hồng – cho bài viết về những mối nguy của một cuộc chiến tranh hạt nhân. Hiroshima và Nagasaki rồi mấy trái bom có tên kỳ lạ – Thăng Be^[6] và Ông Mập^[7] – chỉ là những cái tên được học thuộc lòng cho một kỳ kiểm tra. Tôi quan tâm hơn đến việc tập chạy xe đạp, chơi cricket cho đội của trường và chộp lấy phần bánh *fireen* (một loại bánh pút-đinh ngọt làm bằng hạnh nhân, nho khô, sữa và bột hòn, trên mặt là những hạt anh túc, được dùng vào lúc nghỉ ngơi trong những buổi cầu nguyện thâu đêm ở đền thờ trước lễ Eid) hoặc cố kéo dài thời gian ăn uống trước bình minh trong kỳ lễ Ramadan^[8].

Chúng tôi thức dậy trước bình minh rất lâu trong thời gian diễn ra lễ Ramadan. Bà ngoại và mẹ hâm nóng thức ăn và món trà mằn truyền thống. Ông ngoại đọc kinh Koran, còn Wajahat em trai tôi và tôi ngáp vắn ngáp dài cho đến lúc ăn. Chúng tôi ăn nhanh để khỏi phải ngưng bữa khi nghe gọi cầu kinh. Chúng tôi thường cắn thêm vài miếng sau khi nghe *azaan*, tiếng nhắc nhở cầu nguyện, rồi ngó ra cửa sổ bếp và quay lại nói, “Ta không thể thấy được lông cánh tay nếu không có ánh sáng nhân tạo.” Câu thành ngữ này có từ xa xưa khi chưa có đồng hồ. Người ta xác định rạng đông bằng cách nhìn vào cánh tay mình. Nếu họ có thể thấy được lông cánh tay, thì họ biết đó là thời điểm rạng đông và ngừng ăn. Dù đã có những chiếc đồng hồ điện tử của Nhật, truyền thống này vẫn có ích khi bạn đang cố nuốt thêm một ít trà và ăn thêm một miếng gì đó. Ông ngoại, một người ăn rất ít, sẽ nhắc nhở chúng tôi mục đích của việc nhịn ăn: “Để hiểu thế nào là đói và học cách cư xử tử tế với người nghèo.”

Đến cuối kỳ lễ Ramanda, việc nói về ý nghĩa của sự nhịn ăn thưa dần, tôi và em trai càng thêm háo hức về lễ Eid. Vào tối ngày hai mươi chín, mọi

người tràn trề hy vọng tìm kiếm trên bầu trời một mảnh trăng non bâng bạc báo hiệu thời gian nhin ăn đã qua. Nhưng vầng mặt trời màu cam dường như còn do dự sau những đỉnh núi nhấp nhô, như thể nó đang bị cầm tù trong đêm. Tất cả trẻ con trong làng sẽ đứng trong sân nhà chúng tôi nhìn chăm chú về phía đường chân trời khi nó chuyển dần từ sắc đỏ sang cam rồi sang xanh thẫm. Chúng tôi nhìn và hét toáng lên với nhau, “Mày thấy nó chưa?” “Chưa.” Ngay sau đó chúng tôi sẽ chạy lên cầu thang nhà mình, tiếp tục cuộc tìm kiếm qua những ô cửa sổ. Tiếng hò hét của bọn tôi ngày càng lớn khi bọn tôi chạy từ tầng một lên tầng hai rồi đến tầng ba. Nếu vầng trăng lưỡi liềm vẫn còn lẫn khuất, tôi và thằng em sẽ vọt xuống nhà bếp, nơi ông ngoại đang dò hết đài này đài khác, hy vọng nghe được một tin về việc mảnh trăng lưỡi liềm xuất hiện.

Trong suốt lễ Eid, sáng nào mẹ cũng pha trà *kahwa*. Em trai và tôi đi theo cha và ông ngoại ra khoảng đất trống trên sườn núi nhìn xuống ngôi làng thấp thoáng những cây óc chó, khoảng đất đó được dùng làm Eidgah – nơi hành lễ một năm hai lần của làng dành cho những dịp cầu nguyện của lễ Eid và được đánh dấu bằng một cái bục vòng cung đặt ở góc hướng tây, nơi vị Imam^[9] dẫn dắt lễ cầu nguyện và thuyết giảng. Chúng tôi gặp bà con và bạn bè trên đường đi. Ai cũng mặc đồ mới và cười hết cỡ. Chúng tôi ngồi thành những dãy dài trên những chiếc chiếu đay được mang đến từ đền thờ của mình. Những lần cầu nguyện chỉ kéo dài vài phút, nhưng theo sau là một bài thuyết giảng dài. Năm nào ông giáo sĩ cũng giảng bài đó và tôi với đám bạn đều tìm cách chuẩn ra ngoài. Cha mẹ, bà con và hàng xóm cho chúng tôi tiền để mua đồ chơi và bánh quy.

Đám trai tráng trong làng sẽ mượn một xe buýt để đến rạp xinê Thiên Đường ở thị trấn Anantnag cạnh bên và xem bộ phim mới nhất của Bollywood^[10]. Tôi không được phép đi theo họ, nhưng khi họ quay về, tôi mê mẩn nghe kể lại từng chi tiết của bộ phim. Tôi liên tưởng các phim của họ với những khuôn mặt trên các biển quảng cáo phim. Những tấm bạt phủ đầy các màu đỏ vàng, lục và nâu, được treo lên các cây cột điện dọc theo đường

làng hay lên chiếc *tonga*, loại xe ngựa kéo, rồi được chở vòng chiếc loa qua quanh làng mỗi tuần một lần trong lúc người phát thanh đứng bên cạnh người đánh xe ngựa, gọi là *tonga wallah*, thông báo qua chiếc loa về bộ phim mới đầy kịch tính. Mỗi poster đều được chấp ghép những cảnh lâm li cao độ: một anh hùng vận áo sơ mi xanh lá và quần tây xanh dương đang giận dữ, lăm lăm trong tay khẩu súng lục, trên mặt máu chảy thành dòng; một phụ nữ vận tấm sari^[11] đỏ bị trói vào cột bằng dây chèo, tóc tai rũ rượi và gương mặt thì hoang mang; một tên côn đồ với bộ ria mép bóng bẩy, mặc com-lê vàng, miệng ngậm tẩu hoặc cười đều giả.

Tôi làm bài tập vào hầu hết buổi tối. Một tối nọ tôi bị xao nhãng bởi giai điệu một bài hát Bollywood vọng sang từ nhà hàng xóm. Tôi cắm mặt vào quyển vở, nhưng tiếng nhạc làm người tôi bồn chồn, không yên. Tôi cố tập trung vào những bài toán cộng nhưng không ra được đáp án đúng. Ông ngoại bặt tai tôi và bỏ ra khỏi phòng. Đứa học trò nào cũng bị vài gậy hay bạt tay vì tội không làm bài tập đàng hoàng. Ngoại đã cố gắng không để tiếng nhạc vang lên trong nhà tôi, bất kỳ cái gì ông cho rằng không thuộc về đạo Hồi đều bị cấm. Cách diễn giải cứng nhắc của đạo Hồi cho rằng âm nhạc – ngoại trừ ở đám cưới – là phi Hồi giáo. Mohammed Iqbal^[12], nhà thơ viết tiếng Urdu vĩ đại và triết gia của tổ tiên người Kashmir, học triết ở Munich, chịu ảnh hưởng của Nietzsche, tuyên truyền thứ lý tưởng về giới trẻ đạo Hồi tựa như siêu nhân, lại được chào đón. Những nữ diễn viên Bollywood nhảy múa quanh các thân cây, hát những bài ca ngợi tình yêu và khát vọng có thể đưa đến một sự tụt dốc và tệ hơn nữa: một đức tin bị mềm yếu. Có một lần tôi không đứng đầu lớp và phải trốn dưới gầm giường của cha tôi để thoát một trận đòn. “Thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi,” Ngoại rất thích nói như vậy. Ông bỏ hai tiếng đồng hồ mỗi tối để dạy tôi học, kiểm tra bài tập của tôi, mỉm cười khi hài lòng và la mắng khi thất vọng. Ngoại muốn tôi giống như người học trò xuất sắc nhất của ông: cha tôi.

Vào cuối những năm 1960, khi đang dạy tại một trường cấp ba ở làng bên, Ngoại để ý đến một cậu học trò lớp tám. Ahmad thông minh nhất trường và

cũng nghèo nhất trường – một cậu bé mồ côi được nuôi bởi anh chị họ, cậu bé mặc toàn quần áo cũ thủng thình và mang dép dùng trong nhà tắm thay vì mang giày. Ngoại cảm thấy nếu được giáo dục tốt và được sự hỗ trợ của gia đình, Ahmad có thể tiến xa và ông thường nói với bà ngoại về cậu. “Đi nói chuyện với gia đình nó đi. Chúng ta có thể hỗ trợ nó,” bà nói với người chồng trẻ của mình. Và thế là ông trở thành thầy kèm cặp kiêm người cha không chính thức của cậu bé Ahmad.

Ahmad dạy ở một trường tư thục trong khi học đại học. Sau khi tốt nghiệp anh làm giáo viên cấp ba, giống như ngoại tôi. Rồi một số bạn bè của Ngoại gợi ý ông nên gả Ahmad cho cô con gái lớn nhất của ông là cô Hameeda, người cũng đã tốt nghiệp đại học và trở thành cô giáo. Ahmad và Hameeda quen biết nhau từ thời đi học. Họ ưng thuận lời mai mối và lấy nhau. Một năm sau, Ahmad vượt qua kỳ tuyển chọn khắc nghiệt vào ngành hành chính dân sự của Kashmir và được bổ nhiệm làm thẩm phán. Và rồi tôi, đưa con trai đầu lòng của họ, ra đời vào mùa xuân năm 1977. Công việc ở những thị trấn khác nhau trên khắp Kashmir làm ông gần như vắng nhà suốt.

Vào những năm tám mươi, hầu như tối thứ bảy nào trong thời thơ ấu của tôi cũng có một chiếc xe jeep hiệu Willys chạy về làng tôi ở phía nam Kashmir. Nó sẽ chạy theo con đường trông như một dải ruy băng màu đen ngăn cánh đồng lúa bát ngát với cánh đồng mù tạt trong một thung lũng nhỏ được trấn giữ bởi dãy Himalaya linh thiêng. Những ngôi nhà hai, ba tầng bằng gạch và bùn có mái lợp tôn và rá hướng mặt ra đường. Hầu hết được xây bằng gạch trần và dù một số được sơn phết sáng sủa, bụi thời gian đã phủ một màu nâu sẫm lên những cánh cửa sổ và cửa đi làm bằng gỗ thô sơ. Cứ ba nhà thì có một nhà sửa gian tầng trệt thành cửa tiệm. Dân làng ngồi trên bục gỗ trước các cửa tiệm, nói chuyện chính trị và các trận cricket, vẫy tay mỗi khi có xe jeep chạy qua. Một người đàn ông không cao lắm khoảng ba mươi tuổi, hầu như lúc nào cũng mặc vét, thắt cà vạt cùng màu và mang giày hiệu Bata, sẽ giơ tay phải của ông ta lên chào. Ông có đôi mắt sâu màu nâu thẫm, chiếc mũi dọc dừa, hai má hồng đầy đặn và một cái bụng bắt đầu phệ. Chiếc

Willys sẽ từ từ dừng lại ở bãi đất của làng, cách không xa lắm biển chỉ đường màu xanh dương và xanh lá cây viết tên làng chúng tôi: SEER, cây số 0.

Cha sẽ bước ra khỏi chiếc xe jeep, đi ngang qua tiệm rau và tiệm thuốc tây để đến chỗ chúng tôi. Những người ở trước các cửa tiệm sẽ nói, “Ngài Sahib đã về.” Họ đứng dậy, đồng thanh chào rồi bắt tay chào mừng ông về nhà. Người đầu tiên cha bắt tay là Ngoại, người hẳn sẽ đỏ ửng mặt vì hạnh diện. Tôi sẽ chạy về phía cha và vợ lấy chồng sách báo và hồ sơ văn phòng ông đang mang. Ông sẽ ngồi xuống góc thường lệ của mình trong phòng khách, nhìn ra đường. Tôi sẽ chạy đến tiệm bánh mì gần hiệu thuốc tây để mua bánh mì mới ra lò. Mẹ sẽ mang ra một ấm samovar đang sôi đựng *noon chai*, một loại hồng trà mạn của Kashmir.

Cha kể cho tôi nghe những câu chuyện trong sách báo và khuyến khích tôi đọc các tạp chí tin tức, trả lời những câu hỏi của tôi trong lúc uống vài tách trà. Trong một lần như vậy, ông nói là ông muốn tôi tham gia vào bộ máy hành chính dân sự của Ấn Độ khi tôi lớn. Đó là một kỳ sát hạch chuyên nghiệp khó hơn kỳ thi vào hệ thống hành chính của tỉnh Kashmir, nghĩa là sẽ dẫn đến một vị trí cao hơn vị trí của cha tôi hiện tại. “Cha không có được nguồn lực và thời gian như con,” mẹ nói. Cha bắt đầu chuẩn bị cho tôi, đem về cho tôi những cuốn sách dành cho trẻ con, viết về chính trị, lịch sử và văn chương Anh, như cuốn *Các câu chuyện của Shakespeare* của hai chị em Charles và Mary Lamb hay cuốn *Một trăm cuộc đời vĩ đại*. Chúng tôi sẽ cùng đọc với nhau mỗi khi cha về nhà. Một trong những vị anh hùng của ông là Abraham Lincoln và ông kể rất nhiều về việc Lincoln đã đọc sách dưới ánh nến và bằng sự chăm chỉ cùng với tính trung thực, đã trở thành tổng thống của nước Mỹ như thế nào. Trong vòng vài năm, chúng tôi đã chuyển sang đọc *Othello*, *Hamlet* và *Người lái buôn thành Venice* vào những ngày chủ nhật. Mặc dù cuộc sống hoàn toàn yên bình, tôi đã bắt đầu có một cảm giác mơ hồ về nền chính trị hỗn loạn ở Kashmir. Năm 1986 Ấn Độ và Pakistan thi đấu với nhau trong trận chung kết của giải cricket tại Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất. Vào ngày diễn ra trận đấu, không khí trên chuyến xe buýt

tôi đi từ trường về nhà rất sôi động. Đàn ông, đàn bà, trẻ em – một số đứng ở lối đi, số khác ngồi trên ghế – tùm lại quanh mấy chiếc radio, rướn người lên lắng nghe từng lời bình luận. Đội Pakistan đang rượt đuổi tỉ số với đội Ấn Độ và số lượng banh họ được đánh đang giảm đi nhanh chóng. Tôi đứng trong cái góc đằng sau ghế tài xế và để ý bác tài đạp chân ga mạnh hơn và liên tục bỏ tay ra khỏi vô lăng để tăng nùm âm lượng chiếc đài bán dẫn trên bảng điều khiển xe. Mọi người đều muốn về nhà để kịp xem phiên cuối của trận đấu. Mỗi lần Javed Miandad, cầu thủ đánh banh của đội Pakistan, bỏ lỡ một trái, cả xe buýt bùng nổ trong những câu chửi rủa. Mỗi lần anh ta đánh trúng banh và ghi điểm, chúng tôi hét lớn phấn khích.

Chiếc xe buýt dừng lại ở một cái chợ bé xíu gần nhà tôi. Những đám đông phấn khích đang tụ tập ở hiệu thuốc và tiệm thịt. Trận đấu đang đến hồi kết thúc. Ông già hàng thịt Abu đang bặm môi. Tôi vọt thật nhanh về nhà để bỏ cặp. Trong phòng khách nhà tôi, ông, các dì và mẹ ngồi quây xung quanh cái radio. Trên chiếc chiếu cầu nguyện bà ngoại ngồi hướng về Mecca^[13], cầu viện một sự giúp đỡ siêu nhiên cho đội Pakistan. Tôi phóng ra ngoài và nghe bình luận viên nói, “Đội Pakistan cần ba đợt chạy trong một đường banh để thắng trận này. Chetah Sharma sẽ đánh banh cho Javed Miandad từ đầu bên kia sân.” Đám đông im bật, căng thẳng. Tay Abu rũ xuống hai bên người. “Không có cơ may nào. Không có một cơ may nào!” Ông chộp lấy cái radio của mình rồi đạp nó xuống đường. Chúng tôi nhìn những mảnh vỡ văng tung tóe, rồi tụ tập lại quanh cái radio của ông dượng sĩ. Chetah Sharma, người giao banh đội Ấn Độ sắp sửa giao trái banh quyết định của trận đấu cho Miandad, cầu thủ đánh banh đội Pakistan. Bình luận viên nói với chúng tôi là Miandad đang lướt nhìn quanh sân, cân nhắc xem sẽ đánh banh đi đâu khi nó bay đến chỗ anh. Rồi anh ta cúi đầu về hướng tây, hướng Mecca, cầu nguyện. Anh ngẩng đầu lên và đối mặt Sharma, người đang chạy về phía tam trụ môn^[14]. Sharma đến gần tam trụ môn và trước mặt anh là gương mặt căng thẳng của Miandad. Cả cầu trường im phăng phắc. Sharma ném trái banh. Đó là một cú ném hết tốc lực. Miandad vung gậy. Hầu như mọi người đều lùi lại một bước

và chờ đợi. Im lặng. Ông Amin kéo tay áo sơ mi lên tận khuỷu, ông Abu tiếp tục căn môi mình và tôi đấm nắm tay phải vào lòng bàn tay trái. Bình luận viên hét lên, “Sáu điểm rồi^[15]! Đội Pakistan đã giành chiến thắng. Họ đã ghi được hơn mức cần thiết ba điểm.” Người ta ôm nhau, nhảy vòng quanh, gào hét trong tiếng pháo nổ giòn giã.

Kashmir là tiểu vương quốc lớn nhất trong số khoảng năm trăm tiểu vương quốc^[16] thuộc chủ quyền của thực dân Anh cho đến năm 1947. Người đạo Hồi chiếm đa số nhưng Kashmir chịu sự cai trị của *maharaja*^[17] Hari Singh theo đạo Hindu, còn nhà lãnh đạo nổi tiếng Sheikh Mohammed Abdullah lại thích Ấn Độ hơn Pakistan và thích một Kashmir độc lập đối với cả hai nước kia hơn. Khi Ấn Độ bị chia cắt bạo liệt vào năm 1947, cả Singh và Sheikh Abdullah đều do dự trước việc quyết định số phận của Kashmir. Tuy nhiên vào tháng mười năm 1947, các thành viên bộ lạc ở biên giới tây bắc Pakistan, được sự hỗ trợ của quân đội Pakistan, đã chiếm được Kashmir, buộc họ phải chọn lựa. Singh quyết định theo Ấn Độ và Sheikh Abdullah, bạn của vị thủ tướng mới của Ấn Độ Nehru, đã ủng hộ ông. Tháng giêng năm 1949, cuộc chiến tạm dừng sau khi Liên Hiệp Quốc can thiệp. Liên Hiệp Quốc ủng hộ một cuộc trưng cầu dân ý cho người Kashmir để họ quyết định thuộc về nước nào và lập ra một đường ranh giới ngừng bắn. Ranh giới này vẫn chia Kashmir thành hai phần đất thuộc quyền kiểm soát của Pakistan và Ấn Độ và bây giờ được biết đến với cái tên Đường Kiểm Soát^[18].

Hiệp định sáp nhập mà ông hoàng Hari Singh đã ký với Ấn Độ vào tháng mười năm 1947 đem lại cho Kashmir một quyền tự trị mạnh mẽ. Ấn Độ chỉ kiểm soát việc quốc phòng, đối ngoại và hạ tầng viễn thông. Kashmir có hiến pháp và cờ riêng và người đứng đầu chính phủ địa phương được gọi là tổng thống và thủ tướng. Dần dần sự tự trị này biến mất. Năm 1953, Ấn Độ bỏ tù Sheikh Abdullah, thủ tướng của Kashmir lúc bấy giờ, sau khi ông này thi hành triệt để việc cải cách đất đai và có một bài diễn văn gợi ý đến khả năng một Kashmir độc lập. Trong suốt những thập kỷ sau đó, Ấn Độ thiết lập những nhà lãnh đạo bù nhìn để làm suy yếu tính hợp pháp của một Kashmir

tự trị, làm ngơ trước quyền lợi dân chủ của người dân Kashmir. Sheikh bị cầm tù trong khoảng mười bảy năm. Khi được thả, ông ký một thỏa ước với chính phủ Ấn Độ, theo đó từ bỏ yêu cầu trưng cầu dân ý mà Liên Hiệp Quốc đã đề nghị. Sheikh đã sống quãng đời còn lại của mình trong quyền lực và quãng thời gian đó (cũng là thời thơ ấu của tôi) tương đối yên bình. Năm 1987, năm năm sau cái chết của Sheikh, chính phủ Ấn Độ tổ chức những cuộc bầu cử tiểu bang gian lận, bắt bớ những ứng cử viên đối lập và khủng bố những người chống đối.

Mùa hè năm 1988, một năm sau những cuộc bầu cử lộn xộn – khi tôi mười một tuổi – cha gửi tôi vào một trường nội trú do nhà nước trợ cấp ở Aishmuqam, một thị trấn nhỏ cách làng tôi năm dặm. Tôi chơi thể thao rất tệ nên dùng những khoảng thời gian yên lành ở trong thư viện để đọc Stevenson, Dickens, Kipling và Defoe. Tôi gặp cha ngày càng ít khi ông chuyển sang Srinaga, thủ đô của Kashmir. Nhưng khi ở nhà cùng nhau, chúng tôi lại ngồi vào chỗ thường lệ của mình và cha lại dạy tôi về thơ ca. Cha sẽ đọc một vài trích đoạn trong một bài thơ rồi nói, “Nếu con giải thích được ý nghĩa thì con sẽ được hai rupee.” Đó là một số tiền khá nặng túi và tôi đã hết sức cố gắng.

Vào tháng mười hai năm 1989 tôi trở về nhà trong kỳ nghỉ đông, hy vọng được ở bên cha trong mùa đông ở Srinaga. Một tuần sau, một nhóm thanh niên Kashmir có vũ trang, cầm đầu bởi chàng trai hai mươi một tuổi Yasin Malik, bắt cóc con gái của vị bộ trưởng Bộ Nội vụ liên bang Ấn Độ. Malik và các đồng chí của mình đòi thả những người bạn đang bị cầm tù của họ. Sau nhiều lần thương lượng, chính phủ Ấn Độ đã bằng lòng. Dân chúng hò reo cổ vũ cho những chàng du kích trẻ.

Yasin Malik, người cầm đầu nghĩa quân của Mặt trận Giải phóng Jammu và Kashmir, là một trong những người bỏ phiếu bị bắt và tra tấn sau cuộc bầu cử lộn xộn năm 1987. Sự chống đối nền cai trị của Ấn Độ và cách họ đối đãi với người dân Kashmir bùng nổ như một ngọn núi lửa. Những du kích trẻ tuổi, dẫn đầu bởi Malik và bạn bè của anh, thách thức Ấn Độ và được xem

như những người anh hùng – hầu hết họ được huấn luyện ở các trại của Pakistan trong thời kỳ đầu năm 1988 và cuối năm 1989 và cũng chính họ lại bí mật huấn luyện thêm nhiều quân ngay trong lòng Kashmir. Trong vòng hai tháng tiếp theo, chính phủ Ấn Độ đáp trả không thương xót. Hàng trăm người bị giết và bị bắt sau khi những toán lính Ấn Độ xả súng vào những người biểu tình Kashmir ủng hộ độc lập. Đó là tháng giêng năm 1990. Khi đó tôi mười ba tuổi.

Cuộc chiến tranh thời niên thiếu của tôi đã bắt đầu. Lúc này tôi không thể nhớ những sự kiện khởi đầu. Tôi không thể nhớ ai đã kể cho tôi nghe về chữ *aazadi*, tức tự do, ai đã kể cho tôi nghe về nghĩa quân, ai đã bảo tôi rằng chiến tranh đã bắt đầu. Tôi không thể nhớ chính xác ngày tháng, tên người, nơi chốn, những hình ảnh loan báo về cuộc chiến – một cuộc chiến vẫn đang tiếp diễn. Dần dần tôi nhìn trở lại và cố bóc tách mình khỏi ký ức về cái giây phút đã làm thay đổi con người tôi đã và sẽ là. Đêm 20 tháng giêng năm 1990 là một đêm dài buồn thảm. Trước bữa tối, gia đình tôi tụ họp lại quanh chiếc radio như thường lệ để nghe tin tức từ đài BBC Thế giới. Hai ngày trước, Jagmohan, một quan chức người Ấn có tiếng ghét dân Hồi giáo, đã được chỉ định làm thống đốc bang Jammu và Kashmir. Ông ta đã ra lệnh nghiền nát mầm mống nổi loạn. Suốt đêm 19 tháng giêng, lính bán quân đội Ấn Độ đã đập tung những cánh cửa ở Srinagar và lôi cổ các thanh niên ra ngoài. Đến sáng mấy trăm người đã bị bắt, lệnh giới nghiêm được thực thi. Hàng vạn dân Kashmir tuôn ra đường hô to những khẩu hiệu đòi độc lập khỏi Ấn Độ.

Một cuộc biểu tình bắt đầu ở khu vực phía nam Srinagar nơi cha mẹ tôi đang sống, đi qua Lal Chowk, trung tâm thành phố và qua Maisuma, một quận lân cận, rồi hướng về đền thờ thánh Sufi ở trước đó vài dặm. Khi những người biểu tình băng qua cây cầu gỗ Gawkadal xiêu vẹo của quận Maisuma thì lực lượng bán quân đội Ấn Độ, tức Lực lượng cảnh sát Dự bị Trung tâm, xả súng. Hơn năm mươi người đã bị giết. Đó là cuộc thảm sát đầu tiên ở thung lũng Kashmir. Khi tin tức lan truyền, tất cả chúng tôi đều nức nở. Vụ thảm sát xảy ra cách văn phòng cha tôi vài trăm mét. Mẹ tôi chắc chắn ông sẽ

được an toàn. “Cha con sẽ không đi làm vào một ngày căng thẳng như thế. Ông ấy sẽ ổn thôi mà,” bà nói. “Và nó sẽ không bao giờ đến gần một đám diễu hành,” Ngoại nói thêm. Nhưng không có cách nào giúp chúng tôi nhận được một sự đảm bảo từ phía cha bằng việc được nghe giọng nói của ông trong vài phút: trong làng tôi không có một chiếc điện thoại nào. Ngoại bước ra ra sân, những người hàng xóm của chúng tôi cũng đi ra ngoài. Chúng tôi nhìn nhau. Không ai nói gì nhiều. Khuya hôm đó, nằm trên giường tôi hình dung về cuộc thảm sát ở Srinagar.

Các buổi sáng ở Srinagar rộn ràng mọi hoạt động. Tôi thức dậy sau tiếng khua khoảng của vật dụng nhà bếp, tiếng mấy con gà chạy vòng quanh sân sau khi được Ngoại thả ra khỏi chuồng, tiếng mấy người hàng xóm lùa đàn gia súc của họ ra đồng cỏ trên sườn núi, tiếng trò chuyện và bước chân rộn ràng của những người đàn bà đi trên đường từ rừng trở về làng, khiêng những bó thông và vân sam về làm gỗ, tiếng còi liên hồi của chiếc xe buýt đầu tiên rời khỏi làng giục giã hành khách, giọng của phát thanh viên phát ra đều đều từ chiếc radio màu đen hiệu Phillip đặt trên thành cửa sổ bếp nhà tôi.

Buổi sáng hôm ấy, làng xóm yên tĩnh một cách bất thường. Ông thợ làm bánh Hasan cạnh nhà tôi thường tếu táo đùa trong khi chúng tôi chờ ông ấy nướng bánh *iawasa* nóng hổi, lần này ủ rũ và hậm hực trong khi đập những khoanh bột nhồi. Ông nhìn trừng trừng ngọn lửa đang hé ra ngoài lò nướng, quay lại tôi và nói, “Bọn sát nhân đó sẽ bị thiêu cháy trong ngọn lửa chói chang hơn cả ngọn lửa này. Tối hôm qua bác đã khóc khi nghe tin đó từ radio.”

Các cửa tiệm không mở cửa và những chiếc xe buýt không rời khỏi làng. Không có cách nào để liên lạc với cha. Như hầu hết dân Kashmir, chúng tôi và bạn bè phụ thuộc vào cái điện thoại công cộng ở bưu điện quận trong thị trấn Anantnag gần bên. Nhưng bưu điện bị đóng cửa vì cuộc nổi loạn. Dân làng đứng xung quanh đó kể đi kể lại việc họ đã nghe tin trên radio thế nào. Tôi cảm thấy một nỗi giận dữ lan tỏa khắp người. Một chàng trai trẻ hô khẩu hiệu: *Hum Kya Chahte? Aazadi!* (Chúng tôi muốn gì ư? Tự do!) Anh lặp lại

và chúng tôi nhắc lại theo anh: *Chúng tôi muốn gì ư? Tự do!*

Cuộc biểu tình dần dần có đà. Những giọng nói ban đầu còn yếu và do dự đã trở nên mạnh mẽ và vững vàng. Đám đông bắt đầu một cuộc tuần hành dài, chậm rãi nhưng đầy nhiệt huyết theo con đường chính của làng. Những người phụ nữ trẻ, già xuất hiện bên các ô cửa sổ. Những khẩu hiệu mới được ứng tác và dùng ngay. Một thanh niên giơ tay về nhóm phụ nữ đang ở vò nước công cộng quan sát đám rước, hét lên: “Những bà mẹ của chúng ta đòi gì?” Đám đông đáp: *Aazadi!* Anh ta lặp lại: “Những người chị của chúng ta đòi gì?” Đám đông đáp: *Aazadi!* Thấy nóng người, tôi bước lên phía trước, chỗ đám bạn của mình để nhập vào nhóm dẫn đầu cuộc tuần hành. Có một ông đang cõng đứa con trai nhỏ của ông ta trên vai thét to: “Con cái của chúng ta đòi gì?” *Aazadi!*

Đến tháng Hai năm 1990 Kashmir đã mờ mịt trong đỉnh điểm cuộc nổi dậy chống lại Ấn Độ. Tối nào chúng tôi cũng nghe tin tức về những cuộc biểu tình và số người chết ngày một nhiều hơn trên đài BBC Thế giới. Biểu tình theo sau giết chóc và giết chóc theo sau biểu tình. Tin tức từ Srinagar cho hay hàng trăm ngàn người dân đã tuần hành để cầu nguyện cho nền độc lập ở đền thờ thánh bảo hộ Nooruddin Rishi của Kashmir trong một thị trấn cách Srinagar khoảng một giờ đồng hồ. Trên khắp vùng Kashmir, những cuộc tuần hành tương tự đến các đền thờ thánh Sufi nổ ra. Một ngày nọ, tôi tham gia vào một đoàn tuần hành đến ngôi đền của vị thánh Sufi, Zain Shah Sahib, rất được tôn sùng tại vùng Aishmuqam gần trường tôi. Vài thanh niên dẫn đầu đoàn chúng tôi khoác những tấm vải liệm trắng. Họ như bị thôi miên, xoay mòng mòng như những giáo sĩ, hát những bài hát yêu chuộng độc lập. Tôi đi phía sau, lặp lại lời họ trong nỗi băn khoăn tận cùng. Đàn ông, đàn bà và trẻ em đứng trên lề đường mời chúng tôi thức ăn, nước giải khát, ném những cánh hoa và cả bánh *shireen* – những viên tròn màu trắng làm bằng gạo và đường nấu – lên người chúng tôi, một kiểu hành lễ chỉ diễn ra trong đền thờ và các đám cưới.

Bản thân đám đông đó là một mớ hỗn tạp đủ loại người. Những tay thầ

khoán đem theo ulyt-ki trong can xăng, ông luật sư nghiêm nghị chờ những người đi đường chào hỏi mình, ông thợ may luôn mua vui cho đám thanh niên rồi việc trong tiệm của mình bằng những mẩu chuyện phóng đại trong lúc đập máy may, ông được sĩ lúc nào cũng ngủ gật sau quầy tính tiền, ông già ranh ma hay khoác lác về mối quen biết với các nghị sĩ ở Delhi, anh chàng tân cử nhân thất nghiệp tự bổ nhiệm mình làm bình luận viên tiếng Anh cho các trận đấu cricket của đội làng, người phục hưng tôn giáo dòng Salaf bán giày nhựa và ông đan giỏ Cộng sản có bộ ria kiểu Stalin cùng sánh bước với nhau, tiếng hô của họ hòa vào tiếng hô kêu gọi tự do vang rền. Giữa những cái đụng chạm thân thể, cái bắt tay, các ánh mắt giao nhau trong sự quả quyết và xác tín, sự giao hòa của hàng ngàn giọng nói, tôi đã không còn là một cậu bé mọt sách nhút nhát, khúm núm trước niềm kỳ vọng của gia đình. Tôi không còn sợ bị la mắng nữa. Tôi cảm thấy mình là một phần của một điều gì đó lớn hơn thế rất nhiều. Tôi để cho mình bay cùng đám đông. *Aazadi!* Suốt mùa đông đó, hầu hết những người Kashmir đều là những chàng Farhad, sẵn sàng đèo núi vì nàng Shirin của mình: nàng tự do!

Biểu ngữ “*Chiến đấu đến khi chiến thắng*” được giăng khắp nơi ở Kashmir, được viết song song với một câu khẩu hiệu khác: *tự quyết là quyền từ khi sinh ra của chúng ta!* Dường như chính phủ Ấn Độ đã triển khai hàng trăm ngàn lính để đè bẹp cuộc nổi dậy. Gần như mỗi ngày, binh lính tuần tra làng chúng tôi theo lối vừa hung hăng vừa lo lắng, những ngón tay chúng đặt sát cò của các khẩu súng máy tự động và bán tự động. Các doanh trại quân đội và bán quân đội mọc lên ở hầu hết làng xóm và thị trấn.

Việc cha về thăm nhà vào những ngày cuối tuần ngày càng trở nên khó khăn hơn. Ông đã thôi đi lại bằng xe công vì nó làm ông bị chú ý. Chuyến đi từ văn phòng cha ở Srinagar về làng tôi, từng là một chuyến đi hai giờ thú vị, đã trở thành một việc nguy hiểm đến tính mạng. Hầu như lần nào về nhà ông cũng mất khoảng năm tiếng đồng hồ. Nếu vào một ngày may mắn thì chuyến xe buýt của ông chỉ bị chặn lại mười lăm phút một lần và ở mỗi trạm kiểm soát quân đội, ông và những hành khách khác sẽ bị xếp hàng một, cầm chứng

minh thư và bất cứ cái gì khác mà họ mang theo. Sau khi bị lục soát cả người, cha sẽ cuốc bộ tiếp nửa dặm và lại nối đuôi xếp hàng chờ xe buýt đến. Có những ngày, ông đã thoát chết trong gang tấc.

Cha làm việc trong một khu văn phòng phức hợp thời thuộc địa to như lâu đài cách Lal Chowk, trung tâm thành phố và Maisuma, khu vực gần kề và quê của nhà lãnh đạo phe JKLF^[19] Yasin Malik vài phút đi xe. Những trận đấu súng giữa quân du kích JKLF và binh lính Ấn Độ và những trái lựu đạn nổ gần các boongke và toán tuần tra của quân dự bị, xảy ra như cơm bữa bên cạnh văn phòng của cha.

Một buổi trưa ông bước ra khỏi khu văn phòng cùng vài đồng nghiệp, một nhóm công chức trung niên bận vét và cà vạt, tay ôm những tập hồ sơ văn phòng. Họ băng qua một đồn kiểm soát quân sự trước cửa văn phòng và bắt đầu đi về hướng Lal Chowk để đón xe buýt về nhà. Đột nhiên, những người trông cửa hàng hai bên đường nhảy ra khỏi quầy, kéo cửa sập xuống và bắt đầu chạy. Những tràng súng nổ dồn dập vang lên trong những ngõ hẻm đằng sau văn phòng, những tiếng nổ lớn vọng đến từ phía Lal Chowk. Khi chiếc xe buýt chở hành khách cháy ngùn ngụt lao trên đường, cha và các đồng nghiệp đang tùm tùm sau những chiếc cột khổng lồ bằng gạch đá của cổng văn phòng, chờ dứt tiếng súng.

Một tiếng quát lạnh lùng từ ngoài đường làm họ giật bắn người. “Giơ tay lên!” Một nhóm lính bán quân đội Ấn Độ giận dữ đứng bên kia con đường hẹp, chĩa súng vào nhóm của cha. Một số cảnh sát đứng gác khu văn phòng xông đến và gào lên với bọn lính, “Đừng bắn! Họ là nhân viên văn phòng chính phủ! Họ làm việc ở đây!”

Một tuần sau, cha và một người bạn đang đi bộ về hướng Lal Chowk sau giờ làm việc thì một trái lựu đạn nổ bên kia đường. Họ muốn chạy nhanh về lại văn phòng nhưng tiếng súng đạn rần rờ có vẻ như vang lên từ mọi phía. Cha và bạn ông chạy về phía quầy bán nước trên vỉa hè. Người bạn của ông trượt chân và mắc vào miệng cống, cha lôi ông ta lên và họ núp trong tiệm nước, dưới mấy cái bàn gỗ. Họ nằm trên nền đất bùn lầy, bụi bặm một lúc

lâu.

Mùa đông đó cũng là lúc tôi bắt đầu học chính trị. Ban đầu là những cụm từ viết tắt: JKLF (Mặt trận Giải phóng Jammu và Kashmir), JKSLF (Mặt trận Sinh viên Giải phóng Jammu và Kashmir), BSF (Lực lượng Bảo an Biên giới), CRPF (Lực lượng Cảnh sát Dự bị Trung tâm). Tôi đã học những cụm từ mới: lục soát, đàn áp, boongke, tìm kiếm, chứng minh thư, bắt bớ và tra tấn. Cũng trong mùa đông đó, những chuyến xe buýt đông nghẹt thanh niên Kashmir chạy về các thị trấn biên giới rồi băng qua phía Pakistan và khu vực Kashmir thuộc quyền Pakistan để đưa họ tham gia những cuộc huấn luyện vũ trang. Trở về, họ là những chiến sĩ mang theo những khẩu Kalashnikov, lựu đạn, súng máy hạng nhẹ và súng bắn hỏa tiễn do phía Pakistan cung cấp.

Đám bạn bè tôi bàn tán về cuốn tiểu thuyết *Pahadoon Ka Beta*, kể về một thiếu niên Afghanistan chiến đấu chống lại quân Nga. Tôi muốn đọc nó và đã cùng với một đứa em họ tìm được một bản copy vào cuối kỳ nghỉ đông. Đó là một cuốn sách mỏng bìa mềm, tẩm bìa xanh in hình một cậu bé cầm súng. Nội dung giống như một truyện kinh dị của Frederick Forsyth^[20]. Ali, nhân vật chính trẻ măng trong đó, vừa là James Bond vừa là Rambo. Có vẻ cậu ta đã phá hủy hàng trăm chiếc xe tăng của Nga, thực hiện các phi vụ gián điệp trong lòng nước Nga và thậm chí đã giải cứu cha cậu khỏi một nhà tù của Nga. Danh tiếng và sức hút của cậu có vẻ nằm trong sự lãng mạn hóa người lính vào thời điểm hầu hết những người trẻ tuổi ở Kashmir đều muốn trở thành lính du kích hoặc quen biết một người như vậy.

Và có một bộ phim ai cũng muốn xem: *Sur tur sa maaq* của nhà làm phim người Mỹ gốc Ả Rập Mustafa Akkad. Cha đã mua một cái tivi đen trắng nhưng chúng tôi không có đầu video. Một người hàng xóm của tôi có và con trai ông hứa sẽ cho tôi xem phim *Sur tur sa maaq* nếu tôi có thể tìm được một bản chép của bộ phim. Tôi đã không thể tìm được. Nhưng có một ngày tôi nghe mấy người đàn ông ngồi trước cửa tiệm gần nhà tôi nói về nó. Rashid, ông tài xế xe buýt thường chở khách đi từ Anantnag đến Srinagar, nói đã được xem *Sur tur sa maaq* nhiều năm trước.

Ông ấy đã xem nó ở rạp Regal Talkies ở Lal Chowk. Ông thuật lại câu chuyện về Omar Mukhtar, người lãnh tụ già của một bộ tộc Libăng đã chiến đấu chống lại sự chiếm đóng của quân đội Ý của Mussolini cho đến khi bị bắt và bị treo cổ. “Ông cao to, đẹp trai và có bộ râu quai nón trắng như cước,” ông Rashid tả về Mukhtar, do Anthony Quinn đóng. “Sau khi quân Ý bắt được ông, tên chỉ huy người Ý yêu cầu ông thu xếp cho lính mình đầu hàng. Omar Mukhtar tuy già và bị xích nhưng nói với tên tướng Ý rằng họ sẽ không bao giờ đầu hàng, rằng người Ý không có quyền sang Libăng và không đất nước nào có quyền chiếm đóng một đất nước khác. Quân Ý đã treo cổ ông.”

Những cuộc trò chuyện huyền ảo trước cửa tiệm sẽ dừng lại đột ngột mỗi khi chúng tôi thấy một toán lính hay một đoàn xe tải và xe bọc thép đi qua. Dường như chính phủ Ấn Độ đã triển khai hàng trăm ngàn lính để nghiền nát cuộc nổi loạn. Từ sáng đến tối lính tuần tra khắp con đường làng chúng tôi. Chúng tôi đi thành những hàng dài suốt hai bên đường trong quân phục và giáp chống đạn, ngón tay thì sát cò súng. Một số tên vác những ống súng to dùng để bắn đạn cối. Mỗi lần chúng tôi thấy một tên lính vác súng cối, sẽ có ai đó kể chuyện quân lính dùng súng cối đốt nhà sau khi chúng bị nghĩa quân tấn công như thế nào. Ông Rashid còn kể chuyện một thị trấn tên là Handwara, gần biên giới, đã bị đốt bởi quân đội Ấn Độ. “Chúng nó ném thuốc súng lên những ngôi nhà rồi nã đạn cối vào, cả một thị trấn bị đốt trụi trong vòng một giờ.”

Nhiều doanh trại quân quân đội và bán quân đội mọc lên gần như trong khắp các làng xóm và thị trấn. Gần làng tôi cũng có một trại: những bao cát chèn cửa sổ và cửa đi, những cuộn dây thép gai rào quanh ranh giới của trại, những chai rượu cạn treo lủng lẳng trên hàng rào thép gai và những tên lính mặt đờ đờ sát khí đứng trong các boongke cát dọc theo hàng rào ôm chặt mấy khẩu súng máy của chúng. Mọi người đi bộ và xe hơi phải dừng cách doanh trại một trăm mét, dân chúng phải giơ tay lên và nối đuôi nhau đi đến một boongke để bọn lính rà soát người họ và kiểm tra chứng minh thư. Không một nông dân, chủ tiệm, hay thợ thủ công nào có giấy tờ chính thức

ngoại trừ có thể có một thẻ khẩu phần thực phẩm có đề địa chỉ và tên các thành viên gia đình. Chỉ vài người như cha hay ông ngoại tôi, những người làm việc cho chính phủ địa phương, là có chứng minh thư của tiểu bang.

Trường tôi đã đóng cửa nghỉ đông cho đến tháng ba. Tôi mua một cái chứng minh thư ở tiệm văn hóa phẩm trong vùng. Ông chủ tiệm đã mua một đồng thẻ từ gỗ lái thương trong thị trấn Anantnag lân cận. Gỗ khoác lác rằng các chứng minh thư gỗ bán là hiệu quả nhất đối với bọn lính. Người ta nói chứng minh thư của Ấn Độ có hình quốc huy Ấn Độ: một cái trụ với bốn con sư tử ở bốn bên, một bánh xe và một cặp bò đực dưới bệ của nó. Tôi đem chứng minh thư của mình cho tòa án địa phương ký và đóng dấu và sẽ lập tức lòi nó ra khi nào tôi bị bọn lính chặn lại trên đường hoặc khi đi bộ qua một trong vô số trạm kiểm soát của chúng. Nó đã trở thành một phần của tôi.

Trong đền thờ của chúng tôi, sau những lần cầu nguyện và trước khi hát bài *darood* – một lời khấn ca ngợi nhà tiên tri Muhammad – dân chúng tự ý phát biểu và hô to những câu khẩu hiệu *aazadi*. Riêng tôi cầu xin Thượng Đế ban sự tự do cho chúng tôi vào năm tới. Nhưng đồng thời cũng có những giây phút bông lông: một ngày nọ một thanh niên làng chúng tôi làm việc ở Srinagar có một bài phát biểu tại đền thờ. Anh ta giành lấy micro rồi hét lên bằng tiếng Ả Rập, “*Kabiran kabira!*” Câu khẩu hiệu có nghĩa là “Ai là người vĩ đại nhất?” Nhưng không ai hiểu gì cả. Không ai trong số chúng tôi nói tiếng Ả Rập. Anh ta hét lên lại và một lần nữa chỉ có sự im lặng – rồi mấy thằng choai choai ngồi hàng cuối, cái đám ngồi ghế hạng chót của lòng tin, bắt đầu phá lên cười. Ngượng ngùng, anh thanh niên giải thích lẽ ra chúng tôi phải hô to, “*Allah o Akbar!* (Thượng Đế vĩ đại nhất) để đáp lại câu khẩu hiệu. Rồi anh lại hét lớn, “*Kabiran kabira!*” Anh đã được đáp lễ bằng một câu do dự, sượng sùng “*Allah o Akbar.*” Trong khoảng một năm sau đó, chúng tôi cứ trêu anh mãi.

Những khúc ca cho Tự do



Mùa đông năm 1989-90 là mùa đông dài và nhiều sự kiện nhất ở Kashmir, có ảnh hưởng đến tận bây giờ. Tháng giêng và tháng hai năm 1990 đã làm thay đổi sâu sắc Kashmir. Ngày đầu tiên đến trường, tôi bị choáng bởi số ghế trống. Năm bạn học người Kashmir gốc Hindu và đám Pandit,^[21] đã vắng mặt. Tôi chết lặng. “Tụi nó đã bỏ đi rồi,” đứa nào đó nói. Lời nói đó nổ tung như một chất phóng xạ, làm sáng lòa những bức tường vôi trắng của lớp học, chiếc bảng trống trơn và mấy mặt bàn bằng gỗ đánh véc-ni, chỗ mấy đĩa vắng mặt và những đĩa có mặt đã khắc tên viết tắt của chúng thành hình những con số gợi mở, điệu đà. Mắt chúng tôi dán chặt vào những cái ghế trống suốt một lúc lâu.

Song song với việc tiêu diệt hàng trăm người Hồi giáo ủng hộ Ấn Độ, từ những nhà hoạt động chính trị đến những tên mật thám của tình báo Ấn Độ, quân kháng chiến đã giết hại hàng trăm người Pandit vì những cái cơ tương tự hay chẳng vì một lý do nào cả. Cuộc bắt giết đã làm những người Pandit hoảng sợ và hàng ngàn người, kể cả những bạn bè cùng lớp của tôi và gia đình bọn nó, đã rời bỏ thung lũng từ trước tháng ba năm 1990 để đến Jammu, Delhi và nhiều thành phố, thị trấn khác ở Ấn Độ.

Chiến tranh là đề tài của mọi cuộc chuyện trò. Trong những giờ ăn trưa, tôi và đám bạn kể cho nhau nghe những câu chuyện về chiến sự. Chúng tôi bắt đầu vẽ bản đồ của Kashmir lên tập vở mình và sơn lên tường của trường những dòng khẩu hiệu như *Chiến đấu đến khi thắng* và *Tự quyết là quyền từ*

khi sinh ra của chúng ta. Asif, thằng con trai cùng lớp tôi có đôi mắt to đen, mái tóc quăn bất cần đời rất được đám con gái ái mộ, kể chuyện nó đã từng thấy một người theo quân khởi nghĩa. “Tao đã thấy một anh đi gần trạm xe buýt. Anh ấy mặc quân phục màu xanh lá cây và đeo một cái bảng tên ghi: JKLF! Và anh ấy mang một đôi giày thể thao xanh dương đẹp lắm.” “Giày Force 10 hả?” Tôi hỏi Asif. Force 10 là hiệu giày chạy bộ nổi tiếng của một công ty Ấn Độ. “Không! Không! Hiệu Warrior! Warrior là hiệu Trung Quốc! Nó tốt hơn Force 10 rất nhiều.” Asif bắt đầu mỉm cười và kể với tôi là kiểu tóc của quân du kích giống như tóc nó vậy: những mớ tóc dài và quăn. Tôi thầm hy vọng, ít nhất có một người chỉ huy quân du kích có mái tóc thẳng, ngắn, lia xĩa và bóng dợn giống tóc tôi.

Chuyện hấp dẫn nhất là về khẩu súng trường kỳ diệu Kalashnikov. Được chế tạo tại Nga, một món quà của Pakistan, nó được biết đến như có phép thuật nhiệm màu hơn cả cây đèn thần của Aladdin. Tôi nhớ lần đứng ngoài phòng ăn sau bữa trưa và tham gia vào một cuộc tranh cãi nhỏ về khẩu Kalashnikov. “Nó nhỏ như một bàn tay và bắn được hai trăm viên đạn,” Shabnam anh họ tôi, lớn hơn chúng tôi một tuổi, nói. “Không phải! Nó dài như cây gậy cricket và bắn được năm mươi viên một phút,” Pervez bạn cùng phòng với tôi, cái thẳng mà làng của nó là thành trì chính của quân JKLF, cãi lại. “Anh tao sờ vào một cây Kalashnikov rồi, anh ấy nói nó rất nhẹ. Đúng, nó dài như cây gậy cricket vậy. Anh nói với mẹ tao là anh muốn trở thành nghĩa quân. Mẹ tao khóc, còn cha tao tát anh ấy,” thằng Showket nhỏ hơn chúng tôi vài tuổi nói.

Pervez kể với tôi là nhiều nghĩa quân trong làng nó mặc những bộ quân phục xanh lá cây rất đẹp. Một buổi trưa chúng tôi đang ở trong sân đá banh thì một chiến sĩ đi ngang qua. Ngay cả ông thầy kênh kiệu chuyên trông chừng các trò chơi của chúng tôi cũng đi lại, cười và bắt tay anh ấy. Được khuyến khích, chúng tôi bu lại xung quanh anh. “Cho tụi em xem súng của anh được không?” thằng Pervez hỏi. Nó là tiền đạo trung tâm, mặt mày rạng rỡ trong bộ đồ thể dục màu xanh lam. Anh cởi chiếc áo *pheran* thùng thình,

một tấm vải bằng len tựa như áo khoác, rồi cho chúng tôi xem súng của mình. “Bọn anh gọi nó là Kalashnikov, còn bọn Ấn Độ gọi nó là AK-47,” người nghĩa quân nói. Chúng tôi sướng tê người và đồng loạt vỗ tay thích thú. Từ đó trở đi tất cả bọn tôi đều đeo gậy cricket bên trong tấm *pheran* của mình, một kiểu bắt chước, một sự chuẩn bị.

Sáng hôm sau trước buổi tập trung dưới cờ, mấy anh lớp trên dặn chúng tôi không hát quốc ca Ấn Độ: “Chúng ta là người Kashmir và bây giờ chúng ta đang chiến đấu giành độc lập. Chúng ta không thể tiếp tục hát những bài hát Ấn Độ, cho dù thầy hiệu trưởng muốn chúng ta làm vậy.” Trong buổi tập trung, đám học sinh không chịu hát quốc ca Ấn Độ. Những thầy cô giáo, vốn bình thường sẽ cho chúng tôi ăn đòn vì không vâng lời, lại giữ im lặng. Không ai đe dọa đuổi học chúng tôi. Họ hiểu rằng thế giới của chúng tôi đã thay đổi và các quy tắc cai quản nó cũng vậy. Ông hiệu trưởng của trường, một vị lùn, hói đầu, người vùng Rajasthan, từng đề xuất với mọi người liệu pháp cười lại không hề cười chút nào. “Nếu các em không muốn hát, chúng tôi không thể ép buộc các em được. Việc hát một bài hát sẽ không có ý nghĩa gì nếu các em không tin vào ca từ của nó,” ông nói nghiêm nghị.

Bên ngoài thế giới bé nhỏ của chúng tôi, có biết bao trận bắn nhau vô hạn định giữa binh lính Ấn và quân khởi nghĩa, biết bao lựu đạn được ném ra và biết bao bãi mìn đã nổ – chết chóc, sợ hãi và sự giận dữ bao trùm Kashmir. Cho đến mùa hè năm 1990, hàng ngàn thanh niên Kashmir đã băng qua Đường Kiểm Soát để được huấn luyện võ trang ở bên phần đất Kashmir thuộc quyền kiểm soát của Pakistan. Khi là nghĩa quân trở về, họ thành những anh hùng – dân chúng muốn được nói chuyện với họ, chạm vào họ, nghe chuyện của họ và mời họ ăn tiệc. Một số lượng nhiều hơn được huấn luyện tại những vườn cây và đồng cỏ địa phương, vì vậy họ có biệt danh là *dâu tây*, hoặc *mục đồng*. Giống như hầu hết bọn con trai, tôi cũng muốn đến với họ. Chúng tôi thèm khát được chiến đấu và hy sinh cho nền độc lập như thèm khát nụ hôn đầu đời trên đôi môi tuổi mới lớn.

Vào mùa thu năm 1991, khi mười bốn tuổi, tôi cùng với bốn thằng bạn đi

bộ từ ký túc xá đến một ngôi làng gần bên để tìm các du kích quân. Chúng tôi thấy một nhóm người trẻ tuổi mặc đồ dã chiến, khoác trên vai súng có lưỡi lê, đi đến từ bên kia đường. Họ cao lớn và trông như những người đàn ông phong độ nhất. Chúng tôi sững sờ nhìn họ. Cái phù hiệu trắng trên đồng phục lính màu xanh lá của họ ghi: JKLF. Đứng trong bộ đồng phục trường màu trắng và xám, tôi buột miệng, “Tụi em muốn đi theo mấy anh.” Người chỉ huy, một thanh niên dong dỏng cao, râu ria lởm chớm, bật cười. “Về nhà và lớn lên đi đã, mấy cậu nhóc!” Tôi tức lắm. “Nếu anh không muốn đem tụi em theo, thì tụi em sẽ theo HM.” Hizbul Mujahideen là một nhóm nghĩa quân mới thành lập, một đối thủ về ý thức hệ với nhóm JKLF bởi họ ủng hộ sự sáp nhập của Kashmir vào Pakistan. Những du kích quân phá lên cười. Chúng tôi tiếp tục năn nỉ cho đến khi họ bỏ đi.

Chúng tôi rầu rĩ quay về ký túc xá để bàn bạc về một cách gia nhập dễ hơn. Chúng tôi có thể nói chuyện với nhóm Mặt trận Sinh viên Giải phóng (SLF), một phe cánh sinh viên của nhóm JKLF. Một số du kích quân của nhóm JKLF và SLF đã bắt đầu đến ở trong ký túc xá của chúng tôi. Họ sẽ cùng chúng tôi chơi một trận bóng chuyền, bỏ súng bừa bãi trên thảm cỏ cạnh sân bóng. Hoặc họ sẽ ngồi trong hiên ký túc lau chùi những khẩu Kalashnikov trong khi tôi bỏ đi để vào lớp. Một nhóm nhỏ những người hiếu kỳ sẽ từ từ đông dần lên xung quanh họ. Một anh trong số họ, chắc chưa tròn mười tám tuổi, đã cho tôi cầm một khẩu Kalashnikov. Tôi cảm nhận được cái nòng thép lạnh lẽo, rà mấy ngón tay của tôi theo ổ đạn hình trái chuối, rồi làm dáng với cái báng nhôm ghì chặt vào vai phải của mình. Một cảm giác tuyệt trần! Nhưng sau đó một phút anh ấy lấy lại nó và bảo tôi đi chỗ khác chơi.

Một trong những người chỉ huy là người cùng làng với tôi. Ông cao khoảng một mét tám mươi ba, vai rộng và tóc quăn. Người đàn ông vui tính này có ba đứa con gái và từng là thợ ống nước trong các khách sạn của một khu resort tên là Pahalgam. Dân làng gọi ông là Tonga vì nhìn ông cao như một cỗ xe ngựa kéo. Ông hay cợt đùa dễ thương và những câu chuyện về các cuộc phiêu lưu của ông thường được kể lại trước mấy cửa tiệm trong làng.

Trong mùa du lịch ở Pahalgam, ông nhiều việc kinh khủng. Ông sẽ nhón nơ với mấy ống dẫn nước rồi lắp vài cái máng chặn để ngăn nước chảy vào phòng khách sạn. Những ông chủ khách sạn đang tuyệt vọng sẽ phải trả cho ông ấy một khoản tiền xứng đáng để sửa chúng. Nhưng sau mùa đông năm 1990 khách du lịch không còn đến Kashmir nữa, các khách sạn đóng cửa và ông Tonga gia nhập JKLF. Lần nào gặp tôi, ông cũng hỏi thăm gia đình tôi và dặn tôi chăm chỉ học hành. “Chú sẽ hỏi các thầy cô của con xem con học hành ra sao.” Và “Cho chú gởi lời thăm ngài Sahib và ông hiệu trưởng nhé.”

Nhưng tôi và đám bạn bè mình vẫn còn đang mơ đến việc làm thế nào để được huấn luyện võ trang. Cứ cách một ngày lại có những nhóm thiếu niên đi sang những trại huấn luyện ở Pakistan. Chúng tôi cần một ít tiền để mua vé xe buýt đi đến các thị trấn biên giới, cần quần áo mùa đông và những đôi giày tốt cho cuộc hành trình, mà nhiều khả năng sẽ có, xuyên qua những đỉnh núi phủ đầy tuyết. Nhưng trên hết chúng tôi cần một người chỉ huy quân du kích, một người không quen biết gia đình chúng tôi, cho chúng tôi gia nhập vào một nhóm để đi về biên giới.

Một ngày nọ, giờ hình học của chúng tôi bị gián đoạn bởi tiếng gõ cửa. Thầy tôi đi ra ngoài rồi trở lại, nói rằng chú tôi đến. Là một giám đốc ngân hàng trạc ba mươi, chú Bashir là biểu tượng về thời trang của tôi và đứa em. Tôi ngưỡng mộ những cái quần jean rộng thùng thình, những chiếc sơ mi sọc caro của chú và mái tóc bóng mượt chải hất ra sau giống tóc của tài tử John Travolta trong phim *Grease* và âm sắc bí ẩn khi nói tiếng Anh mà chú học lóm từ mấy ông bạn người Đức.

Tôi hét lên một tiếng mừng rỡ rồi chúng tôi ôm chầm lấy nhau. Chú mang theo một cái túi và tôi nhanh nhẩu xung phong xách nó. “Nó là bữa trưa của mình đấy! Mẹ con làm món thịt gà cho chú cháu mình.” Chú choàng một tay qua vai tôi. “Thôi mình về phòng con rồi ăn đi.” Cái ý nghĩ về món thịt gà mẹ nấu sau những bữa cơm với đậu độc chiếm cái thực đơn ký túc xá làm tôi vui mừng khôn xiết.

Ngoại trừ hai cái giường, hai kệ sách nhỏ và hai tủ âm tường đựng quần

áo thì phòng của tôi nhỏ xíu và trống trơn. Tôi trải một tấm vải cotton lên giường và chúng tôi bắt đầu ăn. Chú tôi ăn vài miếng thì dừng lại để nhìn tôi ăn ngấu nghiến thịt gà.

Tôi nhún vai. “Con đói mà.”

Chú cười to, nhưng dường như có cái gì đó không ổn.

“Ở nhà bình thường hết phải không chú?” tôi hỏi.

“Ừ, tất cả đều ổn.”

Chúng tôi tiếp tục ăn, rồi tôi lại hỏi, “Sao hôm nay chú không đến ngân hàng?”

“Không có gì hết! Tối qua, lúc đang nói chuyện với cha con, thì tự nhiên chú nghĩ là chú nên đến cứu con khỏi món đậu.”

Sau bữa trưa chúng tôi đi bộ xung quanh sân trường rồi ngồi xuống cạnh một thảm hoa hồng, nói về chuyện học hành của tôi. Chú nói rằng cha tôi mơ ước một ngày được thấy tôi làm việc trong văn phòng hành chính. “Cha con đã vất vả phấn đấu để lên được vị trí hiện nay. Ông ấy nuôi nhiều kỳ vọng với con lắm đấy. Chú biết con sẽ làm gia đình hãnh diện,” chú nói. “Chú đã gặp thầy hiệu trưởng và ông hết lời khen ngợi con.”

Tôi lắc đầu.

Chú nhìn chăm chú các dãy nhà của ngôi trường một lúc lâu. “Con sẽ học xong trong hai năm nữa thì phải.”

“Dạ, năm 1993.”

“Con biết gì không? Con phải đi đến Delhi.” Rồi chú tiếp tục vẽ lên bức tranh lãng mạn về những trường cao đẳng và đại học ở New Delhi. “Con sẽ có một khoảng thời gian tuyệt vời ở đó. Tối qua cha con và chú đã bàn về chuyện đó.”

Tôi lắc đầu. Ừ. Cũng có thể. “Ngoại khỏe không chú?” tôi hỏi thăm Ngoại.

“Ông đang già đi mỗi ngày. Và ông nhớ con lắm. Con nên về thăm nhà vài ngày. Ông sẽ mừng lắm đấy.”

Tôi nhanh chóng thu xếp mấy giỏ đồ của mình và không lâu sau thì chúng

tôi đi bộ đến trạm xe buýt gần nhất. Một hàng chữ màu mè nguệch ngoạc trên bức tường của ngôi nhà gần đó đề: *CHIẾN TRANH CHO ĐẾN KHI CHIẾN THẮNG – JKLF*.

“Thì ra đó là cái nhóm mà con muốn gia nhập,” chú mỉm cười.

“Nhóm JKLF ạ? Con ấy ạ?” Tôi chối bay chối biển.

Chú chậm chậm lắc đầu. “Chúng ta biết cả rồi mà,” rồi chú nói với tôi về cuộc họp mặt đang chờ tôi ở nhà.

Xe buýt chạy ngang qua các ngôi làng ngăn cách nhau bởi những khoảng ruộng trống và các đụn rơm, gần như vàng thẫm đi trong ánh nắng của mùa thu. Chúng tôi vượt qua một cây cầu cũ kỹ vắt ngang con suối chảy xiết về hướng làng tôi. Tôi thấy đỉnh núi quen thuộc của làng mình và con kênh có từ ngày xưa chảy men theo. Trước khi dọn đến trường mình, tôi hiếm khi rời làng trừ những lần thỉnh thoảng ghé Anantnag hay Srinagar. Khi tôi đi xa dù chỉ một ngày, lúc về tôi sẽ háo hức tìm kiếm hình ảnh của một dấu mốc: túp lều mái ộp ván nằm trên triền dốc của làng. Tôi đã nhìn thấy lại nó.

Xe dừng lại ở bãi đất trống của làng. Chú tôi đi tiếp về làng bên, nơi chú đang sống. Tôi hơi khựng người lại, lo ngại cuộc gặp gỡ ở nhà. Đứng ở trạm xe buýt, tôi nhìn bao quát ngôi nhà mình – có cửa sổ xanh lá cây, và xếp thành hàng với năm ngôi nhà khác bên phải con đường. Ông hàng thịt Abu lúc nào cũng nói chuyện cricket đang chặt thịt cừu; được sĩ lùn nhưng chắc người Amin, luôn đội mũ lưỡi trai kiểu Ailen đang đứng bên ngoài tiệm của mình; ông thợ may Kaiser chuyên chiêu đãi đám con trai trong làng những câu chuyện tục tĩu đang còng lưng bên cái máy may; ông thợ làm bánh Hasan nổi tiếng lém lỉnh ngồi đằng sau một chõng bánh trông như bánh mì vòng rắc hạt mè; lão Saifuddin anh họ của bà ngoại tôi, người ngồi trong tiệm mình nhưng để ý đến mọi động tĩnh và canh chừng chặt chẽ mọi hoạt động của láng giềng, đang quan sát những người trên xe buýt bước xuống; đám con trai hay chơi cricket với tôi tụ tập quanh tiệm văn phòng phẩm gần sạp rau củ và mấy người đàn ông đứng tuổi ngồi trước mấy cửa tiệm trống kể bên hiệu thuốc của ông Amin đang trò chuyện với nhau.

Cảm giác hết như đứng trên một sân khấu quen thuộc, đối diện những khán giả quen thuộc. Tôi la lên chào hỏi những người ở phía đằng xa con đường và bắt tay những người ở dọc dãy cửa tiệm bên này đường. Vì đang lo lắng cho cuộc gặp tại nhà, tôi chào hỏi mọi người hơi quá kỹ lưỡng: ông thợ bánh, ông hiệu thuốc, ông hàng thịt, ông thợ may và sau cùng, một bước phóng sang đường để ôm ông Saifuddin và lập lại bài diễn văn:

“Assalamualikum! Ông có khỏe không ạ?”

“Valikumsalam! Ông vui lắm. Ông khỏe lắm. Con khỏe chứ?”

“Con vui lắm. Con khỏe ạ.”

“Con mới về à?”

“Dạ. Con vừa xuống xe buýt.”

“Chuyện học hành thế nào?”

“Học hành tốt ạ.”

“Con có chăm học không?”

“Dạ có, chăm lắm ạ.”

“Con phải học thật chăm, cho tương lai đó.”

“Dạ. Cảm ơn ông.”

“Chuyện làm ăn thế nào?”

“Cảm ơn Thượng Đế! Nó cũng tốt ạ.”

“Mọi người trong nhà khỏe chứ?”

“Họ khỏe ạ. Hôm nào ông đến uống trà nhé.”

Khi tôi về đến nhà, Ngoại bắt tôi ngồi bên cạnh ông. Cha đang trên đường từ chỗ làm ở Srinagar về nhà. Chú, bà ngoại và mẹ ngồi thành nửa vòng tròn xung quanh chúng tôi. Tôi im lặng, không chắc mình phải nói gì. “Cho con xin một tách trà được không ạ?” tôi thử hỏi. Mẹ đã rót cho tôi một tách từ ấm samovar. Tôi lần theo những bông hoa màu hồng được chạm nổi trên nền sứ trắng giữa những ngậm trà. Ngoại quay sang mẹ. “Hama à, con có nhớ ngày đầu tiên nó đi học không?”

Mẹ nhìn lên với nụ cười gượng gạo. “Dạ có! Con mặc cho nó áo sơ mi trắng, quần soóc xám và cà vạt đỏ.

Rồi cha dẫn nó theo.” Ngoại dường như đang nhìn đăm chiêu vào thời xa xăm nào đó trong một giây thật dài, rồi khẽ cười và nói với tôi, “Ông thả con ở trường con rồi đi dạy bên trường ông. Con đã khóc lóc la hét đến nỗi một tiếng đồng hồ sau, cô giáo con đem con đến văn phòng của ông.”

“Hầu hết trẻ con đều khóc mà,” tôi nói.

Rồi ông lặp lại câu chuyện được kể suốt là việc tôi bị ảnh hưởng bởi truyện tranh *Siêu nhân* như thế nào, khi một lần tôi đã nhảy từ cửa sổ tầng một xuống. Thằng em tôi phụ tôi cột tấm *pheran* lại như cái áo choàng. Tôi đã bị gãy tay phải. Cái kiểu dẫn dắt từ từ đến câu hỏi thực sự làm cho tôi bức bối. Tôi đang nghĩ đến việc bỏ ra ngoài. Họ có thể thấy điều đó.

Mẹ nhìn tôi không nói gì. Ông ngoại chăm chú nhìn tôi với đôi mắt xanh biếc ngân ngấn nước. “Con nghĩ làm sao mà lão già này có thể chịu đựng nỗi cái chết của con?” ông nói. Lời của ông đập vào tôi như một cơn mưa rào lạnh buốt sáng mùa đông.

Tôi không có gì để nói và nhìn chăm chăm xuống thảm. Tôi tưởng tượng ra cảnh mình nằm chết trên một tấm ván gỗ trong bãi cỏ nhà mình, xung quanh là những người hàng xóm và họ hàng. Mẹ tôi đã ngắt xiut và người nào đó đang vẩy nước vào mặt bà. Cha đang giữ khư khư tấm ván, vùi đầu trong đôi tay mình, hai vai ông run lên. “Con không sống lâu trong một cuộc chiến tranh đâu, con trai ạ.” Lời của Ngoại mang tôi về thực tại. Đôi mắt ông đăm lẹ.

Giọng thầy *muezzin* vọng từ loa đèn thờ kêu gọi các tín đồ đến buổi lễ chiều. Mẹ sửa sang khăn che đầu đang vấn sơ sài, còn ông ngoại đứng dậy để đi lễ. “Hãy nghĩ đến cha con! Ông ấy đang đi tốt từ Srinagar về chỉ vì lo lắng cho con. Chỉ có trời mới biết chuyện gì sẽ xảy ra trên đường đi,” mẹ nói.

“Con sẽ để ý mấy chiếc xe buýt,” tôi nói và đi ra ngoài.

Tôi nói chuyện với mấy người đàn ông trong làng được một giờ đồng hồ thì cha xuống xe buýt, mặc một trong những bộ vét xanh dương của ông và ôm một chồng sách. Tất cả chúng tôi đứng dậy như một phản xạ, tôi chạy ào đến, lấy mấy cuốn sách và chồng hồ sơ của ông. Những lời chào hỏi đồng

thanh theo sau. “Anh khỏe không?” “Mọi việc ở thành phố thế nào?” “Hy vọng cuộc hành trình bình an. Xa lộ đã trở nên quá nguy hiểm rồi.” Cha có vẻ mệt mỏi nhưng điềm tĩnh.

Về đến nhà, chúng tôi lại ngồi vào chỗ thường lệ của mình và một tuần trà nữa theo sau. Cha sắp xếp lại đồng sách và cầm lên một bài bình luận về kinh Koran viết bằng tiếng Anh. “Con phải đọc nó. Con sẽ hiểu về tôn giáo và trau dồi vốn tiếng Anh của con. Con cũng phải đọc Kinh thánh, nó rất có ích cho những kỹ năng ngôn ngữ của con.” Cha đi thành vòng tròn, kể chuyện về Ishmael và Isaac^[22]. “Con phải có sự cho phép của cha mẹ ngay cả nếu con muốn làm người chỉ huy của JKLF,” giọng ông hơi nghiêm túc. Bằng cách nào đó ông nói ra khá bình thản.

“Con biết,” tôi đáp.

“Đặc biệt là khi con mới mười bốn tuổi.” Ông mỉm cười. “Còn bốn năm nữa mới đến tuổi bầu cử.”

Tôi không nói gì.

Ông nhìn thẳng vào tôi và nói, “Cha sẽ không cản con.” Tôi không thể giấu được nỗi kinh ngạc của mình.

“Cha sẽ không cản con,” ông lặp lại. “Nhưng có lẽ con nên đọc và suy nghĩ về điều đó thêm vài năm nữa và rồi hãy tự quyết định. Khi đó cha sẽ không khuyên con nên hay không nên gia nhập vào nhóm nào.”

Tôi gật gù đồng ý.

“Theo những gì cha được đọc, cha có thể nói với con rằng bất kỳ sự vận động để giành độc lập của quốc gia nào cũng đều mất một thời gian rất dài. Ấn Độ đã mất nhiều thập kỷ để giành tự do từ thực dân Anh. Người Tây Tạng vẫn đang đòi độc lập từ Trung Quốc trong hơn ba mươi năm qua. Czechoslovakia lúc này đã giành được tự do từ tay chế độ độc tài và ngay cả việc đó cũng mất một thời gian dài.”

Cha tiếp tục tranh luận rằng những cuộc nổi dậy đó là những công việc dài lâu do các nhà trí thức lãnh đạo. “Nehru và Gandhi học luật ở Anh và đều là những nhà văn rất tài giỏi. Con đã thấy sách của họ trong thư viện của chúng

ta. Václav Havel là một nhà văn rất lớn. Vị Dalai Lama^[23] cũng đọc rất nhiều và có thể dạy cho mọi người biết bao điều. Không ai trong số họ dùng súng nhưng họ đã thay đổi cả lịch sử. Nếu con muốn làm một điều gì đó cho Kashmir, cha nghĩ con nên đọc sách.”

Tôi ở lại lớp học. Nhưng cuộc xung đột đã trở nên dữ dội hơn. Nỗi sợ hãi và sự hỗn loạn bao trùm Kashmir. Gần như mỗi người đều quen biết một ai đó đã gia nhập nghĩa quân hoặc bị bắt, tra tấn hay đánh đập bởi các nhóm vũ trang. Các ông bố ước ao họ có con gái thay vì con trai. Những người con trai bị giết hàng ngày. Các bà mẹ thì cầu nguyện cho sự an toàn của con gái họ. Người ta khiếp đảm những tiếng gõ cửa vào ban đêm. Đàn ông và đàn bà ban ngày rời khỏi nhà để đi làm, không chắc là họ sẽ được trở về hay không. Hàng bao nhiêu ngàn người đã không trở về đấy thôi. Các nghĩa trang bắt đầu mọc lên như nấm ở khắp nơi và những tòa nhà bị thiêu rụi như những vết sẹo chẳng chịt để lại trên bộ mặt các khu chợ. Người ta dường như lúc nào cũng nói đến biên giới và việc vượt biên. Nó đã trở thành một nỗi ám ảnh, một sự hiện hữu vô hình.

Trường lớp thì lặng lẽ, trầm tặc. Bữa sáng. Học. Bữa trưa. Học. Đá banh. Cricket. Bài tập về nhà. Những du kích quân đôi khi tạm trú trong ký túc xá của trường tôi và thỉnh thoảng chơi banh cùng với chúng tôi. Sự quen thuộc, bằng cách nào đó, đã tước mất một phần hào quang của họ.

Shabnam, anh họ tôi, là một trong những tuyển thủ hay nhất trong đội bóng chuyên của trường. Tôi bắt đầu những buổi học chơi bóng chuyên với anh, dành nhiều thời gian hơn để hoàn thiện những cú phát bóng và đập bóng. Anh Shabnam đã học chơi cricket và bóng chuyên từ người anh lớn Tarig, người vừa học xong cao đẳng. Mỗi lần tôi đến thăm họ và ông bác Rahman, tôi lại thấy Tarig chơi cricket trên một bãi rộng mênh mông gần nhà họ, còn Shabnam thì ngồi coi bên lề.

Cha tôi rất gần bó với bác Rahman, người anh họ lớn tuổi nhất, người đã nuôi dạy ông sau khi cha mẹ ông chết. Bác Rahman từng là cảnh sát. Người cao, da ngăm và đôi mắt to đen, bác thường kể về thời gian dài làm vệ sĩ cho

Sheikh Abdullah^[24]. Bác đã ủi bộ đồng phục cảnh sát của mình phẳng phiu và đánh đôi ủng cảnh sát cho đến khi chúng bóng loáng. Gần đây bác đã về hưu và trong những ngày làm thường dân, bác diện bộ com-lê hai túi và đội chiếc mũ gắn đuôi seo như Sheikh Abdullah từng đội. “Con nên làm một người giỏi toàn diện. Giỏi nhất trong lớp và giỏi nhất trong sân bóng,” ông dặn dò tôi như vậy.

Thỉnh thoảng bác lại ra sân cỏ để xem anh Tariq chơi. “Thằng Tariq nếu mặc đồ cảnh sát sẽ đẹp lắm,” bác thường nói. Anh Tariq đã tốt nghiệp cử nhân toán và hóa học, nhưng anh thiên về thể thao hơn. Anh cho rằng tôi là con một sách và anh mua vui bằng cách hỏi tôi những câu hù họa: Có bao nhiêu phi hành gia trên tàu vũ trụ Apollo 13? F-16 là gì? Biểu tượng của axit sunfuric là gì? Tôi biết hết mọi câu trả lời. Shabham không mấy quan tâm đến những điều đó, nhưng anh sẽ tìm cách dạy tôi vài điều về cricket và bóng chuyền.

Nhờ sự giúp đỡ của Shabham, tôi đã huênh hoang hơn một tí trên sân bóng chuyền. Một ngày cuối thu trước một trận đấu, tôi thấy Shabham đi ra khỏi ký túc xá với mấy cái túi. Anh đi lặng lẽ và có một miền tối tăm bên trong đôi mắt của anh. “Có chuyện gì vậy anh?” tôi hỏi.

Anh buông túi xuống bãi cỏ, gương mặt anh xanh xao. “Tariq đã vượt biên rồi!”

Tôi biết rằng vượt qua biên giới để trở thành du kích quân đồng nghĩa với việc bị giết. Shabnam về quê. Vài ngày sau đó tôi đến thăm bác gái và bác trai của mình. Anh Tariq đã ra đi đột ngột mà không nói gì với bất kỳ ai. Bác Rahman đang rít liên tục ống tẩu của mình. Ông có vẻ đã già hẳn đi chỉ trong vài ngày. Bác gái tôi đang bị sốc và cố đối phó với điều này bằng cách lảng xảng với những việc dọn dẹp không cần thiết như xếp đi xếp lại chén, đĩa trên kệ bếp, chạy ra sửa sang quần áo phơi trên dây ngoài sân, rồi lại biến đi lần nữa để mua đường trong khi đường đã có sẵn ở nhà. Bác Rahman lặng lẽ nhìn bà rồi bật ra một tiếng cười nhỏ nghe như tiếng thét chứa đựng tất cả tình yêu và nỗi đau của ông. Tôi cố kìm nước mắt. Bác bập ống tẩu thêm lần

nữa. “Khi bác còn trong ngành cảnh sát, không ai dưới quyền của bác dám không tuân lệnh. Con trai bác đã vượt biên mà thậm chí không nói gì với bác.” Dòng nước mắt tuôn ra và chảy xuống gương mặt nhăn nheo, xù xì của bác. Tôi chưa thấy bác khóc bao giờ.

Không lâu sau một người liên quan đến tổ chức mà Tariq gia nhập nhắn tin cho gia đình rằng anh ấy đã vượt qua biên giới và đang ở thủ đô Muzaffarabad, thuộc quyền kiểm soát của Kashmir, nơi điều hành phần lớn trại huấn luyện vũ trang cho dân Kashmir. Nhưng không ai có thể chắc chắn về điều đó và cũng không có cách nào để xác nhận là Tariq đã thật sự vượt biên an toàn.

Ở trường, Shabnam hy vọng anh Tariq an toàn và mong mỗi chờ đợi sự trở về của anh trai. Trong phòng trọ của mình, Shabnam nghe đài *sada-e – Hurriyat* (Tiếng nói tự do) phát sóng từ Muzaffarabad. Mỗi tối, đài phát thanh của những người ly khai lại phát một chương trình ca nhạc đại chúng xen kẽ với những lời tuyên truyền và những tin nhắn của thánh giả. Khi một chiến sĩ đang được huấn luyện muốn báo cho gia đình biết tình hình của mình, anh ta sẽ yêu cầu một bài hát và gửi kèm một tin nhắn với nó. Những mẫu tin nhắn đại loại như: “Tahir Mir ở Soura, Srinagar, yêu thích chương trình và yêu cầu bài hát này được phát.” Gia đình và bà con của anh ta sẽ nghe thấy lời nhắn và biết là anh đang an toàn.

Shabnam và tôi đang cùng ngồi trên băng ghế bên ngoài ký túc xá. Anh lấy cái radio màu đen hiệu *Phillips* của mình ra và chúng tôi lắng nghe những bài hát cùng những lời nhắn. Những người dẫn chương trình vốn nổi tiếng về tài hùng biện trên cả tuyệt vời. Một người dẫn chương trình, tự gọi mình là Malik, tiên đoán rằng Kashmir sẽ giành độc lập trong vòng một tuần và ông ấy sẽ đi du lịch qua biên giới vùng Kashmir do Pakistan kiểm soát đến phần Kashmir do Ấn Độ kiểm soát và uống trà *kahwa* ở khách sạn Jehagir, một khách sạn đồ sộ ở Srinagar vào thứ sáu tới.

Shabnam và tôi đều căng thẳng mỗi khi nghe chương trình. Chúng tôi nghe những mẫu tin nhắn và chờ đợi những cái tên quen thuộc. Nhiều tháng

ròng, không có cái tin nào của Tariq. Ngày ngày Shabnam ngóng chờ tin của anh trai mình, ngày ngày anh mong chờ tin tức và gạt bỏ những tin đồn: “Tariq đã bị bắt ở biên giới.” “Có người nói là anh ta đã bị giết trên đường quay về.” “Một thằng ở Pulwama khi trở về đã gặp anh ta ở trại huấn luyện.” Mỗi lần có ai đó trở về sau khi hoàn thành khóa huấn luyện, Shabnam hoặc một người anh em họ khác của tôi lại đến thăm gia đình họ để dò la tin tức của Tariq. Lời truyền miệng là nguồn tin tức duy nhất.

Một ngày nọ sau bữa tối, Shabnam đang nằm trên giường, ôm radio như ôm gối và đang lắng nghe chương trình. Tôi đang nói chuyện với bạn cùng phòng của anh ấy. Những bài hát như thường lệ được phát: “Những cô con gái của Srinagar! Hỡi những cô gái dũng cảm của Srinagar!” Một vài phút dành cho tin nhắn và một bài hát khác được phát: “Thức dậy đi! Buổi sáng đã lên rồi! Máu của những liệt sĩ đã đỏ rục! Những lá cờ chiến thắng đang tung bay! Thức dậy đi! Buổi sáng đã lên rồi!” Giọng của những người dẫn chương trình gióng lên những cái tên và địa chỉ như đang đọc kinh, trong khi tôi tiếp tục nói chuyện. Rồi bỗng có một tiếng động lớn làm hoảng hồn tôi và bạn cùng phòng của Shabnam. Shabnam đã nhảy khỏi giường và đứng cách đó vài mét, vẫn ôm radio trong tay trái. “Tariq đó! Tariq đó! Basharat ơi, anh ấy thực sự còn sống! Đài nói là, ‘Tariq Peer ở Salia, Islamabad thích chương trình và yêu cầu bài hát này.’”

Khoảng một năm sau khi vượt biên, Tariq trở về nhà. Bạn bè, người thân và láng giềng đổ dồn về ngôi nhà ọp ẹp của bác Rahman. Tôi thậm chí không tìm được một chỗ để cởi giày. Hiên nhà và hành lang đã trở thành một đồng ngôn ngữ đủ giày xăng đan, dép lê và giày thể thao đủ màu. Tôi bước vào một gian phòng rộng, tường màu xanh lá cây. Tấm thảm dệt hoa mới tinh được trải ra. Đàn ông, đàn bà và trẻ con ngồi dựa vào những tấm nệm dọc theo tường. Shabnam xách một cái ấm samovar bằng đồng bọc thiếc sáng choang, rót trà *kahwa* vào mấy tách sứ đặt trước mặt các vị khách, một đứa con trai khác xách một cái giỏ đan bằng liễu gai mời khách ăn bánh mì vòng. Hàng trăm cặp mắt nhìn chăm chú vào một gương mặt duy nhất: Tariq. Anh

ngồi trên một cái đệm bọc nhung, loại dành cho những chú rể Kashmir. “*Mubarak Chuv! Mubarak Chuv!*” (Xin chúc mừng! Xin chúc mừng!) vị khách mới nào cũng hô lên như thế khi vừa đến cổng. “*Shukr Khodayus, Sahee Salamat Vot!*” (Cảm ơn Thượng Đế! Anh đã trở về bình an.) Đàn ông bắt tay anh rồi ôm lấy anh. Phụ nữ thì ghì chặt anh và hôn lấy hôn để lên trán anh. “*Miyon Nabi Thayinay Vaarey!*” (Cầu xin đấng tối cao bảo vệ con!)

Bác Rahman ngồi sát bên Tariq. Có vẻ bác đã chấp nhận cái sự thật khó nuốt là Tariq đã trở thành một người nghĩa quân đang đương đầu với mỗi nguy hiểm vô ngần. Tôi đến bên Tariq và ôm anh. “Mày đã cao hẳn lên rồi!” anh nói. Tôi mỉm cười. “Anh thì ốm đi!” tôi đáp. Khuôn mặt tròn của anh có vẻ hốc hác. Anh đã cắt mái tóc quăn dài của mình ngắn như tóc của một người lính, nhưng đôi mắt to đen của anh vẫn lấp lánh nét thân thuộc. Anh trông thật gọn gàng trong bộ pajamas trắng kiểu *kurta*^[25], gần giống như một chú rể. Tôi thờ thần nhìn sang “cô dâu” chết người của anh, khẩu Kalashnikov được giấu dưới chiếc áo khoác thể thao dày màu xanh lá đặt bên cạnh anh. Bên ngoài, đám thiếu niên trong làng căng tai và mắt canh chừng những dấu hiệu của đám xe quân đội. Gia đình anh lo ngại lính quân đội có thể vào càn nếu một tên mật thám cho chúng biết việc anh Tariq về thăm nhà.

Người con trai chinh chiến nói. Người cha cảnh sát về hưu lắng nghe, cả phòng đầy nghẹt người cũng vậy, họ lắng nghe như thể Tariq là Marco Polo mang đến tin tức của một thế giới mới. Anh kể cho chúng tôi nghe về cuộc hành trình đến Pakistan và lần trở về. Anh và bạn bè đã đón xe buýt đến Srinagar. Một người dẫn đường của nhóm nghĩa quân đợi họ tại trạm xe buýt đông đúc Batamaloo ở phía nam Srinagar. Ở đó họ lên một chiếc xe buýt để đi về thị trấn Baramulla ở phía bắc Srinagar. Chuyển xe đông nghẹt nhân viên trên đường đi làm về. Tài xế mở nhạc Bollywood, còn hành khách chuyện trò về phong trào đấu tranh. Một vài hành khách có vẻ nhận ra Tariq và bạn bè là những chàng trai sắp sửa vượt biên giới và mỉm cười với họ. Không hề có một trạm kiểm soát hay toán tuần tra quân đội nào. Những chàng trai đã ở lại Baramulla một đêm trong nhà một người lạ cùng với hai

nhóm thanh niên nữa cũng muốn vượt biên giới. Sáng hôm sau, cả ba nhóm lên một chiếc xe buýt đi đến Kupwara, thị trấn gần Đường Kiểm Soát nhất. Người soát vé đã không lấy tiền vé của họ. Kupwara ngập tràn những thanh niên đến từ mọi vùng của Kashmir chờ vượt qua biên giới.

Tariq và bạn bè anh được giới thiệu với một người sẽ đưa họ vượt qua dãy núi. Những người như anh ta được xem như người dẫn đường. Họ thường là dân địa phương của những bản làng biên giới, biết rất rõ địa hình ở đó. Mang giày cao su hiệu Duck Back, đeo balô chứa đầy quần áo và thức ăn, họ rời Kupwara trong một chiếc xe tải. Đến tối, họ đã đến được làng Trehgam, cách Đường Kiểm Soát vài dặm. Họ chờ trong một nơi ẩn náu cho đến khi đêm xuống. Trong bóng đêm, họ lần theo người dẫn đường. Họ leo lên các vách đá, trườn qua những boongke của các toán quân Ấn Độ, rồi lại leo lên lần nữa suốt cả đêm. Người dẫn đường đã dặn họ không đốt thuốc lá hay bỏ lại rác. Thuốc lá có thể mời gọi hỏa lực nếu bị ống nhòm của một tên lính phát hiện, giấy gói bánh quy trong rừng có thể bóc trần lộ trình của họ. Họ nắm tay nhau và bước đi trong yên lặng. Đến rạng đông, họ ẩn mình trong những bụi rậm, đằng sau rặng vân sam và thông mọc trên núi tạo thành đường biên giới. Họ ở yên một chỗ trong ngày hôm đó, nơm nớp lo sợ bị các toán tuần tra Ấn Độ phát hiện. Đêm xuống. Họ lại trèo đèo lội suối cho đến tận trạm kiểm soát cuối cùng của quân Ấn. Trời vẫn còn tối khi họ trườn bò bên dưới trạm canh gác của quân Ấn và sang đến trạm của Pakistan phía bên kia. Ngày hôm sau Tariq đã ở Muzaffarabad. Anh được đưa đến một trại huấn luyện võ trang do quân đội Pakistan điều hành. Trong sáu tháng anh tập sử dụng các loại vũ khí nhỏ, mìn và súng chống tăng.

Tariq đi quanh quẩn ở Pakistan trong vài tháng, đợi đến lượt của mình trước khi trở lại nhà một năm sau. “Họ có phim Ấn Độ ở đó,” anh nói. “Tôi đã xem vài phim rồi. Và ở đó còn bán băng cát xét có tất cả bài hát mới.” “Thật chứ, ở Pakistan ư?” ai đó hỏi. “Anh đã xem phim nào chưa?” một người khác hỏi. Shabnam và tôi nhìn nhau rồi mỉm cười. Vài phút sau, một người hỏi thăm về cuộc hành trình ngược lại bằng ngang vùng núi ở biên

giới. Tariq nói, “Tuyết đang tan nhưng vẫn còn nhiều lắm.” Anh đã bạo đạn hơn khi trở về. Mỗi du kích quân trong nhóm của anh đeo một túi đầy đạn và một khẩu Kalashnikov. Quãng đường đi mất ba ngày. Những túi đạn rất nặng. “Ai mệt thì làm cho nhẹ túi đi. Chúng tôi chôn mấy gói thực phẩm và những ổ đạn trong tuyết.” Kể từ cuộc hành trình đến Pakistan của anh một năm trước, đã có hàng ngàn chàng trai như Tariq vượt qua băng tuyết như thế. Trên đường đi anh đã thấy bằng chứng những cuộc đụng độ của quân họ với các toán tuần tra biên giới của Ấn Độ: những bộ xương người nằm dưới những cây vân sam, một đôi giày nằm cạnh một hòn đá. Họ suýt bị giết khi chạm mặt với một nhóm các chàng trai đang vượt biên từ phía Srinagar sang. Nhóm kia mặc thứ đồ dã chiến đang thịnh hành trong nghĩa quân ngày ấy. Tariq và nhóm của anh tưởng họ là bọn lính Ấn Độ. Người dẫn đường của họ huýt sáo, một kiểu mật mã cho biết là họ cùng phe. Người dẫn đường bên Sri Lanka đáp lại, các chàng trai bắt tay nhau và đi tiếp. Tariq và bạn của anh đã có một trận đụng độ với quân dự bị ở gần thị trấn biên giới Kupwara. “Ba người trong nhóm tôi đã bị giết,” anh kể. “Một trong số họ là người ở Kupwara. Chỉ còn nửa tiếng nữa là anh ấy về đến nhà rồi!” Tâm trạng mọi người thay đổi và gian phòng tràn ngập những lời khích lệ: “Sự sống và cái chết thuộc quyền định đoạt của Thượng Đế tối cao.” “Những người chết vì chân lý luôn sống mãi.” “Tạ ơn Thượng Đế! Con đã về nhà an toàn.” “Đấng tối cao của ta sẽ bảo vệ con!” Một viên đạn xoáy vào chân Tariq, xé toạc một lỗ trên quần anh. Một lát sau, Shabnam chỉ cho tôi xem cái quần đó.

Khách khứa tiếp tục kéo đến, trong số họ có một phụ nữ hốc hác mang một chiếc *pheran* chùng thêu hoa. Bà đứng cách Tariq vài mét, nhìn anh chăm chăm một lúc lâu. Anh đứng dậy khỏi ghế mình và ôm bà. Bà ở làng bên cạnh. Con trai bà đã vượt biên để đi huấn luyện vũ trang. Bà nghe kể lại là anh ấy đã chết trên đường quay về. Những gia đình có con trai chết trong lúc băng qua Đường Kiểm Soát, nơi xác họ phải nằm lại mãi mãi, tổ chức một tang lễ vắng mặt. Người ta cầu nguyện trong tang lễ với một quan tài rỗng hoặc không cần quan tài. Người phụ nữ này đã có một tang lễ như vậy

cho con trai bà, nhưng bà đã không thể chấp nhận được hung tin về cái chết của anh ấy. Bà ngồi xuống trước mặt Tariq, cầm tay anh: “Tariq, con yêu quý, con trai ta ơi, người ta nói với ta là nó đã tử nạn tại biên giới!” Gian phòng chùng xuống trong im lặng, mọi ánh mắt đổ dồn lên khuôn mặt tang thương, buồn bã của bà. “Trái tim ta không đồng tình. Tariq ơi, con yêu quý ơi, hãy nói với ta là họ đang dối trá. Nói với ta là con đã gặp đóa hồng của ta! Con cũng đã ở đó mà. Con hẳn đã thấy đóa hồng của ta!”

Tariq ôm chặt bà. “Dạ, con thấy anh ấy. Anh đang chờ đợi để quay về. Anh đang chờ đến lượt mình.”

Tôi không chắc là anh nói thật với bà hay không, nhưng bà hôn lên trán anh thêm nhiều lần nữa và òa khóc. “Con trai ta sẽ trở về nhà.”

Những chuyến thăm nhà của nghĩa quân rất ngắn ngủi. Anh Tariq sẽ về thăm cha mẹ mình một hay hai lần một tháng nhưng những lần ghé thăm của anh luôn vội vã và lén lút. Anh sống trong những nơi ẩn náu cùng với quân du kích, cùng họ sắp xếp kế hoạch tấn công các đoàn xe quân sự và các doanh trại của quân Ấn. Dù đã thấy những lính du kích tầm tuổi anh đi lại làng và thậm chí chuẩn bị tấn công một đoàn xe quân sự gần nhà tôi, tôi vẫn không thể hình dung anh Tariq trong một trận chiến, xả súng, quăng lựu đạn, làm nổ tung một quả mìn và giết chóc như thế nào. Nhưng đó là cuộc đời anh đã chọn. Và bọn lính Ấn đang lùng tìm anh. Bọn chúng thường gõ cửa nhà bác Rahman, lục soát để tìm anh, đánh đập bác Rahman và hai người anh của anh và bắt bác Rahman hoặc kêu gọi Tariq đầu hàng hoặc sẽ phải chết vào cái ngày bọn chúng tìm thấy anh.

Tôi nhìn thấy anh Tariq lần cuối vào tháng tám năm 1992, cách nhà bác tôi vài trăm mét, trên một bình nguyên được dùng làm địa điểm cho những cuộc hành lễ Eid và trở thành sân cricket trong thời gian còn lại.

Ngày 14 và 15 tháng tám là ngày Độc lập của Pakistan và Ấn Độ. Nghĩa quân Pakistan đã tổ chức diễu hành chào mừng vào ngày 14 tháng tám và một ngày sau đó, ngày Độc lập của Ấn Độ được công bố là *Ngày đen*. Vào ngày 15 tháng tám, giao thông ngừng lại, cửa tiệm đóng cửa, trường học

nghi, quân Ấn tăng cường kiểm tra chứng minh thư và cuộc sống đóng băng. Tuy vậy ở Srinagar, những chính trị gia ủng hộ Ấn Độ – những người đã lập ra chính quyền tiểu bang, tập hợp những người ủng hộ họ và buộc các trường công lập gom các nhóm học sinh vào một sân cricket bị canh giữ bởi hàng trăm quân dự bị Ấn Độ. Rồi những chính trị gia này kéo cờ Ấn Độ lên. Bên ngoài sân vận động, đường phố vắng tanh.

Vào ngày 14 tháng tám năm 1992, Shabnam và tôi xem những lính du kích khác mừng lễ Độc lập Pakistan trong một sân cricket. Hàng ngàn người đã tụ tập lại xem cảnh tượng này. Chúng tôi len lỏi qua đám đông để lên hàng đầu xem cho rõ. Các lãnh tụ kháng chiến đọc những bài diễn văn đầy nhiệt huyết cổ vũ cho phe Pakistan và giương cao những biểu ngữ đòi ly khai. Chúng tôi chăm chú nhìn quân kháng chiến trong quân phục xanh lá cây, tay ôm súng. Họ biểu diễn những pha chiến đấu và hát theo tiếng vỗ tay của khán giả. Một lãnh tụ kháng chiến giương cao cờ Pakistan sau mỗi bài hát. Lính của ông bắn súng chỉ thiên. Rồi ai đó báo tin rằng toán tuần tra quân sự đang đến gần làng và thế là cuộc tụ họp lập tức bốc hơi.

Một năm sau lần tôi nhìn thấy anh Tariq trong nhóm tuần hành, bọn lính đã không còn gõ cửa nhà cha mẹ của anh nữa. Chúng đã giết anh trong một trận càn qua nơi ẩn náu của anh.

Những dặm đường đặng đặng



Cuộc chiến đã làm thay đổi ý nghĩa của từ *khoảng cách*. Tôi rời trường để về nhà gần như vào mỗi cuối tuần. Con đường làng như một dải lụa màu đen uốn lượn qua những đồng lúa và mù tạt, rặng liễu, cây phong Iran uy nghi hay cây chinara chạy dọc con suối chảy róc rách và những ngôi nhà nằm tùm tùm trong vại ngôi làng nhỏ. Nhưng một chuyến đi sáu tiếng đồng hồ trên chiếc xe buýt địa phương thì thật nguy hiểm. Các xe tải quân sự và bán quân sự chạy trên cùng một con đường, chờ hàng tiếp tế giữa vô số doanh trại hoặc đi càn quét trong các làng mạc. Quân du kích ẩn náu trong cánh đồng gần đường cái sẽ nổ súng vào các đoàn xe quân sự hoặc kích nổ mìn được chôn trên đường. Để trả đũa những đợt tấn công như vậy, bọn lính sẽ nã đạn vào mọi hướng và đánh đập bất kỳ ai chúng tóm được.

Một hôm cuối tuần trên đường về nhà, tôi đứng ở giữa lối đi trên xe buýt, gần bác tài xế. Xe buýt của người Kashmir giống như những quán cà phê ồn ào. Hầu hết mọi người đều quen biết nhau. Những giọng nói đủ mọi âm tầng tràn ngập cả xe. Bác tài mở một bài hát Bollywood và những lời hát sâu muện vang lên trong mớ âm thanh hỗn độn đó. Đi được một dặm, một chiếc xe tải bán quân sự vượt mặt chiếc xe buýt của chúng tôi và lớn vờn ngay phía trước. Những người trong xe hạ giọng và bác tài tắt nhạc. Bọn lính thấy rằng, chạy gần một chiếc xe buýt dân sự sẽ ngăn quân du kích tấn công chúng. Nỗi lo lắng bao trùm cả xe. Bác tài bắt đầu sốt sắng cầu nguyện: “Lạy Chúa, tôi có ba đứa con nhỏ, xin ngài hôm nay đừng biến chúng thành con côi. Xin hãy

đưa chúng con về nhà an toàn.” Xe chúng tôi chạy trong im lặng và hồi hộp chờ đợi. Rồi những giây phút đó cũng qua đi và chiếc xe tải bán quân sự tăng tốc. Bác tài giảm tốc độ để gia tăng khoảng cách. Khi chúng tôi ở trong địa phận làng Siligam, nằm giữa đoạn đường từ trường về nhà, thì tôi nghe một tiếng nổ lớn. Bác tài đạp thắng và chúng tôi thấy ở đằng xa chiếc xe tải bán quân sự chệch ra khỏi đường rồi dừng lại trên đồng. Tôi nghe hàng loạt tiếng súng bắn chặn – tiếng nhẹ là của những khẩu Kalashnikov, tiếng giòn là tiếng bắn trả của tiểu liên. Bác tài vòng xe và phóng hết tốc độ về hướng ngược lại. Mọi người trên xe đều cúi rạp xuống phía dưới ghế.

Tôi ngồi dưới sàn, nắm chặt một chiếc ghế. Tiếng gầm gừ của máy xe át cả tiếng súng đạn. Tôi nghĩ đến những phần cơ thể tôi có thể trúng đạn. Tôi ước ao trong tuyệt vọng là nó không phải khuôn mặt, đầu, hay cánh tay phải của mình. Tôi bỗng ý thức mãnh liệt về cơ thể mình. Tôi cảm nhận được cột sống đang căng cứng, cái cổ trống trải và đôi chân đang tê rần. Một viên đạn sẽ làm phần nào đau nhất? Tôi vùi đầu mình vào giữa hai đầu gối và nhắm mắt lại.

Chúng tôi đang chạy ra xa khỏi trận chiến. Tôi bắt đầu liệt kê những loại súng có thể bắn trúng chúng tôi. Có vẻ như chúng tôi đã ra ngoài tầm ngắm của AK-47 và tiểu liên cạc bin, nhưng một cây súng trường tự lên đạn, một khẩu súng máy tiểu liên hay trung liên hay súng cối 51 li có thể dễ dàng bắn trúng chúng tôi. Một lát sau, bác tài dừng xe lại. Tôi đứng bật dậy theo quán tính. Hai người đàn ông ôm lấy bác tài xế. “Anh đã cứu mạng chúng tôi,” một người khác nói, rồi bắt tay bác. Một ông già bật khóc. Một người phụ nữ vỗ lưng ông an ủi. Tôi cười với mọi người xung quanh. Chúng tôi bước xuống xe và uống nước ở dòng suối bên đường. Bác tài và một người đàn ông khác thì hút thuốc lá.

Chúng tôi vừa lên xe và bắt đầu chạy về hướng bãi đậu xe buýt ở làng Aishmuqam gần trường tôi, thì một đoàn xe tải bán quân đội chạy sầm sập về hướng chúng tôi. Đoàn xe dừng lại và chúng tôi cũng vậy. Đám lính có vũ trang lượn lờ quanh chiếc xe buýt và một viên sĩ quan của lực lượng bán quân

đội ra lệnh cho chúng tôi xuống xe. Chúng tôi đứng thành hàng một trên đường. Tôi đứng gần cửa xe nhất và là người đầu tiên đi xuống. Tôi đang mặc đồng phục của trường và đeo balô đi học. Tên sĩ quan giơ cao khẩu súng như giơ cây ba ton. Tôi chờ hấn bắn. Mắt tôi không thể rời khỏi mắt hấn. Rồi hấn hạ súng xuống và đẩy tôi bằng tay kia. Tôi biết hấn sẽ bắn tôi. Nhưng hấn túm lấy một cánh tay tôi và thét lên, “Mày học ở cái trường gần trại bọn tao. Tao thấy mày đi ngang qua hàng ngày. Bây giờ thì biến khỏi đây ngay.” Hấn cho chiếc xe buýt và mọi người trên đó đi. Khi chúng tôi về đến bãi đậu xe, một đám đông đã tụ tập lại.

Hai tiếng sau, một chiếc xe buýt khác lại về đến và ông tài xế kể với tôi, “May cho chú mày là không có tên lính nào bị giết ở bãi mìn. Bây giờ đường đã thông, nhưng chúng bắt đầu mở một cuộc đàn áp ở các làng xung quanh.” Mười lăm phút sau, chúng tôi đi ngang qua nơi mìn phát nổ. Tôi không thấy một tên lính hay một chiếc xe quân đội nào. Chỉ có những cây dương liễu dọc hai bên đường, cánh đồng lúa, những mái tôn của một ngôi làng nằm bên kia đồng và một cái hố rộng bên góc phải của con đường bị lõm xuống sau vụ nổ. Ở các ngôi làng chúng tôi chạy ngang qua, những cửa tiệm đều đóng cửa và những con đường vắng bóng người, ngoại trừ các toán tuần tra của lính bán quân đội. May mắn là chúng đã cho xe chúng tôi qua.

Vài tuần sau tôi lại về nhà. Cuối tuần, chúng tôi chờ cha về thăm nhà từ văn phòng của ông ở Srinagar, nơi bị hư hại nặng nề vì bạo loạn. Hàng ngày chúng tôi nghe đài BBC Thế giới báo cáo về con số người chết ở đó. Cái giọng trang nghiêm của Yusuf Jameel, phóng viên đài BBC tại Srinagar, vang lên trong radio của chúng tôi hàng đêm: “Tôi nghe thấy tiếng súng.” Tiếng đạn réo chết người sẽ vang lên trên radio trong vài giây và giọng cam chịu của Jameel theo sau: “Lại một xác người vô danh nữa được tìm thấy trên sông Jhelum ở Srinagar.”

Xế trưa hôm đó, mẹ sai tôi đi mua sườn cừu để bà nấu bữa tối cho cha. Tôi bước ra khỏi nhà và nhìn thấy ông họ của mẹ, ông Saifuddin tóc trắng phau, đang ngồi bên quầy rau của mình và nhìn rà soát khu chợ. Ông không

mua bán gì nhiều nhưng biết mọi việc diễn ra trong làng, vì ông dành hầu hết thời gian dòm ngó xem ai đi đâu và hỏi chuyện không ngớt. Ông vẫy tôi lại và hỏi, “Hôm nay là thứ bảy đấy! Sahib có về nhà không?”

“Dạ có, bố cháu sắp về tới rồi,” tôi đáp.

“Ông chỉ hỏi vì vẫn chưa thấy ông Hiệu trưởng (tức ông tôi) đến tiệm thịt. Ông ấy hay mua thịt vào tầm giờ này ngày thứ bảy. Ông đang thắc mắc, không biết mọi chuyện có bình thường không. Đây là thời khắc nguy hiểm mà.”

Tôi đảm bảo với ông là Ngoại đang bận rộn với mấy việc lật vạt và tôi đang đi mua thịt. Tôi đi về hướng ông hàng thịt thì mấy người đàn ông tụ tập gần hiệu thuốc tây và tiệm may gọi to. “Cuộc phỏng vấn sao rồi?”

“À! Như mọi lần. Ông ấy chưa thấy Ngoại cháu đi mua thịt,” tôi nói.

Mọi người cười phá lên. Ông hàng thịt Abu nhìn về hướng chúng tôi, mỉm cười. “Làng này sẽ chẳng được như thế này nếu không có ông Saifuddin. Ít nhất thì ông ấy cũng hỏi thăm mọi người.” Ông bắt đầu chặt sườn cừu cho tôi, đồng thời chỉ tôi những phần thịt mà Ngoại sẽ đòi. Và nói: “Thầy Hiệu trưởng chắc là đi thăm vườn táo. Hay là thăm đồng?”

“Không ạ, ông cháu ở nhà, sửa mấy thứ đồ điện.”

Rồi tôi để ý một nhóm thanh niên mang súng đứng gần trạm xe buýt. Tonga, người đàn ông JKLF cao lớn ở làng tôi, đứng cùng với họ. Mấy thằng con trai trong làng đã bắt đầu gọi anh ta là Rambo, nhưng những người lớn tuổi vẫn gọi anh là Tonga. Một nhóm nhỏ dân làng đang tụ tập quanh Tonga và tranh cãi về cái gì đó. Ông Abu và tôi nhìn nhau. “Có Trời mới biết Tonga đang tính chuyện gì,” ông thở dài. Tôi chạy đến để tìm hiểu. Tonga và quân của anh ta đang bàn việc tấn công một đoàn xe tuần tra của Ấn Độ sẽ đi ngang qua làng chúng tôi. Dân làng đang cố thuyết phục anh đừng làm điều đó. Họ gọi anh bằng tên thật. “Mohiuddin Sahib, con là con trai của chúng ta, con là dân làng ta. Con phải dừng cuộc tấn công này lại.” “Mohiuddin Sahib, con biết bọn lính sẽ làm gì sau khi bị tấn công mà. Con muốn làng của con bị thiêu trụi sao?” “Con đã quên là nhà chúng ta còn có con gái sao? Chẳng lẽ

con muốn bọn lính xông vào nhà chúng ta? Trời đất quý thần ơi, đây là làng của con mà!”

Tonga đứng tách khỏi những đồng chí đang ủ rũ của mình để thanh minh với dân làng. “Tôi biết! Tôi biết! Tôi đem mẹ tôi ra thề là tôi không thể làm được gì cả. Mỗi lần cấp trên của tôi dự tính một hành động nào ở làng này, tôi đều đấu tranh với họ. Chẳng lẽ tôi không biết sao? Bà mẹ già của tôi sống ở đây, ba đứa con gái của tôi sống ở đây.”

Ông thợ làm bánh Hasan cầm lấy tay Tonga. “Làm ơn đi! Con hãy làm điều gì đó đi!”

Ông Abu chêm vào. “Mohiuddin con ơi, làm ơn đi! Con có thể cứu vớt làng này. Làm ơn đi!”

Ngay cả ông lão Saifuddin cũng rời khỏi chỗ của mình và đi lại. “Mohiuddin Sahib, anh là con trai ta. Rahet, mẹ của anh, giống như chị ta vậy. Hãy nhớ lấy điều đó! Và hãy nhìn râu tóc bạc phơ của ta đây! Ta sẽ chạy đi đâu?”

Tonga cầm lấy tay ông lão. “Ông giống như cha của con vậy và con như con trai của ông. Nhưng con không thể ngăn được chuyện này hôm nay. Ông hãy làm ơn đóng cửa tiệm và đi đi! Làm ơn đi, chúng ta không có nhiều thì giờ đâu.”

Dân làng đành bỏ cuộc. Những người chủ tiệm kéo cửa sập xuống. Tôi chạy về nhà. “Mẹ ơi, người JKLF đang ở ngoài kia. Họ chuẩn bị tấn công một đoàn hộ tống,” tôi la lên. “Anh Tonga cũng ở đấy, nhưng anh ấy không thể ngăn được cấp trên. Chúng ta phải chạy đi thôi.” Mọi người đều hết hoảng. Mẹ tôi xắn tay áo *pheran* và yêu cầu mọi người trật tự. Bà đang là giáo viên trung học và mọi người đều nghe bà. Bà giấu nữ trang của các dì để trong nhà tôi. Ngoại xách chiếc túi đựng các bằng cấp của gia đình, các giấy tờ nghiệp vụ, tiền bạc và sổ tiết kiệm. Chúng tôi đã sẵn sàng bỏ đi qua cánh cửa dẫn ra ruộng rau sau nhà. Rồi mẹ nói, “Còn đồng sách thì sao đây?” Chúng tôi nhìn nhau.

Cha tôi đã xây dựng thư viện của mình trong nhiều năm trời. Mỗi cuốn

sách đều có tên cha và số hiệu của sách ở trang đầu trong nét chữ nguệch ngoạc của cha hay nét chữ nắn nót hơn của mẹ. Tôi đã ngồi nhiều giờ dài trong thư viện của cha. Nhiều sách bìa cứng của những nhà văn Nga vĩ đại, của Nhà xuất bản Nhân Dân được bán trong những cửa hàng sách lưu động của Đảng Cộng sản Ấn Độ, nhiều cuốn sách mỏng bìa mềm của những tiểu thuyết gia người Mỹ và châu Âu, và cả sách của những nhà văn vĩ đại viết bằng tiếng Urdu như Premchand, Manto, Ghalib, Iqbal và Faiz. Và cả những sách về lịch sử, luật, sách chú giải về tôn giáo và chính trị ở Nam Á. Những cuốn sách đẹp nhất của cha tôi là bộ *Tác phẩm toàn tập của William Shakespeare* – một bộ sưu tập bìa bọc da, với những trang sách mạ vàng. Sách của cha là sách của một người tự học, những cuốn sách đã tạo nên con người ông, giúp ông gây dựng cuộc đời mình. Chúng làm cho ông nổi bật lên khi ông bàn luận về thời cuộc và những tư tưởng chỉ có một vài người trong thế giới của chúng tôi có thể bàn tới được. Việc sờ những gáy sách, rà ngón tay mình theo đường chữ, cảm nhận sự mịn màng của những trang giấy bên trong và bị mê hoặc bởi những câu chuyện đã làm cho tôi cảm thấy gần cha hơn và thấy mình chia sẻ được mối liên hệ của ông với một thế giới huyền diệu.

Nhưng không thể làm gì hơn, chúng tôi đành phải bỏ những cuốn sách này lại. Chúng tôi bước ra sân sau. Bà ngoại cứ nhìn hoài về hướng ngôi nhà. “Sahib chắc sẽ về bất kỳ lúc nào,” bà lặp đi lặp lại. Mặt trời đang chìm dần trên bầu trời và chúng tôi mong cha sẽ về vào bất cứ giây phút nào. “Thượng Đế sẽ che chở anh ấy. Mẹ không thể làm được gì bằng cách đứng nhìn,” mẹ thét lên với bà và cài chặt khóa.

Những người hàng xóm của chúng tôi đang đứng trong bãi cỏ nhà họ với vài ba chiếc túi. Yusuf và mấy đứa con trai ông, Manzoom, Khalid và Asif, cũng ở đó. “Bây giờ chúng ta còn nhìn gì nữa!” Ngoại gầm lên và chúng tôi bắt đầu đi. Ông Amin được sĩ đi cùng với gia đình, ông Abu hàng thịt cũng ở đó với vợ và mấy đứa con trai. Phía trước một chút, tôi thấy ông thợ may cộc cẳng Kaisar, đang giúp cha mình đi đến nơi an toàn. Và lão nông Gul Khan,

người nhắc nhở việc cầu kinh, đang công cháu ngoại của mình trên vai. Không lâu sau, chuyến đi bộ của chúng tôi trở thành một cuộc chạy bộ. Tôi hy vọng cha sẽ nghe tin về vụ tấn công và tránh xa nơi này. Tôi hy vọng không ai bị giết trong cuộc tấn công và bọn lính không đốt nhà chúng tôi. Tôi nghĩ đến một số vật thân thương nhất của mình: mấy cuốn sách, cái tivi trắng đen, cái radio hiệu Sony và chiếc máy ảnh Polaroid.

Làng chúng tôi vắng người nhanh chóng, hầu như mọi người đều chạy về hướng Numbul, ngôi làng kề bên. Ngôi làng chạy ngang qua ruộng lúa và con suối Lidder của chúng tôi. Dòng nước suối màu ngọc bích chảy ào ạt qua những cánh đồng, sủi bọt trên những hòn đá. Đám cỏ dại mọc ven suối, những cây dương liễu đong đưa và đồng lúa đang chín vàng. Những ngọn núi đứng sừng sững như chứng nhân. Trên bầu trời xanh, đám quạ và diều hâu đang chao lượn. Dừng dưng. Chúng tiếp tục với mùa màng của chúng.

Chúng tôi đến cách dòng Lidder khoảng nửa cây số thì tiếng đạn đầu tiên vang lên. Ông Yusuf cố chạy nhanh hơn. Ông ngoại tôi dừng lại, còn ông Gul Khan thì nằm úp bụng xuống đồng, ôm chặt đứa cháu ngoại. Tôi muốn phá lên cười khi nhìn thấy ông Yusuf vừa chạy vừa lấy tay trái che gò má của mình như thể nó có thể ngăn được đạn. Cứ vài giây chúng tôi lại nghe tiếng đạn lộp bộp. Những khẩu Kalashnikov của nghĩa quân có tiếng khác với những cây súng máy và súng trường của bọn lính. Manxoor, con trai ông Yusuf, cố phân biệt tiếng súng nào là của bên nào. “Hiện giờ phe quân đội đang bắn trả. Nghĩa quân có vẻ đã ngừng bắn.” Ông bố thường ngày rất bình tĩnh tát vào mặt đứa con.

Tiếng súng vẫn nổ khi chúng tôi đến Numbul. Tất cả cánh cửa đều mở toang chào đón. Tôi không biết chúng tôi đã ùa vào nhà nào. Gia đình tôi được đưa vào một căn phòng. Dân của làng tôi đã ở sẵn trong đó, ngồi im lặng dọc các bức tường, tay cầm những tách trà đã vơi phân nửa. Khi gia đình tôi theo ông ngoại vào trong phòng, hai thanh niên đứng dậy nhường chỗ cho ông và bà, một thanh niên khác lấy tấm nệm mà anh ta đang dựa vào đặt sát tường cho ông. “Đây không phải là lúc khách sáo,” ông từ chối. Tiếp theo là

trà. Không ai nói gì nhiều. Chúng tôi lắng nghe tiếng súng văng vẳng.

Sau một lúc, ông ngoại và vài người đàn ông khác bước ra ngoài. Tôi theo sau. Chúng tôi đứng nhìn về hướng làng mình. Tất cả những gì tôi có thể thấy là những ngọn cây xa xa, vài tháp nhà thờ và ngọn núi của làng. Không ai nói ra nhưng mỗi chúng tôi đều đang tìm kiếm phía chân trời những ngọn lửa và đụn khói. Thuốc súng không cần nhiều thời gian để đốt trụi một ngôi làng. Nhưng tôi không nhìn thấy khói mà chỉ thấy một bầu trời đang tối dần.

Tôi tưởng tượng cảnh người ta chặn một chiếc xe buýt địa phương ở làng bên, báo cho tài xế biết về vụ tấn công và cho nó quay ngược lại. Tôi tưởng tượng cha đang ôm chầm báo và hồ sơ văn phòng, rời khỏi xe buýt và tá túc ở nhà một người quen. Nhưng tôi không thể bỏ qua những ý nghĩ về việc chiếc xe buýt của cha đang chạy về hướng làng chúng tôi hoặc đang bị kẹt giữa các làn đạn. Lần đầu tiên tôi hiểu được trọn vẹn việc ông phải trải qua những cuộc hành trình nguy hiểm hết tuần này sang tuần khác để gặp chúng tôi như thế nào.

Tiếng súng im bặt sau một lúc. Gia đình tôi ở lại Numbul đêm hôm đó. Sáng hôm sau chúng tôi quay về làng trong nỗi bất an và hồi hộp. Chúng tôi đi bộ rất nhanh và chỉ dừng lại để chào hỏi người quen và nhìn về hướng các ngôi nhà trong làng hồng tìm dấu vết của trận chiến đấu tối qua.

Chúng tôi dừng lại đột ngột khi về đến sân sau nhà mình. Ông bà ngoại, mẹ, em trai tôi, các dì và tôi chết đứng trong một giây, nhìn trân trân ngôi nhà không hề suy suyển, giống như là chúng tôi đã phát hiện ra một vầng trăng non. Tôi chạy vù vào sân sau. Cha đang đứng trên hàng hiên. “Cha đã nghe tin đó trên đường về và ở lại Islamabad, chỗ ông Mohammad Amin,” ông bình thản nói.

Tôi lắc lắc tay ông. “Nhưng cha có sao không?”

Cha mỉm cười. “Khỏe! Bọn cha ổn mà.”

Ngoại kể lại cho cha chi tiết cuộc tháo chạy và việc chúng tôi ở lại Numbul. Tôi cũng tham gia và kể lại việc thấy nghĩa quân trên đường và cuộc nói chuyện của dân làng với anh Tonga. Thằng em trai tôi cũng không

thế im lặng. “Cha ơi, anh Basharat đã khóc lúc nhà mình ở bên Numbul.” Cha nhìn đi nơi khác, giả vờ không nghe nó nói. “Thôi vào nhà đi!” ông nói.

Chúng tôi đi vòng vòng, kiểm tra từng phòng hướng mặt ra đường cái xem có dấu hiệu hư hại nào không. Vài viên đạn còn dính trên trần căn phòng của cha và vài viên nữa găm vào bức tường phòng khách xoay ra đường. Ông ngoại dùng kèm lôi mấy vỏ đạn ra. Chúng tôi nhìn chúng trong vài giây rồi quăng đi.

Đến xế trưa, cha ngồi trong cái góc thường lệ của mình trong phòng khách, cùng vài cuốn sách và một ấm samovar đựng trà nóng bên cạnh. Hai anh em tôi ngồi đối diện cha. Thỉnh thoảng, một người bạn hay một người bà con sẽ ghé qua và những câu chuyện của tối qua lại được thuật lại. Giữa những lần kể này, cha sẽ đọc một hay hai trích đoạn thơ Urdu hoặc một đoạn Shakespeare rồi quay sang hai anh em tôi, nói: “Đứa nào giải nghĩa được đoạn này sẽ được năm rupee.”

Boongke hóa



Trong vòng vài tháng sau đó, đã có vô số cuộc đàn áp xảy ra trong làng tôi và những làng lân cận.

Thêm nhiều doanh trại quân đội Ấn Độ được dựng lên ở Kashmir. Những chiếc xe quân đội, lính có vũ trang, những khẩu súng máy ló ra khỏi các boongke bằng bao cát ở khắp nơi. Chết chóc và sự sợ hãi đã thường trực, như việc đi học hay chơi cricket hay bóng đá. Có những lúc chúng tôi đã quên mất cuộc chiến tranh ở quanh mình. Có những lúc chúng tôi không thể.

Mùa hè năm 1992, dì tôi có thai và mẹ thường xuyên lo lắng về một cuộc tấn công của quân đội hay một trận càn vào làng. “Chúng ta sẽ làm sao nếu có chuyện gì xảy ra đây?” mẹ lẩm bẩm. Một buổi trưa tháng sáu, những cơn đau đẻ bắt đầu hành hạ dì tôi. Chồng dì, chú Bashir (ông chú có cái giọng nói tiếng Anh bí ẩn), ông ngoại và mẹ bàn việc đưa dì đến một bệnh viện ở Anantnag.

Nhưng có một cuộc bãi công, hoặc là một cuộc chống đối bằng cách đóng hết cửa tiệm ngày hôm ấy để phản đối điều gì đó – một sự kiện rất thường xảy ra trong những ngày đó. Những cửa tiệm đều đóng cửa và không có một phương tiện vận chuyển nào đi lại. Mấy đứa con trai hàng xóm chơi cricket với một trái bóng quần vọt trên đường. Không có cách nào để đến bệnh viện ngoại trừ cách thuyết phục một trong hai ông tài xế trong làng chở dì tôi đến đó. Ngoại tìm được Dilawa Khan, một trong hai ông tài xế. Chú Bashir, mẹ và Ngoại cùng hộ tống dì tôi đến bệnh viện. Khi họ chuẩn bị đi, một người

quen đi chiếc scooter đến và bảo họ đợi.

Nghĩa quân đã tấn công một đoàn xe tải của quân đội gần bệnh viện ở Anantnag và một trận bắn nhau gay gắt đang diễn ra. Dì tôi đang đau quần quai. Mẹ tìm cách xoa dịu dì. Chú Bashir hồi hộp đi ra đi vào. Ngoại thì cầu nguyện.

Sau một lúc, chúng tôi không thể chờ thêm nữa. Mẹ và chú cùng ngồi với dì ở ghế sau taxi. Ngoại ngồi ở ghế trước. Dilawar, người tài xế cao, đầu hói, ngồi sau tay lái, nghiêm nghị và quả quyết. Ông nổ máy xe và quay sang Ngoại. “Thầy Hiệu trưởng ơi, con bé cũng là con gái tôi. Cho dù bọn chúng có đem xe tăng ra, tôi cũng quyết đưa nó đến bệnh viện.” Các cầu thủ cricket đã dừng cuộc chơi và đứng bên chiếc xe. Hầu hết mọi người trong làng đã tập trung lại để tiễn họ. Bọn trẻ con cố chen đến gần cửa sổ xe và nhìn dì ấy. Những người đàn bà với tay vào trong để vỗ đầu và cầm tay dì. Những người đàn ông la lối, nhắc họ nhanh chân lên và phải dũng cảm và kiên nhẫn. Chiếc xe chạy đi. Hàng loạt những cánh tay giơ lên và những giọng nói đồng thanh hòa thành lời cầu nguyện: *Miyon Khoday Thaeyinav Salamat! Miyon Nabi Kariney Raecchih!* (Cầu xin thánh Allah giữ gìn cho con được bình an! Cầu xin đấng tiên tri Mohammad canh chừng con!)

Ba tiếng sau, ông Dilawar tấp xe vào bên ngoài nhà chúng tôi. “Một thằng con trai!” ông ấy la lớn.

Tôi bắt tay ông. “Dì con có khỏe không ạ?”

“Khỏe, khỏe, nó khỏe. Ta đã lái rất nhanh. Đến những trạm kiểm soát, ta gọi tất cả bọn lính là ‘Đức ngài’ và nói với bọn chúng là đưa con gái ta sắp sinh đến nơi rồi. Suy cho cùng, chúng cũng là con người mà thôi. Chúng ta đến đó vừa kịp lúc.” Tôi cảm ơn ông và ông mỉm cười. “Dì cháu giống như con ruột của ta vậy. Thằng bé thật kháu khỉnh!” Chúng tôi đặt tên nó là Murtaza – người dũng cảm.

Vài tháng sau, vào một ngày mùa thu, tôi đi cùng với vài người bạn trong một chợ nhỏ gần nhà. Một tên quân cảnh bước vào và chúng tôi lần tay vào túi để lấy chứng minh thư. Một tên lính dừng lại bên cạnh bạn nghĩa là bạn sẽ

có rắc rối. Bạn sẽ bị kiểm tra chứng minh thư, hoặc bị đánh đập, hoặc ghé thăm doanh trại quân đội gần nhất. Hay đơn giản là hẳn có thể ra lệnh cho bạn vác một cái bao đựng hàng tiếp tế đến trại của hẳn. Binh lính ép buộc thường dân làm việc cho chúng là chuyện thường ngày.

Tên lính đi về phía chúng tôi chỉ để hỏi mua mấy cục pin cho radio của hẳn. Tôi chỉ hẳn đến tiệm của ông Bashir Lala, anh họ xa của mẹ tôi, một người đàn ông tốt tính khá nổi tiếng trong dòng họ về tính nhút nhát. Chúng tôi hay mua vui trong sự bối rối của ông.

Một ngày nọ ông Bashir đi thăm họ hàng ở Anantnag. Dân địa phương thường gọi Anantnag bằng cái tên từ ngày xưa của nó, Islamabad. Bọn lính sẽ đánh đập bất cứ ai dùng cái tên Islamabad, bởi nó cũng là tên thủ đô của Pakistan. Ông Bashir luôn nhắc nhở mình phải nói Anantnag mà không nói Islamabad nếu có một tên lính hỏi ông đi đâu. Xe buýt của ông bị bắt dừng lại tại một trạm kiểm soát ngoài thị trấn và một tên lính hỏi, “Ông đang đi đâu đó?”

Ông Bashir quên mất câu trả lời mình đã tập dượt trước. “Islamabad.” Cây ba ton của tên lính vụt vào tay trái ông đau điếng và ông Bashir thét lên, “Anantnag, thưa ông! Anantnag, không phải Islamabad.”

Người ta đồn ông Bashir đã đón chiếc xe buýt kể về nhà và không thăm viếng cả Anantnag lẫn Islamabad hàng mấy tháng sau đó.

Tên lính muốn mua mấy cục pin bước đến tiệm ông Bashir. Tôi thấy ông Bashir đứng dậy khỏi chiếc ghế gỗ của mình và đi về chỗ những bậc thang dẫn đến tiệm, run lấy bầy và tuôn mồ hôi đầm đìa. Ông hỏi tên lính, “Thưa ông! Tôi đã làm gì ạ? Xin đừng tin mấy thằng ngốc này, chúng nó không có chuyện gì khác để làm ngoài việc chọc ghẹo tôi. Tôi bằng tuổi cha chúng, mà chúng vẫn hù dọa tôi. Tôi chỉ là một chủ tiệm nhỏ bé.” Tên lính phá lên cười và hỏi mua pin. Ông Bashir lóng ngóng lục lọi mấy kệ trong tiệm, không tìm thấy gì và lại xin lỗi. “Ông nên bán pin ở đây,” tên lính nói. Ông Bashir hỏi, “Hiệu gì thưa ông?”

Tên lính đi tiếp sang tiệm khác. Ông Bashir dõi theo cả toán lính cho đến

khi chúng đi mất. Chỉ khi ấy ông mới dám hét lớn: “Đồ con lợn! Tụi mày dám giỡn mặt với tao! Đồ con chó!” Ông ấy tiếp tục la hét chúng tôi. Rồi ông vùi đầu mình giữa hai đầu gối, che bằng hai bàn tay và òa khóc. “Sao tụi mày lại đối xử với tao như vậy? Tim tao có vấn đề, mấy cây súng làm tao sợ chết khiếp. Đúng, tao là thằng hèn. Tao không muốn chết. Tao có hai đứa con gái. Tao phải gả chúng nó trước khi tao chết.” Ông ôm cái đầu hói tròn trịa của mình và khóc. “Mày cũng vậy nữa! Mà mày là con trai của chị tao,” ông ấy nói, nhìn thẳng vào mắt tôi.

Không lâu sau, tôi đã hiểu hơn về nỗi khiếp sợ của ông. Một buổi tối mùa đông nọ, tôi và thằng Wajahat đang xem bộ phim *Ba chàng ngự lâm pháo thủ*. Dù là chiến tranh hay hòa bình, người ta cũng không thể để vượt mất cơ hội xem một bộ phim như thế. Truyền hình Pakistan chiếu vô số bộ phim Hollywood cổ điển. Chiếc tivi của chúng tôi thu tín hiệu kém, nên thằng Wajahat và tôi phải tốn hàng mấy tiếng điều chỉnh ăng ten. Tôi sẽ vác cái ăng ten trên một cọc gỗ từ mái nhà xuống bãi cỏ sân trước, qua chuồng bò và xoay nó từ từ. Thằng Wajahat sẽ chạy không kịp thở giữa phòng khách và chỗ tôi làm để báo cáo tiến trình. Thỉnh thoảng cái tivi sẽ bắt được hình ảnh, nhưng âm thanh sẽ bật vì nhiễu. Thỉnh thoảng chúng tôi có thể bắt rõ âm thanh và những con người sẽ hiện lên màn hình như trong phim âm bản. Rốt cuộc chúng tôi cũng sẽ dò được trúng chỗ cho cái ăng ten và hình ảnh, âm thanh sẽ cùng song hành.

Tôi vặn âm thanh xuống mức nhỏ nhất, thắp một ngọn đèn và hạ hết màn xuống để tránh mọi sự chú ý. Bên ngoài, đêm giới nghiêm vẫn nằm im thin thít như một người đàn ông đang chờ đợi cuộc tập kích. Ba chàng ngự lâm chiến đấu, nô đùa, mua vui cho chúng tôi một lúc. Bỗng tiếng ầm ầm của những chiếc xe tải quân đội bên ngoài xua đi những trận đấu kiếm. Chúng tôi tắt tivi và nhìn he hé qua màn cửa. Ánh đèn pha của chiếc tải thắp sáng con đường vắng và những ngôi nhà xung quanh. Sau khi đoàn xe quân sự đi qua, chỉ còn lại sự im lặng và vầng trăng dăm chiêu tựa mình vào những đám mây.

Buổi sáng đến đột ngột bằng một câu thông báo thật to qua cái loa công

cộng của đèn thờ: “*Asalam-u-alikum!* Đây là thông báo khẩn. Quân đội đã bao vây làng. Tất cả đàn ông, thanh thiếu niên phải tập trung trong bãi cỏ ở sân bệnh viện trước sáu giờ. Sẽ có một cuộc trấn áp. Từng căn nhà sẽ bị lục soát. Đàn bà có thể ở nhà.” Ông Gul Khan, lão nông sống trong một cái lán bằng gạch gần đèn thờ và là người nhắc nhở việc cầu nguyện, lặp đi lặp lại thông báo đó vài lần. Chỉ vài người hưởng ứng lời nhắc cầu nguyện buổi sáng sớm của ông. Nhưng lời thông báo về cuộc càn quét đã mang đến cho ông một thứ quyền lực mới. Chỉ trong vài phút, cả nhà tôi đã có mặt tại gian bếp. Sau một bữa sáng nhanh gọn, Ngoại, cha, tôi và đứa em bước ra ngoài đường. Những nhóm nhỏ đàn ông và thanh thiếu niên trong làng xóm đã đứng sẵn ở trước cửa mấy cửa tiệm gần đó.

Không lâu sau, mẹ và các dì sẽ mở hết cửa tất cả gian phòng và tủ bếp cho bọn lính lùng sục quân khởi nghĩa, súng, hoặc đạn dược. Ở Kashmir vẫn thường xảy ra chuyện bọn lính giở trò xấu với đàn bà con gái trong những trận càn quét. Nhưng chúng tôi đã không thể làm được gì.

Một nhóm nhỏ những khuôn mặt mắt nhắm mắt mở bắt đầu di chuyển qua những cái chợ rỗng không về hướng khu bệnh viện. Vầng mặt trời nhợt nhạt, giấu mình sau những ngọn núi, chạm khẽ vào mấy nóc nhà lợp tôn. Chúng tôi đi trong màn sáng tù mù qua các cửa tiệm đều hiu, giữa những hàng lính đội nón cối kim loại ánh màu xanh lá đang ôm chặt những khẩu súng trường và súng máy. Tôi do dự đi theo cha. Mấy tên lính quát tháo chúng tôi bước nhanh hơn. Chúng tôi phục tùng. Một nhóm khác kêu chúng tôi đưa chứng minh thư ra và giơ tay lên. Trong vòng vài giây đã có một hàng người dài nối đuôi nhau trước cổng bệnh viện. Hai hàng tay giơ lên, cánh tay phải nắm chặt chứng minh thư cao hơn cánh tay trái để không vài xentimét. Không có một nét nào riêng để phân biệt giữa tay của một nông dân và một ông thẩm phán, mà chỉ có chuyện người này đứng sau người khác.

Tôi đi vào bên trong khu bệnh viện, nơi có hàng trăm người đang ngồi dưới cái sàn trống trơn lạnh lẽo. Cha, Ngoại, tôi và em trai ngồi chung với một nhóm những người hàng xóm. Một viên sĩ quan quân đội ra lệnh cho

khách ghé thăm bệnh nhân đứng vào một nhóm cách xa dân làng. Dân làng được lệnh đi hàng một ngang qua một xe quân sự. Từng người được yêu cầu dừng lại tại cửa sổ xe và đưa mặt cho một gã *mukhbir* bịt mặt xem. *Mukhbir* là từ để chỉ một người Kashmir đã trở thành kẻ chỉ điểm nghĩa quân và những người ủng hộ họ.

Một số tên *mukhbir* vốn là nghĩa quân đã bị tra khảo đến khuất phục. Một số khác tình nguyện làm vì tiền. Một số khác gia nhập những toán vũ trang để trả thù việc nghĩa quân đã giết thành viên nào đó trong gia đình họ. Cách đây khá lâu, nghĩa quân đã đem một tên bị tình nghi là chỉ điểm đến con kênh chạy dài theo chân ngọn núi năm sừng sừng che chắn làng chúng tôi và bắn hắn. Họ ném gã đàn ông bị thương xuống kênh và bỏ hắn lại cho đến chết. May mắn thay, gã đàn ông bị thương, hóa ra là tên lang thang ở làng bên trước đây là học sinh của ngoại tôi đã sống sót. Hai viên đạn trúng vào cổ hắn nhưng dòng nước lạnh của con kênh đã làm máu của hắn đông lại và cứu hắn.

Trong những giờ tiếp theo chúng tôi bị bắt xếp thành hàng một và đi ngang qua tên *mukhbir*. Nếu tên chỉ điểm giơ tay lên, bọn lính sẽ nện người bị tình nghi rồi đem anh ta đi thẩm vấn. Đến lượt tôi. Tim tôi đập thình thịch, nhưng tôi cố không tỏ ra hồi hộp. Tên *mukhbir* đợi một giây và bảo tôi đi tiếp. Nhưng Manzoor, thằng con trai mười sáu tuổi của người hàng xóm chúng tôi, thì bị đem đi thẩm vấn. Cha nó từng làm quản lý khách sạn ở một khu du lịch gần đó. Sau khi trận chiến nổ ra, du khách đã ngừng đến Kashmir và người ta phải đóng cửa khách sạn. Cha nó sửa sang gian phòng tầng trệt nhà nó và mở tiệm bán rau. Thằng Manzoor đi học, nhưng vào những ngày liên tục xảy ra bãi công chống lại việc bắt bớ, phóng hỏa, hay giết chóc người bị giam giữ của bọn lính, nó nán lại cửa tiệm trong khi trường vẫn đóng cửa. Nó là một thằng choai choai nói nhiều và thích đàn đúm. Thỉnh thoảng, nghĩa quân đi ngang qua tiệm, sẽ mua gì đó hoặc đơn giản là ngồi lại và nói chuyện. Thằng Manzoor rất khoái được chú ý và được nói chuyện với những người chỉ huy. Lính quân đội có vẻ đã nghe về việc nghĩa quân từng ghé lại tiệm nó.

Tôi quay về chỗ của mình trên bãi cỏ, cạnh cha và Ngoại đang an ủi người cha quản trị của thẳng Manzoor. Rồi hai tên lính đi về hướng chúng tôi. “Ở đây có ai tên là Basharat Peer không? Nó là học sinh lớp chín.” Chúng biết trường tôi. Tôi đứng dậy. “Đi theo tụi tao,” một tên nói. “Nhưng... tôi là học sinh mà,” tôi thử phản đối. “Tụi tao biết. Tụi tao chỉ cần mày nhận mặt một người,” tên lính nói cụt lùn. Họ đi về trung tâm thăm vấn, trước kia từng là nhà ở cho bác sĩ. Tôi đi theo họ, không quay đầu lại để xem cha và ông ngoại phản ứng thế nào. Chúng đưa tôi đi vào trong một tòa nhà ba phòng. Tôi đã nhiều lần đến đó gặp một người bạn của gia đình làm bác sĩ. Tôi bị bắt ngồi trong một phòng chứa đồ và bọn lính đập cửa lại sau lưng tôi.

Căn phòng trống và chỉ có một cửa sổ duy nhất quay mặt về hướng ngọn núi của làng. Tôi đứng gần cửa sổ và nhìn chăm chăm vào cửa đi. Nó là một cái cửa gỗ tầm thường, được sơn màu xanh nhạt theo quy định dành cho những tòa nhà của bệnh viện. Tôi nhìn chăm chăm vào cánh cửa rồi nhìn đồng hồ trên tay mình. Tôi quay sang phía cửa sổ và nhìn ngọn núi, nhìn những cây thông đứng trong ánh sáng rực rỡ của bình minh, nhìn con đường mòn gỗ ghề uốn lượn theo sườn núi dẫn xuống con kênh, nhìn những túp lều cũ chơ vơ nằm trong khoảng đất trống bên cạnh con kênh. Tôi lại nhìn đồng hồ và quay về hướng cửa. Cánh cửa gỗ vẫn bất động. Tôi ngồi xuống sàn và nhìn chăm chăm vào cánh cửa, đầu óc hơi tê dại. Việc dự đoán về nội dung cuộc thăm vấn còn tệ hơn chính cuộc thăm vấn.

Tiếng than khóc và kêu la từ mấy phòng bên cạnh làm tôi giật mình. Tôi liên tục nghe những từ: *Khodayo Bachaav!* (Cứu con, Thượng Đế ơi!) và *Nahin Pata sir!* (Tôi không biết, thưa ông!) Chúng đang tra tấn những người đàn ông và thiếu niên bị đưa đi sau khi tên *mukhbir* chỉ mặt họ. Tôi nghĩ đến thẳng Manzoor. Cái thân mảnh khảnh của nó làm sao có thể chịu đựng được bất kỳ cái gì kia chứ? Tôi nghĩ đến đứa con trai trong trường mà chúng muốn tôi nhận mặt. Tôi lẩm nhẩm tất cả lời cầu nguyện mà tôi biết. Cái cửa vẫn im lìm. Tôi nhìn cái sàn dơ bẩn và đợi. Những tiếng kêu rú lại tiếp tục giữa những khoảng yên lặng ngắt ngứ.

Khoảng hai giờ sau, cửa mở bật ra. Hai tên lính đứng chĩa súng vào tôi. Tôi đứng dậy. Tôi bị tê cứng người, sợ hãi, chăm chăm nhìn vào mặt bọn chúng. Nhưng chúng không đánh tôi. Một trong hai tên bắt đầu tra hỏi.

“Mày tên gì?”

“Basharat, thưa ông!”

“Nguyên tên họ?”

“Basharat Ahmad Peer, thưa ông!”

“Tên cha?”

“Gulam Ahmad Peer, thưa ông!”

“Ông ta làm gì?”

“Nhân viên chính phủ, thưa ông!” Rồi tôi nhanh nhẩu nói thêm vào để gia tăng hiệu quả, hy vọng nó có thể giúp chút gì, “nhân viên Phòng Dịch vụ Hành chính của Kashmir, thưa ông!”

Hắn có vẻ như không nghe thấy tôi. “Mày sống ở đâu trong làng?”

“Ở cuối đường, thưa ông! Kế bên tiệm thuốc tây.”

Tôi tiếp tục nhìn hắn rồi nhìn thật nhanh sang tên lính kia. Nhưng những gương mặt vô cảm và lạnh lùng của chúng không tiết lộ điều gì.

Đột nhiên: “Mày theo nhóm nào? JKLF hay HM?”

“Không theo ai hết, thưa ông! Tôi là học sinh.”

Hắn dừng lại và nhìn tôi. “Đứa nào cũng nói mình là học sinh.”

“Có bao nhiêu đứa bạn mày theo tụi đó?”

“Không có đứa bạn nào của tôi, thưa ông! Tất cả tụi nó là học sinh.” Tôi lấy thẻ học sinh trong túi áo sơ mi của mình ra và trình nó.

Hắn đọc lướt, lật qua lật lại và trả cho tôi. “Vũ khí đâu?”

“Tôi không có vũ khí, thưa ông! Tôi là học sinh.”

“Thôi nào, nói cho tụi tao nghe. Mày biết là tụi tao có những cách khác để tìm ra mà.”

“Tôi biết, thưa ông! Nhưng tôi chỉ là một học sinh.” Tôi năn nỉ.

“Nghĩ kỹ hơn đi. Tao sẽ quay lại trong vài phút,” tên thám vấn nói, rồi bỏ đi.

Tên lính kia đứng đó im lặng. Tôi cố gắng thuyết phục hẳn rằng tôi chỉ là một học sinh. “Nói với ông sĩ quan khi ông ta quay lại,” hẳn nói và giữ nguyên thái độ im lặng đáng sợ của mình. Sau một hồi, gã thẩm vấn quay lại và hỏi lại những câu đã hỏi. Tôi chỉ có đúng một câu trả lời:

“Tôi là học sinh.”

“Thôi được rồi,” hẳn nói, “tao biết mày là học sinh.” Hẳn có vẻ đã đi đi một tí. Hẳn hỏi về một học sinh trong trường tôi, cái đứa vẫn còn tên trong danh sách nhưng ít khi đến trường. Nó là thằng Pervez, bạn chí cốt của tôi ở trường, một giọng ca Bollywood dở tệ, tiền vệ trụ của đội đá banh, một thằng con trai có đôi má hồng và mặc đồ thể thao màu xanh dương. Tôi nhanh nhẩu trả lời và cho biết tên ba nó, nghề nghiệp và tên làng của họ. Tôi cũng nói thêm là nó có bà con ở làng chúng tôi. Thằng Pervez đang thăm bà con và đã bị bắt trong đợt càn quét này. Chúng muốn kiểm tra chứng minh thư của nó. Gã thẩm vấn nhìn tôi trong một giây và nói, “Thôi được rồi! Mày có thể đi.”

Tôi cảm ơn hẳn rồi đi ra khỏi kho chứa đồ. Tôi có thể cảm thấy hàng trăm đôi mắt tò mò, thông cảm nhìn vào khuôn mặt mình. Tôi trở nên rất ý thức về bản thân, bước đi thận trọng và cố gắng mỉm cười. Cha và Ngoại đứng dậy và bước về phía tôi. Tôi ôm lấy họ. “Bọn chúng có đánh con không, ngài Tổng tư lệnh?” Cha cố pha trò. Mắt của Ngoại ươn ướt, ông choàng một cánh tay qua vai tôi và không nói gì cả. Sau một lúc nữa, thằng Manzoor xuất hiện, đi khập khiễng. Lát sau, khi đợt càn quét chấm dứt, bạn bè của tôi đều được thả. Thằng Pervez đi cà nhắc đến chỗ tôi. Chúng tôi ôm chầm lấy nhau. Tôi rủ nó về nhà tôi. Nó nói: “Tao phải đi về nhà. Cảm ơn nhé! Mày đã cứu tao hôm nay.” Tôi nhìn nó đi. Cái áo sơ mi carô màu quế dần biến mất trong đám đông.

Tôi không bao giờ thấy nó nữa. Vài năm sau, tôi nghe nói nó đã gia nhập nhóm JKLF và bị giết trong một trận đọ súng.

Ngày hôm ấy qua đi bằng các cuộc viếng thăm chóng vánh nhà những người đàn ông và thanh thiếu niên đã bị bắt. Khắp người thằng Manzoor đầy vết bầm tím do bị đánh đập nhiều lần. Cha nó cấm tuyệt nó không được bám

trụ tại tiệm tạp hóa. Ở nhà, gia đình tôi nói về dấu vết ria mép và râu quai nón đã bắt đầu xuất hiện trên mặt tôi. Bọn lính đặc biệt nghi ngờ người có bất kỳ loại râu ria nào trên mặt. Một số đàn ông lớn tuổi trong làng – kể cả cha của Manzoor – trước đây từng nhuộm tóc cho đen, nay đã ngừng việc đó. Tóc muối tiêu làm bạn ít bị nghi ngờ hơn. “Một tí râu quai nón không có lợi cho con,” cha nói với tôi. “Con phải cạo râu.” Ông ngoại cười mỉm. Mẹ thì cười phá lên. Tôi cảm thấy xấu hổ. Cha đem bộ dao cạo của ông ra. “Đi nào. Cha sẽ dạy con làm. Dễ lắm.” Tôi vẫn luôn xem cha cạo râu. Tôi đứng trước gương của nhà tắm, ông đứng gần tôi. Tôi tắt nước vào mặt và bỏ một ít kem cạo râu hiệu Old Spice của ông lên một bàn chải. “Xoay bàn chải chậm chậm thành vòng tròn trên da,” cha nói. Trong chốc lát mặt tôi biến mất trong đám bọt trắng. Cả gia đình đang xem tôi. Cha đưa tôi dao cạo của ông. “Kéo nó chậm thôi. Đừng ấn mạnh, nếu không con sẽ cắt vào mặt mình.” Tôi đã cạo được râu.

Chuyến tàu tốc hành đi Shalimar



Một buổi trưa mùa xuân năm 1992, tôi nhìn thấy một đoàn xe quân sự chạy trên con đường mòn bụi mù dẫn từ trường tôi đến làng Aishmuqam. Tôi bước vội về hướng rặng liễu và bạch dương gần hàng rào kẽm của trường để nhìn cho rõ hơn. Đoàn xe tải thẳng kết lại ngay tại cổng trường tôi. Bọn lính xông vào trường. Khu nhà này thuộc quyền sở hữu của Trung tâm Nghiên cứu Địa chất của Ấn Độ, nhưng họ đã đóng cửa các văn phòng ngay sau khi cuộc chiến bắt đầu và trường chúng tôi đã thuê lại một vài tòa nhà. Trong vòng vài giờ, chúng đã dỡ hết đồ trên xe tải và biến khu nhà thành một doanh trại quân đội.

Vài ngày sau, chúng xây những vọng gác và boongke cát dọc theo hàng rào của trường. Những họng súng máy và gương mặt lạnh lùng của binh lính nhìn trừng trừng ra ngoài từ những lỗ châu mai hình chữ nhật của các boongke, được chắn bằng lưới kim loại hồng làm chệch hướng những quả lựu đạn có khả năng sẽ được ném vào. Không lâu sau chúng tôi có những luật lệ phải tuân theo. Nhiều phần thuộc khu vực trường, kể cả một nửa tòa nhà chính, trở thành khu cấm địa. Chúng tôi phải mang theo chứng minh thư và trình ra mỗi khi ra vào trường. Một tấm biển ra lệnh người ra vào phải trình giấy tờ được dựng lên gần trạm kiểm soát ngay cổng trường. Khách phải viết tên, địa chỉ và những thông tin khác của họ vào một bảng đăng ký và chỉ được vào bên trong trường sau khi bị bọn lính lục soát thân thể.

Đám lính không bao giờ làm phiền chúng tôi. Chúng tôi đến lớp học, chơi

đá banh và cricket và trong phần sân của mình, chuyện trò về đề tài mọi người đều đang bàn tán ở Kashmir: chiến tranh. Chúng tôi giả vờ thờ ơ với chính trị nếu có một tên lính nào đó hỏi chuyện. Bọn lính bắt đầu công việc “thống trị theo khu vực”, tức là tuần tra con đường đi ngang qua trường và ra đi thật sớm vào buổi sáng để thực hiện những cuộc càn quét ở những làng lân cận. Trong vài tuần lễ, tôi và bạn bè cùng trường bắt đầu quen dần với hình ảnh đoàn xe tải quân đội quay về sau những trận càn quét và đàn áp những người bị tình nghi là quân khởi nghĩa. Những thanh niên bị trói bằng thừng được đưa vào các tòa nhà của trường thuộc phần đất quân đội chiếm đóng. Tối tối trong phòng mình, chúng tôi sẽ nghe thấy tiếng kêu la của những tù nhân bị tra tấn. Những đám học sinh sẽ tụ họp lại bên ngoài, suy diễn về các hình thức tra tấn mà những người hàng xóm mặc quân phục của chúng tôi đang hứng chịu. Chúng tôi bàn đến việc giúp đỡ các tù nhân chạy trốn nhưng không có cả phương tiện lẫn ý chí để thực hiện.

Cái doanh trại quân sự và những chiến dịch của nó là một lời mời mọc sự tấn công của quân du kích. Chúng tôi chờ đợi một điều quá hiển nhiên. Bọn lính bảo các thầy cô cấm chúng tôi ra khỏi ký túc xá sau khi mặt trời lặn.

Một buổi tối, sau bữa ăn, tôi ngồi trong phòng mình nói chuyện với anh Shabnam, bạn chung phòng với tôi. Điện mất và tôi đốt nến. Một tiếng nổ bất thành linh vang lên! Một tiếng nữa! Những tràng đạn liên tục, dồn dập. “Súng Kalashnikov!” tôi hét lên. Rồi hàng loạt tiếng bắn trả lớn hơn của những khẩu súng máy hạng nhẹ đặt trong những boongke dọc theo đường biên của trường. “Nhóm LMG!” Tôi thổi tắt nến và chúng tôi ngồi xồm bên dưới thành cửa sổ. Chúng tôi nghe đủ loại tiếng súng. Đó là một bầu không khí mạo hiểm, ly kỳ. Nhưng vài phút sau trận đấu súng trở nên vô cùng căng thẳng và sự phấn khích hạ xuống thành nỗi sợ hãi. Anh Shabnam lẩm nhẩm kinh Koran mà hầu hết người Hồi giáo cầu nguyện trong lúc đối mặt với nguy hiểm. Tôi đọc đi đọc lại những lời kinh tôi biết như là “*Aaya-ul-Kursi*”, hay *Bài xướng của Ngai vàng*: “*Thánh Allah! Không có Thượng đế, chỉ có Ngài – một sinh thể tự sinh, bất diệt. Cả giấc ngủ lẫn giấc điệp mơ màng đều*

không thể chế ngự Ngài. Ngài là vạn vật, trên thiên đường lẫn trên mặt đất. Ngài vàng của Ngài trải rộng khắp thiên đường và trên mặt đất. Và Ngài đang canh giữ không mệt mỏi cho chúng con. Vì Ngài là đấng Tối cao.”

Mắt chúng tôi bị hút về phía cửa sổ. Một dãy nhà nhỏ nhỏ tường trắng mái xanh lá cây nơi bọn con gái đang ở, cùng cái sân cricket rộng thênh thang của chúng tôi và những cây đào, bạch dương tạo thành một kiểu ranh giới giữa chúng tôi, cái gara buýt của trường dựng bằng mấy tấm amiăng, một cái lưới trắng giăng trên sân bóng chuyền và những ngọn núi xa xa đang lấp lánh trong một thứ ánh sáng trắng đáng yêu. Thứ âm nhạc thô ráp của tiếng súng tiếp tục phát ra. Một tiếng bùm vang lên và một vầng mặt trời sẽ xuất hiện, bùng nổ trong ánh sáng chói lòa. Tôi đứng như đang mơ cạnh cửa sổ và chăm chú nhìn lên bầu trời: một ngàn vầng mặt trời nhỏ dờn dờn như vừa bùng nổ.

Vụ tấn công vào trường đã làm gia đình tôi hoảng hốt. Họ thu xếp cho tôi rời khỏi ký túc xá và đi học về hàng ngày. Mẹ nói sẽ đem tôi sang trường của thằng Wajahat ở Anantnag, nhưng ở đó cũng không an toàn hơn bao nhiêu. Và hầu hết các trường đều đóng cửa suốt. Có ngày thì đóng cửa để phản đối những vụ bắt bớ hay giết hại những người bị bắt trong một khu thăm vấn, có ngày thì đóng cửa vì một vụ bắn nhau hoặc một cuộc đàn áp. Các nhóm tuần tra tiếp tục lập trại trong những tòa nhà của trường học, trong khi quân kháng chiến thiêu trụi nhiều tòa nhà khác họ sợ là sẽ bị biến thành doanh trại quân đội. Việc đi học vô cùng nguy hiểm. Một ngày nọ Wajahat suýt chết. Nó và thằng bạn đang chơi trò rồng rắn lên mây ở dãy ghế chót của lớp Toán thì nghe tiếng súng. Những loạt đạn được bắn trong cái chợ gần trường. Giáo viên quyết định tiếp tục bài học và mười phút sau thì dạy xong. Một số học sinh sợ sệt, một số khác thì phấn khích khi nghe tiếng súng bắn. Sau hai tiếng ngừng bắn, bọn nó được phép rời khỏi trường và ngôi trường đã bị đóng cửa hôm đó.

Cổng trường được mở và lũ học sinh xô đẩy tranh nhau ra ngoài chỉ để thấy một chiếc xe tăng của quân đội Ấn Độ lù lù trước mặt. Binh lính xua lũ

học sinh đi chỗ khác. Thằng Wajahat và mấy đứa bạn nó chạy xuyên qua cái chợ trống, hướng về trạm xe buýt cách đó khoảng một dặm. Những tên lính căng thẳng tuần tra khu vực đó. Thằng Wajahat đến được một gian hàng giày dép do một người bạn của cha tôi quản lý, người mà ai cũng gọi là Ông Chúc May Mãn. Nó nghe một tiếng động cơ lạ lùng và khi quay lại thì thấy một chiếc xe tăng đang chạy lừ lừ phía sau nó. Một mình trên đường và sợ hãi, nó bắt đầu bước nhanh hơn, nhưng chiếc tăng vẫn chạy song song với nó. Họng súng xe tăng xoay vòng vòng, chĩa thẳng vào thằng bé rồi xoay hướng khác. “Em tưởng bọn lính sẽ nã đạn vào em. Rồi em thấy một khẩu súng máy gắn trên chiếc tăng và nghĩ chắc bọn chúng sẽ bắn em,” thằng Wajahat kể với tôi. Chiếc tăng dừng lại và thằng bé cũng dừng lại. Tên chỉ huy của chiếc tăng gào vào mặt nó, “Chạy đi! Hay là mày muốn chết?” Nó chạy.

Các bậc phụ huynh muốn đưa bọn trẻ ra khỏi vùng Kashmir. Những người giàu gửi con cái của họ sang châu Âu và Bắc Mỹ, còn tầng lớp trung lưu và thấp hơn thì chọn các trường cao đẳng và đại học trong những thị trấn và thành phố của Ấn Độ. Hầu hết sinh viên học những trường y và trường đào tạo kỹ sư. Vật lý, hóa học và hóa sinh là những ngành phổ biến. Vào tháng tám năm 1993, khi tôi đã vượt qua kỳ thi lớp mười, Ngoại đưa tôi đến trường Đại học Hồi giáo Aligarh, cách Delhi ba tiếng. Tôi phải học vật lý, toán và hóa trong vòng hai năm tại một phân viện của trường đại học, rồi học liên thông lên trường cao đẳng ở đó và tốt nghiệp ngành xã hội học, ngành sẽ tạo được ấn tượng tốt trong kỳ thi vào khối hành chính dân sự. Em trai tôi sẽ theo học trong hai năm nữa. Khi tôi đi với Ngoại, các thành viên gia đình, bà con và lối xóm đứng bên ngoài để tiễn đưa. Chúng tôi đi tới chỗ taxi với một chiếc vali màu be hiệu VIP. Tôi không cảm thấy buồn bã hay bồn chồn. Tôi không biết bao lâu nữa mới được trở về nhà. Mỗi một lần ra đi từ bấy đến nay của tôi đều là sự tiếp nối của giây phút đó.

Chiếc xe buýt của bang chạy khó khăn trên con đường cao tốc hẹp nằm dọc vách núi nhìn xuống những hẻm sâu, nối liền Kashmir với đồng bằng Ấn Độ. Khoảng giữa chuyến hành trình, chiếc xe buýt dừng lại ăn trưa ở một cái

chợ trên đường cao tốc. Ở đó có những tiệm bán đồ ăn nhanh được gọi là khách sạn và mang những cái tên lạ lùng. Khách sạn Hindu, khách sạn Sikh, khách sạn Hồi Giáo. Chúng tôi ăn tại khách sạn Hồi Giáo. Sau một ngày hành trình, chúng tôi đến được ga xe lửa gần nhất ở Jammu. Tôi chưa đi xe lửa bao giờ. Vầng mặt trời màu cam đang lặn xuống cánh đồng hoang khi chúng tôi bước vào trong ga xe lửa xây bằng gạch đỏ. Những người khuân vác mặc áo ka ki, quần tây và những bộ áo liền quần màu đỏ vây lấy chúng tôi. Những sân ga đầy nghẹt người – đám thanh niên phấn khích, những người đàn bà sồn sồn trang điểm thật dày, các ông chồng của họ tay xách nách mang và những người bà con đi tiễn họ. Những người bán hàng rong với những bình trà và cà phê âm ỉ chạy về phía mọi khách hàng tiềm năng và la to *Chai garam!*, tức trà nóng. Một giọng mũi nói thứ tiếng Anh bồi léo nhéo qua loa xe lửa, rằng họ hối tiếc về sự bất tiện gây ra cho hành khách do chuyến xe lửa bị dòi lại mùi tiếng đồng hồ. Mùi tiếng đồng hồ!

Chiếc xe lửa màu huyết dụ vào ga và chúng tôi lên toa của mình. Ngoại nói cho tôi biết, những toa có máy điều hòa là đắt tiền nhất và chỉ những người giàu mới có khả năng đi, rồi đến những toa hạng nhất ít đắt tiền hơn, rồi đến hạng giường nằm là loại chúng tôi chọn. Toa giường nằm giống như một cái lò nướng, đông lúc nhúc. Mỗi ngăn của toa có ba giường ngủ ở một bên và hai cái nữa bên kia lối đi. Chúng tôi nhận chỗ đã đặt sẵn và vài phút sau, tôi bắt đầu cuộc hành trình bằng xe lửa đầu tiên của mình.

Tôi cảm thấy bứt rứt, lóng ngóng và ý thức về sự mù tịt của mình về những việc đơn giản như đóng một cái cửa sổ xe lửa hoặc mở một cái giường xếp. Thời tiết thật tàn bạo: nóng nực và ẩm ướt. Mặt tôi nóng bừng bừng, còn chiếc áo sơ mi ướt sũng mồ hôi dán chặt vào lưng tôi. Mũi của Ngoại khô đến nỗi tôi có thể thấy được một lớp muối trên đó. Cái nóng trở nên dễ chịu hơn một chút khi chuyến tàu tốc hành đi Shalimar rời trạm. “Mày có thể uống trà trên xe lửa và cái tách sẽ không lắc,” có lần một người bạn đã nói với tôi. Tôi đã uống và đúng là nó không lắc.

Sau vài giờ hành trình, khi tàu Tốc hành Shalimar đến địa phận Punjab thì

hai tên lính bước vào toa của chúng tôi. Cũng như tôi, hai tên lính này đã trải qua chuyến đi dài mười hai tiếng qua những ngọn núi cao để đến ga xe lửa ở Jammu. Phía trước chúng tôi là chuyến xe lửa mười hai tiếng đến Delhi. Bọn lính mỉm cười và thả túi của chúng trên lối đi. “Anh có thể làm ơn nhường cho chúng tôi một chỗ không?” một tên trong bọn hỏi một người đàn ông trung niên đang đọc báo. “Chúng tôi đang trở về nhà sau một năm ở Kashmir và không đặt chỗ trước.” Người đàn ông không nhúc nhích. Tên lính lặp lại lời yêu cầu và khi tôi ngọ nguậy trong trên ghế của mình thì một hành khách khác chỉ xuống cái sàn dơ bẩn và nói, “Anh có thể ngồi đây.” Tôi choáng váng. Ngoại và tôi nhìn nhau. Không như người dân ở Kashmir, những hành khách người Bắc Ấn không có lý do gì để sợ bọn lính: họ sai khiến chúng và đám lính phục tùng họ.

Một lúc sau người soát vé đến. Ông ta mặc sơ mi trắng, áo khoác đen và quần tây và cái bảng tên bằng thép gắn túi áo khoác có tên của ông và hàng chữ: Kiểm soát vé thông hành. “Các người làm gì ở đây?” ông ta nạt mấy tên lính. “Các toa khác không còn chỗ, thưa ông. Ông làm ơn xếp chỗ cho chúng tôi ở đâu đó,” chúng năn nỉ. Ông yêu cầu hai tên lính đó ra khỏi toa và bước ra ngoài. Chúng đi theo ông. Vài phút sau chúng quay lại và ngồi bệt xuống sàn. “Ông ta tính mày bao nhiêu tiền?” người nào đó hỏi. “Năm mươi rupee mỗi đứa,” một tên lính nói. Mấy ông khách cười to và tán gẫu về nạn tham nhũng. “Đây chính là Ấn Độ” người đàn ông cầm tờ báo tuyên bố.

Chúng tôi đến Delhi vào buổi sáng và đến xế trưa thì sẽ đến thị trấn nhỏ bé Aligarh. Tôi ngắm những cụm nhà trông giống như khu ổ chuột, những khu công nghiệp xám xịt, những cánh đồng bát ngát trống trơ, rồi những khu ổ chuột thật sự và những ngôi làng nơi những người đàn bà mặc sari đang phơi đồng gạch bùn dưới nắng mặt trời cạnh đường ray xe lửa. Hai tiếng rưỡi sau, chúng tôi bước ra khỏi nhà ga xe lửa xây bằng gạch đỏ ở Aligarh. Bên ngoài trạm không có một chiếc taxi hay xe buýt địa phương nào, ngoại trừ hàng trăm chiếc xe kéo được đạp bởi những người đàn ông hốc hác. Ngoại do dự khi được một người chở đi như vậy, nhưng thời tiết nóng quá sức để có

thể đi bộ hai dặm đến trường đại học. Chúng tôi thấy có lỗi khi được chở đi bởi một người đàn ông nghèo khổ đang cố hết sức gánh khối lượng của hai hành khách và mấy túi đồ. “Nơi này nghèo đói khủng khiếp quá,” Ngoại nói vậy. Ông trả cho người đạp xe kéo đó gấp đôi số tiền công.

Chúng tôi đã gặp một số sinh viên người Kashmir và được họ giúp làm thủ tục đăng ký ở trường đại học. Trường bị quá tải và không còn phòng trong các ký túc xá. Những người bạn mới Kashmir đã đưa tôi về phòng trọ của họ trong ký túc xá và nhường cho tôi ít chỗ. Tôi cùng với một người bạn tiền Ngoại ra ga vào ngày hôm sau. Tôi thấy buồn khi nhìn ông đi nhưng đồng thời cũng háo hức khi được ở một chỗ mới với những bạn bè mới. Tôi đã khởi đầu khá tốt bằng việc bách bộ bên ngoài khu vực trạm xe lửa cùng với một người bạn và ra rạp xem một bộ phim của Bollywood.

Ngày học đầu tiên, tôi đi về phía tòa nhà của trường mang theo sách vở và những kỳ vọng. Ngài Syed Ahmad Khan đã sáng lập trường đại học này năm 1920 để mang lại nền giáo dục hiện đại cho người Hồi giáo. Nó từng được biết đến như Đại học Oxford của phương Đông. Nhưng nó đã tuột dốc trong những thời kỳ khó khăn và đang hấp hối như hầu hết các trường đại học cấp tỉnh ở Ấn Độ. Không có *aazadi* thực sự nào trong cảnh nghèo khổ của Kashmir. Bối cảnh chính trị của trường đại học càng làm cho mọi việc tệ hơn: Nó là một trong những học viện đầu tiên của người Hồi giáo Ấn Độ và sự lo lắng cũng như nỗi thất vọng về vị trí của họ trong lòng Ấn Độ thì đã quá rõ ràng. Tôi đã nghe về sự căng thẳng và bạo lực giữa các giáo phái ở miền Bắc Ấn, nhưng chuyện đó vẫn chỉ là một khái niệm trừu tượng xa xôi.

Vào tháng mười hai năm 1992, khoảng một năm trước khi tôi vào học trường của mình ở Aligarh, một băng đảng Hindu quá khích đã phá hủy đền thờ Babri Masjid ở Ayodhya, cách Aligarh vài trăm cây số. Phe Hindu cánh hữu do Đảng Bharatiya Janata (BJP) cầm đầu, đã tranh cãi rằng ngôi đền đó đã được xây dựng trên nền bị phá sập của một ngôi đền cổ kính. Họ muốn xây một thánh đường Ram trên chính nền đất của cái đền thờ đã bị phá hủy. Vụ phá hủy đã châm ngòi cho cuộc bạo động tôn giáo trên khắp Ấn Độ và

hàng ngàn người đã bị giết. Hilal, một người bạn Kashmir ở trường mới của tôi, đã chứng kiến cuộc bạo động đó. Hai ngày sau vụ phá hủy ngôi đền thời trung cổ, Hilal và mười học sinh người Kashmir khác lên chuyến xe lửa đi từ Aligarh đến Delhi, nơi họ dự định đón một chiếc xe buýt về Kashmir. Những *karsevak*, tức những nhà hoạt động chính trị Hindu cánh hữu đã phá hủy ngôi đền ở Ayodhya, cũng đi cùng chuyến xe lửa. Họ đeo những dải băng buộc đầu màu vàng nghệ theo quy định và mang theo những chiếc xà beng sơn vàng nghệ, đinh ba và mấy con dao găm.

Các *karsevak* hỏi những sinh viên tên và nơi cư ngụ của họ. “Phần lớn sinh viên nói tên thật và nói mình là dân Kashmir,” Hilal kể với tôi. Rồi nó thấy nhóm những tên *karsevak* điên cuồng gọi bọn nó là những tên khủng bố Hồi giáo người Kashmir và tấn công bọn nó bằng xà beng và dao găm. Hilal nghe những tiếng gào thét và nhận ra bọn *karsevak* đang đẩy những học sinh bị thương ra khỏi đoàn xe lửa đang chạy. Một nhóm *karsevak* đến gần nó và hỏi tên. Họ của nó là Bhat, cái họ phổ biến đối với cả người Hồi giáo lẫn Ấn Độ giáo ở Kashmir. “Tôi là người theo đạo Hindu. Tên tôi là Praveen Bhat. Tên của ba tôi là Badrinath Bhat,” Hilal nói dối. Nó sợ bọn chúng kiểm tra chứng minh thư hoặc tề hơn, bắt nó tuột quần xuống để bọn chúng xem nó có da quy đầu hay không. Dân Hồi giáo được cắt da quy đầu, dân Ấn Độ giáo thì không. May mắn thay, cái nhóm có vẻ đang vội vã đó đã để cho nó đi. Nó đã muốn phóng ngay xuống tàu ở ga kế nhưng lại nhìn thấy một nhóm người đang rượt theo Rafiq Sofi, một sinh viên ngành hóa chưa tốt nghiệp. Hilal cầu mong cho bạn bè của nó ở những toa khác sống sót.

Chuyến xe lửa đến Delhi hai tiếng sau đó. Hilal cùng một đứa con trai nữa đợi những người khác bên ngoài ga Delhi. Chúng gặp được một số người, nhưng rất nhiều người đã mất tích. Sau này, Hilal được biết là bạn của nó và một người bạn đang học lớp chín, tên là Farhat Razak, đã bị đâm cho đến chết. Xác của cậu này được tìm thấy trên đoạn đường ray gần sở cảnh sát. Một học sinh khác, Javed Andrabi, thì mất tích trong một tháng trời. Các bản tin về một thi thể không được nhận dạng trên đường ray xe lửa gần một thị

trần cách Aligarh nửa dặm đã lan đến trường đại học. Những người thu gom và chôn xác cậu ta đã giữ lại cái quần tây. Nhãn hiệu của hãng thợ may trên chiếc quần tây cho biết tên người thợ may của gia đình Andrabi và tên một thị trấn ở Kashmir. Anh trai của Andrabi đã có thể xác nhận người chết chính là em trai mình.

Bất chấp sự bất an và nỗi tuyệt vọng ở đất nước Ấn Độ, vốn đang chứng kiến sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc Hindu giáo, hầu hết bạn Ấn Độ theo đạo Hồi của tôi là những người mang trong lòng chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ. Chúng không đồng tình với tôi và những học sinh người Kashmir ý tưởng về một Kashmir độc lập. Bọn nó sợ rằng sự ly khai của một Kashmir gồm phần lớn dân Hồi giáo ra khỏi Ấn Độ sẽ làm cho cuộc sống những người Hồi giáo ở Ấn Độ ngày càng tệ hại hơn. Mỗi khi tivi trong phòng chúng tôi chiếu cricket, những thằng bạn người Ấn đạo Hồi của tôi lại hò reo, ca hát và ủng hộ cho đội Ấn Độ. Những đứa Kashmir thì cổ vũ cho đội Sri Lanka hay Pakistan, hay bất cứ đội nào là đối thủ của đội Ấn Độ.

Nhưng những nhịp điệu của thời học sinh và những rối bời, rồi cả khao khát của thời tuổi trẻ đã giữ cho chúng tôi bận rộn. Sau hai năm cuối của trường trung học, tôi vào trường cao đẳng vào tháng Tám năm 1995 để học chính trị, xã hội học và văn chương Anh. Trường cao đẳng gần như không dung dưỡng cảm hứng. Không giáo viên nào buồn liên hệ giáo trình học với những biến động chính trị và xã hội ở bên ngoài.

Tôi thích những lớp văn chương hơn. Người thầy dạy chúng tôi về Hemingway nói bằng thứ tiếng pha trộn giữa tiếng Hindi và tiếng Anh, thứ tiếng thằng Hilal nói cho tôi biết là Hinglish. Rất ít sinh viên đến lớp và trong số đó những đứa có khả năng nói hoặc viết một câu tiếng Anh hoàn chỉnh lại càng ít hơn. Những chính trị gia sinh viên vênh váo đi vòng quanh trường với đám tay sai mang những súng lục được chế tạo ở nông thôn. Cứ cách một tuần lại có những trận bắn nhau trong sân trường và thành viên của băng nhóm này sẽ dần như tử thành viên của băng nhóm khác. Khi những chính trị gia sinh viên không ấu đả với nhau, chúng nó lại muốn giấc mơ đó trở thành

hiện thực trên chính trường Ấn Độ.

Những đứa tôi chơi hầu hết là sinh viên người Kashmir. Chúng tôi chia sẻ với nhau những kinh nghiệm về chiến tranh ở quê nhà. Một thằng sống ở Srinagar kể về việc học chơi bài bridge và cờ tướng trong những ngày đêm giới nghiêm. Một thằng sống ở một thị trấn phía bắc Kashmir kể chuyện trốn trong kho hàng mấy tiếng đồng hồ cùng với gia đình trong khi bọn lính Ấn vây ráp. Một đứa nào đó nói về nỗi chán chường của việc phải ở trong nhà sau khi mặt trời lặn, chuyện này lại nhắc một đứa nào đó về các mệnh lệnh của những toán lính Ấn, là ai bước ra khỏi nhà vào buổi tối phải cầm theo đèn pin hay đuốc và thế là nó lại nhắc những đứa khác về những vụ giết nhầm người vào buổi tối khi những toán tuần tra tưởng lầm họ là quân kháng chiến. Một đứa nào đó kể chuyện về một người đàn ông điên hay đi lòng vòng trong thị trấn của ông ta vào ban đêm và đã bị một toán tuần tra bắn chết. Trong những cuộc điện thoại về nhà và những chuyến thăm nhà trong các kỳ nghỉ hè và nghỉ đông, chúng tôi còn nghe và nhìn thấy nhiều thảm cảnh hơn nữa. Một trong những ngày ấy, trong một chuyến đến thăm nhà một người bạn ở thị trấn Bijbehara lân cận, tôi đã dừng lại gần một nghĩa trang, nơi chôn cất không biết bao nhiêu người biểu tình bị giết sau khi lực lượng bán quân đội nã đạn vào một cuộc diễu hành. Tuổi khắc trên bia mộ của hầu hết những người đã chết là mười tám.

Tôi nghe thấy âm vang Kashmir trong những trang sách của Hemingway, Orwell, Dostoyevsky và Turgenev, trong số những nhà văn tôi đọc. Tôi quay về với Hemingway và bắt đầu đọc lại *Giã từ vũ khí*. Ông viết về một cuộc chiến tranh xa xăm như thế mà tôi lại nhìn thấy Kashmir trong từng câu chữ của ông. Người kể trong truyện của Hemingway, Frederick Henry, một tài xế Mỹ lái xe cứu thương cho người Ý, nói về hỏa lực như thế này: “Tôi không thể thấy những khẩu súng nhưng rõ ràng chúng đang bắn thẳng về phía chúng tôi.” Nó nhắc tôi cái ngày tôi phải trốn chạy sang làng bên cùng với gia đình sau khi nghĩa quân tấn công những toán lính quân đội trong khu vực làng chúng tôi. Sau đó trong cuốn tiểu thuyết, khi nữ y tá người Anh Catherine

Barkley nói với Henry rằng vị hôn phu của cô đã bị nổ tan xác và tiểu đội của anh ấy đã đưa cho cô cây gậy bọc da mà anh đã mang theo, tôi nghĩ đến việc những nhóm nghĩa quân ở Kashmir đã gửi bản sao của kinh Koran cho gia đình của các nghĩa quân bị giết.

Khi tôi tình cờ bắt gặp một bản sao cũ cuốn *Suy tôn xứ Catalan* của George Orwell qua sự pha trộn giữa cá nhân và con người chính trị, giữa những chi tiết nhỏ và những ý tưởng lớn, qua kiểu văn xuôi rời rạc nhưng đầy khí chất của tác giả, trong tôi lại dấy lên nỗi ám ảnh. *Suy tôn xứ Catalan* làm gợi nhớ trong tôi biết bao ký ức về Kashmir và làm cho tôi tin rằng một ngày nào đó việc viết một tác phẩm tương tự về cuộc chiến của riêng tôi là có thể. Tôi nhìn thấy những bức tường của các thị trấn Kashmir khi đọc những trang viết của Orwell về Barcelona trong giai đoạn nổi dậy chống phát xít năm 1936: “Những bức áp phích về cuộc cách mạng có mặt khắp nơi, rực cháy trên các bức tường trong những màu xanh, màu đỏ trong vữa, làm mấy mẫu quảng cáo còn sót lại trông như những vết bẩn của bùn đất.” Tôi nghe những bài hát phát ra từ loa của đền thờ địa phương khi đọc đến đoạn: “Đọc theo Ramblas^[26], huyết mạch trung tâm của thị trấn, nơi những đám đông ào ạt đến và đi như mắc cửi, mấy cái loa phóng thanh phát rộn ràng những bài hát cách mạng suốt cả ngày và cho đến tận khuya.”

Khi ông viết, “Phần nhiều tôi không hiểu được và về nhiều mặt tôi không thích chút nào, nhưng ngay lập tức tôi nhận ra đó là tình huống đáng để tôi chiến đấu vì nó.” Tôi cảm thấy ông đang nói hộ sự quan tâm của tôi với cuộc nổi dậy của người Kashmir như nỗi sốt sắng của thằng con trai mới lớn, sự quan tâm dựa trên những sự thật thuộc về cảm tính nhiều hơn là những học thuyết chính trị và kiến thức về lịch sử.

Tôi cũng nhìn thấy những ô cửa sổ hiểu biết tương tự mở ra khi đọc *Lữ đoàn kỵ binh đỏ* của Isaac Babel. Và khi đọc về sự mất tích và vụ án mạng của chính Babel, tôi lại nghĩ đến những vụ bắt bớ và ám sát trong khi bị giam giữ của hàng ngàn thanh niên ở Kashmir. Khi đọc ký sự của John Steinbeck về những nông dân du canh du cư trong *Chùm nho phần nộ*, tôi nhìn thấy

những doanh trại của quân đội Ấn chiếm dụng những vườn trái cây và những cánh đồng lúa quanh làng tôi ở Kashmir. Ít lâu sau, những bài luận của James Baldwin gợi cho tôi nhớ đến những *ghetto* của người Hồi giáo Ấn Độ và những tầng lớp thấp hơn.

Tôi muốn viết như vậy về Kashmir nhưng tôi lại giữ ý nghĩ đó cho riêng mình. Tôi sẽ không trở thành công chức như gia đình tôi mong muốn. Thị trấn Aligarh không đủ sức thu hút tôi. Tôi đã thấy tin tức về những cuộc giới thiệu sách, các liên hoan phim và hội thảo về sân khấu trên các tờ báo của Delhi. Thăng Wajahat em trai tôi đang học văn học Đức và tâm lý học ở một trường đại học ở Delhi. Tôi gọi cho mẹ và kể cho bà nghe sự miễn cưỡng của tôi khi chuẩn bị cho kỳ thi vào khối hành chính dân sự. Những cuộc tranh cãi và tranh luận diễn ra trong nhiều tháng. Chúng tôi đã đạt được một sự thỏa thuận. Tôi có thể học làm luật sư, chuẩn bị cho ngành hành chính dân sự và viết lách trong thời gian rảnh rỗi.

Cuối cùng tôi vào khoa luật của trường Đại học Delhi. Đó là một cách để tôi được sống ở Delhi và được khám phá những đường hướng mới trong việc viết lách.

Một phen hú vía



Ngày đầu tiên ở Delhi, tôi đã đi bộ xuyên qua cung điện Connaught với mái vòm hình tròn trang nhã, ngay trung tâm thành phố. Tôi thấy choáng ngợp. Những tòa nhà dường như quá to, những con đường quá náo nhiệt. Đó là một ngày tháng sáu cháy khô, không có gió, không một bóng râm. Mấy chiếc xe buýt động cơ diesel phả khói mù mịt. Nhưng tôi có một cảm giác tự do, cảm giác rằng tôi có thể dạy cho bản thân mình những gì cần học hỏi. Tôi trải qua gần như nguyên năm thứ nhất của mình trong trường luật, đọc văn chương và báo chí. Delhi có hàng hà sa số thư viện và một chợ sách cũ tuyệt vời vào chủ nhật hàng tuần. Vào giữa năm 2000 tôi rời trường luật và tìm được công việc đầu tiên với một website tin tức. Sau tuần đầu tiên đi làm, với một số bài học có được từ các biên tập viên, tôi được gửi đi phụ trách tin bài ở Delhi. Tôi cố gắng, rồi thất bại, rồi lại cố gắng và bắt đầu học cách tồn tại như một phóng viên.

Công việc phóng viên yêu cầu tôi phải đến nhiều nơi của thành phố. Tôi đang mất dần sự kiên nhẫn với những chuyến xe buýt đông nghẹt ở Delhi. Sau khi nhận được tấm séc tiền lương đầu tiên, tôi mua một chiếc xe gắn máy cũ từ một đồng nghiệp. “Cậu phải nhanh chân lên. Tin tức luôn nóng hổi,” biên tập viên tin tức của tôi sẽ hét lên như thế. Sống ở Delhi là phải chạy nhanh hơn những người khác. Tôi thường nghĩ đến Ruskin Bond khi tôi dừng xe ở một cột đèn giao thông. “Ở Delhi hoặc bạn là người đầu tiên, hoặc bạn bị lạc,” Bond đã viết. Tôi không muốn bị lạc. Khi đèn giao thông chuyển

sang màu xanh lá cây, tôi nhả thẳng, xoắn tay ga đến mức tối đa và vọt lên trước đám đông.

Tôi sống trên gác xép của một nhà ở phía nam Delhi, cách văn phòng tôi một dặm. Sau giờ làm việc, khi không đọc sách, tôi cùng đám bạn bè tụ tập ở một trường đại học gần căn phòng tôi thuê. Trường này đã và vẫn đang là một trong số vài nơi được chấp nhận về mặt chính trị ở New Delhi. Cảnh sát Delhi qua thời gian đã tạo nên tiếng tăm về những cuộc đụng độ giả với những kẻ khủng bố người Kashmir. Tôi đã hiểu tại sao tôi được gửi đến một trường đại học Hồi giáo sa sút và tạm bợ mà không phải một trường cao đẳng ở Delhi.

Dần dần tôi cũng thích Delhi. Tôi cũng bắt đầu hiểu những góc cạnh của một Ấn Độ muôn màu muôn vẻ đang hiện hữu, những góc cạnh tôi thích và quan tâm đến, những góc cạnh không giống thứ quyền lực quân sự tôi đã nhìn thấy ở Kashmir. Ấn Độ đã mở cửa nền kinh tế vào đầu những năm 1990. Những kênh truyền hình phát sóng suốt ngày đêm và số lượng các loại tạp chí tăng lên. Những phát thanh viên và phóng viên trẻ hỏi nạn nhân của các thảm kịch những câu hỏi đại loại như: “Vậy cảm giác đó như thế nào?” bằng giọng bắt chước kiểu phát âm của người Mỹ. Thủ đô của Ấn Độ vừa mới được đồ hàng đồng tiền bắt đầu hãnh diện khoa trương bản thân bằng những đêm nhạc DJ đặc biệt và những khu mua sắm phô bày các phòng trưng bày hàng Levi và những cửa hàng Nokia. Hàng ngàn chiếc Toyota đưa đón những người điều hành đêm tại các văn phòng BPO^[27] ngoại thành, trong số họ có thằng bạn cùng phòng với tôi, xuất thân từ một thị trấn nhỏ phía nam Ấn Độ và đã được dặn phải vứt bỏ cái tên Ấn Độ của nó. Nó sẽ kể cho tôi nghe công việc của nó rồi bắt đầu nhái những cuộc gọi của mình như thật: “Xin chào! Tôi là Jack Smith gọi từ JCPenny!”

Nước Ấn Độ cũ và kết cấu quyền lực của nó không biến mất. Nhiều sinh viên đến từ những ngôi làng và thị trấn nhỏ sống cuộc đời khổ hạnh và chuẩn bị cho kỳ thi “dân sự” – kỳ thi tuyển vào ngành hành chính dân sự ở Ấn Độ. Họ vùi đầu vào những cuốn sách luyện thi và giáo khoa trong bốn, năm, thậm

chí sáu năm, bồi bổ bằng loại rượu rum rẻ tiền Old Monk, trừng trừng ngó lên trần nhà trắng toát của những căn phòng tù túng và mơ đến cảnh ngồi trên ghế của một viên chức hành chính quận, vây quanh bởi những vệ sĩ, tay sai, tài xế khúm núm chực chờ nhất cử nhất động của họ, cùng một căn bungalow, một chiếc xe công màu trắng với còi hụ và đèn đỏ nhấp nháy và trong vòng một vài năm, nắm quyền quản lý toàn bộ quận – thường bao gồm hàng trăm ngôi làng và hơn một triệu dân. Ngay giữa lòng Delhi, gần đường Jantar Mantar, tôi thấy gần như hàng ngày những nhóm người của một Ấn Độ bất lực – những người ngồi trên các lối đi với mấy tấm băng rôn vải hay những áp phích bằng bìa cứng nhằm tìm kiếm sự chú ý của chính quyền đến nỗi thống khổ của họ, đến sự bất công họ đã phải chịu đựng. Một Ấn Độ vừa tởm lợm vừa lôi cuốn.

Delhi bắt đầu trở thành quê hương thứ hai của tôi. Có lẽ bạn cảm thấy một thành phố là quê hương khi biết rằng sẽ có một hoặc hai người đến sân bay hay ga xe lửa để chào đón bạn, khi biết rằng có những bằng hữu muốn gặp bạn khi bạn đến. Tôi đã có thể quên Kashmir – nơi mà tôi chỉ ghé thăm hai hay ba tháng một lần – nhưng tôi không thể. Kashmir là phần cốt yếu lẫn phần phụ của thế giới nghề nghiệp, thế giới riêng tư và thế giới giao thiệp của tôi ở Delhi. Kashmir là địa danh được đăng tải nhiều nhất trên báo về những cái chết: Hầu như mỗi sáng thức dậy tôi đều đối mặt với tin tức về vụ nổ mìn, bắn nhau, đồng đồ nát của một mái ấm bị phá hủy, hay cuộc biểu tình chống lại những vụ giết hại tù binh ở Kashmir. Tôi hy vọng sẽ không phải đọc tên những người tôi yêu quý nhất trong những báo cáo về thương vong đó.

Có lần thần may mắn đã suýt bỏ rơi tôi. Tôi đi lấy tin ở khu tòa án của Delhi cho website tin tức tôi đang làm việc. Vào ngày 14 tháng 5 năm 2001, anh em nhà Hinduja, những tay buôn trộm ở Ấn Độ có trụ sở tại Luân Đôn, bị xét xử vì bị tình nghi có liên can đến vụ lừa đảo Bofors^[28]. Các phiên tòa diễn ra tại khu tòa án Tis Hazari ở phía bắc Delhi. Đó là một ngày rất nóng nực. Tôi toát mồ hôi đầm đìa ngay khi bước ra ngoài cửa. Phòng xử án ở khá xa và người biên tập đã yêu cầu tôi đi xe của văn phòng thay vì cưỡi chiếc xe

máy ọp ọp. Máy điều hòa trong xe làm cho viễn cảnh đi đến tòa án khá hấp dẫn. Một tiếng sau, ông tài xế đậu xe bên ngoài khu tòa án bằng bê tông khổng lồ. Tôi đi vào trong và thấy những nhóm phóng viên quen thuộc đang giết thì giờ bằng những tách trà và kể lại những mẫu chuyện hài hước trong giới phóng viên tòa án. Phiên tòa bắt đầu vào khoảng một giờ ba mươi phút sau hai tiếng chiều chực trong cái nóng oi bức.

Tôi tìm được một chỗ ngồi gần ghế nhân chứng nơi hai trong số các anh em nhà Hinduja đang đứng trong những bộ com-lê xám và cặp kiếng gọng vuông theo trào lưu những năm bảy mươi, toát mồ hôi dưới những vòng quay đung đỉnh nhưng ồn ào của cái quạt trần cổ xưa. Một phóng viên nói đùa về sự bình đẳng trước pháp luật, nó giống như cách những phóng viên được trả lương bèo bọt và những tỉ phú nhà Hinduja đang toát mồ hôi dưới cùng một cây quạt trần. Khi vụ xử án tiếp tục, một nỗi buồn mơ hồ vây lấy tôi. Tôi cảm thấy bồn chồn, không màng đến vụ xử. Tôi cố gắng ghi chép nhưng không thành. Tôi thấy khó thở và quyết định bỏ ra ngoài. Mười lăm phút sau, tôi chen qua đám đông và chuồn ra khỏi phòng xử.

Văn phòng của tôi nằm trong một khu mua sắm đông đúc tràn ngập những cửa tiệm đồ sộ của Benetton, Reebok và Adidas. Viện Ngân hàng và Tài chính Toàn cầu nằm cạnh một tòa nhà phức hợp mới được xây. Một hiệu sách biệt lập nhỏ bé gần như nấp sau những biển quảng cáo nhấp nháy và tiếng ồn ào vô tâm của những đứa trẻ nhà giàu. Tôi đi ngang qua cửa tiệm và đi cầu thang lên văn phòng của mình ở tầng cao nhất. “Câu chuyện đó sao rồi, Basharat?” Ramesh, biên tập viên đồng thời là người hướng dẫn tôi, hỏi ngay khi tôi bước vào văn phòng. Tôi nói với anh ấy là tôi đã phải bỏ ra ngoài.

“Đừng lo. Tại cái nóng chết tiệt này đấy,” anh nói.

Ramesh lục đồng hồ sơ, rồi đặt một tay lên vai tôi. Anh có vẻ như đang bối rối và rất cố gắng để giữ bình tĩnh. “Mukhtar (một phóng viên ở Srinagar) đã gọi điện tìm cậu. Gọi lại cho cậu ấy ngay nhé.”

Tôi quay số và Mukhtar trả lời ngay tiếng reo thứ nhì. Anh hỏi thăm vài câu về công việc của tôi. Và rồi anh nói, “Basharat à, cha mẹ của cậu đang

trên đường trở về nhà sau khi ăn cưới ở làng của bác cậu thì một quả mìn phát nổ trên đường. Cảm ơn Thượng Đế là họ đã an toàn. Tôi vừa nói chuyện với họ. Cậu gọi điện cho họ đi.”

Cha mẹ. Mìn nổ. An toàn. Tôi nạp những từ này vào trong đầu, tay giữ chặt ống nghe. Ramesh đứng đó im lặng. Cha mẹ. Mìn nổ. An toàn. Giống như có ai đó đã thụi một cú vào tim tôi. Tôi ngồi dưới sàn văn phòng, dựa đầu vào những chông báo. Tôi khóc. Các đồng nghiệp của tôi đứng xung quanh, im lặng, buồn bã. Tôi gượng dậy rồi gọi về nhà. Tôi nói chuyện với cha mẹ mình một lúc lâu. Tôi sẽ về nhà.

Vì đến tận sáng hôm sau mới có chuyến bay nên tôi phải đón chuyến xe buýt chạy suốt đêm. Trước tiên tôi phải gặp thằng Wajahat. Trường đại học của nó nằm cách văn phòng tôi vài phút.

Tôi đi đến chỗ chiếc xe máy rí sét đang dựng cùng một hàng với mấy cái scooter và xe máy khác, mở ga và bộ phận đánh lửa lên. Tôi thử đề-pa nhưng không được.

Tôi đề-pa lần nữa thì chiếc xe rên rì. Tôi cố thêm lần nữa và cỗ máy già cỗi ì ạch nổ trong vài giây ngắn ngủi. Tôi chắc mình sẽ ngã xuống, hai tay tôi run bần bật, còn hai chân tôi rất yếu ớt, giống như có một cái ống chích khổng lồ đã hút sạch từng mililít máu trong cơ thể tôi. Tôi chặt vật lăm mới dựng xe lại được ngay ngắn và ôm cái nón bảo hiểm trên đầu, tôi ngồi xuống nền xi-măng vạch lằn đậu xe, hút thuốc và nghĩ xem sẽ nói thế nào với thằng Wajahat.

Khi tôi luồn lách xe qua các con đường, hình ảnh về cha mẹ cứ hiện ra trong đầu tôi. Có lần tôi rời bệnh viện với một cánh tay bó bột và nhận một chai coca hiệu Campa cùng một thỏi sôcôla Năm Sao từ tay cha; một lần khác tôi đi mua mấy cuốn truyện tranh *Người Dơi* cùng với cha ở hiệu sách Royal gần văn phòng ông; uống trà và đàm đạo thơ văn ở nhà; nhận một lá thư dài bảy trang của ông ngay khi truyện ngắn đầu tiên của tôi được đăng trên báo Delhi. Còn mẹ thì: thức suốt những đêm tôi bị sốt, tìm thấy một gói thuốc lá của tôi trong quần tây khi tôi từ trường cao đẳng về thăm nhà và giữ

bí mật cho tôi; khăng khăng là tôi phải mặc quần áo đàng hoàng, đặt những yêu cầu nửa đùa nửa thật về việc cưới xin sau khi tôi bắt đầu đi làm.

Tôi dừng lại nơi quán cà phê ngoài trời gần ký túc xá của thằng Wajahat. Từng nhóm nhỏ trai gái ngồi bên vệ đường và trên những trụ xi-măng dọc theo con dốc của quán. Một đám đông khác đang xếp hàng chờ mua mấy thứ quà vật tại quầy và tại tiệm thuốc lá nhỏ kế bên. Những đứa khác quanh quần gần trạm điện thoại công cộng. Tôi sống bên kia đường của trường đại học và thường gặp thằng Wajahat và vài người bạn khác ở đó. Nó đang đứng trong một nhóm gần quầy cà phê. Tôi chậm rãi bước qua những nhóm sinh viên đang chìm đắm trong những cuộc thảo luận sôi nổi về chính trị, cười ha hả và thản nhiên tán tỉnh nhau.

Wajahat và bạn bè nó ngồi thành vòng tròn, để những ly giấy rải rác trên một tảng đá nằm ngay giữa, phủ khói thuốc phì phèo. Tay trái nó cầm một cái khăn vải cotton. Mái tóc quăn, dài ướt sũng mồ hôi. Nó luôn luôn thủ sẵn một cái khăn để ngăn mồ hôi chảy vào kính sát tròng. Nó nhìn thấy tôi từ xa và nói gì đó. Mấy đứa bạn nó cười lớn. Bọn nó thường có những nhận xét vô tư, so sánh công việc phóng viên “tẻ nhạt” của tôi với việc nghiên cứu Hegel và Kant của chúng trong thư viện có máy lạnh.

Thằng Wajahat nhếch miệng. “Chào ngài Phóng viên, có gì mới không?”

“À! Thì vẫn cái mớ chán ngắt thường lệ!” tôi ngồi xuống và mất vài giây để trấn tĩnh. “Anh phải gọi điện về nhà.” Giọng tôi run rẩy.

Mặt nó cứng đờ và nó đứng dậy. “Chuyện gì đã xảy ra vậy?” Mắt nó tối sầm lại, sợ hãi. Bạn bè nó vây lấy chúng tôi.

“Mọi người ổn cả. Cha mẹ đi ăn cưới ở làng Salia về thì một bãi mìn nổ tung trên đường. Bây giờ họ đã về nhà an toàn rồi, nhưng đó là một trận hú hồn.” Thằng Wajahat ngồi xuống. Tôi ôm nó. “Mình phải gọi cha mẹ ngay bây giờ.”

Tôi choàng tay qua vai nó rồi đi với nó vào trạm điện thoại.

Chúng tôi bước vào một buồng kính bé xíu ở trong trạm để gọi điện thoại đường dài. Cái quạt treo tường đang quay một cách vô vọng để chống cái

nóng thánh Năm khắc nghiệť. Thắng Wajahat giữ cho cửa mở hé và tôi gọi về nhà. Điện thoại bắt đầu reo. Tôi đưa nó ống nghe và đứng đắng sau, đặt tay trên vai nó. Nó nói chuyện trên điện thoại mà như đắng trong cơn mê. Đến khi gác máy, chúng tôi ôm chầm lấy nhau.

“Mình phải về nhà,” nó nói.

“Ừ, phải về thôi,” tôi đáp.

Wajahat phải đi thi trong vài ngày tới.

“Anh sẽ đi ngay bây giờ,” tôi nói dứt khoát. “Còn em sẽ đi sau khi thi xong.”

Nó lặng im, suy nghĩ, nước mắt dâng ngập mi. “Em sẽ đi với anh,” nó nói. “Em sẽ bỏ thi.”

“Không đượć! Em không thể làm như vậy. Cha mẹ đã an toàn rồi. Em sẽ về sau khi thi xong. Chúng ta hãy nói chuyện với mẹ lần nữa. Nếu mẹ đồng ý thì em có thể đi về.”

“Anh biết chắc là mẹ sẽ không cho em đi.”

“Thì cứ gọi mẹ cái đã.”

Mẹ và cha khắng khắng là thắng Wajahat phải ở lại thi. Tôi đón chuyển xe buýt đêm về Jammu, bay từ đó đến Srinagar và bắt taxi từ sân bay về nhà. Tôi chẳng nhớ đượć gì khác nữa.

Chiếc taxi dừng bên ngoài ngôi nhà. Có rất nhiều xe đậu dọc con đường. Tôi đứng đó một lúc, nhìn ngôi nhà của chúng tôi, những ngọn núi phía xa, tìm kiếm niềm tin trong khung cảnh thân thuộc. Tôi đi vào. Cha đắng đượć bạn bè, bà con và hàng xóm vây quanh trên thảm cỏ trong sân. Một ấm samovar và vài chiếc khay đầy những cái tách, đĩa bánh mì và bánh ngọt nằm xung quanh. Mẹ đắng đứng gần ông. Tôi vừa mệt rã rời vừa có cảm giác nhẹ nhõm vì lại đượć nhìn thấy họ. Tôi không giận dữ – cảm giác ấy đến sau đó rất lâu, hàng tuần lễ. Tôi đi về phía họ, một sự im lặng bao trùm. Cha mỉm cười từ xa và đứng dậy, mẹ vẫn đứng yên tại chỗ. Tôi đến bên bà và ôm bà thật chặt.

Bạn nói gì đây khi cha mẹ của bạn suýt bị giết chết?

Sau một hồi, mẹ hỏi về việc chuẩn bị cho kỳ thi của thằng Wajahat. Cha hỏi về chuyến đi của tôi. Chúng tôi bắt tay, nhìn nhau và ôm chặt nhau. Không cần phải nói gì thêm.

Chúng tôi uống chút trà. “Con đi tắm và thay đồ đi,” cha nói.

“Lát nữa ạ.” Tôi ngồi với họ, uống trà, không nói gì nhiều.

“Đó là một phép màu,” cha nói vậy.

Họ đã đi dự đám cưới của một người bà con ở làng của bác Rahman, cách ngôi nhà của tổ tiên chúng tôi ba dặm. Những nghi lễ kết thúc trước một giờ chiều, và họ đi về bằng xe hơi với hai người anh em họ của tôi. Chiếc xe rời khỏi làng, đi trên một con đường đất hẹp chạy ngang qua những cụm nhà xây trên khu đất bên phải.

“Cha thấy hai thanh niên ngồi trên khoảng đất bên kia con suối. Chúng nhìn cha mẹ,” cha kể. “Mẹ của con chỉ vào một trong hai thằng đó. Nó cầm cái gì giống như cái máy tính trong tay.”

Chiếc xe chạy chậm lại. “Xe đang băng qua một cái ống dẫn nước bằng bê tông bắc ngang đường.” Rồi bỗng có một tiếng nổ lớn.

“Giống như là một luồng không khí mạnh nhấc bổng chiếc xe lên.”

Sức mạnh của luồng hơi thổi tung xe khỏi đường. Gạch đá bắn tung tóe lên nóc xe.

Trong vài phút, họ nằm co cụm lại, chờ đợi đợt bắn súng có khả năng xảy ra. Cái máy tính mà cha thấy là một ngòi nổ, hai thanh niên bên kia suối đã gài mìn bên trong ống nước. Thật may mắn, chúng đã quên không bịt một đầu của ống nước. Sức công phá đã chuyển sang hướng đầu ống không bịt và chiếc xe hơi bị thổi bay sang hướng khác. Họ thoát chết với vài vết bầm không đáng kể. Nguyên tắc vật lý đã cứu sống gia đình tôi.

“Nhưng sao lại là cha?” tôi hỏi ông. Ông không trả lời. Tôi nghe ông lặp lại câu hỏi đó trên điện thoại. Nghĩa quân có thể giết bọn chính trị gia hoặc cảnh sát theo phe Ấn Độ, hay bất cứ ai chống lại họ. Nhưng những công chức hàng ngày chỉ coi sóc công việc văn phòng như cha tôi, hiếm khi bị nhắm vào.

Vài hôm sau, bạn bè và người thân cho biết danh tánh của kẻ đã thuyết phục nghĩa quân giết cha tôi. Hẳn là một gã đàn ông có tham vọng chính trị mà gia đình tôi đã quen biết một thời gian dài. Tôi gọi hẳn là Iago. Một tháng trước vụ tấn công, hẳn đã gặp cha tôi tại văn phòng của ông. Cha là trưởng phòng quản lý điều hành của quận và phải giải quyết rất nhiều vụ tranh chấp giữa các hội nhóm và cá nhân. Một trong số các đối thủ của Iago, đồng thời cũng là một người rất tham vọng về chính trị, đã nộp đơn lên văn phòng cha tôi để xin một thứ giấy phép nào đó. Iago muốn cái giấy phép đó bị từ chối. Cha nói với Iago là theo đúng luật thì đối thủ của hẳn được quyền có giấy phép đó. “Nhưng anh có thể linh động một chút nếu anh muốn. Đó là thứ luật ít người biết mà,” Iago bảo cha tôi. Cha không chịu và Iago bỏ về, mặt sừng sĩa.

Iago là một kẻ điều hành đầy tham vọng, sống trong một khu vực phức tạp, ban ngày nịnh bợ phe Ấn Độ còn ban đêm thì dung dưỡng, che giấu và hiến tiền bạc cho những nhóm quân ly khai chống Ấn Độ. Một trong những vị chỉ huy của nhóm quân lớn nhất đang hoạt động trong vùng có tên Hizbul Mujahideen là người cùng làng với Iago. Khi nghĩa quân đang trong giai đoạn ẩn náu, Iago đã giúp đỡ gia đình ông ta. Sau cuộc gặp gỡ với cha tôi, Iago bần tiện tới tay chỉ huy nghĩa quân thông qua một cấp dưới: “Tên Peer là mối nguy cho anh. Hẳn đang cố gắng bảo đảm cho những vụ bầu cử cấp làng xã được trôi chảy.” Quân ly khai đã kêu gọi tẩy chay tất cả những cuộc bầu cử – cấp làng – cấp quận – cấp tiểu bang – những việc mà họ thấy chỉ là thủ đoạn để củng cố sự thống trị của Ấn Độ tại Kashmir.

Tay chân của gã Iago thuyết phục họ rằng nếu họ muốn sự tẩy chay những cuộc bầu cử cấp làng có tác dụng, phải trừ khử cha tôi. Một tháng sau, mìn nổ. Trong những tuần lễ sau vụ tấn công, hàng trăm người đã ghé thăm nhà chúng tôi, điện thoại không bao giờ ngừng reo. Gã Iago không hề gọi đến. Rất lâu sau đó, tôi tình cờ gặp hẳn trên đường. Hẳn bắt tay tôi, trách tôi không ghé thăm gia đình hẳn, hỏi thăm sức khỏe của cha và khen ngợi ông đủ điều. Tôi cũng giả bộ cười nói, hỏi han về gia đình hẳn.

Cha rất sợ và thậm chí ngừng qua lại – dù chỉ mất hai mươi phút – giữa căn nhà chính của ông ở Anantnag và làng chúng tôi. Vài tháng sau, ông bỏ Anantnag để nhận một công việc mới tại Srinagar, nơi tương đối an toàn hơn.

Không biết vì sao tôi lại tin rằng gia đình tôi sẽ luôn được an toàn. Tôi nói với cha điều này. Gần đây chúng tôi có nói chuyện về việc người ta chết đi nhưng chưa bao giờ nói về bản chất của cái chết. “Cha cũng có một niềm tin là chúng ta sẽ không sao và sẽ vượt qua tất cả. Có lẽ người ta không thực sự tin rằng họ có thể bị giết hoặc tiến gần đến cái chết,” cha nói.

Tình hình



Mùa đông năm 2001, tôi có một cuộc họp với các biên tập viên tại hãng tin của mình ở Bombay. Không khí quanh bàn họp khá phấn chấn. Các phóng viên đang tung hứng ý tưởng: các tin nóng, các cuộc phỏng vấn quan trọng, chi tiết về các vấn đề phức tạp. Các biên tập viên tranh cãi, kẻ tán thành, người không tán thành. Việc thực hiện được đánh giá sát sao. Sự phân công việc được thống nhất. Kinh tế. Bầu cử. Môi trường. Chính trị ở thành thị. Và Kashmir.

Tôi làm việc như một phóng viên mảng hình sự và phóng viên theo dõi tòa án. Tôi viết cả về thời trang, điện ảnh và truyền hình hay bất cứ thứ gì các biên tập viên cần. Nhưng sau giờ làm việc, tôi lại đọc tin tức về các cuộc xung đột vũ trang trên thế giới trong nỗi ám ảnh. Tôi đang trui rèn bản thân vì một câu chuyện mà tôi cần phải kể. Rồi tự dưng người biên tập của tôi nói, “Anh Basharat! Anh sẽ đi về Kashmir.”

Một buổi trưa đầu tháng Chín, tôi lên chuyến bay từ Delhi về Srinagar. Cuối cùng tôi cũng về nhà trong tư cách một phóng viên để kể những câu chuyện về Kashmir. Vì chưa bao giờ bay về nhà nên tôi cứ liên tục nhìn ra ngoài cửa sổ. Những mảng tuyết đóng thành băng trên các đỉnh núi gợi lại hình ảnh đầu tiên về quê nhà. Một màn sương xám phủ kín những hẻm núi bao quanh thung lũng. Máy bay bắt đầu hạ cánh. Bóng dáng những ngôi nhà trong làng và những cây óc chó trĩu lá dần dần hiện ra trong biển sương mù. Trên dãy núi đá lạnh lẽo, màn sương tạo nên những lọn khói.

Khi xe vừa đưa tôi ra khỏi cổng sân bay, tôi thấy mình như chui ngay vào giữa một cuộc vây hãm. Hàng đoàn xe tải quân đội với những bệ súng máy xếp hàng dài trên đường phố. Những tên lính mặt mày nghiêm trọng trong áo khoác dày cộp mang súng trường đi lại xung quanh mấy chiếc xe và các trạm kiểm soát. Vào mùa hè bọn chúng đi nghênh ngang trên đường, quàng trên người những chiếc khăn rằn bánh bao, nhưng cái rét của mùa đông Kashmir đã làm chúng co vùi lại một tẹo.

Ở Srinagar đường phố im ắng hơn, những ngôi nhà gạch bị mưa gột rửa trần trụi có vẻ như sạm xuống thêm một ít. Những người đàn ông và phụ nữ đi ung dung trên đường trong những chiếc áo choàng rộng bằng len và khuôn mặt xanh xao của họ bị cái lạnh làm cho đỏ ửng.

Tôi để mấy túi xách của mình trong căn nhà cha mẹ tôi thuê ở phía nam Srinagar sau vụ mìn nổ. Tôi ăn trưa với mẹ thật nhanh rồi chuẩn bị đi ra ngoài. “Con đi đâu vậy?” bà hỏi. “Con phải đi tìm chuyện để viết. Con sắp đến hạn rồi.” Bà mỉm cười. Tôi bước ra đường, gầy giống như chàng Đông-ki-sốt, sổ ghi chép và viết đã sẵn sàng, ánh mắt khi thì vụt nhanh như tên bắn khi thì mờ đi vì tuyệt vọng.

Một chuyến xe lô ba bánh đưa tôi đến một phường nhỏ lọt thỏm ở giữa Lal Chowk, nơi đặt hầu hết tòa soạn của các tờ báo. Phường Báo chí, vốn là hai dãy nhà đối diện nhau được xây bằng gạch đỏ và trắng, đã được đổi tên thành Phường Mushtaq Ali. Phía trước tấm biển cẩm thạch khắc cái tên đó là ngôi nhà quét vôi trắng toát của một phóng viên có tiếng của đài phát thanh BBC, anh Yusuf Jameel. Một buổi trưa tháng chín năm 1995, Jameel đi vào tòa soạn của mình cùng với một nhà báo trẻ tuổi hơn tên là Mushtaq Ali. Một người đàn bà vô danh, mặt che mạng, đã để lại cho anh một cái gói. Khi Jameel bắt đầu mở cái gói thì điện thoại phòng bên cạnh reo. Anh chạy sang để nghe điện. Mushtaq đã mở gói đồ. Nó nổ tung. Jameel bị thương còn Mushtaq chết ba ngày sau đó. Mọi người tin rằng quân đội Ấn đã gửi gói đồ đó để bịt miệng Jameel vĩnh viễn.

Tôi đi vào tòa soạn khiêm tốn xây bằng gạch đỏ của tờ *Thời báo Kashmir*.

Trong phòng tin tức nhỏ xíu, khói bay ra mịt mù từ cái máy sưởi bằng than, còn gọi là *bukhari*. Bốn người đàn ông ngồi sau một bàn gỗ cũ kỹ, đánh máy trên những chiếc vi tính cổ lỗ. Những bản thông cáo báo chí và sổ ghi chép dồn đống trên bàn làm việc của họ. Một chồng báo cũ nằm trên cái giá gỗ và một chiếc điện thoại bàn màu đen kiểu thập niên bảy mươi nằm chệch trên cửa sổ. Masood, một phóng viên kỳ cựu và là bạn của tôi, đến đón. “Sứ mạng Kashmir đầu tiên đây!” anh hét toáng lên, rồi ôm tôi.

Tôi ngồi trên một cái ghế gỗ cạnh chiếc máy sưởi bằng than. Tôi rất phấn chấn và hồi hộp và tôi cần lời khuyên của anh. “Tất cả đều phụ thuộc vào việc cậu chọn từ ngữ ra sao và viết như thế nào,” anh nói chậm rãi. “Ba mươi cụm từ là tất cả thứ cậu cần biết để làm một phóng viên ở đây.” Anh cười bằng điệu mặt mệt mỏi của một người đã chứng kiến quá nhiều. Nó là một danh sách tàn nhẫn: sợ hãi, bắt bớ, tù đày, tra tấn, chết chóc, lực lượng an ninh Ấn Độ, quân du kích/quân kháng chiến/quân khủng bố, lựu đạn, súng trường, boongke cát, căn cứ quân sự, nơi ẩn náu, đàn áp, chiến dịch tìm-và-diệt, khắc khoải, căng thẳng, lo lắng, thảm kịch, dân chủ, phản bội, tự quyết, tự do, đối thoại hòa bình, cộng đồng quốc tế, hòa giải, sụp đổ, tuyệt vọng và phản nộ.

Một đồng nghiệp của Masood nói đùa về một phóng viên điện đài ở Srinagar, người được đồn là đã viết sẵn khuôn mẫu cho những mẫu tin tức của mình từ nhiều năm trước. Anh ta chỉ việc đổi tên người và các con số trong bài mẫu của mình, chẳng hạn: Ít nhất có năm người biểu tình đã bị giết và mười lăm người bị thương, ba người trong số đó bị thương nặng, khi lính của lực lượng bán quân đội xả súng vào đám đông biểu tình ở làng X phía nam Kashmir.” Hoặc: “Năm thường dân đã bị giết và hai mươi người khác bị thương khi quân khởi nghĩa quăng lựu đạn vào những toán lính tuần tra tại thị trấn Baramulla ở phía bắc Kashmir. Lựu đạn đã không rơi trúng mục tiêu và nổ tung trên đường. Những người bị thương đã nhanh chóng được đưa vào một bệnh viện địa phương.” “Đừng nên bắt chước mấy ví dụ đó,” anh Masood nói.

Chúng tôi uống trà và nói chuyện thêm một chút. Masood nhìn đồng hồ.

Đã quá trưa. “Ai là người nắm tình hình hôm nay vậy?” anh hỏi chung chung. Một đồng nghiệp trẻ của anh đứng dậy và kiểm tra cái sơ đồ đề hai chữ: TÌNH HÌNH. “Đến lượt tôi,” anh ta nói. Mỗi ngày đều có một phóng viên được phân công theo dõi số người chết trong ngày. Tay phóng viên trẻ bấm số điện thoại do cảnh sát kiểm soát. “Tôi ở tờ *Thời báo Kashmir*. Anh làm ơn cho tôi biết *tình hình* ngày hôm nay được không?” Anh viết nguệch ngoạc tên của những người chết và bị thương.

Bên ngoài, trời bắt đầu tối. Các chủ tiệm đang kéo cửa sập xuống. Mấy chiếc xe buýt không còn lân la, các nhân viên soát vé hối hả hét to tên trạm kế. Mấy ông xe lô với vẻ cảnh giác, sẵn sàng chở khách. Ánh hoàng hôn dường như chất chứa một nỗi sợ hãi vẫn hàng đêm ập xuống thành phố. Vài bóng điện trong làng được bật lên sau bữa tối, vài chiếc xe mạo hiểm chạy trong đêm. Các trạm kiểm soát, những ánh đèn rà soát và lệnh giới nghiêm đã làm chủ bóng đêm.

Những buổi sáng đến muộn. Những ngọn đồi vây quanh Srinagar vẫn ẩn mình trong đám sương mù dày đặc và mọi màu sắc đều nhòa đi để nhường chỗ cho một màu xám ám đạm. Những tiệm trà ở Lal Chowk ngập ngụa trong khói thuốc lá và những cuộc chuyện trò về chính trị. Nước Mỹ, Bin Laden, 11 tháng Chín, Tora Bora^[29], cuộc chiến chống khủng bố. Ai cũng có một giả thuyết. Thế giới đã thay đổi. Thế giới chưa thay đổi. Nước Mỹ sẽ quan tâm đến Kashmir. Nước Mỹ sẽ không quan tâm đến Kashmir. Tôi đi phỏng vấn, viết bài, rồi tụ tập với đám bạn bè làm báo trong các tiệm trà và tòa soạn và lo về nhà trước khi mặt trời lặn. Không có chuyện gì quá đặc biệt xảy ra trong hai tuần lễ tôi ở Srinagar, ngoài chuyện tôi đã gặp một người đàn ông tôi không bao giờ có thể quên: Maqbool Sheikh. Ngoại tứ tuần, hơi tròn trĩnh, ông Maqbool là nhân viên cứu thương tại bệnh viện của cảnh sát ở Srinagar.

Ông có mái tóc đen dựng đứng và khuôn mặt giống của bất cứ người đàn ông trung niên nào trên đường đi làm về ở Srinagar. Thế mà ông lại là nhân chứng mật thiết nhất cho những cái giá phải trả của một cuộc xung đột vũ trang. Ông là chuyên gia giám định tử thi duy nhất của bệnh viện cảnh sát,

nơi hầu hết người bị giết ở trong và xung quanh Srinagar được đưa đến. Trong khoảng từ năm 1990 đến năm 2001, ông đã khám nghiệm cho hơn mười một ngàn thi thể thường dân, nghĩa quân và binh lính. Ông Maqbool làm việc đó với số tiền dưới hai trăm đô la một tháng và ông không hề có điện thoại trong nhà. Cảnh sát gõ cửa nhà ông mỗi khi nhà xác nhận một cái xác vào ban đêm. “Mỗi lần nghe tiếng gõ cửa, tim tôi như ngừng đập. Tôi biết rằng ai đó đã bị giết. Trên suốt đoạn đường đến nhà xác, tôi cứ nghĩ không biết đó sẽ là ai: một đứa bé, một phụ nữ hay một thanh niên,” ông Maqbool kể với tôi.

Ông sợ mỗi lần giáp mặt với một thi thể mới, ông ghét việc cắt phanh nó ra để tìm hiểu một con người đã chết như thế nào, loại vũ khí gì đã được dùng và nó được bắn từ khoảng cách bao xa. Luật ở đây yêu cầu những chi tiết đó được ghi chép lại, những đánh giá về cái chết được thông báo và chúng có ảnh hưởng đến việc gia đình họ sẽ sống như thế nào và được luật pháp đối xử ra sao. Người chết theo phe nào? Anh ta là quân du kích? Người chỉ điểm cho cảnh sát? Lính quân đội? Người ngoài cuộc? Hay chỉ là một người đàn ông bị bắt và bị giết? Con dao mổ của ông Maqbool tìm câu trả lời trong những vết thương và những mảnh thi thể đứt lìa.

Biết rằng việc mình làm đã góp phần xoa dịu nỗi đau của những gia đình bất hạnh, ông vẫn tiếp tục làm việc. Những vụ nổ đã giết chết biết bao nhiêu người và xé nát các thi thể thành nhiều mảnh. Nhiều gia đình đã đến nhà tang lễ để tìm những đứa con mất tích của họ. “Tôi hình dung ra gương mặt của một người cha đang chờ nhận xác đứa con trai nhỏ của ông ấy. Việc nhỏ nhất tôi có thể làm là may các phần đứt rời lại và hy vọng làm vơi đi cú sốc của những người thân,” ông Maqbool nói với tôi. Mắt tôi nhìn xuống hai bàn tay chai sần của ông. Ông để ý thấy điều đó và mỉm cười u uất. “Sau những vụ nổ mìn, tôi thấy mình đứng giữa một đống mảnh thi thể, rồi ráng sức để bảo đảm những cái ngón tay tôi may vào một bàn tay là của cùng một người.”

Vài năm trước, sau một vụ nổ lựu đạn ở ngoại ô Srinagar, một chiếc xe tải chở năm cái xác đến bệnh viện cảnh sát. Ông Maqbool đang kiểm tra sơ qua

chúng thì thấy một cánh tay nhúc nhích. “Tôi lôi cậu ta ra. Cậu ta còn trẻ và vẫn còn sống.” Ít lâu sau, ông Maqbool thấy cha của chàng thanh niên đang chờ nhận xác con trai. “Tôi nói với ông ấy là con trai ông vẫn còn sống.” Thế là ông già ấy bắt đầu quay mòng mòng và hét thật to, “Nó còn sống,” rồi ông ấy ngừng lại, ngồi bệt xuống sàn bệnh viện và khóc, khóc mãi.

“Không có gì đau đớn hơn là nghe tin cái chết của con mình,” ông Maqbool nói. Một buổi trưa nọ, ông mang bộ dụng cụ giải phẫu đi về phía bàn mổ. Ông vừa đi vừa đọc các trích đoạn kinh Koran và cầu xin sự tha thứ của những người chết cho việc đụng chạm vào thân thể của họ, một việc bị cấm hoàn toàn trong thế giới Hồi giáo. Việc đọc kinh Koran đem lại cho ông sự cam đảm. Maqbool giơ dao mổ lên, nhưng ông thấy đôi mắt của đứa bé năm tuổi đang nhìn ông chăm chăm. “Đôi mắt của thằng bé như đang còn sống. Như thể nó có thể nhìn thấy tôi vậy.” Ông Maqbool từ chối vụ mổ tử thi đó. “Nó làm tôi nghĩ đến mấy đứa con của mình.”

Ông Maqbool có một con gái và hai con trai. Một đứa con trai lái xe lái máy, còn đứa kia đã bỏ ngang trung học. Cái thằng bỏ học hình như ngày càng căm giận sự tàn bạo của quân đội Ấn Độ. Ông sợ nó sẽ gia nhập vào một nhóm du kích. “Tôi rất sợ vì không biết lòng căm giận sẽ dẫn dắt nó đến đâu.”

Đó là nỗi sợ hãi hầu hết bậc cha mẹ ở Kashmir đều mang theo. Thế hệ lớn lên vào những năm chín mươi quá gần gũi với bạo lực. Chuyện này nhắc tôi nhớ đến thằng em họ mười tuổi chuyên môn chơi trò ta-địch. Gậy chơi cricket trở thành súng gỗ và banh nhựa bị bể được nhồi đầy vải vụn để làm lựu đạn. Thằng em họ tôi và mấy đứa bạn nó nhảy vào vị trí chiến đấu. Một thằng nhóc hô “Bắn!” và tụi nó giả vờ làm quân du kích và lính quân đội đang bắn nhau chí chóc. Khi trời đổ tuyết và súng im đạn vắng, tụi nó lại đắp tượng người tuyết, lấy mẫu than vụn làm đôi mắt.

Ông Maqbool dẫn thằng con cái giận đến nhà xác. “Tôi nghĩ có thể thuyết phục được nó phụ với tôi và nhân tiện canh chừng nó.” Thằng con của ông đã không thể chứng kiến hết một cuộc khám nghiệm tử thi. “Nó nôn ọe và

không ăn uống gì trong ba ngày.” Như vậy là nó đã tránh xa các rắc rối. Hai mươi lăm năm trước, khi nhận công việc của Sở Dịch vụ Y tế Kashmir, ông Maqbool cho rằng mình đã may mắn. “Mới hôm qua, sau khi đi làm về, tôi đem một ít trái cây về cho con gái. Nó bung cái túi đồ xuống đất và kêu thét lên là quần áo của tôi hôi mùi máu quá.”

Viết về những cuộc đời nhuộm màu bạo lực như vậy thật đau đớn, nhưng việc viết lách đã phần nào giải phóng tôi. Mấy năm trước, một tên đại úy quân đội còn trẻ đóng quân gần làng tôi đã hạch sách ông ngoại tôi vì ông không mang theo chứng minh thư. Tôi rất tức giận nhưng đã không thể làm gì được. Là một phóng viên, ít nhất tôi cũng có thể đưa những câu chuyện như vậy lên báo. Thế nhưng hai tuần ở Kashmir đã làm vỡ vụn cái cảm giác lâng lâng của việc được ở nhà mình. Lặng nghe người ta nói về sự chết chóc, sự sợ hãi và nỗi nhục nhã là việc khó khăn. Nó làm tôi thấy tức giận và đau buồn. Nó làm tôi khóc. Tôi đã phải quay về và dành nhiều thời gian ở Kashmir hơn.

Trước khi quay lại Delhi, tôi về làng thăm Ngoại một đêm. Mùa đông ở đây đồng nghĩa với những trận tuyết rơi dày đặc và một nhịp sống chậm hơn thường ngày. Ngay cả lính quân đội và nghĩa quân cũng đều nới tay hơn: máu đổ ít hơn. Chúng tôi đang chậm rãi thưởng thức trà và không hề quan tâm đến cái tivi đang phát tin đều đều và giọng của phát thanh viên như rít lên. “Bọn khủng bố đã tấn công nhà quốc hội!” Tôi hết hồn vì những cảnh tượng bắn giết hỗn loạn trên tivi: tiếng còi hú của những xe cảnh sát, cảnh binh lính và cảnh sát chạy tán loạn, rạp người tránh né và bắn trả lại những kẻ khủng bố mặc quân phục đang chạy vào bên trong tòa nhà quốc hội, khói tỏa mịt mù từ những bình hơi cay, tiếng súng dội ra vang rền, xác của một tên khủng bố trên bậc thang của tòa nhà quốc hội, và ít lâu sau, những vị đại biểu quốc hội đang run như cây sậy được dẫn ra ngoài. Tôi sợ rằng một cuộc chiến tranh sẽ nổ ra giữa Ấn Độ và Pakistan. “Mùa đông năm nay tuyết sẽ đổi thành màu đỏ,” Ngoại thở dài. Tôi nhanh chóng tạm biệt ông, phóng về Srinagar và gọi điện cho biên tập viên của mình. “Cứ ở đó đi. Cậu sẽ có rất nhiều thứ để

tường thuật từ Kashmir,” biên tập viên của tôi bảo.

Chi tiết của vụ tấn công trở nên rõ ràng hơn. Buổi sáng hôm ấy, những nghị sĩ quốc hội đã tập họp lại tại sảnh trung tâm của tòa nhà hình tròn nhiều cột của quốc hội Ấn Độ, một sự hiện hữu tráng lệ ngay giữa lòng New Delhi. Họ đang tranh cãi về việc vị bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ có dính dáng đến một vụ xì-căng-đan vũ khí. Những chiếc xe công màu trắng đang xếp hàng dài ở sân. Khoảng mười một giờ rưỡi sáng, cảnh sát tại cổng chính nhà quốc hội thấy một chiếc xe hơi trắng tiến lại, trong xe là năm người đàn ông. Thấy tờ giấy phép thông hành được kẹp trên cần gạt nước, người ta cho xe qua. Chiếc xe đột nhiên tăng tốc khi vừa chạy ngang bức tường đá đỏ của tòa quốc hội. Một giây sau, nó tông vào một xe trong đoàn xe hộ tống của phó tổng thống Ấn Độ, người sắp sửa bước ra khỏi tòa quốc hội bất kỳ lúc nào. Khi cảnh sát chạy đến chiếc xe trắng, các cửa xe bật mở và năm người đeo súng bắt đầu bắn vào các cảnh sát. Họ phân tán nhanh xuống những tầng nhà rộng thênh thang của tòa quốc hội trước khi bất cứ ai kịp phản ứng. Loa phóng thanh đột ngột báo dừng các cuộc hội đàm. Những thông báo khẩn cấp phát như đê vỡ trong radio cảnh sát: bọn khủng bố đã tấn công nhà quốc hội. Rất nhiều cảnh sát và lực lượng bán quân đội được triệu tập khẩn cấp. Một cuộc chiến ác liệt diễn ra bên ngoài tòa nhà. Bên trong, khoảng hai trăm nghị sĩ mắc kẹt và sợ khiếp vía khi nghe tiếng súng và tiếng lựu đạn âm ì trong hơn nửa giờ đồng hồ. Đến giữa trưa mọi việc kết thúc. Năm người có vũ trang đã bị bắn chết. Tám nhân viên cảnh sát và một thợ làm vườn thiệt mạng.

Những ngày sau vụ tấn công, sự thù địch càng dâng cao khi Ấn Độ huy động nửa triệu lính đến biên giới giữa Ấn Độ và Pakistan. Trên tivi, các nhà phân tích bàn luận về một cuộc chiến tranh hạt nhân. Các tờ báo tin tức tính toán mức độ tàn phá của những trái bom hạt nhân của Ấn Độ và Pakistan. Mọi người ở Kashmir đang tranh luận về việc Ấn Độ hay Pakistan sẽ khai chiến. Rất nhiều người dân Kashmir mà tôi phỏng vấn trên các đường phố ở Srinagar muốn chiến tranh xảy ra. “Thà như vậy còn hơn là chết dần chết mòn từng ngày!”

Những tay súng Ấn Độ và Pakistan đang tiếp tục nã đạn cối vào những làng mạc nằm dọc biên giới và Đường Kiểm Soát. Mặc dù vậy, tôi vẫn không tin rằng họ sẽ khai chiến.

Như hầu hết nhà báo khác, tôi lái xe đến những làng mạc nằm dọc biên giới. Các gia đình tị nạn sống trong những túp lều hay những khu phòng học trong các thị trấn gần biên giới. Nhiều người vẫn nằm trong bệnh viện với chân và tay bị những mảnh bom đạn cắt lìa.

Một buổi sáng, một phóng viên ảnh và tôi chạy đến Banglar, ngôi làng nằm trên đường biên giới. Chúng tôi chạy trên con đường vắng tanh, ngang qua những làng mạc hoang tàn. Hàng ngàn lính Ấn Độ đã có mặt trên biên giới và hàng trăm xe tải màu xanh ô liu chạy về hướng đó. Bọn lính còn tạo dáng trong những tư thế sẵn sàng chiến đấu cho nhiếp ảnh gia.

Banglar gồm vài chục túp lều và nhà trống hoác nằm giữa những cánh đồng lúa mì, mù tạt và cỏ dại. Đường biên giới đơn giản là một hàng rào dây thép gai, những cánh đồng bỏ hoang dày đặc những bãi mìn, những thảm cỏ dại và các boongke. Chúng tôi gặp gỡ vài người đàn ông ở lại phía sau để canh giữ đàn gia súc của họ. Chúng tôi chụp hình những ngôi nhà bị phá hủy. Một cảnh sát từ đồn của mình ở một thị trấn xa vừa đến Banglar để kiểm tra căn nhà bị phá hủy của anh, đã tâm sự với tôi rằng, họ đã quá mệt mỏi vì những vụ dội pháo qua biên giới mỗi lần mỗi quan hệ giữa Ấn Độ và Pakistan trở nên gay gắt. “Bây giờ họ nên đánh nhau để giải quyết cho xong. Cảnh tượng chết chóc diễn ra hàng ngày khiến chúng tôi mệt mỏi lắm rồi.” Trong khi chúng tôi trò chuyện, pháo lại bắt đầu dội xuống. Tôi có thể nghe tiếng rít của một quả đạn cối bay ngang đầu và rơi xuống cách đó vài trăm mét. Tay cảnh sát vội đẩy tay nhiếp ảnh và tôi vào một chuồng bò. Chúng tôi ngồi trên phân bò suốt một giờ sau đó và cầu nguyện. Rồi pháo ngừng dội xuống trong một phút. Chúng tôi chạy trốn chết ra khỏi ngôi làng.

Delhi đã thay đổi sau vụ tấn công vào tòa nhà Quốc hội Ấn Độ. Cư dân của thành phố cảnh giác trước những khuôn mặt lạ. Tôi tìm một nơi để ở tạm. Và tôi đã gặp hàng tá người đăng quảng cáo trên các tờ nhật báo để tìm người

thuê một căn hộ hai phòng. Ông Sengupta, một luật sư, rất mừng khi biết rằng tôi không khó chịu với màu vôi trắng và việc sửa chữa các công tắc đèn bị hỏng. Trong căn phòng đầy tập san luật và tranh nhái các bức tiểu họa của Ấn Độ, chúng tôi nói chuyện tiền thuê phòng, công việc và thu nhập của tôi. Ông ta vừa vuốt ve con chó chồn vừa hỏi: “Vậy cha mẹ của cậu trụ lại ở Kashmir à?”

“Họ sống ở đó. Chúng tôi là người Kashmir. Tôi học và làm việc ở đây.”

“Ồ! Thì ra cậu là dân Kashmir. Một người Kashmir đạo Hồi.” Ông ấy bảo tôi hãy gọi cho ông vào hôm sau. Khi tôi gọi thì ông nói, “Cậu giống như con trai của chúng tôi vậy. Nhưng con gái của tôi vừa gọi điện và nó có một người bạn phải ở lại Delhi. Chúng tôi sẽ phải dành căn hộ cho nó. Tôi không thể cho thuê được.”

Trong nhiều tháng sau đó, tôi tiếp tục nghe những lời hồi âm tương tự của những chủ nhà và nhân viên bất động sản. Các lực lượng quân đội vẫn có mặt ở biên giới, những đám mây sặc mùi chiến tranh vẫn lớn vờn tại đó. Dù đã gọi đến hàng tá số điện thoại trên những mẫu tin rao nhà, tôi vẫn phải ngủ qua đêm trên xa-lông nhà bạn bè. Những lời đầu tiên tôi nói với nhân viên bất động sản cuối cùng tôi gặp là: “Tôi mang đạo Hồi và là người Kashmir. Bây giờ anh có chỗ nào cho tôi thuê không?”

Naresh Chandra, một lão nhân viên bất động sản có thân hình mảnh khảnh và một bộ ria mép còn mỏng manh hơn, rất thông cảm với tôi. “Họ không hiểu đâu. Trong năm ngón tay không có ngón nào giống ngón nào.”

Cậu là dân Kashmir nhưng cậu không phải người như họ nghĩ.” Rồi ông ta nói thêm, “Ông Sikhs đã không thể thuê được một căn hộ nào trong mười năm trời kể từ sau các cuộc bạo động năm 1984.” Một tháng nữa trôi qua. Bạn bè tôi thì vô cùng rộng lượng và chân tình, nhưng với tôi, thành phố này đang đổi thay. Trên mục quảng cáo của các tờ báo, cảnh sát cảnh báo về những cuộc tấn công có thể xảy ra của quân khởi nghĩa Kashmir. Các rào chắn và lực lượng kiểm tra an ninh được đặt bên ngoài các rạp hát, trạm xe điện và chợ búa càng làm tăng thêm sự hoảng loạn. Tôi sợ khi phải nhận

mình là người Kashmir. Nhưng cũng không thể che giấu được, bởi người ta có thể nhận ra điều đó qua cái mũi dài và nước da tái nhợt của tôi. Tôi luôn mang theo thẻ báo chí bên mình. Và dù như vậy, tôi vẫn tránh những khu chợ đông đúc và những khu giải trí.

Có ai đó đã gợi ý với tôi một địa chỉ trong khu vực của người Hồi giáo ở tận đầu bên kia thành phố. Người Hồi giáo ở Delhi hầu hết sống trong khu dân cư bản thiu thuộc thành phố ngày xưa, gần Pháo đài Đỏ, hoặc sống trong khu Okhla tối tăm lúc nhúc người ở góc phía nam thành phố. Người Hồi giáo rất khó thuê hay mua nhà trong những khu vực của tầng lớp trung lưu hay thượng lưu theo Ấn Độ giáo. Hệ thống ngân hàng HSBC và Citibank có hàng trăm chi nhánh ở khắp các thành phố của Ấn Độ đã từ chối xem xét hồ sơ vay cá nhân của những người cư ngụ ở Old Delhi, hay khu vực Okhla, ngay cả tiệm Pizza Hut cũng không chịu giao bánh đến đó.

Tôi đang cân nhắc việc rời bỏ Delhi thì một người môi giới gọi đến. “Có một bà lão cô đơn muốn tìm một khách trọ.” Điều này đồng nghĩa với việc phải về nhà lúc mười giờ tối, xài chung nhà tắm với bà ấy và không được tiếp khách. Khi chúng tôi đi vào căn hộ của bà, tôi thấy một bà lão mảnh khảnh ngoài bảy mươi tuổi đang nói chuyện điện thoại bằng tiếng Kashmir. Tôi cười với người môi giới. Bà cụ là người Kashmir theo Ấn Độ giáo, đã cùng với chồng mình dời đến Delhi hơn bốn mươi năm trước. “Cậu là người ở đâu?” bà cụ hỏi bằng tiếng Hindu.

Tôi trả lời bằng tiếng Kashmir và nói với bà rằng tôi là nhà báo, mẹ của tôi là giáo viên, cha tôi là nhân viên hành chính và em trai tôi đang học tiếng Đức ở trường đại học gần nhà bà. “Chồng của tôi cũng là nhân viên hành chính, như cha của cậu vậy.” Bà ấy mỉm cười rồi kể chuyện những người bà con của bà cũng là nhân viên hành chính của chính phủ Kashmir. Cha mẹ tôi hóa ra lại quen biết họ. “Cậu là nhà báo. Cậu viết bằng tiếng Anh. Đó là một điều hay.” Bà mời tôi ngồi trong phòng khách, nơi có những bức ảnh chồng bà và những vị thánh người Kashmir theo đạo Hindu treo trên tường. Tôi trả tiền thuê phòng và tiền cọc, không có hợp đồng nào cả. “Cậu ấy là con nhà tử

tế. Cậu ấy sẽ giống như con trai ruột của tôi vậy,” bà nói với người môi giới.

Tôi cố ngăn dòng nước mắt. Sau bao nhiêu tháng trời bị nghi ngờ, cuối cùng tôi đã được chấp nhận.

Phiên tòa



Chính phủ Ấn Độ tin rằng nhóm đã tấn công Quốc hội Ấn Độ là Lashkay-e-Taiba (Quân đội của sự Thuần khiết), một nhóm Hồi giáo cực đoan gốc Pakistan đã thu thập binh lính chủ yếu ở những vùng ngoại ô nghèo của tỉnh Punjab ở Pakistan đồng thời quả quyết sẽ chiến đấu để chấm dứt sự thống trị của Ấn Độ ở Kashmir. Những kẻ cực đoan trong và ngoài phe Hindu cánh tả của Đảng Bharatiya Janata hay Đảng Nhân dân Ấn Độ (BJP) khẳng định rằng ngày 13 tháng mười hai chính là *ngày 11-9* của Ấn Độ. Họ yêu cầu binh lính Ấn Độ phải vượt qua Đường Kiểm Soát và tấn công các doanh trại quân khủng bố nằm trên phần đất Kashmir được kiểm soát bởi Pakistan. Đứng đầu nhóm cực đoan là bộ trưởng Bộ Nội vụ Ấn Độ, L.K.Advani, người đã dẫn dắt cuộc nổi dậy giành quyền lực của BJP trong những năm 1990.

Trong vòng vài giờ của vụ tấn công, cảnh sát Delhi đã tuyên bố lấy được từ xác Mohammed – một người Pakistan bị tình nghi là khủng bố đã bị giết trong nhà quốc hội – một điện thoại di động, ba SIM và vài số điện thoại. Hai ngày sau, chúng bắt giữ ba người đàn ông Kashmir và một phụ nữ đang mang thai rồi buộc tội họ có âm mưu tấn công tòa nhà quốc hội. Bọn cảnh sát quả quyết rằng những số điện thoại đã dẫn dắt chúng đến mấy người Kashmir đó. Người đầu tiên bị bắt vào ngày 15 tháng Mười Hai là một giảng viên tiếng Ả Rập ba mươi hai tuổi ở trường Đại học Delhi, ông Syed Abdul Rahman Geelani. Cảnh sát nói là chúng đã tóm ông ngay bên ngoài ngôi nhà thuê của ông ở phía bắc Delhi.

Tin ông bị bắt làm tôi sốc. Tôi đã gặp ông Geelani vào một buổi tối mùa thu năm 1999 tại Đại học Delhi. Một người quen cũng là dân Kashmir giới thiệu chúng tôi với nhau. Đẹp trai và hơi thấp người, ông Geelani là một người nông hậu và mê sách. Ông kể rằng đã rời Kashmir trước khi có bạo động. Ông đã học tập tại nhiều vùng khác nhau của Ấn Độ trước khi đến trường đại học này vào đầu những năm 90. Ông có vẻ vui khi gặp tôi ở trường và than vãn về sự sụp đổ của hệ thống giáo dục ở Kashmir. “Delhi sẽ dạy cho cậu rất nhiều điều và sẽ mở rộng tầm nhìn của cậu,” ông bảo tôi. “Ở đây, một thế giới rộng lớn hơn sẽ mở ra trước mắt cậu. Hãy cố gắng thật nhiều vào.” Ông Geelani cũng nói rất nhiều về công việc giảng dạy ở trường Đại học Delhi. Ông nói chuyện với niềm tự hào của một người tinh lễ đã phấn đấu vượt bậc để được vào đội ngũ giảng dạy của một trường đại học uy tín. Chúng tôi cùng đến căn tin ký túc xá để uống trà. Phong cách ung dung của ông thật khác biệt so với tính nóng nảy tôi đã thấy ở rất nhiều người Kashmir trẻ tuổi khác. Khi chúng tôi nói chuyện về Kashmir, ông không hề biểu lộ sự say mê hay cảm xúc cháy bỏng như phần lớn dân Kashmir. Dường như ông đã chấp nhận Delhi là thế giới của mình. Sau đó, thỉnh thoảng tôi có gặp lại ông Geelani, nhưng chúng tôi không tiến xa hơn những câu chuyện xã giao thông thường.

Ở Srinagar, cảnh sát còn bắt giữ hai người đàn ông Kashmir nữa: Mohammed Afzal, người đã tham gia vào nhóm khởi nghĩa Kashmir vào đầu những năm 90, sau đó đầu hàng và hình như đã chuyển sang kinh doanh và Shaukat Guru, người anh em họ cũng làm kinh doanh của ông. Họ sống ở Delhi nhưng đã đi đến thung lũng vào ngày xảy ra vụ tấn công. Bọn cảnh sát cũng bắt giữ Afshan Guru, vợ của Shaukat. Cả ba người đàn ông bị bắt đều là dân Baramulla, một quận sát biên giới ở phía bắc Kashmir. Họ sống trong cùng một khu vực ở Delhi và đều quen biết nhau. Họ bị giam giữ theo Sắc lệnh Ngăn ngừa Khủng bố (POTO) khắc nghiệt được ban hành ngay sau vụ tấn công 11-9. Vào tháng ba năm 2002 sắc lệnh này trở thành luật. Các đảng phái đối lập và các nhóm nhân quyền ở Ấn Độ như Tổ chức Ân xá Quốc tế

đã chống lại nó, nhưng cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu đang đè bẹp nền tự do dân quyền ở Ấn Độ.

Những người bị bắt bị đưa đi thẩm vấn. Bọn cảnh sát tuyên bố rằng ông Afzal, người bị buộc tội chính, đã thừa nhận sự liên quan của ông ta. Rajbir Singh, phó phòng Chống khủng bố của cảnh sát Delhi, đã cho mời các nhóm phóng viên truyền hình đến quay phim cảnh thú tội công khai của ông Afzal và phát đoạn phim khắp Ấn Độ. Là một gã cao to, cường tráng với nét mặt thô kệch, Singh đã ngoi từ chức phó thanh tra đến vị trí uy quyền hiện nay chỉ trong vài năm. Vai trò của hắn trong sáu vụ giết hại những người bị tình nghi là khủng bố và gang-tơ đang bị đặt dấu hỏi bởi nhiều tờ báo của Ấn Độ. Singh vốn đã bị tình nghi từ khi bộ trưởng Bộ Nội vụ, dưới thời Advani, chỉ định hắn vào chức trưởng ban điều tra vụ tấn công vào tòa nhà quốc hội Ấn Độ. Dưới sự chỉ đạo của Singh, Geelani đã bị bắt.

Không lâu sau vụ bắt giữ Geelani, tôi rời Srinagar để đến Baramulla. Tôi chạy hai giờ liền qua những vườn táo và rặng dương trụ lá, qua các toán lính xúm xít quanh đồng lửa nhóm bằng cành cây khô và qua những ngọn đồi xám xịt nhấp nhô đằng xa. Thị trấn Baramulla bắt đầu với khu liên hợp nổi bật toàn gạch đỏ của ngôi trường trung học kiểu thuộc địa dưới quyền quản lý của các nhà truyền giáo người Anh, nằm đối diện với pháo đài quân sự khổng lồ của Ấn Độ. Xa hơn một chút là một khu chợ náo nhiệt có hàng trăm cửa hàng tương tự nhau bán rau củ, quần áo, văn hóa phẩm, thậm chí các loại, xi-măng – gần như là bất cứ thứ gì. Các biển quảng cáo dạy Toán hay lập trình vi tính cạnh tranh khốc liệt với những người mẫu đang uống nước ngọt hoặc đang cố giữ thăng bằng một cách bấp bênh trên những chiếc xe đạp mới toanh. Thị trấn này có vẻ xứng với tiếng tăm về sự giàu có và nền giáo dục tốt của nó.

Thị trấn Baramulla trải dài theo hai bờ của dòng sông Jhelum trong đoạn hành trình về hướng tây để đến Pakistan và đổ ra biển Ả Rập. Tôi chạy xe qua cây cầu gỗ bắc ngang sông. Hàng ngàn ngôi nhà gạch trần trải dài từ bờ sông đến những ngọn núi lớn hình vòng cung, làm thành đường biên phía

bắc của thị trấn.

“Nhà của giáo sư Geelani ở đâu ạ?” tôi hỏi một chủ tiệm.

“Anh là nhà báo hả?” ông ta đáp lời, nhanh nhẹn bước ra khỏi tiệm để bắt tay tôi. “Ông Geelani bị gài đúng không? Chúng tôi hiểu ông ấy mà. Ông ấy không phải là khủng bố gì đâu!” Giọng của ông càng lúc càng lớn. “Chúng tôi biết rõ về ông ấy lắm,” một ông già nói. Ông già đặt tay lên vai tôi và nhìn vào mắt tôi rất trang nghiêm. “Ông ấy chẳng dính dáng gì đến vụ tấn công nhà quốc hội đâu.” “Thì tôi cũng đang nói như vậy,” người chủ tiệm lên giọng. Một đám đông nhỏ đã quây tròn lấy tôi trong tích tắc. “Thằng bé đó là một thiên thần,” ông cụ kết luận. Tôi tách khỏi đám đông. Một tên nhóc nhảy vào xe tôi và chỉ đường cho tôi đến nhà ông Geelani.

Chúng tôi dừng lại bên ngoài một căn nhà cũ kỹ xây bằng gạch đỏ và đá vôi. Tiếng xì xầm xuất hiện từ trong sân nhà và hàng tá cặp mắt nhìn tôi chăm chăm. Một ông cụ ốm yếu đội nón da cừu dẫn tôi vào trong. “Tôi là Habibullah. Giáo sư Geelani là con rể tôi,” ông cụ nói. Mười mấy vị khách đang ngồi dựa vào mấy cái gối dọc theo các bức tường. Mọi người đều đứng lên bắt tay chúng tôi. “*Salam-u-alikum Haz! Salam-u-alikum Masterji!*” Đó là lời chào người ta thường dành cho ông ngoại tôi, một vị hiệu trưởng. Ông cụ Habibullah cũng từng làm hiệu trưởng và đã nghỉ hưu từ vài năm trước.

Có người mang trà ra. Ông Habibullah chậm rãi giải thích đúng như phong cách một người thầy. “Cha của Geelani Sahab chết khi cậu ấy còn nhỏ. Cuộc sống của cậu ấy đã không dễ dàng gì. Nhưng cậu đã làm việc cật lực cho đến khi nhận được công việc giảng dạy ở trường Đại học Delhi.” Ông cụ khẳng khái bắt tôi uống trà trước khi tiếp tục câu chuyện. Và tôi làm theo. “Cậu ấy rất có trách nhiệm. Tôi đã gả con gái của mình cho cậu. Chúng nó có hai con, một trai và một gái. Cậu ấy là một người chồng và người cha có trách nhiệm.” Khách khứa im lặng uống trà, gật gù đồng tình. “Đó là một việc không tưởng. Cậu ấy không dính dáng gì đến vụ tấn công nhà quốc hội.” Cho dù đang sốc và đau buồn, cụ Habibullah vẫn giữ nguyên phong thái cao nhã. “Hàng trăm người đã đến đây để ủng hộ chúng tôi. Họ muốn biểu tình

trên xa lộ để phản đối vụ bắt giữ cậu ấy. Nhưng tôi phải ngăn họ lại.” Ông cụ sợ rằng các cuộc tuần hành, như vẫn xảy ra ở Kashmir, sẽ dẫn đến việc hô hào khẩu hiệu chống Ấn Độ, sẽ làm chính phủ nổi giận và phá hỏng cơ hội con rể ông được thả. “Chúng tôi sẽ tranh đấu cho việc trả tự do cho cậu ấy tại tòa án.”

Tiếp đến tôi tìm em trai Geelani là Bismillah, hiện đang sống ở Delhi với vợ con của Geelani. Bismillah nói anh đã đi thăm anh trai mình một tuần sau vụ bắt giữ. Anh trai anh đang sống trong một căn phòng trông như cái cũi ở trung tâm thẩm vấn của cảnh sát Delhi. Geelani đi cà nhắc, mang nhiều vết thương trên mắt cá chân và sợi dây trói bằng nylon để lại nhiều vết bầm xanh trên cổ tay. Bismillah mang một ít thức ăn đến cho anh mình nhưng sự tra tấn đã làm Geelani không thiết và không còn sức ăn uống. Một tuần sau đó, hai anh em họ còn gặp nhau một lần nữa, lần này ở trong tù, trong khu biệt giam và bị cấm tiếp xúc với sách báo, giấy má, hay thư viện nhà tù. Bọn tội phạm coi Geelani là một kẻ khủng bố và chống đối quốc gia. Chúng hành hung ông rất nhiều lần. Trong khoảng thời gian đó, giới chức của trường đại học đã đình chỉ việc giảng dạy của ông.

Vào tháng Năm 2002, sở cảnh sát lập hồ sơ buộc tội ông. Cùng lúc ấy, chủ nhà đã tống vợ và các con của ông ra khỏi căn nhà thuê, buộc họ phải nường nấu trong khu Hồi giáo tận phía bên kia thành phố. Mãi đến tháng bảy vụ xét xử Geelani mới bắt đầu. Nó không được tiến hành dưới những luật lệ thông thường của Ấn Độ mà dưới bộ luật Chống Khủng Bố mới ban hành và gây rất nhiều tranh cãi. Tổ chức Ân xá Quốc tế đặt dấu hỏi về tính công bằng của phiên tòa. Bộ trưởng Tư pháp Ấn Độ đã chỉ định Shiv Naryan Dhingra làm thẩm phán đặc biệt. Thẩm phán Dhingra chuyên phụ trách những vụ án về khủng bố và có biệt danh Thẩm phán chuyên treo cổ.

Tôi được phân công tường thuật vụ xét xử. Lực lượng cảnh sát mang súng máy canh gác phòng xử án, chúng kiểm tra chứng minh thư và lục soát tôi trước khi cho phép tôi vào bên trong. Tôi mong đợi sẽ có rất đông phóng viên ở đó nhưng thật ngạc nhiên là chỉ có vài người. Bọn cảnh sát, mặc cả thường

phục lẫn quân phục, cùng với đoàn luật sư mặc áo choàng đen, chiếm gần hết ghế. Geelani và những người bị buộc tội khác đứng trong hàng ghế bị cáo. Tôi nghĩ về lần gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi ở trường Đại học Delhi. Giờ đây ông đang đứng trước mặt tôi, bị cáo buộc có liên quan đến vụ tấn công nhà quốc hội Ấn Độ và suýt gây ra một cuộc chiến tranh hạt nhân giữa Ấn Độ và Pakistan. Tôi không thể không nhìn vào còng tay của ông và ba tên cảnh sát mang vũ khí đang canh giữ ông. Trong những tháng ngày sau đó, tôi cứ nghĩ mãi về phiên tòa. Mỗi lần như thế, hình ảnh em trai của Geelani và cụ Habibulla, cha vợ của ông ngồi trong phòng xử án với vẻ mặt u sầu lại hiện ra. Geelani đứng trong hàng ghế bị cáo với nét mặt thật thanh thản. Tôi thường băn khoăn tự hỏi vì sao ông trông bình thản như thế.

Có lẽ vì ông được truyền hy vọng từ giới trí thức Ấn Độ, những người tin rằng ông vô tội và đã tập hợp cùng nhau dưới biểu ngữ của Ủy ban Bào chữa cho Syed Abdul Rahman Geelani. Rất nhiều giáo viên và nhà báo đã viết đơn phản đối gửi lên tòa án tối cao. Lúc đầu, không một luật sư nào chịu bào chữa cho ông. Cuối cùng Seema Gulati, một luật sư hình sự rất nổi tiếng và được tín nhiệm, đã đồng ý. Tiền công rất đắt cho luật sư được trả bằng quỹ đóng góp của các luật sư, giáo sư đại học và các nhà hoạt động nhân quyền.

Công tố viên trình bày bằng chứng nói rằng Geelani đã nhận được một cuộc gọi bằng điện thoại di động vào ngày 14 tháng Mười Hai năm 2001 từ Kashmir, theo đó ông đã ủng hộ vụ tấn công quốc hội vào ngày hôm trước. Cuộc gọi dài hai phút rưỡi bằng tiếng Kashmir của ông và em trai mình là chứng cứ buộc tội chính. Cảnh sát đã bắt một thanh niên người Kashmir bập bõm chữ nghĩa tên là Rashid Ali, làm nghề bán trái cây lẻ ở bắc Delhi, dịch cuộc gọi. Bằng chứng buộc tội, theo phần phiên dịch của cảnh sát, là thế này: Người gọi (Bismillah): “Anh đã làm gì ở Delhi vậy?” Người nghe (Geelani): “Đây là việc cần thiết.”

Cảnh sát nói cuộc nói chuyện đã tiết lộ vai trò của ông thầy giáo trong âm mưu tấn công nhà quốc hội. Seema Gulati đưa ra hai công dân Kashmir đáng kính làm nhân chứng cho bị cáo: ông Sampath Prakash, một cựu lãnh đạo

liên đoàn thương mại ở Srinagar và ông Sanjay Kak, một nhà sản xuất phim nổi tiếng. Những nhân chứng khẳng định rằng cuộc nói chuyện vô tư giữa hai anh em đã bị dịch sai. Bản dịch của Kak khác hẳn. Người gọi: “Chuyện gì đã xảy ra vậy?” Người nghe: “Cái gì? Ở Delhi à?” Người gọi: “Chuyện gì đã xảy ra ở Delhi?” Người nghe (có tiếng ồ, tiếng cười to): “Chúa mới biết được.” Dựa theo băng chứng của tòa, ông Kak nói, “Câu ‘Chuyện gì đã xảy ra vậy?’ trong tiếng Kashmir là *Yeh Kya Korua*, một câu mang ý nghĩa rất rộng được sử dụng trong tất cả tình huống, thí dụ như khi một đứa bé làm đổ ly sữa, tuyết rơi, hoặc khi mâu thuẫn vợ chồng. Em trai của ông Geelani gọi điện chỉ để lấy một cái lịch học và một tờ quảng cáo.” Rồi Kak dịch lại một đoạn ngắn trong cuộc điện thoại: Người nhận điện (Geelani): “Chú muốn cái gì?” Người gọi (Bismillah): “Lịch học và mấy tờ quảng cáo.” Người em trai này đang chuẩn bị thi vào ngành Y và muốn có tập tài liệu giới thiệu về một ngôi trường ở Delhi.

Trong lúc hỏi đáp với nhân chứng, Ali, gã phiên dịch của cảnh sát, thừa nhận rằng hẳn không hiểu tiếng Anh và cũng mù mờ tiếng Hindi, thứ ngôn ngữ hẳn đã dịch cuộc gọi sang. Hôm ấy, tôi thấy Bismillah và cụ Habibullah mỉm cười. Những lời khai của các nhân chứng độc lập khác có vẻ có lợi cho Geelani.

Một ngày nọ, một anh bạn phóng viên, Shams Tahir Khan, làm việc cho *Aaj Tak*, một kênh tin tức tiếng Hindi nổi tiếng ở Ấn Độ, đến làm nhân chứng. Anh là một trong những phóng viên truyền hình được gã Singh mời quay cảnh thú tội của bị cáo chính, ông Mohammed Afzal, sau vụ bắt giữ. Toàn bộ băng ghi hình cuộc thú tội được chiếu trong phòng xử. Trong đó Afzal nói rằng Geelani là một giáo sư và ông ta, Afzal, “chưa bao giờ chia sẻ bất kỳ loại thông tin gì (dính dáng đến khủng bố) với ông ấy.” Khan còn nói với tòa rằng phó phòng Chống khủng bố Singh đã yêu cầu giới truyền thông không phát lại phần đó của cuộc thú tội. Geelani, những người bà con và luật sư của ông có vẻ nhẹ nhõm, nụ cười của họ tươi hơn.

Những ngày khác lại hé lộ thêm các kẽ hở trong vụ án chống lại Geelani.

Cho đến tháng Mười Một, các nhân chứng và bị cáo đã khai báo hết và những tranh cãi cuối cùng trong vụ án đã bắt đầu. Tòa án tối cao của Delhi đã ra lệnh tháo còng tay của Geelani, tuy vậy bọn cảnh sát có vũ trang vẫn án ngữ trong phòng xử. Trừ một vài phóng viên, giới truyền thông vẫn tiếp tục làm ngơ với phiên tòa. Công tố viên buộc tội ông Geelani dựa trên những luận cứ về việc ông đã ủng hộ vụ tấn công trong khi nói chuyện điện thoại của việc ông quen những bị cáo khác, việc số điện thoại của ông được tìm thấy trong điện thoại của họ và việc ông đã nhận cuộc gọi từ những bị cáo khác vào ngày xảy ra vụ tấn công. Geelani không chối bỏ việc quen biết những bị cáo khác và việc nói chuyện điện thoại với họ.

Ngày 16 tháng Mười Hai, khi tòa tuyên án, ông Habibullah không đến dự. Thay vào đó, phe chống khủng bố thuộc cảnh sát Delhi cầm đầu bởi Singh – những kẻ đã bắt giữ Geelani và tổ chức điều tra – chiếm hết phòng xử. Bọn cảnh sát vẫn thường ăn mặc lôi thôi, râu ria lờm chờm, hôm ấy được cho mặc vét đắt tiền với cà vạt tương xứng. Chúng sẽ trông khá bảnh trong mấy tấm hình đăng trên báo ngày mai, tôi nghĩ thầm. Lần đầu tiên phòng xử án đông kín phóng viên. Tôi đứng gần bàn thẩm phán, hy vọng nghe được từng chữ một của bản án. Không khí vô cùng bức bí. Một phóng viên la hét người phục vụ mở máy điều hòa. Máy không hoạt động. Tay phóng viên đứng phía sau tôi sờ tay của anh ta lên lưng tôi để ghi chép.

Thẩm phán Dhingra bước vào phòng. Im lặng kéo dài trong phòng xử. Không ai nhúc nhích trong khi hấn tuyên án. Hấn tuyên bố người thầy giáo bị buộc tội, ông Geelani, đã có “âm mưu tấn công quốc hội, âm mưu tiến hành một cuộc chiến tranh chống chính phủ Ấn Độ, là một kẻ sát nhân và một mối nguy nghiêm trọng.” Hai người đàn ông kia cũng bị phán quyết là có tội. Geelani im lặng. Tôi nhìn ông hồi lâu. Có vẻ như ông thấy tôi nhưng ánh mắt ông không nói lên gì cả. Hai ngày sau phán quyết, thẩm phán Dhingra tuyên án tử hình Geelani và hai đồng bị cáo người Kashmir, Mohammed Afzal và Shaukat Guru.

Geelani khẩn nhục xin phép thẩm phán được nói chuyện với báo chí.

Thẩm phán Dhingra đồng ý. “Không có công lý thì sẽ không có dân chủ. Nền dân chủ của Ấn Độ đang bị đe dọa,” Geelani hét lớn.

Bọn cảnh sát nhanh chóng áp tải Geelani và những người bị buộc tội khác lên xe tải. Các nhóm quay phim của đài truyền hình xô đẩy nhau để quay cận cảnh. Bismillah nhìn anh trai mình bị đưa đi rồi òa lên khóc. Ở thị trấn Baramulla, hàng trăm người biểu tình tràn ra đường khi tin tức lan đến.

Một trong những vị luật sư được kính trọng nhất Ấn Độ, đồng thời từng là bộ trưởng Bộ Tư pháp liên bang, ông Ram Jethmalani, đồng ý bào chữa miễn phí cho Geelani ở những tòa án cao hơn và kêu gọi các nhà hoạt động của nhóm cực đoan Shiv Sena (Quân đội của Shivaji, được đặt theo tên một tù trưởng người Hindu thời trung cổ đã chiến đấu chống những kẻ thống trị Mughal của Ấn Độ) đốt hình nộm của tên luật sư như một kẻ phản bội và đe dọa hắn sẽ lãnh những hậu quả nghiêm trọng nếu hắn chấp nhận bản án. Jethmalani đã giữ đúng lời hứa. Ông làm đơn kháng án lên tòa án tối cao Delhi. Các vị thẩm phán của tòa bắt đầu xét đoán vào tháng Tư năm 2003. Tiếp sau đó là các phiên tòa và sự tranh cãi. Nếu bản án của thẩm phán Dhingra được giữ nguyên, Geelani sẽ bị treo cổ.

Vào tháng Mười, tòa án tối cao đọc phán quyết. Geelani được xóa bỏ mọi sự cáo buộc. Ông được tự do và đã quay lại trường để giảng dạy.

Phần Hai
Những Cuộc Hành Trình

Gặp lại anh



Tôi đã bắt đầu suy nghĩ nghiêm túc đến việc quay về Kashmir, nơi những việc còn tàn nhẫn hơn như vậy rất nhiều vẫn đang xảy ra. Tôi có kể vài câu chuyện với một số bạn bè ở Delhi, nhưng không bao giờ có thể nói hết mọi điều. Tôi sẽ thấy mình bỏ lửng câu nói bởi bị những ký ức khuấy động. Việc kể chuyện ngay cả trong một không khí thân mật cũng thật đau đớn. Và một cảm giác xấu hổ chiếm lĩnh tôi mỗi lần tôi vào hiệu sách. Hầu hết người dân của những vùng có xung đột đều đã kể ra câu chuyện của họ: người Palestin, người Israel, người Bosnia, người Kurd, người Tây Tạng, người Libăng, người Đông Đức, người châu Phi, người Đông Timor và rất nhiều dân tộc khác nữa. Tôi cảm nhận được sự thiếu vắng những cuốn sách viết về trải nghiệm của người Kashmir. Những ký ức và câu chuyện về Kashmir trong tôi có thể sẽ phai mờ. Tôi phải tìm ngay các từ ngữ để cứu chúng khỏi bàn tay tàn nhẫn của thời gian. Tôi phải viết. Và để viết được, tôi phải quay về và thăm lại những con người và những nơi chốn đã ám ảnh tôi suốt bao năm qua.

Trong số những mẫu văn chương về Kashmir, các bài thơ của nhà thơ người Mỹ gốc Kashmir Agha Shahid Ali^[30] là hay nhất. Tôi thường tìm đến những vần thơ của ông, những vần thơ gợi lên nỗi sợ hãi, căng thẳng, cảm giác giận dữ và niềm tuyệt vọng chúng tôi đã trải qua. Tôi chỉ gặp Shahid trong những cuốn sách của ông – *đất nước không có bưu điện*, *Nửa inch Himalaya* và *Những gian phòng không bao giờ xây xong*. Tôi đã thấy ông

mỉm cười trong các khung cửa bằng gỗ ở phía nam Srinagar và thấy bố ông, cụ Agha Ashraf Ali, một giáo sư về hưu, kể câu chuyện về người con trai làm thi sĩ cho những lượt khách thăm viếng liên tục. Nhà thơ Shahid mất năm 2001 tại Brooklyn. Trong những ngày cuối đời vào tháng Tám năm 2001, cứ cách một ngày ông lại được các tờ báo ở Kashmir in những bài thơ của mình. Kinh cầu nguyện cho ông vang lên trong tất cả đền thờ ở Kashmir.

Tôi bắt được vài hình ảnh thoáng qua của ông Shahid trong một bài mà bạn ông là nhà văn Amitav Ghosh,^[31] đã viết trên tờ *The Nation*. Một ngày nọ, ông Ghosh đưa Shahid và anh em của ông ấy đến bệnh viện để thực hiện một trong nhiều cuộc phẫu thuật không thành công của ông ấy. Ông Shahid cố gắng tự mình bước đi nhưng bị ngã và được đặt vào xe lăn. Ghosh viết, “Khi người hộ lý trở lại cùng với chiếc xe lăn, Shahid cười rạng rỡ với anh ta và hỏi anh ta đến từ đâu. Ecuador, anh nói và Shahid vỗ tay hớn hờ. ‘Người Tây Ban Nha!’ ông gào lên hết cỡ. ‘Tôi đã luôn muốn học tiếng Tây Ban Nha. Chỉ để đọc Lorca.’ Nghe nói vậy, người hộ lý mệt mỏi với đôi vai thông xuống đột nhiên tươi tỉnh lại. ‘Lorca ư? Ông vừa nói Lorca ư?’ Anh trích vài dòng thơ, trước niềm thích thú vô bờ của Shahid. ‘À! “*la Cinque de la Tarde*”, Shadid reo lên, hớn hờ uốn lưỡi theo các âm tiết. ‘Tôi mê mấy cái từ đó quá. “*la Cinque de la Tarde*”!’”

Với tôi, nhà thơ Shahid vẫn tiếp tục trò chuyện qua những con chữ màu đen:

Tôi viết trên sự trống rỗng:

*Kashmir, Kaschmir, Cashmere, Qashmir,
Cashmir, Cashmire, Kashmere, Cachemire,
Cushmeer, Cachmiere, Casmir*

Một trưa hè, biên tập viên của tôi gọi điện để thảo luận về những ý tưởng có tính khả thi. Tôi báo với ông ấy là tôi sẽ rút lui. Ông đề nghị tăng lương cho tôi. Nhưng tôi sẽ quay về nhà. Về Kashmir. Người biên tập chúc tôi may mắn.

Đêm ấy tôi không để đồng hồ báo thức. Tôi bỏ mấy tuần sau đó để mua sách: những cuốn tôi thèm đọc, những cuốn tôi đã hoặc chưa bao giờ nghe nói đến. Tiếp đó, là các cuộc thảo luận với bạn bè, và những lời chia tay thật khó khăn.

Ngó vào tài khoản tiết kiệm, tôi đã dẹp ngay khả năng đi về bằng máy bay. Vài tuần sau tôi ôm mấy cái túi, đón xe buýt về Kashmir. Ánh hoàng hôn rọi vào mái vòm bằng đá sa thạch và những ngọn tháp của Pháo đài Đồi. Những chiếc xe buýt và xe hơi rít bánh chạy qua, những chiếc xe lôi chất đầy hàng được kéo bởi những người đàn ông có làn da cháy nắng nhể nhại mồ hôi đang cố len lỏi trên đường. Người phu xe kéo dừng lại bên một dãy lán bằng tôn với các biển chỉ dẫn du lịch sặc sỡ nằm song song với hàng rào của pháo đài. Mấy tay phe vé chợ đen bu lại, nài ép những hành khách còn nghi ngại. Họ hành động hung hãn đến nỗi tôi tự hỏi, họ có làm theo lệnh của mấy gã chủ bụng to như trống đang ngồi sau bàn gỗ trong các văn phòng du lịch như hóa thân của những vị hoàng đế Mughal hay không.

Tôi làm ngơ trước bọn con buôn, đốt thuốc và chậm rãi rít những hơi thật dài trong khi nhìn lướt qua mấy tấm biển. “Anh là dân Kashmir phải không?” người đàn ông gầy với mái tóc quăn rối và chiếc mũi điều hâu hỏi tôi. Tôi cười đáp lại. Cả cái mũi lẫn câu hỏi của anh ta đều rất Kashmir. Theo kiểu Kashmir, câu hỏi đó có nghĩa là một lời chào, mà người Kashmir này có thể hỏi người Kashmir kia trong bất kỳ tình huống nào, ở bất kỳ ngõ ngách nào trên thế giới, ngay giây phút anh ta nhận ra người đồng hành với mình là dân Kashmir. Tôi đã từng trả lời và từng hỏi câu đó. Nó đi kèm với một nụ cười thân mật và nhiều câu hỏi nữa, để xác nhận bạn chính là dân Kashmir.

Ramesh là người theo đạo Hindu ở quận Budgam ngay trung tâm Kashmir. Gia đình anh dời đến Delhi đầu những năm 90. Anh sống trong một khu ổ chuột ở phía nam Delhi. Tôi đã từng đến đó trong vai trò một phóng viên. Nó là một khu nhà đổ nát bị bỏ hoang nhiều năm trước khi chính quyền Delhi cho các Pandit^[32] nhập cư người Kashmir định cư tại đó. Những chiếc màn tơ tả được cột vào đỉnh trên tường bằng những dây nylon, được dùng

như những liếp ngăn giữa hàng tá gia đình có từ năm đến sáu người. Trong sân chung bên ngoài tòa nhà, những người phụ nữ đã dựng lên mấy cái bếp tạm bợ. Mùi hôi thối từ toa lét chung tỏa ra khắp nơi. Ramesh còn than về cái nóng ở Delhi. Anh nhớ ngôi làng của mình; ánh mắt anh như hàm chứa hình ảnh bóng râm của rặng dương liễu, những dòng suối lạnh cảm và những vườn táo nơi anh lớn lên. “Anh được về nhà, thật là may mắn,” anh nói. Mấy gã buôn vé chợ đen vẫn lượn lờ, tìm kiếm khách để gạ gẫm. Hình như họ gọi cho anh điều gì đó, anh có vẻ không thoải mái.

“Anh có sao không?” tôi hỏi.

“Tôi bình thường mà. Mãi nói chuyện nên tôi quên cả công việc.”

“Anh làm ở đây ư?”

“Ừ. Tôi ăn hoa hồng cho mỗi lượt khách tôi đưa đến văn phòng du lịch,” anh hạ giọng. Anh hy vọng lời kéo được tôi mua vé của văn phòng anh.

Tôi nhìn gương mặt u buồn của anh. “Tôi muốn mua một vé đi Srinagar. Lấy vé đi nào.”

Ramesh lấy cho tôi một vé hạng nhất có điều hòa nhiệt độ. Chiếc xe buýt sẽ đến đây trong mười lăm phút nữa và khởi hành sau đó nửa tiếng. Tôi ngồi trên băng ghế dài bằng gỗ bên ngoài văn phòng du lịch. Chúng tôi bắt tay nhau rồi Ramesh đi tìm khách. Tôi ngắm cái dáng cao gầy của anh di chuyển chậm chậm về hướng đường cái, trong khi tìm kiếm các hành khách khác. Anh vẫy một chiếc xe kéo đang mời chào những người mang hành lý, rồi người cùng xe lẫn vào đám đông.

Khoảng nửa tiếng sau, một chiếc xe buýt màu trắng cũ mèm chạy đến. Đường phố vắng người, bóng đêm bao trùm Delhi và mấy ngọn đèn đường sáng lên như những vầng trăng nhân tạo. Chúng tôi cần năm khách nữa để xe chạy. Tôi xuống xe và đi tản bộ. Tôi đang lo ngại phản ứng của gia đình tôi trước quyết định bỏ việc và những ý tưởng viết lách của mình. Tôi cứ suy nghĩ về những phương án khác nhau cho việc đi lại ở Kashmir, việc ghé những nơi chốn và người quen cũ và viết về họ. Tôi có những nỗi lo riêng phải đối diện. Có thể nào tôi sai chăng? Hay là tôi nên đợi thêm ít lâu và

trang bị cho mình tốt hơn? Cuối cùng chiếc xe buýt cũng lăn bánh. Đây sẽ là một chuyến đi dài – hai mươi bảy tiếng đồng hồ.

Tôi thức dậy khá muộn vào buổi sáng. Khoảng giữa trưa chiếc xe đã lăn bánh trên con đường cao tốc uốn lượn ngoằn ngoèo trên núi. Chúng tôi sắp sửa vào thung lũng Kashmir thì một đoàn xe quân đội Ấn Độ bọc thép bắt đầu chạy qua đều đặn. Bọn lính mặc đồ ngụy trang và giáp chống đạn, mũ cối tuần tra trên đường, chĩa súng hung hãn vào những kẻ thù vô hình. Một tên lính chĩa súng ra trước, ra lệnh cho chúng tôi dừng lại. Một hành khách chế giễu, “Chào mừng đến Kashmir!”

Chúng tôi đến đường hầm Baniha, được đào xuyên qua núi bởi những kỹ sư người Thụy Sĩ vào năm 1953. Phía bên kia đường hầm là thung lũng Kashmir. Hai tên lính leo lên xe buýt và bắt đầu kiểm tra hành lý của chúng tôi. Chúng tôi bước thành hàng đến một trạm kiểm soát dựng bằng mấy bao cát. Từng người một bước vào, tay giơ cao. Bọn lính nhìn chăm chặp vào chứng minh thư và rà soát cả người chúng tôi. Có một sự thân thuộc đến kỳ lạ trong cái nghi thức này. Nó vừa bức bối vừa gần gũi. Theo một cách quái gở nào đó, nó cũng cho biết rằng chúng tôi sắp về tới quê hương.

Chiếc xe buýt chạy vào con đường hầm dài hai dặm, được thắp sáng leo lét bằng bóng đèn natri. Tiếng rên rỉ của máy hòa với dàn đồng ca bánh xe dội vào những bức tường đá đen. Mười phút dường như trôi qua thật lâu. Rồi cửa ra đường hầm xuất hiện như một hình bán nguyệt sáng lóa.

Tôi mở cửa sổ, nhón chân, thò đầu ra: Kashmir kia rồi! Nàng đấy: cái bầu trời xanh nhất trên đời che ngang dãy Himalaya cao hàng nghìn mét, lấp lánh các sắc màu nâu, xanh lá, xanh dương. Chiếc xe bê cua và nàng lúc này là một thung lũng bát ngát trải dài trong những cánh đồng lúa chập chờn như sóng, hướng về vòng cung uy nghi của núi. Làn gió nhẹ chữa lành cho tôi vết thương gây ra bởi mùa hè Ấn Độ. Tôi vươn cổ và nhìn về phía các đỉnh núi, tìm kiếm rặng núi tôi đã lớn lên cùng nó. Tôi nhìn thấy dãy núi che chắn làng mình và một rặng núi cao hơn, xanh biếc hơn gần trường tôi. Con đường rải đá giống như một dải ruy băng đen hướng về phía thung lũng. Những cây liễu

cao thanh tú hai bên đường và những cây dương thấp, xanh hơn, mọc sát rìa những cánh đồng xếp thành từng hàng ngay ngắn, trong khi xe chạy qua hết làng này đến làng khác, qua những ngôi nhà bé tí bằng gỗ và gạch, mái lợp tôn. Ánh mặt trời le lói phản chiếu lên nóc một đền thờ, mấy ông chủ tiệm hạ cửa xuống, những người bán vé xe buýt gào tên khách và tên làng cho chuyển đi về nhà và bọn trẻ con thì vẫy lia lịa những khuôn mặt ẩn hiện thấp thoáng sau cửa sổ xe.

Một tiếng rưỡi sau tôi bắt đầu vào địa phận Srinagar. Thị trấn Srinagar thời hiện đại bắt đầu bằng doanh trại quân đội lớn nhất ở Kashmir: Badami Bagh, tức khu vườn hạnh nhân, nằm trên đường cao tốc nối liền Srinagar với phía nam tỉnh Jammu. Nó nằm đối diện với khu chợ nghèo có vài quán trà, tiệm may và hàng rau quả, được vây quanh bởi mấy bức tường xi-măng cao, nơi hàng hàng lớp lớp những chướng ngại vật bằng sắt, những boongke cát và những tên lính mặc áo giáp chống đạn luôn trong tư thế cảnh giác. Dọc theo đường xa lộ là một hàng dài xe quân đội. Phía trước đó một chút, ba con chó hoang và một con bò đực đang giành nhau đồng rác để bới đồ ăn thừa. Mấy con chó xúm vào sủa con bò, còn con bò chĩa sừng về phía chúng.

Mặt trời đã lặn, hàng quán đã nghỉ và binh lính đi tuần tra khắp các ngã đường. Những cửa sắt đóng kín của các tiệm ngó trừng trừng sang phía Lal Chowk. Mấy tấm biển quảng cáo sặc sỡ phô bày tên cửa tiệm đã chìm vào bóng đêm. Vài chiếc xe kéo ở góc đường Lambert bắt đầu tách khỏi quảng trường trung tâm. Ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn đường rọi lên những bác tài đang nằm tùm tùm trên bậc thang của một văn phòng thiên văn. Xa xa về phía trước, cách chỗ chiếc xe bọc thép của quân đội một quãng, là một đại lộ hoang vắng, hai bên là hàng cây chinara dẫn đến chòi canh có chiếc đồng hồ đã hỏng. Tôi leo lên một chiếc xe kéo ba bánh màu xanh-đen, luồn lách qua khe hở của những chiếc xe buýt và taxi. Bác tài bật đèn lên và chúng tôi đắm mình trong thứ ánh sáng vàng nhạt của nó. Bạn luôn phải bật chiếc bóng đó lên để bọn lính thấy được bạn. Luật Quyền hạn Đặc biệt của các Lực lượng Vũ trang, một bộ luật do chính phủ Ấn Độ ban hành, cho phép binh lính đóng

quân ở Kashmir được bắn bất cứ ai tình nghi. Nó cũng cho chúng quyền được miễn tố trước tòa. Đi xe lồi mà không có đèn có thể gây ra một sự nghi hoặc chết người cho đám lính tuần tra. Chúng tôi chạy qua những con ngõ và con lộ vắng tanh, dừng lại tại các trạm kiểm soát, trình chứng minh thư và phải mở hết túi xách. Chiếc xe tiếp tục chạy qua những con đường không có đèn, mà chỉ có những tia sáng yếu ớt của ngọn đèn cây và đèn dầu leo lét phát ra từ các ngôi nhà. Có tiếng chó hoang tru lẫn với tiếng sủa ăng ăng khi tôi bước vào ngôi nhà của cha mình.

Trong mấy tuần lễ sau đó, tôi nói cho cha biết ý tưởng viết một cuốn sách. Ông vừa gắn mạng internet. Trong quá trình chỉ ông cách lướt web, tôi đưa ông dạo một vòng các trang chuyên san và tạp chí văn học. “Mấy trang web này có ích hơn mấy tờ báo,” cha tuyên bố sau vài tuần. Nhưng ông đã choáng váng khi tôi nói với ông, “Đó chính là điều con muốn làm. Con muốn viết về cuộc sống và xã hội của chúng ta như thế này. Thực ra con đã nghĩ việc chỉ để làm điều này”. Ông nhìn chằm chằm vào màn hình máy tính, trang có bài phỏng vấn nhà thơ, phóng viên người Ba Lan vĩ đại Ryszard Kapuscinski trong một tạp chí văn học. Cha bảo tôi tắt máy tính đi. “Bây giờ đã khá muộn.” Ông bước chậm rãi ra khỏi phòng tôi. Ông sẽ phải giải thích với những người bà con nhiều chuyện và bạn bè của ông, vì sao đứa con trai đã trưởng thành không đi đến văn phòng hoặc có một công việc bình thường như hầu hết người trạc tuổi nó.

Tôi dành mấy ngày đầu để gặp gỡ bạn bè cũ. Có một hôm, chúng tôi nhận được một thiệp cưới. Như thường lệ, trên tấm thiệp đề: HÔN NHÂN ĐƯỢC SẮP ĐẶT SẴN TRÊN THIÊN ĐƯỜNG VÀ ĐƯỢC TÔN VINH DƯỚI MẶT ĐẤT. Ashraf, con trai một người trong làng chúng tôi, sẽ lấy vợ. Thuở chúng tôi còn là mấy đứa trẻ con cùng chơi cricket với nhau trong sân đập lúa của làng, cậu ấy là một thằng cao lòng không. Giờ đây cậu là trợ lý của một tay thầu chuyên xây tường phòng hộ, đường xá và cầu cống. “Đích thân cậu ta đem thiệp đến đây đây. Con phải đi dự thôi,” mẹ tôi nói.

Nhiều năm nay tôi không sống trong nhà mình ở làng. Việc học hành và

sau đó là công việc, buộc tôi phải xa quê. Sau vụ nổ mìn, cha mẹ tôi đã dời đến Srinagar và tôi thường ở lại đó trong những chuyến viếng thăm của mình.

Hôm sau, tôi đón xe buýt đi Anantnag. Con đường dẫn về làng nhắc tôi về những tấm hình chụp Kosovo. Chính phủ trong nỗ lực mở rộng đường và cung cấp cơ sở vật chất tốt hơn cho du khách thăm Pahalgam – một đôn trên đồi cách đó vài dặm – đã phá dỡ tất cả nhà cửa hai bên đường. Những miếng gạch cẩm thạch nhiều màu từng được dán trên các bức tường nhà bếp và nhà tắm giờ đây đăm đăm nhìn tôi qua mấy cái lỗ nham nhở sau những lần cày xới của xe ủi của chính quyền. Làng tôi dường như đã thay đổi rất nhiều, nhiều nhà mới mọc lên trên những cánh đồng bên ngoài làng.

Ngôi nhà mới của ông ngoại tôi là một trong số đó. Nhưng dãy núi của chúng tôi – đường vòng cung dài hàng dặm tạo bởi rừng thông và cao hơn là những vách núi đá lởm chởm – thì vẫn như xưa, vẫn những bậc thang của các thửa ruộng đã được thu hoạch trồng trọt trất, những đụn rơm hình nón nằm rải rác và tiếng chảy róc rách của dòng suối Lidder xa tít mang tôi về lại với những âm thanh của tuổi thơ. Đêm đầu tiên ở đây, tôi đi bộ thư thả xuyên qua những thửa ruộng và vườn táo của chúng tôi, ngắm chúng từ từ đổi sắc màu khi mặt trời di chuyển xa hơn về hướng Tây. Tại nơi này, tôi đã học nói, đi, đọc, viết, chạy, chửi thề và chơi bời. Tại nơi này, tôi đã ngủ giấc ngủ ngon lành nhất của mình.

Sáng hôm sau tôi dậy khá muộn. Giống như những phân cảnh của thời thơ ấu được tái hiện, Ngoại gõ cửa phòng tôi. Từ tiếng thét kinh hoàng, giọng ông chuyển sang thì thào êm dịu. Sau một tuần trà, chúng tôi đi về làng cũ của mình. “Thằng Ashraf bây giờ cũng kiếm được khá tiền, nên gia đình nó quyết định cưới vợ cho nó,” Ngoại nói. Chúng tôi đi đến một con hẻm dẫn về nhà cậu ta. Cái nhà cũ mái tranh tường gạch bùn được trang trí bằng những bóng đèn nhỏ xíu bọc giấy kiếng xanh, vàng, đỏ. Một cái lều trắng dựng ngay giữa sân.

Ashraf ngồi trên một cái ghế giữa đám phụ nữ và trẻ em. Cậu ta trông lịch sự trong bộ *kurta*^[33] có cổ và khoác bên ngoài một cái áo vét đen. Cậu phát

hiện tôi đang đứng trong một góc. Cậu đứng dậy; chúng tôi gặp lại nhau với một cái ôm chặt và một tiếng cười thật to. “Thế là hôm nay cậu lấy vợ rồi đấy!” tôi nói. Cậu cười và nói, “Trước sau gì ai cũng phải lập gia đình thôi.” Cậu ta cầm tay tôi và dẫn tôi đến chỗ chiếc ghế. “Tôi rất mừng vì cậu đến dự. Cũng khá lâu rồi nhỉ.” Tôi ngồi cạnh Ashraf trên chiếc ghế ai đó đã vội vã mang đến. Mấy cô gái hát véo von. Mấy cậu trai mặt đầy mụn và râu được cạo nhẵn cứ tìm lý do để đứng xung quanh chú rể rồi len lén liếc nhìn bọn con gái. Những người đàn ông trông rất bận rộn trong những bộ *kurta* rộng thùng thình, la hét các mệnh lệnh mà chẳng ai buồn để ý. Ashraf phải cắt tóc trước khi sang nhà cô dâu. Ông thợ cắt tóc trong làng mang đến một thùng đồ nghề. Khi ông bắt đầu xuống tay thì tôi đi gặp các vị phụ lão.

Phía sau ngôi nhà, một hẻm nhỏ được tận dụng như một gian bếp tạm bợ. Thức ăn được nấu trong những nồi nhôm đặt trên đồng lửa nhóm giữa hai hàng gạch xếp lại. Các vị phụ lão ngồi tán gẫu và quan sát. Những người hàng xóm và họ hàng đã từng là các nhân vật thường trực trong thế giới của tôi. Cha của Ashraf, ông Khazer, một người đàn ông thấp, dẻo dai thường đội mũ để che cái đầu hói của mình, sẽ cho tôi một mẫu đường thô khi tôi đến nhà họ chơi. Còn kia là bác Amjad của cậu ta, người lúc nào cũng trông như sắp chết và hay nhờ lũ trẻ con đâm thùm thụp vào lưng để làm giảm cơn đau lưng. Tôi hay đâm ông mạnh tay hơn một tí rồi bỏ chạy trước khi ông có thể đánh tôi bằng cây gậy cũng già không kém gì ông ấy. Trong số những thanh niên đang phụ giúp có Nissar, bạn ấu thời của tôi. Một ông hói đầu ngồi trên *patejih*, một loại chiếu đan bằng rơm, đang bập tẩu thuốc. Còn kia là ông hàng xóm bán rau tên Bashir, là người phải chịu đựng nhiều trò nghịch ngợm đã làm tôi cười nôn ruột trong những ngày đầu của cuộc xung đột.

Tôi nhìn ông Bashir từ xa. Tôi thật mừng khi nhìn thấy ông sau nhiều năm và mừng vì ông vẫn còn sống.

Ông ấy suýt té xuống ghế khi tôi đến chào hỏi. “Trời ơi! Cậu đã trưởng thành rồi, thực sự là đã trưởng thành rồi!” ông ôm lấy tôi và cứ bắt tay tôi mãi. Chúng tôi cùng ngồi xuống và ông kể cho tôi nghe về cuộc hôn nhân của

con gái mình. “Cậu đã không đến dự đám cưới của con bé Alia.” Giọng ông hơi tổn thương. Tôi giải thích, “Cháu ở Delhi, bị kẹt cứng vì công việc.” Ông hỏi thăm tôi, còn tôi trả lời chiếu lệ. Nhưng có một điều làm tôi lo lắng, là thái độ của ông đã thay đổi. Ông dùng lời lẽ rất khách sáo và một thái độ cung kính mà chúng tôi chỉ dùng với khách khứa. Tôi tiếp tục gặp Khazer, Amjad, Nissar và những người khác nữa. Tôi chờ đợi sự đối xử thân mật như ngày xưa, nhưng họ cũng như những người khác, cư xử với tôi như một người khách. Ông Khazer bảo tôi vào ngồi trong phòng dành cho khách. Khi tôi tình nguyện làm việc vặt, ông Amjad ngăn tôi lại. Thằng Nissar, cái thằng chưa bao giờ đi khỏi làng, bưng chõng đĩa và phục vụ khách khứa. Những việc vặt mà bọn thanh niên trong làng hay phụ giúp bây giờ không còn dành cho tôi nữa.

Tôi đã đi nhiều nơi và sống một cuộc sống khác. Nhưng mỗi lần điền địa chỉ thường trú vào đơn, tôi vẫn viết: *Seer Hamdan, Anantnag, Kashmir*. Mặc dù rất tệ với những con số, tôi không bao giờ quên mã vùng của làng mình: 192129. Tôi không thể quên trạm bưu điện của làng, có làn khói ẻo lả bay ra từ cái ống thiếc rỉ sét của cái *bukhari*, có bảng yết thị màu đỏ đầy bụi bặm và những nhân viên bưu điện mặc đồ kaki. Và còn ông Ramji, người phát thư của chúng tôi, người tôi cứ nghĩ là đã già ngay từ lúc mới sinh ra, với mái tóc muối tiêu rồi bù phủ lòa xòa lên khuôn mặt nhăn nheo, bên dưới là đôi vai chùng trên thân hình dẻo dai. Buổi sáng ông nhận sữa mấy cái lò ở gần chỗ ông hàng thịt và buổi trưa ông chạy xe đạp quanh làng, đeo túi đay trên vai trái, rung rung chuông và dừng lại ở những nơi ông cần giao thư. Lũ trẻ trong làng chạy theo ông, đồng thanh hò reo, “Có thư cho cháu không, ông Ramji?” cho đến khi ông bực bội quá và đuổi chúng đi. Những lá thư ông Ramji giao thường không có số nhà, tên đường mà chỉ có tên người nhận và tên làng. Ông Ramji biết hết mọi người, những lá thư đều đến tận tay họ. Tôi không còn nhận được lá thư nào ở địa chỉ cũ nữa. Nhưng mỗi lần tôi điền một lá đơn, những khuôn mặt của thế giới thất lạc đó lại hiện lên trong ký ức tôi.

Cho đến giữa những năm tám mươi, không ai có điện thoại, chỉ một vài

gia đình có tivi. Dân chúng thường tụ tập tại nhà Gani Haji, ông đánh xe ngựa, để xem tivi. Ông từng đến Mecca – thánh địa của người Hồi giáo – và mang về một chiếc tivi trắng đen. Hầu hết những người có máu mặt đều tập trung tại nhà Haji. Chiếc tivi đó từng được để trong căn phòng dưới tầng trệt và bạn có thể thấy nó qua cửa sổ. Trước khi gia đình tôi có tivi vào khoảng cuối những năm 80, tôi và thằng bạn Aafaiz thường trèo lên vai nhau để xem ké tivi qua cửa sổ.

Chúng tôi nghe tin tức qua radio, còn báo chí thì rất hiếm hoi. Lúc ấy ý nghĩa của tin tức khác nhiều so với hiện giờ. Nó không nhắc đến số lượng người chết hàng ngày, loại tin đó chỉ bắt đầu có từ sau năm 1990. Tin tức không nói đến sự tự quyết, tự chủ, chủ nghĩa khủng bố, các hội nghị, chiến lược, địa chính trị, trào lưu chính thống, lòng khoan dung, hay chủ nghĩa thể tục. Người ta lấy tin tức ở những nơi không người nào trong làng chúng tôi từng đến. Tin tức không nói về chúng tôi. Tôi nhớ cái ngày tôi về nhà, mang theo bản copy một tờ báo tiếng Anh bán chạy nhất ở Ấn Độ, tờ *Thời báo Ấn độ*, từ Anantnag. Trước khi tôi về đến nhà, một nhóm bô lão nhàn rỗi của làng ngồi trong một tiệm gần nhà chúng tôi, vẫy tôi lại. Tôi đã phải đưa họ xem tờ báo. Họ gần như nín thở trước mấy tấm hình và những dòng chữ in trên báo. Và vì nó là một tờ báo tiếng Anh, tôi được yêu cầu dịch rồi đọc nó lên. Hơn một thập kỷ đã trôi qua kể từ ngày ấy vào giữa những năm tám mươi. Những người già đã già hơn, lũ trẻ con đã thành thanh niên. Ông Amjad và bác Khazer vẫn còn ngồi lê đôi mách ở một cái tiệm cũ với những người khác. Báo chí đã về làng chúng tôi thường xuyên. Mọi nóc nhà đều hãnh diện khoe ăng-ten tivi. Trong làng có ba đại lý truyền hình cáp, cung cấp đến năm mươi kênh, kể cả BBC, CNN và bảy kênh tin tức khác của Ấn Độ, với giá chín mươi rupee một tháng. Người ta xem tin tức và đọc báo. Bây giờ tin tức cũng nói nhiều về chúng tôi. Aafaiz, thằng bạn thời chỉ có một cái tivi trong cả làng, lúc này đang điều hành một mạng lưới truyền hình cáp.

Màn đêm buông xuống và sau bữa tối Ashraf được đưa vào trong lều. Đây là đêm của cây lá móng: *maenziraat*. Những người đàn bà và các cô gái quây

tròn lấy cậu ta và hát những bài hát đám cưới truyền thống. Mẹ của Ashraf bôi lá móng lên ngón tay nhỏ nhất của cậu; bạn bè và bà con chụp hình với chú rể. Tôi quyết định chống lại cơn buồn ngủ. Đây là dịp những bài hát Kashmir được hát sôi nổi theo nhịp của *tumbaknaer*, một loại nhạc cụ giống như cái trống, có một đầu bịt kín bằng da dê, được những người đàn bà gõ rất thuần thục. Căn lều rộn ràng tiếng hát của những phụ nữ và thiếu nữ mặc áo quần thêu thùa láng bóng, với một bài hát Kashmir truyền thống:

*Hooreh Chayyih Wanwaan Nooreh Mahraazo
Aakho Shahrekih Sheerazo Aakho Shahrekih Sheerazo
(Houris hát tặng chú rể với khuôn mặt thiên thần,
Anh ấy chính là viên đá quý của thành phố)*

Một giờ sau, mấy cậu thiếu niên đem vào lều hai cái loa và một máy nghe CD. Hầu hết chúng nó mặc áo thun và quần jean nhái của Calvin Klein, Lee và Levi. Hai chàng nhóc có thân hình đẹp nhờ tập thể hình mặc hai áo sơ mi vải sợi tổng hợp có in hai chữ HERO và SPORTY lo sắp đặt hệ thống âm thanh. Tiếng nhạc phim Hindi đình tai nhức óc át hết những bài hát truyền thống. Một số bà lớn tuổi phản đối. Mấy cô gái mặt ửng hồng vì hạnh phúc, vây thành vòng tròn quanh các chàng trai, nhảy theo một bài hát ăn khách của Bollywood. Dần dần, đám con gái tiến đến gần hơn và ngắm nhìn các chàng trai đang xoay tròn tự giác theo những bài hát Hindi. Tiếng nhạc âm ì, ca từ nhạt nhẽo và những động tác nhảy kiểu Bollywood đã trội hơn kiểu ăn mừng truyền thống.

Vào buổi sáng, cha của Ashraf bảo tôi ngồi cùng với những người đàn ông sẽ hộ tống Ashraf đến nhà cô dâu, nơi tổ chức *nikah* – lễ hát cho hôn lễ, với hai nhân chứng của mỗi bên, theo sau là tiệc *wazawaan*, một dạng nghệ thuật nấu nướng truyền thống có ba mươi sáu món thịt các kiểu của Kashmir. Vị trí đó chỉ được dành cho bà con thân thuộc và những người khách đặc biệt.

Trong một khoảnh khắc, tôi lang thang qua những con đường mòn, thoáng gặp quá khứ của mình ở khắp nơi, cho đến khi tôi đứng trong sân một ngôi

nhà hai tầng mái lợp tôn. Không có đứa bé nào trong bãi cỏ trước sân, không có con bò nào với những đốm đen trên bộ da trắng bị cột vào cái cọc trong góc sân đâm chiêu nhai cỏ, cũng chẳng có chiếc xe đạp màu xanh da trời nào nằm bên cạnh chuồng bò. Bức tường bao làm bằng xi-măng tôi nhìn thấy lần đầu. Một người phụ nữ xa lạ đang tò mò liếc nhìn tôi qua cửa sổ nhà bếp. “Cậu đang tìm ai vậy?” bà ấy hỏi. Tôi không biết phải trả lời thế nào. Tôi cũng đang hỏi câu đó với chính mình; căn nhà mà bà sở hữu hiện nay là nơi tôi đã được sinh ra. Nó là tổ ấm chứa bao nhiêu kỷ niệm tôi mang theo mình. Nó mãi là tổ ấm trong suy nghĩ của tôi, dù đã được chuyển nhượng cho người khác.

Ashraf đang chuẩn bị để sang nhà cô dâu. Cậu mặc bộ vét màu nâu nhạt, đôi giày da cũng màu nâu và một khăn vấn tóc màu trắng thêu chỉ bạc. Trên cổ cậu là hai vòng hoa cúc vạn thọ và ba vòng tiền giấy mười rupee. Những người hộ tống cậu đang chờ trong sân. Người ta lại trò chuyện về việc ai sẽ là người tiếp theo và đám cưới đó sẽ diễn ra như thế nào, khi mà, từ lúc chiến tranh bắt đầu, tuổi lập gia đình trung bình ở Kashmir đã tăng từ hai mươi mấy lên trên ba mươi. Ashraf đã ba mươi hai tuổi, còn cô dâu thì ba mươi. Sự trì hoãn trong việc học và những khó khăn khi tìm việc làm đã đẩy lùi các ngày cưới lại trước sự bức bối của các bậc cha mẹ và ông bà. Điều này trở nên đặc biệt đáng lo đối với cha mẹ của các cô gái. Phần lớn người chết trong chiến tranh là thanh niên và còn có hàng ngàn người khác bị thương, bị trầm cảm và không có cơ hội tìm được việc.

Các phụ nữ và thiếu nữ quây thành vòng tròn, nắm tay nhau và hát. Họ di chuyển tới lui, nhịp chân, lắc đầu, lên giọng rồi hạ giọng. Đó là một phong tục cũ, được thực hiện trước khi chú rể sang nhà cô dâu lúc hoàng hôn và quay về sau bữa ăn tối. Người dân Kashmir đã bỏ phong tục được lưu truyền từ nhiều thế kỷ này kể từ sau đêm 16 tháng Năm 1990, khi lực lượng bán quân sự Ấn Độ xả súng vào một tiệc cưới và hãm hiếp cô dâu.

Thành phố không niềm vui



Trong các bức ảnh cũ, Srinagar là những ngôi nhà, thánh đường và đền thờ có hàng rào mắt cáo trang nhã nằm đối diện nhau trên hai bờ của dòng sông Jhelum; là những người dân đi bộ thong dong trên bảy cây cầu gỗ, hay lang thang trong những khu chợ cũ bán gia vị, bán khăn và thậm chí được thuê mua rất đẹp và bán ấm samovar được chạm trổ cầu kỳ, hay vừa râm rạn cầu nguyện vừa bước vào trong ngôi đền cổ xưa phô bày các đoạn kinh Koran và câu thơ thần thoại trên các cửa sổ và cửa chính, với nội thất làm bằng giấy bồi màu xanh ngọc và xanh lục nhẹ nhàng. Nhưng tiếc thay sự trang nhã đó đã biến mất vào thời chiến. Những cây cầu gỗ đã sập hoặc xuống cấp. Bộ khung của chúng vẫn còn đó trong bóng của những chiếc cầu mới xây bằng xi-măng.

Cha mẹ tôi sống gần tả ngạn sông Jhelum, chỉ cách cây cầu thứ tám một đoạn đi bộ ngắn, cây cầu được xây sau này và được đặt tên là cầu Zero. Lal Chowk, trung tâm thành phố, tọa lạc ngay bên kia cầu. Tôi cuốc bộ ngang qua ba boongke, một máy ATM, một thánh đường, vài cửa hàng rau quả, mấy tiệm thuốc tây và cửa hàng văn hóa phẩm trước khi đến được bờ sông. Quần áo được phơi trên mấy sợi dây nylon buộc vào cột buồm của những nhà thuyền màu trắng và nâu nhạt đang neo chờ khách. Bên kia bờ sông, những con đại bàng chao lượn trên những cây chinar uy nghi, rồi bay vòng quanh bên trên cầu Zero và bay vút lên tận trời cao, cao hơn cả những ngọn núi tạo thành một lằn ranh ở phía đông thành phố. Một lão chài ngồi đợi khách trên

chiếc *shikara*^[34], tay cầm một thân liễu làm mái chèo. Ông giục tôi ngồi ở phía đuôi thuyền để chừa chỗ cho người khác. Tôi khiếp vía khi đi trên những tấm ván lót thuyền đã mục đến nỗi nước đang từ từ tràn qua khe. Ông lão bật radio lên rồi đẩy chiếc thuyền xuống sông bằng cách tống mạnh cành liễu vào bờ. Hành khách nắm lấy hai bên mạn thuyền. Một bài hát vang lên giữa sự im lặng căng thẳng.

Vài phút sau, chúng tôi sang đến bờ bên kia, mỗi người trả một rupee và sau khi trình chứng minh thư với đám lính tuần tra bờ sông thì cuốc bộ vào trung tâm thành phố. Lal Chowk là một đại lộ đông đúc với những tòa nhà kiểu thập niên sáu mươi. Những người bán hàng rong rao bán giày nhái các thương hiệu và đồ điện cải tiến tràn ra khắp lối đi và những tiệm bán thảm thì treo thảm và khăn choàng rồi tuyên bố đầy tự tin rằng họ chuyên bán hàng thủ công chất lượng tuyệt hảo của Kashmir. Vài băng nhóm nhỏ còn đồ đập rầm rầm vào cửa các sạp báo chỉ để mua báo và những bài hát kiểu Bollywood tục tĩu phát ra từ mấy tiệm bán CD và VCD lậu. Lính Ấn Độ tuần tra đường phố, dáo dác quay đầu như chong chóng. Tôi đã bị bất ngờ bởi cái tên sơn trên một chiếc xe tải bọc thép của quân đội đậu bên đường. Tôi từng thấy những cái tên như thế nhưng chưa bao giờ chú ý lắm. Những mẫu tự Hindi, mà chỉ có vài người Kashmir có thể đọc được: MAHAKAAL – nghĩa đen là: cái chết cao cả, và cũng là một trong những tên của Shiva, vị thần hủy diệt của đạo Hindu.

Tôi đi ngang qua chiếc xe Mahakaal để đến một quán cà phê internet đáng tin cậy hơn nằm trong một khu thương mại cũ. Cạnh lối vào, một nhóm thanh niên và đàn ông đứng tuổi xúm quanh một xe bán trà lưu động. Những mảng xi-măng trên tường của tòa nhà bị tróc ra, và một cầu thang tối tăm dẫn lên tiệm cà phê. Tôi bước vào bên trong một căn phòng sáng rực. Những căn buồng bé tí ôm chặt lấy mấy bức tường trang trí hoa hòe hoa sói. Một người quản lý trẻ và một cô gái son phấn dày cộp ngồi sau quầy gỗ. Bài “Sexy Lady” phát ra từ một cái loa ở đâu đó. Mỗi buồng có hai ghế và những tấm ván gỗ tếch để lộ ra toàn chân với cẳng: giày thể thao, giày xăng đan, rồi lại

giày thể thao, giày xăng đan. Những cặp đôi trẻ mua một giờ riêng tư với giá ba mươi rupee. Tôi chỉ vừa loay hoay gửi một email thì đường kết nối tắt phụt sau nửa tiếng. Chẳng ai than phiền gì. Tôi nghĩ đến cái lần đầu tiên tôi đến quán này vào năm 2001 ngay sau khi nó được mở. Vì những lý do an ninh, chính quyền đã ra lệnh cho mọi người phải trình chứng minh thư và cung cấp địa chỉ trước khi được dùng internet. Ít nhất thì cái ngày đó cũng đã qua.

Bên ngoài, số lượng xe hơi trên các con đường bắt đầu tăng lên. Người ta không thể lái xe qua Lal Chowk mà không bị kẹt đường. Mọi người nói về những khoản vay cá nhân dễ dàng và lượng tiền khổng lồ mà cả Ấn Độ lẫn Pakistan đổ ào ạt vào Kashmir để giành lấy sự tín nhiệm – một cuộc chiến tranh kinh tế. Thứ tổ chức duy nhất đã vươn lên mạnh mẽ tại Kashmir trong suốt thời kỳ xung đột là ngân hàng. Đi tản bộ vòng vòng Srinagar, thỉnh thoảng tôi lại bắt gặp một bản tin, thông báo một nhà môi giới chứng khoán nữa được cấp giấy phép ở Bombay hay Delhi. Rất nhiều tiền đang được đầu tư vào cổ phiếu và chứng khoán. Trong chuyến quay về nhà, tôi đã gặp Ayaar, bạn cũ thời đại học. Là một kỹ sư cơ khí được đào tạo bài bản, một kẻ hâm mộ điên cuồng truyện trinh thám, cậu ta quay sang thị trường chứng khoán sau ba năm thất nghiệp. Chúng tôi cuốc bộ đến phòng làm việc của cậu nằm ở một trong những khu mua sắm xấu xí mới xây tại Srinagar. Có một bảng hiệu. Rồi chúng tôi vào một căn phòng sáng lờ mờ với những bức tường trống trơn. Cậu ta kiểm tra mấy màn hình nhấp nháy. Sau một tuần trà theo thông lệ, cậu cố thuyết phục tôi đầu tư vào cổ phiếu.

Vài phút sau, hai chàng trai trẻ bước vào. “Chúng tôi muốn đầu tư vào cổ phiếu,” một người nói, “nhưng không biết một chút gì về cách nó hoạt động.” Cậu bạn tôi biến thành một người môi giới chứng khoán. Cậu lấy ra hai chiếc ghế, bảo cậu bé giúp việc văn phòng đi lấy trà cho khách, đưa ra vài tờ quảng cáo và bắt đầu nhiệt tình giải thích về việc kinh doanh với anh chàng mù tịt kia. Mười lăm phút sau, cậu trở lại màn hình lập lòe và giải thích thêm lần nữa. Cậu chỉ ra những cổ phiếu đang lên hay đang xuống, nhận dạng những

cổ phiếu bảo đảm và kể chuyện một người kiếm được năm ngàn rupee trong vòng năm tiếng đồng hồ. “Cậu cứ canh chừng thật kỹ, để ý tìm những manh mối và đây chính là nơi cậu sẽ hái ra tiền.” Như một nhà truyền giáo đầy nhiệt huyết, Ayaar tiếp tục thuyết giảng để củng cố lòng tin của những người cải đạo. Thị trường chứng khoán xem ra giống như một truyện trinh thám: những manh mối chính xác sẽ dẫn đến đúng mỏ vàng. Cổ phiếu và chứng khoán là những chữ đến từ một ngôn ngữ xa lạ với tôi: ngôn ngữ của Wall Street, của Bombay, của các tập đoàn Ấn Độ.

Nó hiện diện cùng với những chiếc xe bọc thép, các đám tang, bãi công, sự sợ hãi và nỗi tuyệt vọng. Thành phố Srinagar đã dựng đài tưởng niệm cho những thanh niên đã mất, song song với các khu mua sắm với bề mặt bằng kính lòe loẹt.

• • •

Tôi dần dần ổn định cuộc sống trong nhà cha mẹ, sắp xếp những quyển sách và đặt bàn làm việc cùng chiếc máy tính cạnh cửa sổ trông ra những cây dâu tằm và cây chinar. Lũ chim vẹt, sẻ và đại bàng bay ra bay vào lùm cây rồi vút lên bầu trời xanh trong vắt. Đó là mùa thu: mùa của những chiếc lá chinar vàng rơi xuống đám cỏ khô, rơi trên những lối mòn và rơi chạm vào người đi đường. Tôi thấy hạnh phúc được ở đây và dành các buổi trưa để chuyện trò cùng bạn bè trong những quán cà phê gần Lal Chowk.

Srinagar còn là một lời chào hỏi, một cuộc gặp gỡ với bạn tâm giao trên mọi con phố. Nó không cung cấp tình huống hay mốc thời gian cho các câu chuyện của tôi, cũng không giải thích các chi tiết hay ý nghĩa. Chỉ trong một lời nói, nó truyền tải còn nhiều hơn những trang viết bằng các thứ ngôn ngữ vay mượn của tôi. Nó không ngừng kể về cái quá khứ mà chúng tôi cùng chia sẻ, không hẳn là quá khứ xa xăm trong lịch sử mà là quá khứ gần đây – thời thơ ấu đẹp như mơ vào những năm tám mươi và sự kinh hoàng của những năm chín mươi.

Khi còn là một đứa học trò vào những năm tám mươi, tôi đã viếng thăm

Pari Mahal – Cung điện thần tiên – được xây dựng vào thế kỷ mười bảy bởi vị hoàng tử Mughal phóng khoáng, Dara Shikoh. Ngài Dara Shikoh, vốn yêu thích học thuật uyên thâm hơn là nghệ thuật lãnh đạo đất nước, đã mời các nhà trí thức đến cung điện của mình để dịch những bài viết về triết học, tôn giáo và văn chương Ấn Độ sang tiếng Ba Tư và tiếng Ả Rập. Cha tôi đã kể đi kể lại câu chuyện này cho tôi nghe vì ông muốn tôi nhìn Pari Mahal như một nơi đa tôn giáo. Nhưng cũng như những đứa trẻ khác, tôi thích đứng chụp hình với lũ bạn học, chơi trốn tìm trên các thành lũy, hay ngắm cung điện lấp lánh trong đêm như đang được treo lên bởi những tia sáng kỳ diệu.

Một buổi tối tháng Chín, sau khi trình giấy phép tham quan và qua vòng kiểm tra an ninh, tôi lại trèo lên một đỉnh của dãy núi Zabarvan ở phía tây Srinagar, để về với Pari Mahal. Những bức tường đồ sộ gồ ghề của nó được trang trí bằng đá, với các khung cửa tò vò dẫn vào những căn phòng mái vòm, tương tự như trong những mái hiên ngoài vườn. Bên dưới cung điện là một khu rừng xanh trảng lẹ và một sân gôn rộng bát ngát – nơi các chính trị gia, quan chức, cảnh sát và sĩ quan quân đội được bảo vệ bởi một toán lính có vũ trang, chơi gôn và xã giao trên thảm cỏ nhập từ Mỹ – trải dài đến tận hồ Dal, như một con tắc kè hoa cứ liên tục đổi màu mỗi khi ánh sáng cợt đùa rơi xuống mặt nước phẳng lặng, đẹp đến nao lòng. Du khách chụp cảnh mặt trời đang trôi về hướng những ngọn núi đứng duyên dáng và lặng lẽ. Cạnh lối vào, hai gian phòng được bao bọc bởi những cổng vòm bằng đá granite giờ đã biến thành trại lính, và là một nơi rất bừa bộn. Một tên lính đang bận rộn nấu nướng bên bếp lửa và vài tên khác đang chơi bida. Phía sau chúng, trong một gian phòng trần vòm le lói sáng, những khẩu súng máy nằm ngổn ngang trên những tấm cối. Xa hơn một chút phía bên trong cung điện, trên một phần đất cao hơn, là một tên lính gác đeo súng máy đứng trong một tháp canh đắp bằng bao cát. Pari Mahal đã trở thành doanh trại bán quân đội đẹp nhất thế giới.

Tôi bắt đầu hồi tưởng lại những cuộc viếng thăm của mình đến những khu tưởng niệm khác của Kashmir. Tôi nghĩ đến thư viện của trường cao đẳng

Islamia, trường cao đẳng xưa nhất ở Srinagar đã bị thiêu trụi trong một trận đánh cùng với nhiều bản thảo, kể cả bản kinh Koran 1400 năm tuổi được viết bằng tay bởi Usman, vị calíp^[35] thứ ba của thế giới đạo Hồi. Ngôi đền 600 tuổi của Nuruddin Rishi, vị thánh bảo hộ Sufi của Kashmir, đã bị phá hủy trong một trận đánh giữa lính Ấn Độ và quân khởi nghĩa. Các đền đài đạo Hindu và những tháp chứa hài cốt các vị sư và điện thờ Phật có mái vòm đang hấp hối trong quên lãng hay đang bị trưng dụng sai mục đích cũng là nạn nhân của cuộc xung đột này, như bao nhiêu con người khác.

Ashoka vị hoàng đế Ấn Độ vĩ đại cai trị một vương quốc bao gồm gần như toàn bộ vùng Nam Á, lập nên Srinagari (Thành phố của sự Phồn thịnh) vào khoảng năm 250 trước công nguyên bên rìa của khu vực Srinagar hiện đại. Sau một trận chiến đẫm máu, hoàng đế Ashoka đã từ bỏ bạo lực, trở thành phật tử và cống hiến đời mình cho việc giảng đạo. Từ những khóa đào tạo về Phật giáo như vậy ở Kashmir mà các nhà truyền đạo đã đưa đạo Phật sang Trung Quốc và Nhật Bản. Năm 1905, một nhóm nhà khảo cổ dẫn đầu là ông Daya Ram Sahari, khi đó là trưởng nhóm khảo cổ học của Kashmir, đã khai quật những phần còn sót lại của các ngôi tháp chứa hài cốt và tìm thấy những pho tượng Phật và hình ảnh của các vị thần Hindu trên sườn núi Pandrethan. Hầu hết các di vật đó được lưu giữ trong bảo tàng Sri Pratap Singh, được đặt theo tên một vị vua trong thế kỷ mười tám. Bảo tàng duy nhất ở Srinagar cách cầu Zero một quãng ngắn. Mấy cuộn dây kẽm gai nằm ngay trước cổng bé tí của bảo tàng đã xuống cấp; bọn lính tráng chiếm giữ một boongke ở gần đó. Những người canh giữ bảo tàng đang tán gẫu phía sau quây tiếp tân bằng gỗ trên tiền sảnh bụi bặm. Họ chăm chăm nhìn tôi, người khách đơn độc, như thể tôi vừa bước vào phòng khách nhà họ.

Sau khi sự ngượng ngập ban đầu tan biến đi, tôi gặp ông Mohammed Iqbal, một nhà khảo cổ học trung niên của địa phương, người mặc cho cuộc xung đột vẫn tiếp tục xuất bản những quyển sách nhỏ về các khu tưởng niệm cổ xưa ở Kashmir. Sảnh chính bày đầy tác phẩm điêu khắc của vùng Pandrethan. Ông Iqbal dừng lại gần một hộp kính chứa hai bức tượng đứng

không giá đỡ, một tảng đá granite xám ngả xanh lục miêu tả Đức Phật sau khi ngài từ bỏ thế giới. Khuôn mặt của ngài bị bể nhưng ngài vẫn tiếp tục ngồi thiền. “Hãy nhìn đôi mắt khép hờ và cặp chân mày cao kiểu người Mongoloid của ngài. Đó là phong cách Gandharan, chịu ảnh hưởng của Hi Lạp rất lớn,” ông Iqbal nói trong khi nhìn bức tượng với một nụ cười. Rồi ông hướng sự chú ý của tôi đến một tượng đá granite màu đen mô tả tích Phật đản, đó là việc Hoàng tử Siddhartha được sinh ra bởi Hoàng hậu Maya. Hoàng hậu Maya đầu đội vương miện châu báu, cổ đeo hai sợi dây chuyền và tay đeo một vòng chạm trổ, ngồi dưới một thân cây, tay này nắm lấy nhánh cây còn tay kia thì được nâng đỡ bởi người chị gái cũng mang trang sức tương tự ngồi phía bên kia. “Nó không chỉ là một bức tượng, nó là cả một câu chuyện,” ông Iqbal giải thích. “Hoàng hậu Maya, khi mang thai Đức Phật, đau đẻ trong một khu rừng ở Lumbini trên đường đến nhà cha của bà ấy. Trong cơn đau đớn, một tay bà nắm lấy nhánh cây và một tay được chị mình trợ giúp. Những đường nét trên gương mặt của hai chị em bà Maya đậm chất người Mongoloid, giống như những đường nét của Đức Phật. “Kiểu trang trí chịu ảnh hưởng phong cách điêu khắc Maurya và Gupta của Ấn Độ, những đường nét trên mặt được định đoạt bởi trường phái Gandharan. Sự kết hợp hai phong cách này đã làm nên trường phái Kashmir,” ông Iqbal giải thích.

Vào sâu hơn một chút bên trong bảo tàng, chúng tôi bắt gặp một tác phẩm điêu khắc khổng lồ bằng đá granite về vị thần Hindu Shiva, được khai quật gần Pandrethan. Nó được xác định thuộc thế kỷ thứ ba, sau khi Kashmir đã trở về với đạo Hindu. Mặc dù tôn giáo thay đổi, Phật giáo vẫn có ảnh hưởng rõ ràng – thần Shiva ở đây trông giống như Đức Phật, ngoại trừ con mắt thứ ba trên trán. Rất nhiều tượng Phật và tượng các môn đệ của ngài, cùng tượng những vị thần Hindu khác nhau đứng xếp hàng dọc theo đại sảnh của bảo tàng. Ông Iqbal tin rằng nhiều cổ vật sẽ được phát hiện thêm nếu việc khai quật được tiếp tục. Nhưng rất ít khả năng điều đó sẽ xảy ra. “Sau khi chế độ quân chủ chấm dứt và vị hoàng tử đồng ý sáp nhập vào Ấn Độ năm 1947,” ông ấy nói, “quân đội đã thành lập cơ quan đầu não trong khu vực

Pandrethan. Sau đó, vì những lý do an ninh, không có một cuộc khai quật nào được cho phép tại đó. Mọi việc càng trở nên tồi tệ hơn sau cuộc xung đột và tôi không cách nào đến tham quan những khu khảo cổ của Pandrethan đã lọt vào tay các doanh trại quân đội.”

Tôi rời bảo tàng để đến thăm nơi mà những bức tượng này đã được khai quật, cách cơ quan đầu não của quân đội chừng một dặm về hướng nam. Tôi đi bộ ngang qua một doanh trại có những bản tin tuyên truyền và ảnh bọn lính đang cố tươi cười khi rót nước cho các cụ người Kashmir hoặc cố tỏ ra quan tâm đến đám con nít Kashmir. Bên dưới mấy tấm ảnh là những lời: **TÌNH YÊU VƯỢT LÊN TRÊN MỌI CHƯỚNG NGẠI.**

Xa hơn một chút, tôi đến một ngôi làng – thật ra là một chợ nhỏ có mấy biển báo bán nước ngọt, khoai tây chiên. Một cụm nhà tồi tàn làm bằng gạch và xi-măng trải dài từ chỗ đất bằng đến tận ngọn núi phía trên. Không có gì để thăm thú – chúng vẫn còn nằm trong quyền kiểm soát của quân đội – nhưng tôi thấy tò mò, không biết dân làng có biết chút gì về thành phố Srinagar của hoàng đế Ashoka. Có hai cụ già làng nhớ mang máng đến những vụ khai quật hàng nhiều thế kỷ trước, nhưng chưa hề nghe chuyện gì về vị hoàng đế hay cái thành phố của ông.

Khi tôi còn nhỏ, cha đã kể cho tôi nghe câu chuyện về Hội nghị Phật tử Thế giới lần thứ tư được tổ chức tại Kashmir vào thế kỷ thứ hai dưới sự cai trị của Kanishka, vị vua theo Phật giáo ở Gandharan. Thỉnh thoảng lại có người tuyên bố đã tìm thấy địa điểm thật của hội nghị, nhưng hầu hết đều tin rằng nó được tổ chức gần vườn Harwan cổ xưa trên phần đất ven rừng phía tây bắc của Srinagar. Trong một chuyến du ngoạn cùng gia đình đến khu vườn – nơi có vô số con lạch và được che mát bởi những bóng cây chinara cao sừng sững – cha tôi đã chỉ vào một cồn đất phía trên và nói với tôi, đó chính là nơi người ta tin rằng hội nghị đã diễn ra.

Tôi đến đó vài ngày sau chuyến viếng thăm bảo tàng Srinagar. Như một điềm báo, những di tích của Phật giáo đã dẫn đường cho tôi đến một khu vực có nền cao, nơi năm 1905 các nhà khảo cổ học đã tìm thấy một cái tháp cất

giữ cốt, một sảnh cầu nguyện và những gian dành để ở. Ngay tại trung tâm của khu vực này là những phần sót lại của cái tháp. Tôi nhìn chăm chú vào phần nền và hai hình vuông đồng tâm làm bằng đá được đánh bóng sơ sài phủ đầy cỏ dại. Thật khó mà tưởng tượng hình thù nó sẽ ra sao. Bên trái là bốn bức tường đá đã đổ, phủ đầy rêu. “Đó là *vihara*, nơi các nhà sư gặp gỡ,” ông Mohammed Khazer nói. Ông làm việc cho Trung tâm Nghiên cứu Khảo cổ Ấn Độ với nhiệm vụ coi sóc khu tưởng niệm này. Theo nhà du khảo người Trung Quốc Hieun Tsang, hơn năm ngàn nhà sư đã tập họp về đây để thảo luận và tranh cãi về đức tin.

Trong bảo tàng, tôi đã nhìn thấy những vật được khai quật ở Harwan. Chúng không đáng gì đến Hội nghị Phật tử nhưng là những ví dụ có ích về công trình nghệ thuật ở Gandharan – những miếng gạch sành có hoa văn trang trí, một người đàn ông trông như có gốc Ấn – Hi Lạp tay cầm mũi tên đang đuổi theo một con hươu, một phụ nữ đeo hoa tai mỏng manh đội một chiếc bình trên đầu và một đôi vợ chồng đang chuyện trò trên ban công. Các phế tích của Harwan khó có thể thu hút du khách. “Trước đây, du khách từ Nhật và thậm chí từ Mỹ cũng đến đây,” ông Khazer nói, “nhưng không ai đến đây nữa kể từ khi cuộc chiến bắt đầu.” Bất chấp cuộc xung đột đã làm tan nát làng quê mình, ông vẫn tiếp tục đến đây hàng ngày. Công việc canh giữ tượng đài được dành cho những người bảo vệ giống như ông Khazer sau khi Trung tâm Nghiên cứu Khảo cổ Ấn Độ dời văn phòng từ Srinagar đến một thành phố ở phía nam Jammu.

Ngay cạnh trung tâm của những tàn tích, ông Khazer chỉ cho tôi xem một bức tường bằng đá cuội trộn với đá thô bóng loáng mới được xây gần đây. “Vào khoảng thế kỷ thứ nhất, những chùa chiền và tháp hài cốt được xây kiểu này. Hiện nay, một số nhà khảo cổ của chúng ta đang cố gắng tạo ra các bản sao, bằng cách sử dụng cùng một loại vật liệu,” ông nói. Không có dấu hiệu của việc trùng tu. Đêm hôm trước, một anh bạn nhà thơ gửi cho tôi một e-mail: “Các cặp tình nhân để lại những mảnh vỡ cũng như các nền văn minh”. Tôi nhìn những mảnh vỡ của tòa tháp và nghĩ, *Các nền văn minh để lại*

những mảnh vỡ như các cặp tình nhân.

Quay về Srinagar, tôi ghé thăm đền thờ Akhund Mullah do Dara Shikoh, vị hoàng tử Mughal ngộ đạo xây cho thầy của mình, trên sườn đồi Hari Parbat ở Srinagar. Tôi thấy có những phần đất bị chiếm dụng bất hợp pháp. Mấy bức tường đá vôi xanh của ngôi đền hình vuông sắp đổ xuống. Cái trần hình vòm đang lở ra từng mảng. Nhiều cửa sổ vòm đã biến mất và được thay thế bằng những kiểu cửa mô phỏng xấu xí. Một nhà tắm kiểu Thổ Nhĩ Kỳ nằm cạnh đền thờ đã bị lũ choai choai trong làng biến thành phòng thể dục và mấy tấm áp phích hình Arnold Schwarzenegger^[36] treo lủng lẳng trên tường. Tôi đọc được những bài thơ và đoạn kinh Koran được viết bằng thư pháp thật tinh tế trên những viên đá lát của mặt tiền ngôi đền. Lũ chim câu bay ra bay vào những lỗ hổng trên trần nhà. Một cái khóa bằng đồng đơn độc dính trên cửa, trong khi cái cửa đang cố bám vào những bản lề của nó như là một kỷ niệm của người tình đã bị lãng quên từ lâu.

Srinagar là thành phố cổ đang hấp hối vì một cuộc chiến của thời hiện đại. Nó là những ngã đường hoang vắng, những cửa tiệm đóng chặt, những tên lính dữ tợn và những bé trai cầm trên tay cục đá. Nó là hàng ngàn boongke quân sự, bốn sân gôn và ba tiệm sách tạm tạm. Nó là những chính trị gia xảo quyệt lập đi lập lại những lời dối trá về chiến tranh và hòa bình trước ống kính truyền hình và đám đông nhỏ bé tụ tập lại vì lời hứa về một công việc mơ hồ hay một khoản thù lao vài trăm rupee. Nó là việc phải dừng lại trên đường và tại những ngã tư khi đoàn xe bọc thép được hộ tống bằng hàng loạt súng máy của bè lũ cai trị và những kẻ bảo hộ cho chúng nghiền bánh xe rầm rầm trên các con đường đã bể nát. Nó là việc đăm đăm nhìn lại hoặc nhìn đi nơi khác trong nỗi cam chịu. Srinagar không bao giờ thắng, cũng không bao giờ bị đánh bại.

Báo chí Srinagar thường xuyên đăng cáo phó cho những nghĩa quân tử trận có khuôn mặt trẻ măng, u uất cạnh những dòng bi ai cho các khuôn mặt đứng tuổi mỉm cười trong bộ vét đất tiền, những người nắm giữ các đặc quyền. Một số tiêu đề in bằng mực đỏ, thông báo về những cái chết. Những

con số thống kê được cập nhật hàng ngày trên trang nhất. Srinagar là việc ngồi trong một tiệm cà phê, trong một văn phòng, bên ngoài trường đại học, hay băng ngang qua một cây cầu và cảm nhận, chạm vào, hít thở mùi vị của lịch sử, chính trị và chiến tranh, trong những dấu hiệu và địa điểm mơ hồ. Srinagar là việc nhìn vào một cây cầu, một vùng đất hoang, một tòa nhà tầm thường để biết rằng nơi đó đã có những người đàn ông ngã xuống, có những cậu bé bị tra tấn.

Là người làm báo, tôi đã có cơ hội gặp Merajuddin, cựu phóng viên ảnh người Kashmir, trông rất “ra dáng” trong cái áo khoác dành cho nhiếp ảnh gia. Merajuddin luôn đeo kính đen sau khi bị mất con mắt trái vì mảnh vỡ của một quả lựu đạn. Có lần tôi hỏi ông làm thế nào ông có thể đương đầu với bạo lực như thế khi còn là phóng viên. Ông nói như một người đã chứng kiến tất cả. “Tôi đã khóc như một đứa bé khi những người biểu tình bị thảm sát trên cầu Gawkadal. Sau sự kiện đó, không gì có thể làm tôi khóc được nữa.” Tôi nhớ lại cảnh mình đang ngồi cùng với gia đình và nghe tin về vụ thảm sát tại cầu Gawkada trên đài BBC Thế giới và hầu như mắt ai cũng ngấn lệ. Trưa hôm sau, tôi đi biểu tình cùng với các thanh niên và phụ lão, đàn ông và đàn bà, con trai và con gái của làng mình, hô to các khẩu hiệu chống đối vụ thảm sát. Tôi còn quá nhỏ để hiểu được sự tàn bạo dã man đến thế nào. Nhưng khi tôi lớn và bắt đầu hiểu rõ, ký ức đó luôn ám ảnh tôi.

Cầu Gawkadal cách trung tâm Lal Chowk vài trăm mét. Một buổi trưa nọ khi tôi đang đi ngang Lal Chowk, một đám con gái trong những bộ đồng phục trắng rạng rỡ ùa ra từ các cổng của trường cao đẳng gần bên, khuấy động mấy tốp con trai đang quanh quần gần đó ăn mặc như được nhân bản vô tính từ các ngôi sao nhạc pop. Đó là giây phút duy nhất bạn được thấy cơ man là phụ nữ Kashmir, những người chỉ thích màu hồng tươi, màu đỏ, xanh dương, xanh lá cây. Lũ con trai trong áo thun sặc sỡ như cầu vồng và quần vải đúng quy định có vẻ vô cùng kinh ngạc. Nhìn chúng nó, tôi nhớ lại một bức tranh biếm họa gần đây trên một tờ báo địa phương, vẽ một đứa con trai trên tay là một cái chén ăn xin bên ngoài cổng trường cao đẳng nữ.

Đó là cảnh tượng lặp đi lặp lại mỗi buổi trưa trước cổng các trường cao đẳng và trung học ở Kashmir. Mặc dù là một xã hội gia trưởng, Kashmir vẫn dành một khoản tiền cho việc giáo dục của nữ giới và việc đó đang diễn ra thuận lợi, khi nữ giới giành được nhiều giải thưởng trong các cuộc thi cạnh tranh cao – dù là trong những trường y, trường kỹ sư, hay các hệ nghiên cứu về luật, báo chí, hóa sinh, hay điện toán tại trường Đại học Kashmir hoặc một trường nào đó. Sau khi tốt nghiệp, họ nhận những vị trí xứng đáng trong xã hội – giáo viên, quản lý ngân hàng, bác sĩ, giáo sư, luật sư, nhà báo và kiến trúc sư. Tôi luôn tận dụng điều đó khi lớn lên trong sự bảo bọc của năm chị em gái của mẹ tôi, mỗi người đều có tấm bằng cao học ngành nhân văn và được đào tạo kỹ năng sư phạm trước khi tham gia giảng dạy ở nhiều trường trung học và cao đẳng.

Cách đám đông lộn xộn đáng yêu này không quá vài trăm mét là khu Maisuma, một căn cứ hùng mạnh của phe ủng hộ độc lập thuộc Mặt trận Giải phóng Jammu và Kashmir. Báo chí gọi nó là dãy Gaza của Kashmir. Maisuma là một cái chợ đông nghịt, đầy mùi quế và bạch đậu khấu từ những bao đay chõng chất trước các cửa tiệm tỏa theo gió sang bên kia đường. Một mùi khác của Maisuma là mùi bánh xe khét lẹt trộn lẫn hơi cay khi các cửa tiệm đóng chặt và dân chúng biểu tình chống bắt bớ và giết hại tù nhân. Cây cầu Gawkadal đã chết cùng với những người biểu tình vào tháng Giêng năm 1990. Bộ khung còn đó, hai cái trụ xơ xác trên con kênh bẩn thỉu.

Phía bên kia cầu là một boongke và bên ngoài boongke có hai tên lính gác. Gần đây, một người bán chuối đang rong ruổi trên chiếc xe kéo. Hai người đàn ông đứng bên cạnh đang ăn chuối ngẫu nhiên. Tôi hỏi thăm họ về vụ thảm sát. Một trong hai người, người đàn ông ngoài ba mươi có cái bụng phệ đang khố sờ trong chiếc áo gió rẻ tiền màu xanh nói, “Tôi có mặt trong đám biểu tình đó.” Anh ta quăng vỏ chuối xuống con kênh sinh lầy và bảo tôi rằng nơi đó bị giới nghiêm suốt ba ngày liền, bọn lính đã rào khu vực xảy ra vụ thảm sát bằng dây thép gai và xe bọc thép của quân đội được lệnh đậu chặn tất cả lẫn đường. Lực lượng bán quân đội đã cung cấp bánh mì và đậu lăng

cho cư dân trong vùng. “Nhưng chúng tôi từ chối nhận thức ăn của bọn chúng. Mẹ chúng tôi bảo chúng tôi mang giày vào rồi đi sang Pakistan để được huấn luyện vũ trang,” anh kể. Rồi anh nhặt lên một trái chuối nữa và nói, “Sau cuộc thám sát, tôi đã khiêng mười lăm cái xác đến đền thờ. Mắt của họ vẫn mở, chính tay tôi đã vuốt mắt họ. Tôi sẽ dẫn anh đến đền thờ và chỉ anh xem nơi chúng tôi đã để những cái xác đó. Tôi sẽ cho anh xem các tấm ảnh chụp xác, rồi anh có thể gặp gỡ những người phụ nữ có chồng bị giết. Nhưng tôi không thể cứ nói chuyện thế này. Anh nên mang một máy quay phim đến, thu hình cuộc phỏng vấn với tôi và chiếu lên Aaj Tak (một kênh tin tức của Ấn Độ).” Tôi chăm chú nhìn anh, từ chối vì tôi không có máy quay phim truyền hình, nhưng anh vẫn khăng khăng, “Lấy một máy quay phim đi, rồi đến đây trước thứ Hai. Tôi có việc làm vào ngày thứ Hai. Cứ hỏi thăm bất cứ ai về Babloo thợ sơn và họ sẽ dẫn anh đến chỗ tôi. Ở đây, tôi nổi tiếng tầm cỡ thế giới.”

Một tiếng sau, khi uống cà phê cùng bạn bè, tôi tường thuật lại cuộc gặp gỡ với Babloo thợ sơn tầm-cỡ-thế-giới cho một số người. Một người bạn nhắc tôi về một người kỹ sư đã thoát chết trong cuộc thám sát. “Tôi nghĩ anh ấy vẫn còn làm việc tại sở cấp nước,” anh bạn tôi nói. Những cuộc gọi đến sở cấp nước chẳng giúp được gì cho tôi. Tôi nhất định gặp bằng được người kỹ sư đã sống sót trong vụ Gawkadal.

Một tuần sau tôi nhận được điện thoại của một người bạn. Lúc đó tôi đang dạy đứa em họ mười tuổi cách dùng Internet. Chúng tôi chỉ vừa mở được vài trang với tốc độ kết nối chậm đau chậm đờn thì có tiếng điện thoại reo. “Cậu Basharat này, cái tay kỹ sư đó sống gần nhà cậu đấy. Tên anh ta là Farooq Wani. Lưu số điện thoại của anh ta này.”

Farooq Wani đang ở nhà khi tôi gọi đến. “Tôi sống ở đường Green, khu Rajbagh. Cậu đến đi, chúng ta sẽ cùng uống trà,” anh ấy nói. Đường Green cách nhà tôi khoảng một dặm, là con đường của giới thượng lưu có một hàng dài các biệt thự xây bằng gạch đỏ và mái hình nón kiểu Kashmir. Một cô gái đang tưới hoa bên ngoài nhà của người kỹ sư. Cô ấy chỉ tôi đi thẳng vào

phòng khách. Một người đàn ông phốp pháp ngoài bốn mươi với đôi mắt xanh và mái tóc nâu, mặc bộ vét màu xanh đậm, mở cửa. “Tôi là Farooq.” Anh mỉm cười và bắt tay tôi. Những chiếc bàn và ghế làm bằng gỗ óc chó chạm trổ đặt trên thảm. Những hình thù bằng giấy bồi được đặt trên các kệ của chiếc tủ đựng chén đĩa. Anh Farooq và tôi ngồi đối diện nhau.

Tháng Giêng năm 1990, anh là kỹ sư phụ tá trong chính phủ tiểu bang, quản lý việc cung cấp nước cho nhiều nơi ở Srinagar. Anh đang thực hiện một nhiệm vụ rất quan trọng vào ngày 19 tháng Giêng và rời khỏi nhà vào buổi sáng cùng với tờ giấy được phép thông hành trong đêm giới nghiêm. Vài tên lính của lực lượng bán quân đội chặn anh lại vài lần trên đường đi làm. Anh trình giấy phép và chúng để anh đi. Sau khi lắp đặt thiết bị cấp nước, anh đi bộ về Maisuma để thăm một ông chú. “Chúng tôi đã nghe tin về những vụ soát nhà và bắt bớ ở đó. Tôi rất lo lắng cho gia đình chú tôi nên quyết định đến thăm họ.” Gần Lal Chowk, anh thấy một toán điều hành hùng hậu hướng về Maisuma. “Tôi đi theo toán điều hành đó. Chúng tôi đến cầu Gowkadal. Có rất nhiều lính thuộc lực lượng bán quân đội trông rất căng thẳng đứng dài theo con đường, chĩa súng vào những người biểu tình.”

Anh Farooq ngừng lại, uống ít nước, rồi nhấn một cái chuông. Một người hầu mang trà, bánh mì và *harisa*, món thịt cừu được nấu thật lâu trong nồi đồng cùng với quế, nghệ và bột bạch đậu khấu cho đến khi nó trở nên giống như súp. “Ông chú tôi sống ở bên kia cầu, tôi định sẽ rời toán điều hành khi đến nhà chú ấy. Những người biểu tình rất giận dữ, dốc hết sức gào thét những khẩu hiệu nảy lửa,” anh kể. Lính bán quân đội đứng trên cầu. Những người biểu tình vẫn thét vang những khẩu hiệu đòi tự do. Giữa những tiếng hô khẩu hiệu, anh Farooq nghe thấy một tràng đạn. Loạt đạn đã làm đoàn biểu tình tan tác, người ta la hét, ngã xuống, rồi lại la hét. Anh phóng lên một lối đi và nằm sát mặt đất. “Đạn bay vèo vèo ngang tai tôi. Cây cầu đã phủ đầy xác người và lênh láng máu. Bọn lính CRPF vẫn tiếp tục xả súng. Tôi thấy nhiều người ngã xuống hơn, rồi tôi nhắm mắt lại, giả vờ chết.”

Farooq co rúm người lại trên ghế, bỏ dép trên thảm. Tôi không ăn được

nữa, anh Farooq cũng bỏ ly trà của mình xuống. Ký ức đã nhấn chìm mùi vị của món *harisa*, những tấm thảm trang nhã và mấy món đồ trang trí nội thất cũng trở nên mờ nhạt. Anh Farooq không còn ngồi trong căn phòng này để trò chuyện với tôi. Anh đang ở trên cây cầu, giả vờ chết. Anh đang nghe thấy những tiếng hét đau đớn và loạt đạn cứ vài giây lại bắn một lần. Lính bán quân đội rảo bước quanh cây cầu. Anh nhìn thấy một tên sĩ quan đi đến từng cái xác một, kiểm tra xem có ai còn sống không. “Tôi nằm bất động và từ khoe mắt, tôi thấy hấn bắn thêm vài viên đạn mỗi lần phát hiện ra một người còn sống hay chỉ bị thương.” Anh Farooq chờ cho bọn lính bỏ đi. Càng lúc càng khó giả vờ chết. Gần chỗ anh nằm, ai đó đã làm rớt một cái *kangri*, loại bình lửa nhỏ mà người Kashmir luôn mang theo trong mình vào mùa đông. Những viên than đá đỏ hồng trong cái *kangri* rơi vung vãi trên lề đường. Gò má anh phồng rộp vì sức nóng của chúng. Anh xoay mặt đi thật chậm để tránh bị phỏng. Tên sát nhân nhìn thấy anh. “Cái thằng khốn này còn sống,” Farooq nghe hấn hét lên. Tên sĩ quan đó chạy lại chỗ anh, đá anh và xả một loạt đạn xuyên thủng người anh. Rồi anh bất tỉnh.

Một xe cảnh sát chạy đến. Những cái xác được chất lên xe, bọn cảnh sát thả anh lên đó. Chiếc xe chạy đến phòng kiểm soát của cảnh sát, nơi người dân Kashmir sẽ đến nhận xác người thân trong những ngày sắp đến. Bên trong xe, anh Farooq tỉnh lại và nằm im. Xe dừng lại tại bệnh viện của cảnh sát cách cầu Gawkadal hai dặm. Khi cảnh sát ở bệnh viện bắt đầu đem xác xuống, anh la to, “Tôi còn sống!” Những viên cảnh sát, tất cả đều là người Kashmir, ôm chầm lấy anh. Khi họ mang anh đi thì một thằng nhóc quần áo mặt mày đẫm máu nhảy ra khỏi đống xác chết. Thằng bé lấy tay rờ khắp người nó rồi hét lên, “Tôi không dính đạn. Tôi không dính đạn. Tôi còn sống.” Nó đứng im một lúc rồi chạy ủa ra khỏi tòa nhà. Anh Farooq phải nằm viện. Gia đình anh được tin anh còn sống một ngày sau đó. “Họ tưởng là tôi đã chết.”

Nhiều tháng sau đó, anh phục hồi sức khỏe và trở lại làm công việc kỹ sư. “Hôm ấy Thượng Đế đã ban tặng cho tôi một cuộc đời mới. Tôi biết ơn ngài

và sống trọn vẹn từng giây phút. Tôi cũng thường nghĩ về thằng bé đã chạy ra khỏi bệnh viện. Những ký ức như thế làm cho tôi trăn trở mãi. Nhưng tôi không phải là người duy nhất, mà có hàng trăm người giống như tôi vậy.”

Chúng tôi dùng thêm một tuần trà *kahwa* nữa và trò chuyện về Kashmir thêm một lúc. Anh băn khoăn, không biết cuộc xung đột có được giải quyết hay không và làm sao để có một nền hòa bình dài lâu. Đó là câu hỏi của hầu hết người Kashmir. Không ai trong chúng tôi biết câu trả lời. Bỗng điện thoại của anh reo: một nhân viên của anh gọi. Farooq hướng dẫn anh kia một loạt kỹ thuật phức tạp. Nhìn anh nói chuyện với sự tập trung căng thẳng, thật khó mà tưởng tượng được chính người đàn ông này đã sống sót qua một trong những vụ thảm sát kinh hoàng nhất ở Kashmir. Trong góc nhà có một bộ gậy đánh gôn. Anh hiện là thành viên của câu lạc bộ gôn thượng lưu của Srinagar.

• • •

Iffat, cô em họ mười tuổi của tôi, đang đợi tôi ở nhà để giúp nó viết một bài tập làm văn. “Anh đi gặp ai vậy?” con bé hỏi ngay lúc tôi vừa bước vào.

“Một người bạn của anh,” tôi nói.

“Anh ấy làm nghề gì?”

“Anh ấy là kỹ sư.”

“Tại sao anh lại đi gặp anh ấy?” Những câu hỏi của nó có thể kéo dài vô tận, nên tôi gợi ý là chúng tôi nên cùng nhau làm bài văn của nó. Sau khi xong xuôi hết, tôi ngồi một mình trong phòng, nghĩ về anh Farooq, về anh chàng Babloo thợ sơn và cây cầu Gawkadal. Với tôi, vụ thảm sát trên cầu Gawkada đã gắn chặt với ký ức về hàng loạt các vụ thảm sát khác. Trong mùa đông của năm 1990, Srinagar là thành phố của những cuộc thảm sát. Các nhóm nghĩa quân nổi dậy cùng với các lực lượng Ấn Độ đã phơi bày một sự tàn bạo. Ông Mushirul-Haq, hiệu phó trường Đại học Kashmir, đã bị bắt cóc và giết chết sau khi chính phủ Ấn Độ từ chối đòi hỏi của quân nổi dậy là thả các con tin. Những Pandit và người Hồi giáo Kashmir xuất chúng, được xem là thân Ấn Độ, trở thành mục tiêu kế tiếp. Ngày 21 tháng Năm 1990, phe nổi

dậy thuộc Hizbul Mujahideen, một nhóm nghĩa quân ủng hộ Pakistan, đã ám sát vị giáo chủ của Srinagar, ông Maulvi Farooq, một chính trị gia lừng lẫy. Cuộc tuần hành của những người để tang cho ông bắt đầu từ nhà ông ở khu vực phía bắc của Srinagar.

Gần ngôi trường một trăm tuổi cổ kính ở trung tâm Srinagar, được cha ông Maulvi Farooq xây dựng với mục đích giáo dục dành cho những người Kashmir Hồi giáo, lực lượng bán quân đội đã xả súng xối xả vào đoàn người đưa tang. Các viên đạn xuyên thủng quan tài, còn những người khiêng quan tài và đưa tang thì ngã xuống. Khoảng một trăm người bị sát hại. Những đôi giày dính đầy máu của họ nằm lại trên đường sau khi xác của họ được mang đi. Người ta quên đi vụ ám sát vị giáo chủ và thay vào đó, cơn thịnh nộ đối với Ấn Độ dâng trào. Omar Farooq, đứa con trai mười tám tuổi vừa làm lễ nhậm chức giáo chủ của ông, đã khẩn khoản kêu gọi sự giúp đỡ của các nhà lãnh đạo trên thế giới nhằm mang lại cho Kashmir quyền tự quyết. Những hình ảnh của vụ thảm sát đó đã đi vào thơ ca và hội họa.

Nhiều người đưa tang hôm đó đã được an táng tại một nghĩa trang mới, được xây gần Eidgah, mảnh đất truyền thống ở Srinagar dành cho việc cầu nguyện trong lễ Eid. Trong bao thế kỷ nay, người Kashmir đã chôn cất người chết tại những nghĩa trang quanh vùng. Các thành viên trong gia đình sẽ tắm cho người quá cố, mặc cho họ chiếc áo thụng màu trắng và đưa thi thể đó đến nghĩa trang để làm lễ tang. Nhưng những người bị giết bởi các lực lượng Ấn Độ trong các cuộc nổi dậy thì không phải là những người chết bình thường. Họ được xem như những người tử vì đạo, hy sinh cho tự do. Họ không được tắm hay mặc áo thụng trắng. “Những người tử vì đạo không cần được tắm rửa hay mặc áo thụng.” Tôi được nghe câu nói này thường xuyên kể từ mùa đông năm 1990. Họ được an táng hầu hết tại nghĩa trang mới xây ở phía tây của Srinagar, được người dân Kashmir biết đến như Nghĩa trang liệt sĩ. Tôi đến đó trong tư cách phóng viên sau mỗi vụ thảm sát hoặc vào ngày tưởng niệm những người đưa tang và vị giáo chủ của Srinagar. Nhưng lần đầu tiên tôi đến đó là vào giữa những năm chín mươi, cùng với bạn của tôi, Shan, người sống

gần đó.

Bao bọc khu dân cư đông đúc gồm những căn nhà gỗ và gạch nhiều tầng có ban công nơi Shan ở, là một sân chơi ngập cỏ, nơi lũ con trai chơi cricket và mấy con ngựa, bò lạc đứng nhai cỏ. Tôi đến thăm lại nơi ấy cùng với Shan. Trong một góc, cái nghĩa trang là bãi đất vuông vức có tường bao bọc. Nơi lối vào có thông báo: NGHĨA TRANG LIỆT SĨ KASHMIR. Trên cổng có khắc dòng chữ: XIN ĐỪNG QUÊN RẰNG CHÚNG TÔI ĐÃ HY SINH NGÀY HÔM NAY CỦA MÌNH ĐỂ ĐỔI LẤY NGÀY MAI CHO CÁC BẠN. Trong thời niên thiếu, Shan đã ngồi trước các cửa tiệm và nhìn những xác người được mang vào nghĩa trang và các phóng viên báo chí vác máy ảnh và sổ ghi chép chạy vòng quanh.

Chúng tôi đi qua cái cổng bằng lưới sắt và bước trên những lối nhỏ lát đá cuội chạy giữa các ngôi mộ, giữa sắc đỏ và tím kiêu hãnh của hoa hồng và hoa diên vĩ. Hàng trăm ngôi mộ xếp thành nhiều dãy thẳng tắp, mỗi ngôi mộ có một bia đá cẩm thạch hình chữ nhật với đường viền màu xanh lá cây khắc tên của người chết và lời đề: CHỈ CÓ THƯỢNG ĐẾ LÀ VĨNH CỬU! Có rất nhiều cái tên quen thuộc với tôi: Maulvi Farooq, vị giáo chủ và Ishfaq Majeed, chỉ huy lực lượng JKLF (với chữ “Ngài” được gắn trước tên). Có một ngôi mộ dành cho ông Maqbool Bhat, người sáng lập JKLF, đã bị treo cổ và chôn tại nhà tù Tihar ở Delhi vào đầu những năm tám mươi. Trên tấm bia là dòng chữ: PHẦN MỘ NÀY ĐỢI CHỜ ÔNG ẤY. Và còn bao nhiêu người vô danh khác từ khắp nơi trong bang Kashmir. Trong một ngôi mộ, có hai đứa trẻ con – bốn và năm tuổi – được chôn cùng với nhau. Hầu hết bia mộ đều nêu tên của những kẻ sát nhân: cảnh sát, quân đội, các lực lượng an ninh, như thể chúng cũng trở nên bất tử.

Ở một góc nghĩa trang có vài ngôi mộ trống. Ông Hasan, người giữ nghĩa trang nói rằng chúng được đào sẵn dựa vào dự đoán số lượng người chết trong thời kỳ đầu những năm chín mươi. Ông Hasan sống gần khu vực đó và từng làm nghề buôn nhỏ. Sau lần ông phát bệnh tim mạch thì người con trai đã thế chỗ ông. Rồi cuộc chiến bắt đầu, ông thường viếng nghĩa trang để cầu

nguyện cho những người chết. “Ta tìm thấy sự thanh thản khi ngồi giữa những liệt sĩ. Vài năm sau, ta tình nguyện chăm sóc mồ mả cho họ. Bây giờ việc này chính là cuộc sống của ta.” Như những người đạo Hồi khác, ông Hasan tin rằng những người tử vì đạo vẫn sống sau khi họ đã chết và mộ của họ là những khu vườn tỏa hương. “Có lần trời mưa rất to và vài ngôi mộ đã bị hư hại. Không có gì sót lại trong những ngôi mộ bình thường ngoài trù đất. Nhưng điều đó không đúng với những người đã tử vì đạo, bởi thân xác của họ không bị mục rữa. Trong một ngôi mộ, ta đã thấy tóc của người tử vì đạo. Nhìn giống như là anh ta đang ngủ. Tất cả ngôi mộ ta đã sửa chữa đều dâng lên một mùi hương thiên đường, mùi hương của những liệt sĩ,” ông Hasan nói. Chắc hẳn thấy cái nhìn đầy nghi hoặc của tôi nên ông Hasan đã nói, “Con trai ạ, con còn quá trẻ để hiểu được điều này, nhưng ta đã kinh qua việc đó.”

Chuyện kể về những cuộc nổi dậy của người Kashmir, về sự đàn áp tàn bạo của bọn cầm quyền và việc tôn vinh những người đã chết như những liệt sĩ, là chuyện đã cũ. Bao thế kỷ nay ở Srinagar, người ta vẫn viếng thăm mộ của những người đương đầu với bọn cai trị và bị giết. Có một Nghĩa trang liệt sĩ khác, chôn cất những người bị giết vào năm 1931 bởi quân của Hari Singh, cai trị người Kashmir, mang dòng máu Dogra. Sau khi đánh mất nền độc lập vào tay những hoàng đế Mughal của Delhi vào thế kỷ mười sáu, Kashmir đã có rất nhiều kẻ cầm quyền ngoại bang. Vào khoảng giữa thế kỷ mười tám, các Mughal đã để mất Kashmir vào tay đội quân của một chiến binh người Afghanistan là Ahmad Shah Abdali. Và đầu thế kỷ mười chín, Ranjit Singh cầm đầu những người Sikh đã đánh bại quân Afghanistan và chiếm Kashmir. Sự thống trị của người Sikh cũng nặng nề như của người Afghanistan. Các thủ hiến người Sikh đóng cửa tất cả đền thờ và bãi bỏ việc nhắc nhở cầu nguyện của đạo Hồi. Nhiều thứ thuế nặng nề được ban hành, những người nông dân bị bắt buộc lao động khổ sai. Nhưng cho đến những năm 1840 thì đế chế thống trị Sikh đã bị lung lay.

Năm 1846 quân Anh tuyên chiến với người Sikh. Rất nhiều lãnh đạo phe

Sikh đã ngã sang phe Anh. Nhưng lỗi lầm đáng tiếc đã gây ra hậu quả lớn cho Kashmir là việc làm của Gulab Singh, một thủ lĩnh Hindu của tiểu bang đồi núi Jammu, cũng là khu lân cận với thung lũng Kashmir. Hắn đã phấn đấu vượt bậc để trở thành một vị tướng trong quân đội của Ranjit Singh. Gã Gulab Singh đã hứa hẹn giúp quân Anh và sẽ không tham gia vào trận chiến năm 1846. Quân Sikh thua trận. Còn gã Gulab được ban thưởng. Người Anh bán Kashmir cho hắn với giá bảy trăm năm mươi triệu rupee. Để lấy lại số tiền hắn đã trả cho người Anh, Gulab Singh vợ vét từng xu mà hắn có thể bòn rút được, đồng thời đẩy mạnh *begaar* (chế độ cưỡng chế lao động).

Cũng có một vài tiếng nói chống lại sự mua bán bang Kashmir và cuộc sống khốn cùng của người dân dưới sự cai trị của Gulab Singh và con cháu của hắn. Khoảng vài năm trước trong một thư viện ở Delhi tôi đã tình cờ thấy một quyển sách in tại Luân Đôn, có tựa đề *Sự cai trị kém ở Cashmeer* của tác giả Robert Thorpe, nhưng cuốn sách lại không nói gì về cuộc đời của ông. Trong một lần về thăm nhà, tôi tìm thấy trong thư viện của cha tôi một cuốn sách của Thorpe, được một sử gia gốc Srinagar biên tập. Sử gia này đã thêm thắt nhiều chi tiết. Câu chuyện bắt đầu khi R. Thorpe, một đại úy quân đội Anh đang tham quan khắp bang Kashmir vào đầu thế kỷ mười chín. Trong thời gian ở trọ tại nhà một người dân địa phương, ông ta gặp cô Amiran, con gái của chủ nhà. Thorpe và Amiran đã yêu nhau, cưới nhau và cùng về Anh. Họ sinh ra Robert Thorpe năm 1833.

Trong thời niên thiếu, Thorpe đã từ Anh sang thăm nơi chôn nhau cắt rốn của mẹ và ông đã chứng kiến cảnh người dân Kashmir sống như nô lệ dưới sự cai trị của Pratap Singh, con trai của Gulab Singh. Ông đã thu thập được các con số mắt thấy tai nghe về sự đánh thuế tàn nhẫn và về cái chết của những người bị cưỡng chế lao động do bị bỏ đói, kiệt sức và không đủ ấm và ông đã xuất bản những báo cáo đó dưới cái tên *Sự cai trị kém ở Cashmeer*. Ông Thorpe đã miêu tả tình trạng của những người bị bắt đi cưỡng bức lao động: “Không ai cứu được họ – những người đã chứng kiến toàn bộ sự khủng khiếp đó. Những người Kashmir đã nhẫn nại, làm việc quần quật qua mưa

tuyết dày đặc. Nhiều người cố động viên nhau bằng niềm hy vọng. Họ có thể sang được phía bên kia an toàn. Nhưng họ đã sức cùng lực kiệt và những trận gió đã làm tê bại cơ bắp của họ. Dần dần, cái cảm giác đình ninh xiết chặt lấy tim họ, bảo rằng họ sẽ không bao giờ rời bỏ được trạng thái cô độc khủng khiếp đó, sẽ không bao giờ được thấy lại tổ ấm của mình hoặc thấy những con người lắt lay bám víu để chờ đợi họ trở về, ở một nơi xa xôi trong thung lũng Kashmir ngập ánh mặt trời.” Pratap Singh đã lập kế hoạch buộc ông Thorpe giữ im lặng. Một buổi sáng mùa đông năm 1868, ông Thorpe đang đi bộ về hướng đồi Shankaracharya ở Srinagar thì lính của tên Singh đã tấn công ông bằng dao găm. Nhà văn dũng cảm đã ngã xuống và chết tại đó. Ông được chôn cất trong một nghĩa trang Thiên chúa giáo nằm phía sau Lal Chowk.

Những nam nữ sinh của hai trường dòng đứng láo nháo trên con đường dẫn vào nghĩa trang. Những người Tây Tạng sang tị nạn ở Kashmir vào những năm sáu mươi đang bán giày dép và quần áo trên lề đường. Tôi thấy dòng chữ Nghĩa trang Thiên Chúa giáo khắc trên một cổng sắt nhỏ. Bên trong, có ba người đang ngồi trên vỉa hè. Tôi hỏi thăm họ về ngôi mộ của ông Robert Thorpe, họ chưa bao giờ nghe đến tên ông. “Mộ ở đây toàn là của những người theo đạo trong vùng,” một người có dáng bệ vệ nói. Rồi ông ta chỉ tay về phía tận cùng của nghĩa trang. “Anh sẽ thấy mộ của những quý ông quý bà người Anh ở đó.” Cỏ dại mọc tràn lan quanh mấy ngôi mộ bằng đá cẩm thạch và đá vôi, những cây chinar và cây thông đường bệ che mát cho khu nghĩa trang dạng bậc thang này. Người đàn ông bệ vệ nhờ tôi dịch những dòng văn bia viết bằng tiếng Anh. Mỗi lần phát hiện ra một ngôi mộ cả trăm năm tuổi, ông lại la to, “Không có gì tồn tại mãi! Tất cả chúng ta đều trở về với Người! Người đã tồn tại và sẽ là duy nhất. Người sẽ mãi tồn tại! Tất cả chúng ta rồi sẽ trở về với Người!” Tôi không thể tìm thấy mộ của ông Thorpe.

Tôi đang đọc một dòng văn bia thì có một người lắc vai tôi và đòi tôi trả năm mươi rupee. “Tôi sẽ chỉ cho anh một ngôi mộ rất quan trọng. Nhiều

người đã đến thăm và chụp ảnh nó.” Ông ta đưa tôi đến một ngôi mộ đã cũ, thời gian đã biến màu đá vôi của nó thành màu đen. Cỏ dại và các cành cây nhỏ đã phủ kín mộ. “Ông có biết gì về ông ấy không?” tôi hỏi. Ông ta cười khúm núm. “Không! Nhưng ông ấy là một người rất quan trọng.” Tôi gỡ bỏ những nhánh cây khô và cỏ dại, rồi phủi bùn đất trên tấm bia mộ. Những hàng chữ khiếm tốn được khắc trên bia đá như sau:

ROBERT THORPE

30 TUỔI

22 THÁNG MƯỜI MỘT 1868

VERITAS

ÔNG ĐÃ HIẾN CUỘC ĐỜI MÌNH CHO KASHMIR

Srinagar là thành phố của các boongke. Trong số các thành phố trên thế giới, nó đứng đầu về mật độ hiện diện của quân đội. Nhưng Srinagar cũng là thành phố của sự thiếu vắng. Nó đã đánh mất những buổi tối của mình cho hơn một thập niên rười toàn những đêm giới nghiêm chính thức và không chính thức. Nó đã đánh mất các rạp hát của mình: Regal, Shiraz, Neelam, Broadway – những cái tên huyền diệu mà tôi đã mơ ước suốt thời thơ ấu. Chúng đã bị đóng cửa trước khi tôi kịp lớn để tự mua vé và xem một bộ phim dở tệ của Bollywood.

Srinagar cũng đã đánh mất tính cách đa tôn giáo của nó cùng với làn sóng di dân của các Pandit người Kashmir đầu những năm chín mươi. Tôi còn nhớ nữ chủ nhà Pandit của tôi ở Delhi. Bà ấy luôn nói về việc thăm lại nhà cũ của mình ở Srinagar. Tôi không biết nhà của bà ở đâu, nhưng tôi có thể ghé qua khu vực bà từng sống: Habbakadal, trung tâm của Srinagar. Một buổi trưa nọ, tôi đi vào một tiệm cà phê gần cây cầu Habbakadal xiêu vẹo, chiếc cầu thứ ba trên dòng sông Jhelum chảy ngang Srinagar. Một thằng bé bạn áo thun Adidas đang trông quầy hàng. Cha của nó là chủ tiệm này. Tôi hỏi thăm nó về những nơi thú vị của Habbakadal. “Ở đây không có gì để xem hết. Nó là một đồng đồ nát. Đi dọc xuống dưới đường thì ông sẽ thấy mấy căn nhà cháy

rụi,” nó nhún vai nói.

Tôi sắp sửa rời khỏi tiệm thì một người đàn ông lớn tuổi đi vào. Thằng nhóc lật đật quăng điếu thuốc của nó đi. “Ông ấy là cha tôi.” Nó nhảy xuống ghế. Người cha ngồi sau quầy nhìn ngăm thiên hạ qua lại. Tôi hỏi thăm ông ấy về khu vực này. “Queo trái, cái nhà lâu thứ hai tính từ tiệm của tôi là một ngôi đền Hindu cổ xưa,” ông trả lời.

Tôi rời tiệm, đi bộ lên cổng đền thờ rồi dừng lại. Cả khu đền thờ giờ đây là một doanh trại bán quân đội. Hàng loạt boongke sừng sững đứng dọc các bức tường che khuất quang cảnh điện thờ. Tôi nhìn thấy mái thiếc và đỉnh tháp bằng đồng của ngôi đền. Có một miếng sắt sơn xám gắn vào một boongke cát. Trên đó, một dòng chữ đậm xịt bằng mực đen viết: Ấn Độ vĩ đại! Một cột cờ Ấn Độ được gắn vào cái boongke đó.

Trên cây cầu hiện nay chỉ dành cho những người đi bộ, một nhóm cụ già đang ngồi sưởi nắng. Tôi ngồi cạnh họ, nhìn về hướng những ngôi nhà gỗ nằm dài trên bờ sông. Trên một bến nước, những người đàn bà ngồi giặt quần áo và lũ trẻ con chạy lên chạy xuống mấy bậc thang dẫn đến bến nước. Ông Abdul Razaq, một trong số các cụ ngồi đó, chỉ tay vào những căn nhà xiêu vẹo nằm dọc theo bờ sông nói, “Phần lớn là nhà của các Pandit. Những người đó bỏ đi và bây giờ thì nhà họ bỏ hoang.” Ánh mắt ông lướt qua những cánh cửa sổ gỗ mục nát và những mái nhà ộp ván bám đầy bụi bặm nằm hoang phế. Bà Kaul chắc sẽ sống trong một ngôi nhà như vậy, cách chỗ tôi đứng không xa lắm. Bên tả ngạn sông, mái lợp dát đồng của một ngôi đền cổ kính phản chiếu ánh nắng nhạt. “Đó là đền Raghunath, một trong những ngôi đền đẹp nhất ở đây.”

Tôi đi bộ qua một con đường lát đá luồn lách giữa những ngôi nhà nhiều tầng xây xi-măng và những căn nhà gỗ cũ kỹ. Tầng trệt của chúng đã được tận dụng làm cửa tiệm và những người chủ ngồi uể oải sau các quầy bằng gỗ. Trong một tòa nhà rệu rã với mái và cả tầng cao nhất bị thiêu trụi, có một cửa tiệm đề: SỰ LỰA CHỌN CỦA THẾ HỆ MỚI – VCD VÀ DVD MỚI NHẤT CỦA BOLLYWOOD. Con đường trở thành một con hẻm hẹp. Tôi hỏi thăm

một cô bé tóc đuôi ngựa đèn thờ Raghunath ở đâu. Cô bé chạy lên phía trước, ngoắc tay bảo tôi đi theo và dừng lại gần một bức tường sập.

Tôi trèo qua bức tường sập và nhảy xuống một đống rác trong sân đèn thờ. Những con chó hoang trong đèn thờ sủa inh ỏi. Những miếng đất đồng của nóc đèn bị vỡ làm lộ ra những viên gạch nung. Đám lau sậy và bụi rậm đã lấn chiếm hết sân và những bậc thang dẫn vào nhà nguyện. Đi ngang qua gian trưng bày, tôi vào trong nhà nguyện. Bên trong tràn ngập phân chim bồ câu, mạng nhện và một sự tĩnh lặng âm ỉ. Các viên gạch trần trụi nhìn tôi trừng trừng. Tôi giẫm chân lên những mảnh vữa tường vôi tung tóe trên sàn. Bức tượng nữ thần Hindu trên bục giảng kinh đã biến mất, giống như những người Pandit vậy. Một đàn bồ câu bay ủa vào sảnh nhà nguyện, vỗ cánh vài vòng rồi bay ra bóng tối nhá nhem trên dòng Jhelum và vào thành phố.

Có hai thanh niên ăn mặc luộm thuộm đang đứng trong sân đèn. Họ giật mình khi thấy tôi, ra là họ đang hút bồ đà. Những người trốn khỏi thế giới lành mạnh đã tìm thấy chỗ tá túc trong ngôi đèn hoang! Sau những lời giới thiệu, họ mềm mỏng hơn và mời tôi hít một hơi. Tôi từ chối. “Thôi được. Nhưng mà nói tôi nghe vì sao anh đến đây?” một tay hỏi.

“Tôi nhìn thấy nóc đèn thờ từ phía xa và đã tò mò muốn ngó qua một tí.”

Anh ta hít một hơi bồ đà và nhìn lại ngôi đèn. “Khi tôi còn nhỏ, nó từng đông nghẹt người. Những người Pandit hát điệu *bhajan* suốt đêm. Rồi họ đã bỏ đi. Bây giờ chỉ còn những *djinn*^[37] sống ở đây.” Ánh hoàng hôn yếu ớt rọi xuống dòng Jhelum đang dần tối thẫm. Trên đường về, tôi băng qua Lal Chowk và dòng sông Jhelum lần nữa. Những ngả đường tối âm u và dòng sông âm ỉ như đang khóc than cho những vị thần linh đã thất lạc và các tín đồ của họ.

Tôi nhận ra mình đang nghĩ đến ngọn đồi Hari Parbat lừng lững đổ bóng xuống khu trung tâm của Srinagar và có liên quan đến huyền thoại về sự gây dựng bang Kashmir. Vào thời tiền sử, có một cái hồ rộng bao la tên là Satisar, đặt theo tên của người vợ thần Shiva của đạo Hindu, bà Parvati, còn được gọi là Sati. Sống trong cái hồ đó là một con quỷ, chất thải của nó tràn ra khắp cả

vùng nông thôn quanh hồ Satisar. Nhà hiền triết Kashyapa mục kích sự tàn phá đó đã cầu khẩn bộ ba thần Brahma, Vishnu và Shiva của đạo Hindu dẹp bỏ nơi trú ẩn của con quỷ nọ. Nhưng con quỷ đã luôn trốn sâu dưới nước mỗi khi các vị thần tấn công nó. Thế là thần Vishnu hóa thành một con lợn nòi đực và húc vào những ngọn núi bao quanh hồ. Những nơi thần húc vào xuất hiện một đường dẫn và rút cạn nước hồ. (Người ta tin rằng thị trấn Baramulla thuộc khu vực phía bắc hiện nay của Kashmir từng là nơi thần Vishnu húc đổ những ngọn núi.) Con quỷ dử lại độn thổ xuống phần đất thuộc trung tâm của Srinagar. Thần Parvati hóa thân thành con chim *mynah* và thả một viên đá cuội xuống đầu con quỷ. Viên đá cuội biến thành một ngọn núi và giết chết con quỷ. Người Kashmir tin rằng ngọn núi đó là Hari Parbat.

Có một con hẻm nhỏ, dốc dẫn lên ngọn Hari Parbat từ cái chợ tại trung tâm Srinagar. Giữa đường có một điện thờ Sufi^[38] rất nổi tiếng. Ngọn Hari Parbat vượt lên trên điện thờ căn cối, trên đỉnh là những bức tường khổng lồ màu be của một pháo đài được xây dựng bởi một người cai trị Afghanistan thời trung cổ. Một buổi trưa nọ, tôi leo lên cao hơn, về phía pháo đài; nơi đó có một thánh đường tưởng nhớ thần Parvati. Hai ông già đang tán gẫu cạnh lối mòn. Tôi hỏi thăm họ về cổng của pháo đài. “Cái cổng ở đằng đó. Nhưng mà cậu đang đi đâu vậy?” một ông hỏi. “Đến pháo đài. Cháu muốn xem thánh đường,” tôi trả lời. Ông nhìn người bạn mình, rồi họ thở dài. “Cậu không hay biết gì à? Nó là một doanh trại.” Tôi nhìn lên mấy bức tường của pháo đài và thấy một họng súng chĩa ra từ một lỗ châu mai. “Đã từng có một thánh đường, một ngôi đền, một cái hồ và mấy cây mơ ở đó,” ông ấy nói thêm. “Giờ thì tất cả đều thuộc về quân đội.”

Srinagar còn là sự khuất dạng và biến mất. Sự vắng mặt và những điều gợi nhớ đến nó có ở mọi nơi. Thỉnh thoảng tôi sẽ lại đi bộ ngang một công viên nhỏ rợp bóng cây chinar và thấy một vòng tròn những người đàn ông và phụ nữ đội băng trắng và cầm những tấm áp phích. Tôi sẽ dừng lại đôi lần, còn những lần khác, tôi sẽ đi qua với một cảm giác cam chịu. Từ bốn ngàn đến tám ngàn người đã biến mất sau khi bị bắt giam bởi quân đội, lực lượng bán

quân đội và cảnh sát. Báo chí thường gọi những người mất tích là “những người biến mất” và gọi những người vợ mỗi mòn chờ đợi của họ là “những bán-quả-phụ.”^[39] Chính phủ từ chối tiến hành điều tra những vụ mất tích đó, viện lý do là những công dân Kashmir mất tích đã gia nhập các nhóm nổi dậy và vượt biên sang Pakistan để được huấn luyện vũ trang. Rất nhiều người Kashmir tin rằng những người biến mất đó đã bị giết trong tù và bị thiêu trong những năm mộ tập thể. Một số người vợ của họ đã mất hết hy vọng và cố gắng tiếp tục sống. Một số khác vẫn khăng khăng tranh đấu cho công lý, hy vọng những người yêu thương của họ sẽ trở về. Những người đàn ông và đàn bà trong công viên là cha mẹ, là vợ của những người mất tích. Các cuộc chiến tranh bản thủ dường như đã có một cách để mang những người mẹ đến các quảng trường thành phố.

Nhiều năm trước đây tôi có gặp bà Noora, bảy mươi tuổi, sống trong căn nhà cũ nát gần Lal Chowk. Một lần, người con trai làm chủ tiệm của bà đã đi ra ngoài chơi cricket ở sân Polo. Hàng xóm thấy những chiếc xe jeep của Lực lượng Bảo an Biên giới dừng bên ngoài nhà họ, gần Ghanta Ghar, một tháp canh cũ kỹ có chiếc đồng hồ không chạy. Bọn lính bán quân đội tóm lấy người con trai, đẩy anh ta vào phía sau một chiếc jeep, rồi chạy mất. Khi tôi gặp bà cụ trong gian bếp tù mù của bà thì anh ta đã mất tích tám năm rồi. “Trong mấy năm trời, tôi và con gái mình đi đến tất cả trạm cảnh sát, doanh trại, gặp tất cả chính trị gia chúng tôi có thể. Tất cả đều nói không với chúng tôi. Rồi tôi phải gả hai đứa con gái của mình đi. Tôi không thể cứ lôi chúng đến các doanh trại và đồn cảnh sát. Thiên hạ xì xào.” Khuôn mặt nhăn nheo của bà chỉ thoáng chút xúc động, bởi dường như bà cụ đã quá mệt mỏi vì phải kể đi kể lại câu chuyện mà vẫn không đi đến đâu. “Nhiều nhà báo đến phỏng vấn tôi lắm. Thậm chí một số người angrez cũng đến và hứa hẹn sẽ viết về con trai tôi. Nhưng con tôi vẫn chưa trở về.”

Con trai của bà Parveena Ahanger cũng vậy. Đứa con tàn tật mười sáu tuổi tên là Javed bị bắt tại nhà trong một trận càn quét của quân đội năm 1990. Bà Parveena là một phụ nữ đầy đà bốn mươi tuổi, người đã cùng với

một luật sư, ông Pervez Imroz, thành lập Hội cha mẹ của những người mất tích để vận động và tranh đấu cho các phiên tòa. Khi thì bà động viên và lên kế hoạch cùng với người thân của những thanh niên mất tích, tư vấn pháp lý cho họ và xây trường học cho trẻ em. Khi thì bà lại đến sân bay Srinagar để đi tham dự một hội nghị chuyên đề. Rồi có khi bà lại kể chính câu chuyện của mình ở một nơi nào đó và đôi mắt nâu buồn bã cố kìm nước mắt. Mỗi lần tôi thấy bà, bà đều đang đi cùng với một phụ nữ có chồng hay con trai mất tích. Đối với họ, bà giống như một bà mẹ, vỗ về, an ủi, trách mắng, thúc đẩy họ. Những cụ già râu quai nón nói chuyện với bà một cách kính nể, như thể bà là một vị thánh. Những thanh niên ngang tàng ngồi dưới đất, đầu cúi thấp lắng nghe bà nói. Các phóng viên dừng lại chào bà và hỏi xem có gì cần đưa lên báo không.

Tôi nhớ lần tôi ngồi trên thảm trong nhà bà ấy, khi vẫn còn là một phóng viên mới vào nghề, ghi ghi chép chép, hỏi những câu sốt sắng và ngây thơ tin rằng nếu tôi viết bài về chuyện của bà thì sẽ có thể mang được con trai bà về. Chính phủ đã đề nghị trả cho bà một khoản tiền bồi thường (khoảng 2.500 đô la) nếu bà chịu chấp nhận rằng con trai mình đã bị giết trong những tình huống không xác định của cuộc xung đột. “Tôi sẽ không bán con mình để lấy bất cứ số tiền nào,” bà nói với tôi. Số người mất tích đã giảm kể từ khi bà Parveena tranh đấu, nhưng các vụ mất tích vẫn cứ xảy ra. Mỗi lần cảnh sát và quân đội thông báo có một xác người vô danh được tìm thấy, bà Parveena lại nhận được những cú điện thoại hoảng loạn từ người thân của những người mất tích khác. “Cậu chẳng thể nào biết được đó sẽ là ai. Người ta có thể hy vọng chừng nào còn chưa nhìn thấy một thi thể hay một nấm mộ.”

Nỗi đau và sự khao khát đó thường nhắc người dân Kashmir một câu chuyện đau đớn khác cũng do Delhi uy quyền gây ra. Trên xa lộ Srinagar-Jammu, cách thành phố khoảng sáu dặm, có một tấm biển đề: GIỐNG NGHỆ TỐT NHẤT THẾ GIỚI MỌC TẠI ĐÂY. Đi ngang qua vườn nghệ tím ngắt, có một con lộ đất dẫn đến ngôi làng của Chandhara, hay còn gọi là Zoon hoặc Habba Khatoon, một nữ thi sĩ kiêm ca sĩ vào thế kỷ mười sáu. Mặc dù có tài

năng và phong thái tao nhã, Zoon vẫn bị gả cho một nông dân, người khăng khăng bắt nàng toàn tâm toàn ý làm những việc vặt trong nhà và việc đồng áng. Zoon đã vừa cày cấy gieo trồng vừa hát những bài hát của mình.

Người cai trị Kashmir lúc bấy giờ là Yusuf Shah Chak, một hoàng tử đam mê thơ ca và âm nhạc. Một hôm, ông đi ngang qua cánh đồng nơi nàng Zoon đang hát. Yusuf Shah đã mê đắm nàng. Nhiều sử gia đã tranh nhau kể về cuộc tình lãng mạn và cuộc hôn nhân của họ, nhưng trong các câu chuyện dân gian của Kashmir thì cô gái lam lũ trở thành Hoàng hậu Habba Khatoon, ngày đêm vui vẻ cùng chồng trong các khu vườn khoáng lạc, làm thơ, trau chuốt tiếng hát và soạn những bản hòa âm cổ điển lấy cảm hứng từ một triều đình tràn ngập các nhạc sĩ và ca sĩ.

Tuy nhiên, họ đã bị mắc kẹt trong sự quay cuồng của nền chính trị hoàng gia. Akbar, hoàng đế Mughal của Delhi, đã xâm lược Kashmir vào tháng Mười Hai năm 1585. Hoàng tử Yusuf cho rằng chống đối là vô ích, nhưng quân đội của ông đã chiến đấu và làm dừng bước cuộc xâm lăng của quân Mughal. Vì sợ rằng trước sau gì cũng thất bại, Yusuf đã đồng ý sang triều đình của Mughal để đàm phán hòa bình và ở đó ông đã chấp nhận chủ quyền của Mughal. Kashmir đã đánh mất nền độc lập. Akbar đã bỏ tù Yusuf và một năm sau thì đưa ông tới Bihar làm một nhân viên bàn giấy quèn của Mughal. Ông ta chết như một người vô danh vài năm sau đó.

Hoàng hậu Habba Khatoon lang thang khắp các làng xóm ở Kashmir, hát những bài than vãn về sự chia ly và nói lên ước mong được đoàn tụ với người chồng yêu quý của mình. Yusuf đã chết cô độc ở tỉnh Bihar xa xôi kia.

Bất kể sự hèn nhát của Yusuf Shah, việc cầm tù ông và sự phản bội của Akbar đã trở thành một hình ảnh ẩn dụ về mối quan hệ giữa Delhi và Srinagar. Trong sử liệu của Kashmir, tôi thấy có một tấm ảnh về ngôi mộ của Yusuf Shah trong làng Biswak, quận Nalanda thuộc tỉnh Bihar. Ông Mohammed Yusuf Taing, một nhà văn và nhà phê bình người Kashmir, đã đến đó vào đầu những năm tám mươi cùng với nhà lãnh đạo và người đứng đầu chính phủ đáng kính, ông Sheikh Mohammed Abdullah. Tôi gặp ông ấy

trong phòng làm việc chất đầy sách. “Cả một thế hệ đã đi qua kể từ lúc có người sau cùng viếng mộ của ông ta.” Giọng ông run run vì xúc động. Một tuần sau, tôi gọi điện cho ông nhà văn già để tìm đường đến làng Bihar nơi ông hoàng Yusuf Shah được chôn cất.

Một thời gian sau khi gặp ông Taing, tôi rời Srinagar để đến Delhi và từ đó bắt xe lửa đêm đi Patna. Sáng hôm sau tôi bắt taxi đi từ Patna ra vùng ngoại ô. Chúng tôi chạy ngang qua những căn nhà bé xíu tường trát bùn, mái lợp rạ nằm rải rác giữa những cánh đồng thẳng cánh cò bay và những chiếc xe được kéo bởi mấy con bò thiếu bú sữa, thản nhiên trước xe hơi. Chúng tôi vượt qua mặt những chiếc xe buýt chở các hành khách hờn hờn ngồi trên nóc. Tôi ngủ thiếp đi cho đến khi được tài xế đánh thức ở một cái chợ bé xíu trong thị trấn Islampur nhỏ bé. Một nhóm đàn ông mặc xà rồng kẻ caro và áo *kurta* ngồi uống yaourt trái cây trên mấy băng ghế bên ngoài tiệm bánh kẹo. Một thanh niên tên Hari tình nguyện đi cùng với tôi. “Ngôi mộ của ông thánh người Kashmir ở gần Biswak, chỗ tôi sống,” cậu ta giải thích. “Nó đã từng là một ngôi làng Hồi giáo mang tên Chak của Kashmir, nhưng sau cuộc chia cắt năm 1947, dân chúng đã di dời sang Pakistan.” Chúng tôi lần theo một đoạn đường đất vào một ruộng mía. Thêm vài dặm nữa, Hari bảo tài xế dừng lại. Một cây đa sừng sững đổ bóng xuống một đồng gạch có nửa bên bị cây cỏ phủ kín. Chúng tôi đã đến nơi. Trên một mảnh đất cao với một hàng rào gạch đã sập là một ngôi mộ. Nó không có bia, không một dòng miêu tả và không có cả tên. Gió làm những cây mía kêu sột soạt. Một ông già đạp xe ngang qua nhìn nghi ngại. Tôi ngồi đó một lúc, nhìn ngôi mộ không hình dáng của ông hoàng Yusuf Shah Chak. Sau ông, bang Kashmir đã không bao giờ còn được tự do.

Papa-2



Prague đã phản kháng và đã thắng, Berlin đã phản kháng và đã thắng, và người Kashmir tin rằng sự phản kháng của họ sẽ mang đến sự tự do cho vùng đất của mình. Giai đoạn đầu những năm chín mươi là thời kỳ ngây thơ và hăng hái. Nhưng mật độ biểu tình của người Kashmir đã giảm dần sau những vụ thảm sát. Cuộc xung đột có thể sẽ không xảy ra nếu Ấn Độ cho phép những cuộc biểu tình hòa bình. Hầu hết chúng đều diễn ra trong năm 1990 và 1991, rồi thỉnh thoảng trong năm 1993 và 1994 và thậm chí cả sau này dù không còn giữ nguyên mức độ. Những cuộc biểu tình có thể sẽ trở thành một thế lực chính trị chi phối tại Kashmir, dân Ấn Độ và dân Kashmir hẳn đã có thể nói chuyện với nhau và hàng ngàn cái chết đã không thể xảy ra.

Nhưng điều đó đã không đến. Thay vào đó, việc xả súng vào những người biểu tình, những vụ bắt bớ, mất tích, giết hại tù nhân, bắt cóc, ám sát và tra tấn vẫn hoành hành tại Kashmir. Trong một bài thơ tự do, Agha Shahid Ali viết:

*Vị bác sĩ đã cứu một cậu bé mười sáu tuổi
Vừa được thả khỏi trung tâm thẩm vấn hỏi rằng,
“Tại sao những người xem bói lại không tiên đoán được
Những đường chỉ trong bàn tay cậu bé sẽ bị cắt bằng một con dao?”*

Một buổi trưa tháng Mười Một, tôi băng qua cầu Zero và đi ngang qua Đài phát thanh Kashmir cũ nằm trên một con đường khá yên tĩnh. Những chiếc xe

buýt cũ kỹ chờ bên ngoài ngôi trường nam sinh Burn Hall^[40], những người khát việc làm ôm đờn đứng quanh cổng nhà các vị bộ trưởng chính phủ được canh gác cẩn mật, vài nhánh chinार trổ trĩu vất ngang qua những hàng ghế trống của sân cricket. Tôi băng qua một con đường khác và đối diện với một tòa biệt thự kiểu thực dân sơn màu xanh và trắng. Tấm bảng trên cổng đề: **NHÓM GIÁM SÁT QUÂN ĐỘI LIÊN HIỆP QUỐC Ở ẤN ĐỘ VÀ PAKISTAN**. Căn biệt thự cổ và cái sứ mạng của Liên Hiệp Quốc dường như gợi nhớ về một thời đã mất. Kiến trúc của tòa biệt thự là phong cách đang tàn lụi, hòa trộn lối sử dụng đồ gỗ của người Kashmir với sự mẫn cảm tinh tế của người Anh. Những giải pháp của Liên Hiệp Quốc về vấn đề Kashmir hoặc đề xuất một cuộc trưng cầu ý dân, chỉ tồn tại như những lời dối trá trên báo chí và sách vở. Cách văn phòng Liên Hiệp Quốc không xa, là đường Gupkar, một khu vực dày đặc lính tuần tra và những boongke kiên cố. Tại đây, những chính trị gia cấp cao, quan chức nhà nước, nhân viên tình báo sống trong những ngôi nhà đẹp đẽ được che chắn bởi các bức tường ngạo nghễ và đám lính gác lạnh lùng. Gupkar là Green Zone^[41] của chúng tôi. Con đường dẫn về phía Grand Palace, cung điện của Hari Singh, ông hoàng cuối cùng của Kashmir. Trong những năm chín mươi, hầu hết người dân rất sợ đường Gupkar. Nó là con đường dẫn đến Papa-2.

Papa-2 là trung tâm tra tấn lừng lẫy được điều hành bởi các lực lượng Ấn Độ ở Kashmir. Ban đầu, nó là một lâu đài lớn do Hari Singh xây, sau đó được sửa thành một nhà nghỉ và được biết đến qua cái tên Nhà khách Fairview. Hàng trăm người đã bị đưa vào Papa-2 và không trở về. Những người trở về được thì tàn phế. Trung tâm này bị đóng cửa năm 1998. Một quan chức chính phủ cấp cao đã làm mới tòa nhà Papa-2 và biến nó thành nhà riêng của mình. Trước khi dọn vào ở, vị quan chức từng du học tại Đại học Oxford đã gọi tu sĩ của tất cả các tôn giáo đến cầu nguyện và xua đuổi tà ma.

Một người bạn đã xin được giấy phép tham quan cho tôi. Người ta nghĩ tôi là một người yêu thích kiến trúc. Sau khi bị kiểm tra giấy tờ, tôi bước vào những thảm hoa được chăm sóc rất kỹ dẫn lên hàng hiên. Táo và mơ mọc đầy

một góc vườn. Đỉnh đồi Zabarvan phủ đầy thông nhô lên đằng sau tòa lâu đài màu trắng lợp mái đỏ. Vị chính khách không ở nhà. Một cận vệ của ông mời tôi vào trong phòng tiếp tân ộp gỗ có ba chiếc điện thoại, một máy fax và một máy tính để bàn. Chúng tôi bắt đầu một vòng tham quan quanh nhà. Hướng dẫn viên, một người địa phương trạc tuổi tôi, lặng lẽ đi qua các gian phòng. Tôi nhìn ngắm bàn ghế, trần nhà và những bức tường sơn trắng. Những tấm rèm màu mật ong được treo trên cửa sổ phòng ngủ của tay chính khách trên tầng một. Tấm ga trải giường màu nâu. Những cuốn sách luật và văn học bìa mềm và bìa cứng chất đầy trên kệ sách. Hướng dẫn viên vén rèm cửa sổ để ánh sáng chiếu lên những vật lưu niệm và phần thưởng bày trên mấy cái kệ. Tấm thảm thêu những trích đoạn kinh Koran được treo trên vách tường và một bức tranh của họa sĩ Ấn Độ nổi tiếng Raja Ravi Verma tô điểm cho vách bên kia. Hướng dẫn viên im lặng. Cuối cùng, anh nói: “Đây là Papa-2, người anh em ạ! Đây chính là Papa-2.”

Một tiếng sau tôi đã về lại Lal Chowk và kể cho hai người bạn nghe về chuyến viếng thăm của mình. Tôi nói rằng tôi cần phải gặp những người đã sống sót qua Papa2. Đồng thời tôi cũng e sợ cái ý tưởng đó. “Tớ có thể tìm họ ở đâu?” tôi hỏi. “Hỏi bất cứ ai ngoài đường. Một nửa dân Kashmir đã từng bị vào đó. Hay là đi đến Maisuma, cậu sẽ tìm thấy mười người như thế ở ngoài đường.”

Một lát sau, tôi đi ngang qua mấy tên lính và cảnh sát, hướng về văn phòng của Mặt trận Giải phóng Jammu và Kashmir trong một khu ly khai lân cận. Một nhóm thanh niên đứng bên ngoài một tòa nhà. “Có ai từ Papa-2 ra không?” tôi hỏi thăm. Im lặng một lúc. Rồi họ hỏi nhau: “Mày có ở trong đó không?” “Không, tao ở Rajasthan.” “Không, tao ở Kot Balwal.” “Không, tao ở Gogoland.” “Không, tao ở Ranchi.” Những cái tên tạo thành một bản đồ các nhà tù Ấn Độ. “Thằng Sayeed ở Papa-2 đó.” “Thằng Irfan cũng ở đó.” “Thằng Irshad cũng ở Papa-2.” “Thằng Shafi cũng ở đó.” Chưa đến năm phút, tôi đã có được sáu cái tên. “Thằng Shafi chắc đang ở nhà,” một người tên Abid nói. “Chúng ta đi nào.” Chúng tôi bước qua những ngã đường hẹp,

bùn lầy, qua những ngôi nhà cũ kỹ mọc mọc, có mái xô nghiêng như đang cố bám víu nhau để tránh cái nắng yếu ớt của mùa đông. Các ông cụ ngồi trước mấy cửa tiệm chăm chăm nhìn ra đường với ánh mắt vô hồn, những người đàn ông trẻ hơn tùm năm tùm ba, lười nhác nhích qua bên nhường chỗ cho những người đi xe đạp hay xe lô.

Abid dừng lại chào mấy người đàn ông trên đường. Cậu ta hỏi thăm xem họ có bị nhốt ở Papa-2 không. Vài người nói có bạn bị nhốt ở đó, những người khác kể về các nhà tù và những phòng tra tấn khác. Cuối cùng, Abid dừng bên một căn nhà hai tầng khá xập xệ. Cậu gõ cửa.

Một giọng phụ nữ hỏi, “Ai đó?”

“Dạ, Abid đây. Shafi có nhà không ạ?”

“Anh ấy đến đền thờ rồi,” người kia trả lời. “Chờ đó đi, anh ấy sẽ về ngay thôi.”

Vài phút sau chúng tôi thấy một người đàn ông dáng cao, ốm yếu, đeo kính, ngoài ba mươi tuổi chống gậy gỗ đi khập khiễng về phía chúng tôi. Anh ấy hét lên mừng rỡ chào hỏi Abid. Họ trò chuyện một lúc, rồi Abid giới thiệu tôi và đi về. Shafi lắc mạnh cánh cửa và mời tôi vào trong. Chúng tôi trèo lên mấy bậc thang gỗ cũ kỹ và đi vào một căn phòng ngăn nắp có tường đắp bùn và được phết một loại sơn rẻ tiền màu xanh lá cây. Họa tiết trang trí trên tấm thảm dưới nền đã sờn. Trong góc nhà, một tấm khăn phủ lên bộ đồ giường; không có một cái tủ nào. Shafi lôi ra hai chiếc gối, đặt dựa vào tường như hai tấm đệm, mời tôi ngồi. Trong một góc khác, một người phụ nữ thấp, mập mạp và da ngăm ngồi cạnh một chiếc bếp dầu. Trên kệ gỗ ở bức tường đối diện cô có vài cái tách, đĩa và muỗng nữa. “Cô ấy là vợ tôi,” Shafi nói. Tôi chào cô. Cô lầm bầm một câu chào rồi kéo rèm xuống, ngăn nhà bếp tạm bợ với chỗ tiếp khách. Anh Shafi bảo vợ pha trà, rồi nói thêm, “Đừng bỏ đường. Cậu ấy sẽ bỏ bao nhiêu tùy thích.” Đôi mắt của anh dường như biến mất sau cặp kính dày. Gò má anh hóp lại, nhưng mái tóc vẫn nâu và quăn. Shafi đốt một điếu thuốc, cúi người về phía tôi và nói, “Tôi đã bị nhốt trong Papa-2 bảy tháng trời.”

Vào năm 1990, Shafi mười chín tuổi, như những đứa con trai khác, anh quyết định gia nhập một nhóm nghĩa quân. JKLF là nhóm có ảnh hưởng nhất và hấp dẫn nhất trong vùng anh sống ở Srinagar, nên anh đã tham gia vào phe cánh sinh viên của nhóm đó. Cuộc chiến chống Ấn Độ của anh đã bắt đầu: tấn công các nhóm lính tuần tra Ấn Độ, mang súng di chuyển từ nơi ẩn náu này đến nơi ẩn náu khác và tránh bị bắt giữ trong những đợt khủng bố. “Chúng tôi đã nghĩ rằng Kashmir sẽ được tự do trong một hay hai năm nữa,” anh nhớ lại. Nhưng thay vào đó, anh lại bị một nhóm tuần tra của lực lượng bán quân đội bắt giữ. Sau cuộc thẩm vấn mở màn tại một doanh trại ở Srinagar, anh bị đưa tới các nhà tù Kot Balwal và Talab Tilloo trong tỉnh Jammu. Hai năm sau, anh được thả. Trở về nhà, anh gặp lại bạn chiến đấu của mình. “Tôi bắt đầu hoạt động cho phong trào một lần nữa.”

Một ngày tháng Tám năm 1992, anh bị nhận dạng bởi một gã người địa phương câu kết với Lực lượng Bảo an Biên giới (BSF) của lính bán quân đội. “Tôi biết hẳn. Hẳn trở thành thám báo cho bọn BSF và đã chỉ điểm tôi. Tôi không mang một loại vũ khí nào và vẫn bị bắt.”

Vợ anh Shafi gọi vọng sang từ phía sau tấm rèm vàng. “Trà pha xong rồi đấy,” Shafi nói. Anh đứng dậy, mang ra một khay đầy bánh quy, hai cái tách và một bình trà. Anh bắt đầu rót trà nhưng lụp chụp với mấy cái tách và khê nhãn mặt. Tôi tình nguyện giúp và anh để cho tôi làm. Tôi để tách trà bên cạnh anh và anh lại chạm vào nó từ tốn, như thể muốn trấn an bản thân rằng nó thực sự hiện hữu. “Chúng giam tôi trong một trại BSF địa phương một tuần lễ trước khi đưa tôi sang Papa-2.” Trong trại BSF, anh đã bị thẩm vấn, đánh đập bằng nắm đấm, chân, gậy ba ton và súng. Chúng muốn biết thông tin về nhóm của anh, chúng muốn lấy vũ khí của anh. Anh không nói cho tôi biết là anh có tiết lộ thông tin hay vũ khí của mình hay không. Thật khó có thể hỏi câu như vậy nếu bạn là dân Kashmir.

Anh Shafi bị giải đến Papa-2. “Nó là địa ngục,” anh kể, tay mò mẫm tìm điều thuốc đang cháy dở trong gạt tàn. Anh bị ném vào một căn phòng lúc nhúc hai mươi người đàn ông. Sàn phòng trơn trượt. Các vách tường sơn trắng

bê bết máu. Mỗi người được phát một cái mền đen cứng ngắt để ngủ. Mấy cái mền đầy rận. “Chúng tôi gọi chúng là mền rận.” Anh cười phá lên. Một góc phòng được dùng làm toa lét. Các tù nhân tiểu tiện và đại tiện vào các bao nylon trong góc phòng, rồi vứt bao vào thùng rác. Mỗi lần có người cần đi tắm, hai người khác giăng một cái mền lên làm màn để người kia có một chút riêng tư. Những người khác thì nhìn chăm chăm xuống sàn. Anh Shafi và những người bạn tù của mình đã ngủ lay lắt trên sàn như những bộ xương được sắp thành nhiều dãy. Suốt cả đêm, người ta tỉnh dậy la hét, chửi bới lũ rận rệp, cố gắng ngủ lại, để rồi bị đánh thức bởi người tiếp theo đang chiến đấu với lũ rệp vô lại đó. Một số người cũng ngủ được dù đèn không bao giờ tắt. “Trong thời gian bị thẩm vấn, tôi bị buộc phải nhìn thẳng vào những cái bóng đèn rất sáng. Thậm chí đèn trong phòng chúng tôi cũng có thể làm bóng cả mắt. Tôi thèm khát bóng tối.” Và bóng tối đã đến. “Ở đó, tôi bắt đầu mất thị lực. Bây giờ tôi nhìn rất kém, dù có mang kính.”

Sau khi anh được thả, các bác sĩ đề nghị một cuộc phẫu thuật khôi phục thị lực cho anh. “Tại sao anh không được mổ?” tôi hỏi. Shafi mỉm cười. “Tôi không đủ tiền.” Anh không thể tìm được việc làm ở bất cứ đâu. Vào mùa hè anh bán quần áo cũ trên một chiếc xe bằng gỗ ở Lal Chowk, mùa đông anh theo anh trai mình đến Calcutta đi bán dạo những chiếc khăn choàng Kashmir để lấy tiền hoa hồng. Gia đình muốn anh lấy vợ và bắt đầu một cuộc sống mới. Họ đi tìm cho anh một cô gái. Không ai muốn lấy Shafi, một người đàn ông đã kiệt sức vì những tháng ngày tranh đấu, tù đày và có một tương lai bấp bênh không nghề nghiệp. Anh trai anh quen một gia đình Hồi giáo sống trong khu ổ chuột ở Calcutta. Họ có một cô con gái lác mắt không ai chịu cưới. Gia đình cô bằng lòng gả cô cho Shafi. Bây giờ cô đang ngồi sau bức rèm, hỏi chúng tôi có dùng thêm trà không. “Cô ấy đang có thai và tôi phải đưa cô đến Calcutta để sinh con.” Giọng anh có vẻ căng thẳng.

Anh Shafi sống nhờ vào một ngàn rupee mà Yasin Malik, lãnh đạo nhóm JKLF, cho anh mỗi tháng. “Tôi cũng đã cầu cứu những người lãnh đạo khác. Tôi nói tôi bị rơi vào tình trạng này là bởi tôi đã hy sinh tuổi trẻ của mình cho

phong trào, nhưng tôi đã thất vọng.” Một số vị lãnh đạo phe ly khai yêu cầu anh cung cấp bằng chứng về việc từng là quân khởi nghĩa và về những năm tháng tù đày của mình. “Họ sống trong những ngôi nhà rộng và lái những chiếc xe lớn mua bằng tiền đóng góp cho phong trào. Nhưng họ không chịu giúp những người đã hy sinh cuộc đời mình vì việc nghĩa.” Khuôn mặt anh méo xệch vì giận dữ, anh rít nhiều hơi thuốc dài và sâu. “Tôi không bao giờ đến tìm họ nữa. Không có một kẻ cầm đầu nào ngoại trừ Yasin Malik phải trải qua những gì đám thanh niên (những nghĩa quân bị giam giữ) đã từng chịu đựng. Bọn họ không thể hình dung được việc bị tra tấn là như thế nào.”

Anh muốn tôi hình dung. “Chúng bắt anh ngồi lên ghế, trói anh bằng dây thừng. Một tên lính giữ chặt cổ anh, hai tên khác kéo chân anh ra hai hướng và ba tên nữa thì lặn tới lặn lui một con lăn bằng xi-măng nặng trĩch trên chân anh. Chúng đặt câu hỏi và nếu anh không trả lời, chúng dí thuốc lá vào người anh.” Anh dừng lại, rồi dường như nhớ ra điều gì, anh nói, “Khủng khiếp nhất là đòn tra tấn tâm lý. Chúng nó bắt anh nói ‘Jay Hind’ (Chiến thắng thuộc về Ấn Độ) mỗi sáng và mỗi tối. Chúng đánh đập anh nếu anh không chịu nói. Tuy thật khó khăn nhưng rồi ai cũng nói, ngoại trừ thầy Ahsan Dar (lãnh đạo tối cao của nhóm Hizbul Mujahideen).” Rồi đột nhiên anh ngừng lại. “Tôi không thể nói về chuyện đó nữa. Nó làm cho tôi phát điên.”

Anh khuyên tôi nên gặp Ansar, một cựu nghĩa quân khác đã từng bị giam ở Papa-2, người sẵn sàng kể về chuyện tra tấn. Tôi không chắc mình có nên gặp anh ta hay không. Có phải tôi sợ đối diện với nó, sợ phải viết về nó sau này? Tôi mất nhiều ngày đấu tranh với chính mình trước khi đi gặp Ansar.

Tôi đã gặp Ansar trong tiệm bán rau của anh trai anh gần một đền thờ uy nghi ở khu mua bán của Srinagar. Chúng tôi ngồi trong một gian phòng nhỏ sáng lờ mờ của nhà anh nằm phía sau tiệm bán rau trên lề đường. Ansar là một người đàn ông tráng kiện, có ria mép, mặc bộ *shalwar kameez* màu be. Anh đã gia nhập một tổ chức ly khai có tên là Liên minh của Nhân dân vào khoảng giữa những năm tám mươi và trở thành một trong những thành viên sớm nhất của phe kháng chiến thuộc hội đó.

Ngày nọ, khi anh đang thăm cha mẹ mình thì bọn BSF xét nhà và bắt giữ anh. “Chúng nhận được tin là tôi đang ở đây. Có đứa nào trong làng tôi đã chỉ điểm.” Anh kể hàng loạt nhà tù mà anh từng bị giam.

“Và Papa-2 nữa ư?” tôi hỏi.

“Làm sao tôi có thể quên được nó? Thậm chí cả mấy con bò hoang cũng không thềm thứ đồ ăn bọn chúng bố thí cho chúng tôi ở đó. Anh sẽ không thể sống được một cuộc đời bình thường sau khi bị tra tấn như vậy. Nó để lại vết sẹo vĩnh viễn.” Anh đốt một điếu thuốc. “Chúng đánh đập chúng tôi bằng súng, gậy, tay chân. Nhưng nó cũng chưa thấm gì.” Anh kể lại mà như đang đọc một tờ giấy. “Chúng nó đem anh ra ngoài sân. Anh bị bắt cởi hết quần áo, thậm chí cả đồ lót. Chúng trói anh vào một thang gỗ dài và để nó gần một rãnh đầy dầu lửa và bột ớt. Chúng nâng chiếc thang lên như chơi trò bập bênh và nhấn đầu anh xuống rãnh. Chuyện này có thể kéo dài cả tiếng, hay nửa tiếng, tùy theo tâm trạng của bọn chúng.”

“Đó mới chỉ bắt đầu. Có những lúc chúng không lột quần áo anh nhưng vẫn trói anh vào thang. Anh cảm thấy gần như nhẹ nhõm cho đến khi chúng cột ống quần chỗ gần mắt cá lại rồi thả chuột vào trong.” Anh tạm dừng, rót thêm trà rồi nói, “Hoặc là bọn chúng đốt tay và chân anh bằng đầu thuốc lá và lò dầu hỏa dùng để hàn. Chúng đốt da thịt anh cho đến khi anh mở miệng.” Anh xắn tay áo phải lên trên cùi chỏ. Mảng thịt nâu sẫm sần sùi tương phản với màu da tái xanh của tay anh. “Chúng cột dây đồng quanh cánh tay anh rồi truyền điện cao thế. Tất cả lông tóc trên người anh đều dựng đứng. Nhưng tàn độc nhất là khi chúng nhét dây đồng vào bộ phận sinh dục của anh rồi mở điện cao thế lên. Chúng làm như vậy với hầu hết đàn ông. Nó hủy hoại cuộc đời biết bao nhiêu người. Rất nhiều người đã không thể lấy vợ sau khi bị như vậy.”

Sau khi được thả ra, anh Ansar được chữa bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu và một số rối loạn chức năng khác mà anh không nhắc đến. “Tôi chưa sẵn sàng lấy vợ. Nhưng gia đình tôi đã hỗ trợ tôi rất nhiều. Tôi đã đồng ý lấy vợ chỉ sau khi tôi đã được chạy chữa một năm rưỡi trời. Tạ ơn Trời, bây giờ

tôi có một đứa con gái và một công việc buôn bán nhỏ.”

Sau khi rời nhà Ansar, tôi cứ nghĩ mãi về những cuộc tấn công nhằm vào phần nam tính của các chàng trai, khiến họ trở nên suy yếu ngay cả khi mãn hạn tù. Tôi thử viết về Papa-2 nhưng không được. Tôi nhìn trừng trừng vào màn hình vi tính, đánh và xóa vài ba từ, rồi tắt máy.

Một kỷ niệm bị lãng quên đã quay trở lại. Vài năm trước tôi đã gặp lại thầy giáo dạy cấp hai của mình. Họ của thầy là Khatana và thầy dạy về thơ Urdu. Tôi mê thơ Urdu và đến dự tất cả lớp của thầy, trở thành học trò cưng của thầy. Nhưng tôi đã rời trường, rời Kashmir và quên bẵng mọi thứ về thầy. Gặp lại thầy sau gần một thập niên, tôi hỏi thăm thầy về gia đình và công việc. Thầy đang dạy ở một trường khác và chưa lấy vợ. Trong một trận càn tại làng của thầy, thầy đã bị bắt và tra tấn. “Lũ khốn nạn đó đã hủy hoại thầy. Thầy đã mổ tình hoàn ba lần nhưng không thành công, thế nên không có cơ hội lập gia đình, thật vậy đấy,” thầy kể cho tôi nghe. Sau này tôi băn khoăn là tại sao, ngay thời điểm đó, tôi đã không thực sự hiểu thấu đáo bản chất của những việc thầy đã kể với tôi. Tôi muốn gặp thầy một lần nữa và đã gọi đến nhiều bạn bè để hỏi thăm về thầy. Không một ai biết được thầy đang ở đâu.

Vài ngày sau, tôi gọi điện cho Shahid, một người bạn là bác sĩ tại viện y khoa hàng đầu của Srinagar, Viện Y học Sher-e-Kashmir và kể cho cậu ta nghe về Ansar. “Tụi tớ nhận hàng trăm ca như vậy ở đây. Những vụ dùng điện giật đó đã gây ra bệnh bất lực cho rất nhiều người và nhiều người khác đã mất luôn cả thận của mình,” cậu nói. Shahid là một người đàn ông thấp bé, vui tính, lớn lên tại một làng ở phía nam Kashmir. Những ngày cuối tuần, cậu lái xe về ngôi làng tổ tiên của mình và dành ngày chủ nhật để chữa bệnh cho dân làng với một khoản phí tượng trưng. “Chủ nhật này tớ về nhà. Nếu cậu đi theo thì tớ sẽ giới thiệu cậu với một người bị tình trạng giống như vậy.”

Sáng chủ nhật tôi lên đường cùng với Shahid về làng cậu ta để gặp anh họ cậu là anh Hussein, người sau khi bị tra tấn trong tù, đã nghĩ rằng mình bị bất lực và từ chối lập gia đình. “Vấn đề là anh ấy chưa sẵn sàng để gặp bác sĩ. Thậm chí anh ấy còn không tâm sự với tớ,” Shahid nói khi chúng tôi lái xe từ

Srinagar về thị trấn Bijbehara ở phía nam Kashmir. Chúng tôi rẽ vào một đường đất nhỏ gần thị trấn và có nửa giờ lái xe qua những ngôi nhà xây bằng bùn và gạch, những rặng cây liễu, cây óc chó và những cánh đồng. Hơi nước bốc lên từ cánh đồng phủ đầy băng tuyết được sưởi ấm bởi nắng ban mai. “Mặt trời đang hồi xuân,” Shahid nói theo kiểu của một bác sĩ.

Một tấm biển có hình chữ thập đỏ vẽ tay treo trước cái lán bên đường với tên cậu bị viết sai, cho biết đây là phòng khám bệnh của Shahid. Mới gần chín giờ sáng mà đã có một đám đông bệnh nhân chờ cậu. Hussein, anh họ cậu cũng ở đó. Hussein có đôi mắt hiền từ và phong thái lạng lẽ. Chúng tôi ngồi trước một cửa tiệm vắng vẻ dưới nắng mặt trời. Tôi mời anh ấy một điều thuốc và anh nhận một cách miễn cưỡng.

Có vẻ như Hussein đã đầu hàng số phận. Tôi loay hoay chọn lời lẽ thích hợp. Tình dục gần như không bao giờ được bàn luận trong văn hóa của chúng tôi và bệnh bất lực thì còn khó được nói đến hơn nữa. Tôi bắt đầu kể cho anh ấy nghe về anh Shafi, anh Ansar, Papa-2 và việc chữa trị bằng y học những căn bệnh rối loạn chức năng do việc tra tấn gây ra. Anh im lặng lắng nghe, gần như không bày tỏ cảm xúc trong suốt câu chuyện. Sau cùng, anh bắt đầu kể về kinh nghiệm của mình.

Năm 1990, khi anh đang học năm thứ nhất đại học thì cuộc đấu tranh vũ trang nổ ra. Anh là con trai cả của một giáo viên và có bốn anh em. Một hôm, anh bỏ nhà ra đi với một nhóm mười ba thanh niên khác. Sau ba ngày ở thị trấn Baramulla phía bắc Kashmir, họ lên một chiếc xe tải và lái về hướng thị trấn Kupwara, gần Đường Kiểm Soát nhưng đi được nửa đường thì Lực lượng Bảo an Biên giới chặn họ lại. Người dẫn đường của họ ngồi ghế trước cùng với tài xế, Hussein và bạn bè ngồi trên sàn xe ở phía sau. Họ đã thống nhất giả làm công nhân xây dựng, nhưng họ vẫn bị bắt và bị đưa đến một trại lính bán quân đội gần đó.

Sáng hôm sau Hussein và nhóm của mình bị đưa vào những nhà kho bé tí làm bằng thiếc thấp đèn điện sáng rực để thẩm vấn. “Tôi bị buộc phải cởi đồ, trần truồng. Ban đầu tôi kháng cự, rồi bị đánh, bị cưỡng ép lột đồ và trói vào

một cái ghế. Rồi bọn chúng quấn dây đồng vào hai cánh tay tôi và cho điện giật. Tôi thậm chí không thể kêu la. Chúng đã nhét giẻ vào miệng tôi. Tôi tưởng là tôi sẽ chết. Chúng đột ngột dừng lại, lôi mớ giẻ ra và tra hỏi. Tôi bị ngắt xiu vài lần. Chúng làm tôi tỉnh dậy rồi nhét một sợi dây đồng vào trong dương vật tôi. Rồi chúng mở nguồn điện.” Hầu hết người trong nhóm đã đầu hàng sau hai ngày bị tra tấn. “Đến một mức độ nào đó anh sẽ không thể chịu đựng nỗi sự đau đớn. Tất cả đều khai báo,” anh Hussein nói. “Chúng tôi thừa nhận là đang đi huấn luyện vũ trang và bị chuyển sang những nhà tù ở Srinagar sau hai tuần.” Anh nói thêm như một suy nghĩ muộn màng, “Lẽ ra tôi nên thừa nhận ngay lập tức. Cuộc đời có thể đã khác.”

Tôi nhắm mắt lại, rồi mở mắt và nhìn ra chỗ khác, nhìn vào con đường và những bệnh nhân đang chờ đến lượt họ tại phòng khám của Shahid. Một ông già đến chỗ chúng tôi và hỏi tôi có phải là bác sĩ không. “Không phải, ông à. Cháu chỉ là bạn của bác sĩ thôi.” Ông cụ nói cho tôi nghe về chứng cao huyết áp của mình vì “hoàn cảnh” rồi bỏ đi.

Hussein và tôi xuôi theo con đường xuyên qua những cánh đồng, dẫn ra ngoài rìa làng. Không có xe cộ. Hussein bước đi chậm rãi, chìm đắm trong suy nghĩ. Chúng tôi ngồi trên một ụ đất bên vệ đường. Hussein đốt thuốc và tiếp tục câu chuyện. “Tôi không thể diễn tả được nỗi đau đớn mà một người phải chịu đựng khi bị những cú điện giật. Tôi tưởng tôi sẽ chết. Đôi khi tôi nghĩ mỗi cú điện giật kéo dài một hay hai phút, có lúc nó như kéo dài hàng giờ,” anh nói.

Sau khi những tên thâm vấn ném anh trở lại phòng giam, Hussein tiếp tục ngắt xiu. “Ít nhất là trong những lúc bất tỉnh tôi không thấy đau đớn.” Mỗi lần đi tiểu, anh đều tiểu ra máu, dương vật của anh sưng tấy lên và cơn đau buốt cứ bò dần lên trên như một con đĩa. Khi anh bị đưa về trung tâm giam giữ ở Srinagar, sự nhiễm trùng đã ăn sâu và anh nhìn thấy máu và mủ trong nước tiểu của mình. Không có một hỗ trợ y tế nào trong nhiều tuần lễ. “Rồi có một sĩ quan người Sikh của lính bán quân đội hỏi thăm về tình trạng của tôi. Tôi kể cho anh ta nghe chuyện đã xảy ra. Anh ta quả là một thiên thần.

Anh ta đem cho tôi vài thứ thuốc, bông băng và nước khử trùng. Chúng rất có ích.” Nó làm tôi nghĩ đến những gì anh Ansar và Shafi kể cho tôi nghe về những kẻ thâm vấn khác nhau: “Một số là quý dữ và số khác là những người đảng hoàng.” Hussein lại im lặng. Tôi hỏi anh có biết tên của viên sĩ quan người Sikh hay có thể tìm cách liên lạc lại với anh ta hay không. “Tiếc là tôi không biết tên anh ta. Tôi không gặp lại anh ta vài tuần sau đó. Tôi nghĩ anh ta đã bị thuyên chuyển.”

Hussein được thả khỏi nhà tù sau hai năm trời. Một năm sau đó, anh bắt đầu buồn thảm và khản choàng. Một hôm, anh quyết định nói cho gia đình biết về bệnh bất lực của mình. Anh chưa từng nói chuyện đó với bất kỳ ai. Tối hôm đó, anh không ngủ được mãi cho đến khi nghe thấy tiếng gọi cầu nguyện buổi sáng. “Tôi đến đền thờ, cầu nguyện và sụp đổ hoàn toàn khi cầu xin Thượng Đế giúp đỡ. Chỉ có ngài mới có thể hiểu những gì tôi đã trải qua.” Đi bộ từ đền thờ về nhà, anh thấy mình mạnh mẽ hơn và quyết định nói chuyện với anh rể của mình, một thầy giáo. Người anh rể khuyên anh nên đi bác sĩ. “Trong một năm trời tôi đến rất nhiều bác sĩ khác nhau ở bệnh viện quận Anantnag. Họ viết một danh sách dài các loại thuốc, nhưng chúng không giúp được gì nhiều.” Shahid muốn đưa anh ấy đến Viện Y học của Srinagar.

Hussein lại không thấy thoải mái khi nói chuyện với Shahid. Anh từ chối gặp thêm bất kỳ bác sĩ nào và dành thời gian vào việc buôn bán tạp phẩm và cầu nguyện ở đền thờ.

Gia đình anh không thể làm gì cho đến khi một cuộc khủng hoảng khác kéo đến – những người em trai của anh lấy vợ. Trong tập quán của người Kashmir, em trai không lập gia đình trước anh mình. Cha của Hussein, anh rể và các chú bác cố thuyết phục anh một lần nữa. Dân trong làng bàn tán về chuyện đó: “Tại sao đứa con trai lớn của họ lại không lấy vợ mà mấy đứa nhỏ hơn lại lấy? Nó có bị cái gì không? Người ta nói là có chuyện gì đó xảy ra với nó trong tù.” Hussein bảo các em trai của anh cứ việc làm chuyện của họ. Họ đã làm thế. Hussein chơi đùa với con cái của họ. “Cũng có lúc rất khó khăn.

Nhưng đơn giản là tôi không nghĩ đến việc sống cùng với ai cả.” Hussein không giấu được niềm khát khao trong giọng nói của anh.

Chúng tôi trở lại phòng khám. Tôi quay sang anh và nói, “Hussein, anh sẽ không sao đâu. Bệnh của anh chữa được mà.” Tôi kể cho anh nghe về cuộc hôn nhân của Ansar và về đứa con gái ba tuổi của anh ấy. Tôi nói với anh về những cuộc phẫu thuật đường tiết niệu tôi đã đọc qua, về các loại thuốc, về việc tư vấn tâm lý, việc anh là người dũng cảm, về niềm tin, về việc đấng tiên tri Mohammed đã nói rằng sự tuyệt vọng là một tội ác. Chúng tôi về đến phòng khám và đi vào gian phòng tường bùn nền đất. Rồi chúng tôi đợi đến khi các bệnh nhân đi về. Tôi quay sang Hussein và hỏi anh nói chuyện với người em họ làm bác sĩ của anh. Anh nhìn sâu vào mắt tôi và mỉm cười. “Tôi sẽ nói. Cảm ơn cậu nhé.” Chúng tôi bắt tay và tôi bước ra khỏi phòng khám.

Những người anh hùng



Trời đang vào đông. Chiếc lá cuối cùng trên cây dâu tằm ngoài cửa sổ phòng tôi đã rụng và những đám mây thì xám mờ ảm đạm. Thành phố Srinagar dường như đã thu mình lại, lùi vào thế giới nội tâm, như một người đàn ông trung niên hốt hoảng thấy mình có thêm một sợi tóc bạc khi soi gương buổi sáng. Sự quạnh quẽ của ngoại cảnh phản chiếu cảm giác cô quạnh trong lòng tôi. Buổi trưa tôi đọc sách và cố gắng viết vào buổi tối. Nhưng có một độ vênh giữa những trải nghiệm tôi đang cố gắng thấm thấu và việc viết thành văn. Tôi bực bội rồi trở nên cau có và thỉnh thoảng gây gổ rất vô lý với bạn bè. Tôi gọi điện cho Shahid. Chúng tôi hẹn gặp nhau tại quán cà phê yêu thích gần trung tâm thành phố. “Điều đó rất phổ biến đối với những người tiếp xúc với nạn nhân của những thảm kịch,” Shahid nói và gợi ý là tôi đừng cố viết gì trong vài tuần lễ.

“Làm vậy không có ích gì hết. Rốt cuộc tớ cũng phải viết.”

“Vậy thì nên nhớ là những người như tớ với cậu thuộc một số ít may mắn ở Kashmir. Môi trường xuất thân đã che chắn cho chúng ta khỏi rất nhiều thứ. Chúng ta được học hành đàng hoàng và có thể tạo dựng một sự nghiệp. Chúng ta có thể đi khỏi chỗ này bất cứ khi nào.” Cậu ngừng một lát rồi hỏi, “Không phải cậu đã từng rời khỏi đây sao?” Shahid chưa bao giờ rời Kashmir. Cậu học y tại một trường đại học ở Srinagar. Lời nhận xét của cậu nghe như một lời cáo buộc.

“Tớ đã quay về, Shahid. Tớ không quên bất cứ cái gì khi ở xa. Tớ trở về

để viết về Kashmir,” tôi hét lên.

“VẬY THÌ ĐỐI DIỆN VỚI SỰ THẬT ĐI! ĐỪNG CÓ BỎ CHẠY MỖI LẦN NGHE NHỮNG CHUYỆN LÀM CẬU VẬT VÃ,” CẬU TA BẮT BÈ TÔI. CHÚNG TÔI NGỒI UỐNG CÀ PHÊ VÀ HÚT THUỐC LÁ MÀ KHÔNG NÓI MỘT LỜI. SAU VÀI PHÚT, CẬU DẬP THUỐC VÀ NÓI, “TỚ XIN LỖI. TỚ BIẾT CHUYỆN NÀY RẤT KHÓ KHĂN. TỚ CÒN KHÔNG THỂ THUYẾT PHỤC ANH HUSSEIN NÓI VỀ NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA ANH ẤY. Ở ĐÂY TỚ LÀ BÁC SĨ. NHƯNG TỚ ĐANG NÓI VỚI TƯ CÁCH MỘT NGƯỜI BẠN.”

Chúng tôi gọi thêm cà phê và Shahid tiếp tục nói. “Nó xảy ra với tất cả những người gắn bó mật thiết với mảnh đất này. Khi tớ được phân về khoa cấp cứu, người ta thường đem biết bao nhiêu người bị thương đến mỗi ngày. Có khi bọn tớ cứu được họ. Cũng có lúc họ chết ngay trên bàn mổ. Tớ đã từng khóc trong phòng mình sau những cái chết như vậy. Nó ảnh hưởng đến công việc của tớ. Tao muốn chuyển đi nên đã tâm sự với một bác sĩ già dặn kinh nghiệm. Ông ấy bảo rằng bọn tớ phải biết mình không thể cứu sống được tất cả, thế nhưng bọn tớ vẫn phải cố gắng để trở thành những bác sĩ giỏi hơn.” Shahid đã đối mặt với nỗi sợ hãi và tiếp tục làm việc tại khu cấp cứu. Tôi cũng phải đương đầu với những bóng ma của mình.

Tôi đi bộ về nhà cha mẹ, lại nghĩ về những người mà tôi không làm sao viết về họ được, về những nơi tôi đã trì hoãn việc thăm viếng bởi tôi sợ chạm vào nỗi đau đớn. Tôi nghĩ đến Mubeena Ghani, một phụ nữ sống tại một ngôi làng phía nam Kashmir, cách quê tôi một giờ đồng hồ, người tôi đã được nghe kể hồi ở trung học. Vào tháng Năm 1990, sau khi làm đám cưới được vài giờ, chị đã bị một nhóm lính của lực lượng bán quân đội Ấn Độ hãm hiếp.

Sau này khi lên đại học, tôi đọc được những mẫu truyện ngắn của Saadat Hussein Manto, người chép sử bậc thầy về bạo lực ở tiểu lục địa. Ông Manto đã viết một loạt bài phác họa rất hùng hồn về sự xung đột giữa các giáo phái theo sau việc chia cắt đất nước Ấn Độ thuộc Anh quốc thành Ấn Độ và Pakistan. Trong một câu chuyện có nhan đề “Khol Do” (Mở ra), ông kể về một người cha tìm thấy đứa con gái của mình trong một phòng bệnh viện vài ngày sau khi cô bị mất tích trong vụ xung đột giáo phái. Ông bác sĩ nhờ

người cha mở cửa sổ cho con gái. Khi cô bé nghe hai từ *khol do* của ông bác sĩ, cô tụt quần mình xuống. Cô bé đã bị hăm hiếp nhiều đến nỗi liên tưởng từ *khol do* với lệnh cởi bỏ quần áo của kẻ hăm hiếp mình.

Mùa xuân năm 2002, từ Delhi tôi đã đến Kashmir để làm phóng sự. Sau khi hoàn tất những báo cáo tin tức, tôi đi tìm chị Mubeena. Tôi được biết chị và người chồng tên là Rashid Malik đang sống tại làng Chawalgam, cách làng của tôi một giờ đồng hồ. Sáng hôm sau tôi bắt taxi đến Chawalgam. Trong chợ làng, hàng quán treo đầy các biển quảng cáo Coke và bánh quy Parle. Một chủ tiệm chỉ đường cho tôi vào con hẻm hẹp, cuối hẻm là một tiệm bánh. Ông thợ làm bánh đang nhồi bột trong một cái thau gỗ to. “Anh Rashid Malik sống ở đâu vậy?” tôi hỏi.

Ông thợ làm bánh dừng lại và nói, không rời tay khỏi cục bột, “Anh muốn hỏi người có cô dâu bị hiếp phải không? Anh là nhà báo hả?” Ông ấy chỉ vào một túp lều giống như một ngôi nhà, làm bằng gạch thô và gỗ. Sợi dây kẽm rỉ sét được neo vào những cành dương làm thành hàng rào của ngôi nhà. Mấy miếng nhựa poly thay cho kính cửa sổ và những bó rơm rạ xếp trên vài miếng gỗ sần sùi làm thành mái nhà. Có một con bò nâu bị cột ở góc sân và một đứa bé đang chơi với mấy cành cây trên cầu thang. Tôi đứng bên ngoài căn nhà, cảm thấy mình là người xâm phạm gia cư. Tôi đang cân nhắc có nên làm phiền họ không thì một người đàn ông hốc hác xuất hiện.

Đôi mắt quầng thâm, râu ria lởm chởm, lác đác những đốm trắng trên đôi má vàng bủng và cái áo sơ mi thì rộng thùng thình trên đôi vai xương xẩu. “Tôi là Rashid. Mấy người chủ tiệm nói với tôi là có một nhà báo tìm tôi. Xin mời vào nhà.”

Anh dẫn tôi vào nhà mình. Những vách tường trát bùn nứt nẻ làm lộ ra những viên gạch thô. Một tấm vải chắp nối nhiều mảnh được trải dưới sàn phòng khách và không có một chiếc bàn ghế nào. Thằng con của anh chạy đi tìm chị Mubeena ở ngoài đồng nơi chị đang làm. Tôi trò chuyện với anh Rashid cho đến khi chị Mubeena về. Nước da xanh xao của chị dường như bám vào gương mặt trái xoan vô hồn, da tay chị nứt nẻ, còn đôi mắt nâu có

vẻ ngần ngại và thấu hiểu. Chị mặc một tấm *pheran* rách nát và mang trà với bánh quy ra mời tôi. Anh Shahid thấy e ngại vì đã không thể mời tôi món gì ngon hơn. Chị Mubeena rót trà vào một cái tách men rạn nứt và họ kể cho tôi nghe chuyện của mình.

Buổi tối ngày 16 tháng Năm 1990, anh Rashid Malik cắt tóc, mặc bộ vét trắng và đội khăn xếp thêu. Các cô gái làng hát những bài hát đám cưới. Trong những bài hát của họ, chú rể là hoàng tử, còn cô dâu là một nàng công chúa đẹp hơn cả mặt trăng. Gia đình anh đã mời thợ chụp ảnh đến lễ cưới. Một tấm trong số đó là cảnh anh Rashid từ nhà mình sang nhà cô dâu. Đôi mắt nâu của anh lấp lánh trên gương mặt hồng hào. Đôi vai rộng và bộ ngực vạm vỡ của anh căng đầy trong chiếc áo vét. Hàm răng trắng sáng bóng lộ ra bên dưới bộ ria đen. Một tấm ảnh khác cho thấy anh ngồi trên chiếc xe buýt được mượn để chở anh, bạn bè và họ hàng đến nhà chị Mubeena bên làng Hiller, cách đó năm dặm. Chiếc xe rời làng lúc chín giờ tối. Nửa tiếng sau anh Rashid đã ngồi trên chiếc ghế bọc nhung trong nhà cô dâu. Một vị giáo sĩ đến và lễ thành hôn kiểu Hồi giáo được tiến hành. Vị giáo sĩ hỏi Rashid ba lần rằng anh có sẵn sàng lấy chị Mubeena một cách tự nguyện và hỏi chị Mubeena ba lần rằng chị có sẵn sàng lấy anh Rashid một cách tự nguyện không. Cả hai người đều chấp thuận và họ trở thành vợ chồng. Hai bên gia đình ăn mừng và mâm cỗ được dọn lên. Một tiếng sau, anh Rashid chuẩn bị đưa cô dâu về cùng. Thêm nhiều bài hát nữa được xướng lên. Rồi họ bỗng nghe tiếng súng.

Bên sui gia của Rashid tin rằng đó là tiếng súng chỉ thiên của quân du kích. Vào thời điểm đó, nghĩa quân yêu cầu người dân không hát những bài đám cưới hay đãi tiệc thịnh soạn trong thời khắc của sự hy sinh. Rashid và bà con của anh nhất định đòi đi về. Gia đình cô dâu rất lo lắng và yêu cầu họ ở yên tại chỗ. Họ cãi nhau về việc có khôn ngoan hay không khi đi năm dặm đường vào thời điểm như thế trong đêm. Phía nhà trai thẳng, lên xe buýt để về nhà cùng với cô dâu. Anh trai của Rashid, người làm cho Lực lượng Cảnh sát Đường sắt Ấn Độ, ngồi kế bên anh, tay cầm sẵn giấy thông hành xin được

của một đại tá quân đội đóng quân gần đó. Đó là những ngày còn giới nghiêm ban đêm ở Kashmir. Mọi người đi đâu sau hoàng hôn đều cần một giấy thông hành. Chiếc xe buýt chạy chậm chậm trên con đường đất dẫn về làng chú rể.

Đi được hai cây số thì anh Rashid, đang ngồi băng trước cạnh tài xế, nhìn thấy xe của Lực lượng Cảnh sát Dự bị Trung tâm (CRPF). Xe dừng và anh trai của anh trình giấy thông hành với bọn CRPF. Chúng để cho chiếc xe cưới đi tiếp. Đi thêm vài dặm nữa, tại lối cắt ngang làng Hakoora, Rashid và những người đồng hành nhìn thấy bọn lính của Lực lượng Bảo an Biên giới (BSF), mà một giờ trước đã chạm mặt một toán tuần tra của CRPF. Hai nhóm lính bán quân đội tưởng lầm nhau là quân du kích và đã bắn nhau. Xe buýt lại dừng lại. Một tên BSF chạy lại chỗ họ. Hắn hét vào người tài xế, bảo tắt hết đèn xe. Bóng tối đổ ập xuống con đường và chỉ có vài bóng đèn trang trí nhỏ rọi sáng trên xe. Rashid, những người đồng hành và cô dâu của anh run lập cập trên ghế ngồi. Anh trai của anh đứng lên, tay cầm giấy phép và mở cửa xe. Anh ta đến chỗ tên sĩ quan BSF để trình giấy. Bọn lính BSF chẳng thèm nhìn đến tờ giấy. Rashid thấy hai tên lính túm lấy cổ anh mình lôi ra vệ đường rồi bắt đầu đánh đập anh ấy. Rashid muốn phản đối hoặc van xin nhưng hai chân anh không chịu nhúc nhích. Anh thấy bọn lính BSF đi vòng quanh xe, rồi anh nhìn qua vai mình và thấy cô dâu. Cô đang co rúm trên ghế với người phụ dâu, anh muốn chạy lại chỗ cô. Nhưng có tiếng súng.

Đám lính BSF xả đạn vào chiếc xe buýt. Rashid ném chiếc mũ xếp và sụp xuống dưới ghế như những người khác. Ngay lập tức anh cảm thấy có cái gì đó sượt qua vai anh và một tiếng hét vang lên từ ghế bên cạnh. Viên đạn sượt qua vai anh đã trúng vào tay của đứa em họ Sabzaar. Một loạt đạn nữa xuyên thủng thân xe buýt và xuyên qua tim một đứa em họ khác của anh, thằng Asadullah, làm nó thiệt mạng. Rashid vẫn chưa nhận biết chuyện gì đã xảy ra cho em họ anh thì anh bị bắn trúng lưng và sau này các bác sĩ tìm thấy năm viên đạn. Ba viên đạn trúng vào vai, lưng và hông của Mubeena. Tên sĩ quan BSF ra lệnh cho hành khách xuống xe, một trận đánh hội đồng theo sau đó. Anh Rashid té xuống đường rồi bất tỉnh. Mubeena cùng với cô phụ dâu và

những người khác đứng bên đường, máu chảy ròng ròng. Một nhóm lính lôi chị và cô phụ dâu vào cánh đồng mù tạt bên đường. Một nhóm lính BSF không rõ bao nhiêu người đã hãm hiếp hai cô gái bị thương. “Tôi không thể nhớ nổi có bao nhiêu thằng lúc đó. Tôi đã mất cả ý thức.” Chị Mubeena nói.

Một toán lính BSF khác cầm đầu bởi một sĩ quan cấp trên đã đến đó. Chúng đem những người đàn ông và phụ nữ bị thương đến bệnh viện ở Anantnag. Sáng hôm sau, các quan chức của chính phủ tiểu bang đến bệnh viện lấy lời khai của anh Rashid, chị Mubeena và những người bị thương khác. Ông quận trưởng trao cho mỗi người ba ngàn rupee tiền trợ cấp của tiểu bang. Họ từ chối. Lãnh đạo các nhóm ly khai đến bệnh viện thăm họ và sau đó về làng họ, kêu gọi dân làng sát cánh với đôi vợ chồng trẻ.

Rashid được chuyển sang một bệnh viện tốt hơn ở Srinagar. Các bác sĩ cho anh lựa chọn: hoặc chung sống với năm viên đạn trong người hoặc mạo hiểm với cuộc phẫu thuật có thể làm anh bại liệt. Anh quyết định không giải phẫu và trở về nhà, quyết tâm làm lại cuộc đời. Một sự căm lạng đầy thù địch chào đón Rashid và Mubeena trong cuộc trở về của họ. Đối với gia đình Rashid và dân làng thì Mubeena là một điếm gở: chị là nguyên nhân của tai họa đã lấy đi mạng sống của một người và làm mười người khác bị thương. Gia đình chồng hắt hủi chị. Cha mẹ của chị và một số bạn bè thì ủng hộ đôi vợ chồng. Anh Rashid không thể làm việc trong một năm trời, vợ chồng anh sống nhờ vào sự chu cấp của cha mẹ chị Mubeena. Anh muốn bán phần gia sản của mình. Gia đình anh từ chối ngay cả việc đó.

Một năm sau, chị Mubeena sinh một bé trai; đứa bé chết chỉ trong vài tuần. Chị định tự tử. Anh Rashid cầu xin chị phải sống, phải mạnh mẽ lên. Bỏ lại phía sau thảm kịch, anh nhận công việc thợ mộc bất cứ khi nào có việc. Vào những ngày khác, anh đi làm lao động tay chân, khiêng gạch, gieo hạt trên đồng, thu hoạch mùa màng. Chị Mubeena cũng góp sức. Chị thuê thửa, may vá và làm ruộng, dũng cảm chịu đựng những lời chế nhạo của bên chồng, và miệng lưỡi thế gian. Tại vòi nước của làng, khi đứng xếp hàng để lấy nước, chị luôn cúi thấp đầu. Trên những con đường làng, chị đi như chạy,

cố gắng không để ai nhìn thấy. Chỉ một lần cái vĩa nhỏ xíu cũng sẽ đánh động đến bi kịch của chị. “Mày là cô dâu bị hãm hiếp phải không? Mày là đứa đem lại rủi ro chứ gì?” Người làng đặt tên chế giễu họ. “Họ gọi chúng tôi là ‘Cô dâu Tóe lửa’ và ‘Chú rể Tóe lửa’,” chị Mubeena kể.

Một cuộc điều tra được tiến hành, vài tên lính bán quân đội bị đuổi việc. Những người mới thay chỗ chúng và bọn lính mới không nhận ra Rashid và Mubeena. Nhưng chị vẫn rùng mình mỗi lần thấy bóng quân phục.

Cái đêm hôm đó lần quần như một bóng ma. Chị Mubeena rót trà cho tôi và lau nước mắt bằng khăn choàng. Anh Rashid im lặng. Tôi nhìn chăm chăm vào hoa văn trang trí đã phai trên tấm vải chắp nối bằng vải vụn mà chúng tôi đang ngồi lên. Con gái của họ đi vào và giải thoát chúng tôi khỏi sự im lặng khó khăn đó. Nó mặc đồng phục trắng và xanh dương, vai đeo cặp xách. Nó chạy đến chỗ Mubeena và ngồi lên đùi chị. Con bé là học sinh lớp bốn trường làng. Nó cho tôi xem tập của nó. Trong cuốn tập tiếng Anh, con bé đã viết về mục tiêu của nó trong đời: làm bác sĩ. Anh Rashid và chị Rubeena nhìn nó hãnh diện. Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ, gió làm sột soạt rặng dương sau nhà và làm tấm nhựa poly đóng vào thành cửa sổ trống hoác bay phần phật. Rashid và Mubeena tiễn tôi ra cửa. Anh nắm tay con gái mình và đưa con trai họ níu lấy chị Mubeena. Họ vẫy tay và mỉm cười.

Một thời gian sau cuộc gặp gỡ với họ, tôi tình cờ đọc được bài thơ của một nhà thơ người Kashmir, tên là Farooq Nazki:

*Những bà mẹ vò sạch vết máu trên quần áo của các chú rể
Trên bờ sông,
Áo cô dâu đã cháy thành tro bụi,
Các cô phụ dâu khóc
Và dòng jhelum lặng lẽ trôi.*

Nhưng tôi không thể buộc mình viết về Rashid và Mubeena. Và tôi cũng không thể đến thăm làng Kunan Poshpora ở phía bắc quận Kupwara nơi quân đội Ấn Độ đã hãm hiếp hơn hai mươi phụ nữ vào năm 1990. Kunan Poshpora

đã trở thành một biểu tượng, một ẩn dụ, một ký ức giống như Srebrenica.

Vào đầu tháng Mười Hai tôi đến Kupwara, cách Srinagar ba giờ đồng hồ. Kunan Poshpora chỉ cách đó vài phút và tôi dự định đón xe buýt đến đó. Những rặng núi hùng vĩ và những ruộng lúa xanh tươi bao quanh quận Kupwara. Vẻ đẹp của những khu vực xung quanh càng làm nổi bật sự bẩn thỉu của thị trấn. Chiếc taxi buýt^[42] đi từ Srinagar và dừng lại trong một bãi đậu xe buýt rộng không tráng xi-măng, nơi cửa ngõ thị trấn. Hai dãy hàng quán xấu xí chen chúc nhau tạo thành khu chợ chính. Những quán ăn bày đầy các bịch khoai tây cắt mỏng và chai Pepsi nằm cạnh những tiệm bán đồ cơ khí sặc mùi dầu nhớt. Tôi thấy một trạm kiểm soát quân đội với một bảng súng thò ra; một tấm biển treo trên đó ghi: BAN CHỈ HUY THỊ TRẤN KUPWARA. Sự hiện diện của quân đội quanh thị trấn biện minh cho cái chức danh đó.

Rồi tôi nghe tiếng một thằng bé mặc đồ lem luốc đầu mờ la to, “Kunan Poshpora.” Một chiếc xe buýt sơn màu xanh-vàng rờ máy. Một người đàn ông râu lởm chởm, đội cái nón thêu kiểu nông dân, cột hai ống nước dài bằng sắt vào nóc xe. Ba phụ nữ ngồi trên ghế trước ngay sau tài xế. Một cô bé mập mạp mặc áo vàng và đeo vòng xanh nhún nhảy không mệt mỏi giữa lối đi, nhai kẹo cao su và thổi bong bóng. Một đôi âu yếm nhau trên ghế. Người soát vé la lên, “Kunan Poshpora.” Tài xế rờ máy xe lần nữa. Đôi tình nhân vẫn tiếp tục thì thầm. Hai cậu học trò mặc sơ mi trắng quần tây đen nhảy lên xe buýt và xe bắt đầu lăn bánh. Tôi nhìn xe chạy và nghĩ đến anh Rashid, chị Mubeena và con gái họ có ước mơ làm bác sĩ.

Tôi ngồi trong một quán trà xập xệ, hút thuốc, suy nghĩ. Nhưng tôi không được một mình quá lâu. Shabir, một thanh niên ảo lả tự xưng là nhà thơ, giới thiệu bản thân và hỏi thăm tôi đang làm gì ở Kupwara. Tôi nói tôi làm báo. “Em cũng nghĩ vậy. Em có thể thấy điều đó qua cái túi và sổ ghi chép của anh. Nhà báo nào cũng ăn mặc giống anh,” Shabir nói. Cậu ta mê xem tin tức trên tivi và có nhiều ý tưởng dành cho tôi. “Em có thể dẫn anh đến những chỗ mà có thể anh thích viết,” cậu nói. “Tin đầu tiên em muốn cho anh biết là về

một cái nghĩa trang ở đây. Những người được chôn ở đó hầu hết là những đứa con trai bị giết trong các trận đụng độ với quân đội ở biên giới.”

Đường Kiểm Soát chạy qua nhiều rặng núi sừng sững ngả bóng xuống những ngôi làng bao quanh quận Kupwara. Shabir kể rằng sau mỗi cuộc đụng độ, xác của những thanh niên cố vượt sang Pakistan để được huấn luyện vũ trang hoặc từ nơi đó quay về, được quân đội Ấn Độ đưa cho cảnh sát địa phương và được chôn cất trong nghĩa trang đó. “Vì không ai biết tên của những người chết, người dân địa phương trông coi nghĩa trang đã đánh dấu bằng những con số.”

“Con số sau cùng mà cậu thấy ở đó là số mấy?” tôi hỏi cậu.

“Em nghĩ khoảng độ hai trăm.”

“Tôi sẽ đến đó sớm,” tôi hứa suông, cảm ơn Shabir, rồi rời khỏi tiệm cà phê. Tôi thấy mệt mỏi nên bắt một chiếc taxi đi về hướng Srinagar. Tôi muốn về nhà. Tôi muốn được ở trong căn phòng của mình.

Cái giá của cuộc sống



Mubeena và Rashid đã sống trong sự tàn bạo và tẩy chay, vậy mà họ vẫn tạo dựng được một gia đình và đang nuôi dạy con cái mình. Parveena từ một bà nội trợ vô danh trở thành một người đấu tranh vì công lý được ca tụng. Những người đàn ông bị tra tấn đến tàn phế như Ansar đã xây dựng cuộc sống mới. Hussein đã bắt đầu tâm sự với Shahid về bệnh tật của mình và tôi cuối cùng cũng có thể viết về những con người, nơi chốn và chủ đề lâu nay tôi tránh né. Trong những câu chuyện ảm đạm về chết chóc và mất mát, còn có những kỳ tích của sự ngoan cường và lòng dũng cảm. Bất chấp tất cả, con người vẫn sống sót. Nhưng bao nhiêu người thực sự có thể vươn lên?

Đã đầu tháng Hai và mùa Đông đang nấn ná ở lại, những ngọn núi vẫn còn băng giá. Đôi vai tôi không còn cảm thấy sức nặng của nhiều lớp áo len dày cộp. Cái vỏ màu be của những chiếc bình *kangri*^[43] chúng tôi mang theo mình suốt mùa đông, ngay cả khi lên giường ngủ, đã đổi thành màu nâu đen vì bị cọ xát vào bàn tay của chúng tôi. Đế giày của tôi đã biến thành màu bùn, mặc cho tôi vẫn hi hục đánh giày hàng ngày. Và hơi thở buổi sáng vẫn trông như khói thuốc lá. Cha tôi đội nón đen kiểu Jinnah^[44] và áo khoác nâu để đi làm. Mẹ ở nhà phần lớn thời gian, trường của bà đã đóng cửa nghỉ đông trong hai tháng rưỡi. Bà đề nghị chúng tôi cùng đi thăm người anh em họ của cha tôi, người đã trở về sau chuyến hành hương Mecca.

Hầu hết người Hồi giáo Kashmir đều trông đợi chuyến hành hương về thánh địa Mecca từ nhiều năm trời. Người ta đi làm, xây nhà, nuôi dạy con

cái, dựng vợ gả chồng cho chúng và khi những công việc trần tục được lo liệu xong, họ lấy tiền tiết kiệm, đến văn phòng chính phủ để lấy mẫu đơn xin và mua vé đi Mecca. Đó là chuyến đi trọng đại của hầu hết người Hồi giáo Kashmir. Chuyến hành hương có tính chất bắt buộc đối với mọi người Hồi giáo khi ông ta hoặc bà ta có khả năng. Bác tôi đã hoàn thành những trách nhiệm trong đời sống khi bác và vợ lên đường đi Mecca. Giờ thì họ đã về và cuộc hành trình đã đem lại cho họ một chức danh mới: Hajji. Theo truyền thống của Kashmir, bạn bè và bà con phải đến thăm những Hajji vừa trở về. Tuy nhiên, cuộc xung đột đã hạn chế sự đi lại và những người bà con xa chỉ còn gặp nhau vào những dịp quan trọng như lễ đính hôn, lễ cưới hoặc gặp nhau ở bệnh viện, hay tại các đám tang. “Cha con không thể đến được nên con phải đi với mẹ đến nhà bác Rahman,” mẹ tôi nói thế.

Hồi đó cha tôi thường thăm bác và gia đình dù có sự hiện diện hùng hậu của những toán lính Ấn và nghĩa quân quanh làng bác ấy. Nhưng ông đã không đi nữa từ sau vụ tấn công bằng mìn. Cha mẹ tôi vẫn sống trong sợ hãi.

Cách đây ít lâu, có lần chúng tôi đang ngồi trong xe của ông thì tài xế cán ngang một túi nhỏ có bốn vỏ hộp nước xoài nằm trên đường. Lúc còn nhỏ chúng tôi thường nhảy lên đạp mấy cái vỏ hộp đó để làm nó kêu lộp bộp như pháo nổ. Cha tôi đã hụp xuống dưới ghế, hai tay ôm lấy đầu. “Cha ơi, nó chỉ là hộp nước trái cây thôi mà,” tôi nói từ tốn. Ông ngồi lại lên ghế và im lặng. “Con biết không, từ sau cái vụ mìn nổ đó...”

Tôi đã nhìn thấy sự bất lực của cha vào một ngày khác, khi chúng tôi nghe tin về cái chết của dì ông. Bà dì sống tại một ngôi làng gần làng bác tôi và cha tôi đã không thể đi thăm bà khi bà lâm bệnh thời kỳ cuối. “Dì rất tử tế với cha khi cha còn nhỏ. Dì luôn luôn lo lắng cho cha, nhiều hơn bất cứ người bà con nào,” cha kể cho tôi nghe. “VẬY mà cha đã không thể thăm dì khi dì hấp hối.”

Mẹ và tôi đón xe buýt để đến làng của bác. Tôi nôn nao được gặp lại nhiều người bà con sau nhiều năm. Chiếc xe buýt chạy thong dong dọc theo sườn núi và dừng lại sau một dặm đường tại một trong hai trạm kiểm soát bao

quanh làng chúng tôi. Hai tên lính trẻ măng mặc áo chống đạn đứng ngay chỗ kiểm soát, vai đeo lưng lủng lẳng hai khẩu Kalashnikov. Chúng bảo chúng tôi bước đi. Chúng tôi bước chừng một trăm mét thì một tên hét lên, “Dừng lại.” Chúng tôi đứng lại. Không ai bị rà soát. Không có chiếc túi nào bị lục lọi. Chúng tôi lên xe buýt và đi về hướng làng. Tôi cứ thắc mắc về cái sự ngớ ngẩn của những mệnh lệnh này. Chúng không nhằm một mục đích nào cả. Nó giống như một trò chơi điện tử. Một thằng lính giơ ngón tay lên, các chiếc xe buýt dừng lại, người ta xếp hàng một, bước tới, dừng lại, lên xe và đi tiếp. Một chiếc xe khác đến trạm kiểm soát và trò chơi lặp lại.

Cái trò ngớ ngẩn đó làm tôi nhớ đến “Một căn bệnh mới,” truyện ngắn của nhà văn người Kashmir Akhter Mohiuddin mất năm 2001. Con rể ông bị giết trong một vụ tấn công của nghĩa quân vào một bờ sông ở khu tổ hợp bệnh viện nơi anh ta làm việc. Con trai ông thì bị giết trên đường đi làm về trong vụ trả đũa của lính quân đội sau khi chúng bị tấn công. Để phản đối những vụ việc vượt quá giới hạn, ông Akhter đã trả lại giải thưởng Padam Shri, một trong những giải thưởng cao quý nhất dành cho thường dân mà chính phủ Ấn Độ đã ban cho ông vì những cống hiến cho văn học. Cũng như Isaac Babel, ông có những sự gắn bó mật thiết với chiến tranh, quyền lực và nỗi sợ hãi và ông đã dâng tặng cuốn sách cuối cùng cho “những thanh niên bị sát hại ở những nơi vô danh.” Babel cũng thế.

Trong truyện “Một căn bệnh mới”, một người đàn ông nọ đứng chờ thật lâu, như thể đang xếp hàng trước khi bước vào chính ngôi nhà của mình, và rồi quay đi về hướng khác. Gia đình ông đưa ông đến bác sĩ. Bác sĩ nói, “Từ khi có chuyện rà soát cơ thể, một căn bệnh mới đã nảy sinh. Một số người cần bị rà soát mỗi lần họ thấy một cái cống, số khác tự rà soát bản thân.” Ông bác sĩ kê đơn, phải rà soát cơ thể bệnh nhân mỗi lần người đó về đến cống. Gia đình làm theo và tình trạng của người đàn ông đó khả quan hơn.

Có một ông già mặc bộ vét xanh ngồi trên ghế trước mặt tôi. Ông quay lại nói, “Mục đích của việc đó là gì nhỉ? Chúng chỉ muốn nhấn mạnh sự hiện diện của mình, để cho ta biết là chúng cai trị vùng này.” Chiếc xe buýt vẫn

chạy về hướng làng của bác tôi. Không có thêm một trạm kiểm soát nào nữa, nhưng chúng tôi đang đi trên chính con đường nơi cha mẹ tôi đã suýt bị giết chết.

Tôi có thể thấy được hình ảnh mẹ tôi đang căng thẳng. Chúng tôi vẫn giữ im lặng và nhìn ra ngoài cửa sổ xe. Vài phút sau, chiếc xe buýt chạy ngang qua đoạn ống dẫn nước trên con đường từng được gài mìn. Những ngôi nhà gạch bình thường của người dân Kashmir chắn hai bên đường và những nhóm dân làng uể oải ngồi trước nhà họ, nhìn chăm chăm vào khách qua đường. Tôi thấy những con người đó, nhưng mẹ tôi có vẻ chỉ thấy gã đàn ông đã nhấn nút kích nổ từ xa. Bà chỉ tay về phía nhóm dân làng và nói, “Đó là chỗ họ (nghĩa quân) ngồi cầm chiếc điều khiển từ xa.” Tôi bặm môi rồi lắc đầu. Chúng tôi đi hết quãng đường còn lại trong im lặng.

Những con đường hẹp chạy giữa những căn nhà đắp bằng gạch và bùn được bao quanh bởi các cây óc chó trĩu lá trong làng Panzmulla nơi bác tôi sống. Trên đường vào nhà bác, chúng tôi chào hỏi những người quen và bà con đang trở về nhà sau chuyến viếng thăm theo phong tục. Bác tôi người cao, rám nắng, ngồi trên tấm thảm, những người đàn ông và đàn bà đang vây quanh lắng nghe câu chuyện về Mecca của ông. Các cô gái và chàng trai trẻ phục vụ trà *kahwa* trong những ấm samovar tráng thiếc. Khách khứa nhấm nháp *kahwa* và nghe những câu chuyện về đức tin. Bác tôi thường sẽ tự ái nếu cha tôi không đến thăm ông sau chuyến hành hương. Nhưng thay vì vậy, ngay giây phút mẹ tôi và tôi bước vào nhà, ông ôm lấy tôi và nói, “Thật tiếc là ngay cả Ghulam Ahmad cũng không thể đến gặp bác hôm nay.”

Những nhóm khách lại đến và bác đứng lên chào hỏi từng người một. Mỗi người đều được mời một ly Aabe-Zam Zam, thứ nước của dòng suối Zam Zam ở thánh địa Mecca, được tin rằng có quyền năng chữa bệnh. Tất cả họ đều hỏi những câu giống nhau. Đúng thế, ở đó giao thông nằm bên phải đường. Vâng, có đủ thứ sắc dân của nhiều đất nước mặc cùng một loại áo thun cotton màu trắng. Vâng, các cửa hàng rất lớn và đầy hàng hóa đắt tiền. Đúng vậy, anh sẽ bị mê hoặc khi lần đầu tiên nhìn thấy Qaaba^[45]. Bác tôi có

vẻ đã mệt vì lặp đi lặp lại. Tiếng gọi cầu nguyện của thầy *muezzin* đã giải thoát bác và bác ra khỏi nhà để đến đền thờ. Mẹ cũng gia nhập một nhóm bà con và ngay sau đó mê mải chuyện trò. Bà nói chuyện rất sôi nổi và cười vì những mẩu chuyện hài hước. Tôi ngắm bà từ xa và mừng khi thấy bà vui vẻ.

Việc cha mẹ tôi bị tấn công đã ám ảnh tôi trong nhiều tháng trời. Nằm chong mắt vào ban đêm, tôi mơ màng nghĩ đến việc trả thù cho họ. Rồi tôi lại quay về với thế giới hiện tại và nghĩ đến ông bà của tôi, các dì, các bác, anh chị em họ tôi, những người vẫn sống trong làng hay gần làng của tôi. Tôi nghĩ về những cái kệ đầy sách của cha và khát vọng viết lách của mình. Hầu hết các gia đình đều chấp nhận việc người thân của họ bị giết với sự cam chịu và nỗ lực để tiếp tục sống. Dưới sự cai trị của chính quyền Kashmir, bất cứ ai có người thân vô tội bị giết trong cuộc xung đột tại Kashmir đều được cấp cho một công việc bậc thấp trong chính quyền và gia đình được trả món tiền đền bù một trăm ngàn rupee. Trong giai đoạn đầu của cuộc xung đột, hầu hết mọi người từ chối nhận số tiền đền bù kiểu như vậy, vì cho rằng nó trái với luân thường đạo lý. Nhưng cuộc sống khắc nghiệt và phức tạp hơn nhiều những ý nghĩ chống đối. Với thời gian, người ta lật lại những bộ hồ sơ cũ và bắt đầu nghĩ đến việc làm cho cuộc sống của họ dễ thở hơn, kể cả việc chấp nhận cái giá chính thức được trả cho một mạng sống. Tôi đáng lẽ đã phải xin tiền bồi thường cùng với một công việc như thế. Tôi đã chứng kiến việc đó xảy ra trong các gia đình bà con xa khi tôi còn học đại học.

Một buổi trưa, khi tôi đang ngồi trong bếp nói chuyện với mẹ thì có tiếng gõ cửa. Chú Bashir, em họ của bà sống tại ngôi làng cách nhà tôi một giờ, đứng thất thần, níu lấy cửa để giữ thăng bằng. Giữa tiếng nước nở, chú nói chậm rãi, “Bọn chúng đã giết Gulzar. Quân đội đã giết nó tối qua bằng mìn.” Chúng tôi lùi lại một bước vì choáng váng. Chú Gulzar là em họ của cả mẹ tôi và chú Bashir. Hai đứa em họ tôi, một người dì và ông bà ngoại chạy vào nhà bếp. Ngoại tôi ôm chú Bashir và trang nghiêm đọc những lời kinh cầu nguyện mà người Hồi giáo đọc khi có người chết: *ina lilahi Wa ina ilahi Rajioon* (Những gì do Thượng Đế tạo ra sẽ trở về với Ngài). Khuôn mặt nhăn

nheo của ông đánh lại vì nổi đau, còn đôi mắt xanh thì rưng rưng lệ. Một hình ảnh của chú Gulzar thoáng hiện ra trước mắt tôi: một cậu trai ốm yếu mười lăm tuổi đứng trong sân nhà, ria mép lún phún làm mép môi trên của chú đậm hơn một chút so với khuôn mặt hồng hào. Tóc chú ngắn và lia xĩa, và chú cầm một cây gậy cricket.

Nửa giờ sau, gia đình tôi đi dự đám tang của chú ấy. Tôi ở lại. Phải có người nào đó ở lại nhà, vì thật không an toàn khi để nhà không ai trông coi.

Làng của chú Gulzar đã trở nên xa xôi vì nó nằm gần một doanh trại quân đội khổng lồ và khu vực đó nguy hiểm hơn nhiều so với chỗ chúng tôi. Tôi không thể không nghĩ đến những lần gia đình tôi bị lục soát và buộc trình chứng minh thư. Tôi mừng vì họ có một chiếc xe hơi. Việc đi thăm nơi nào đó bằng xe buýt quả là ác mộng. Sẽ có một cuộc hỗn chiến nho nhỏ sau khi bạn vượt qua những trạm kiểm soát. Người ta sẽ điên cuồng chạy đến chiếc xe buýt, chen lấn, xô đẩy, thúc cùi chỏ để giành lấy một chỗ ngồi trên chiếc xe đông nghịt người. Những vụ gây gỗ xảy ra khi một hành khách đã có chỗ ngồi từ trước cố đòi lại nó sau khi qua trạm kiểm soát.

Sáng hôm sau họ về nhà, mệt mỏi và đau khổ. Chú Gulzar đang là học sinh lớp mười hai tại một trường cấp ba địa phương. Học kỳ mới vừa chính thức bắt đầu và những học sinh lớp trên lại bắt nạt những học sinh mới.

Một ngày nọ chú Gulzar và bạn bè chọc phá một học sinh mới bằng cách bắt cậu ta đi đến chỗ một cô gái và “hỏi cưới” cô bé. “Hỏi cưới” là từ các học sinh nam người Kashmir dùng để chỉ việc hẹn hò với ai đó. Cậu học sinh mới vốn e thẹn, ngần ngại bước đến chỗ cô bé và làm điều cậu bị bắt phải làm. Cô bé đó mĩa mai, vạ vạ lại và làm bẽ mặt cậu ta.

Cậu bé đó hóa ra là con của một sĩ quan quân đội. Tối hôm sau, một toán lính bao vây nhà chú Gulzar. Chúng đòi gặp chú ấy, lục soát nhà và chẳng tìm thấy gì. Chúng lôi chú ấy vào trong chuồng bò nơi chứa củi, cày, xẻng và lưỡi hái. Mười phút sau, cha mẹ và anh em chú ấy nghe một tiếng nổ. Cái chuồng bò bẽ tan nát. Lũ lính đã cho nổ một trái mìn để giết chú Gulzar. Chúng vu cho chú ấy là quân khởi nghĩa và rằng chú đã vô tình làm nổ tung

trái mìn.

Cái chết của chú Gulzar làm thay đổi quan hệ tình cảm của chúng tôi với gia đình chú ấy. Cha mẹ tôi, ông bà ngoại, các dì và anh em họ tôi đi thăm họ cách ngày. Mẹ tôi đăng ký cho em gái chú học ở một trường gần nhà tôi và dì ấy ở nhà chúng tôi cho đến gần đây, khi dì tốt nghiệp một trường cao đẳng dành cho nữ giới ở địa phương.

Sau cái chết của chú Gulzar, không ai nói đến việc tranh đấu tại tòa án để trừng trị đám lính đã giết chú ấy. Những việc đó chỉ xảy ra ở những đất nước nơi pháp luật được thực thi; ở Kashmir bạn cố mà bảo vệ những người đang sống khỏi những phiền phức còn hơn thế nữa. Bà con họ hàng bàn chuyện lấy tiền bồi thường và tìm cho người anh trai thất nghiệp của chú Gulzar là chú Ayub một công việc. Suốt nhiều tháng ròng, chúng tôi không thể lấy được giấy chứng nhận của quân đội, chứng thực chú Gulzar không phải là quân khởi nghĩa. Chúng tôi kiến nghị với Hội đồng Nhân quyền Quốc gia của Ấn Độ và sau một thời gian thì nhận được Giấy chứng thực không chống đối. Sự thật là, gia đình chúng tôi có những mối quen biết trong chính quyền địa phương để đẩy nhanh tiến trình. Ayub nhận được một công việc ở phòng phát triển nông thôn và đã lập gia đình một năm sau đó. Cuộc sống thường nhật vẫn tiếp nối. Chú Gulzar hiếm khi được nhắc đến trong những câu chuyện trong nhà. Nhưng chú ấy mãi mãi là một sự hiện diện vô hình.

Trường học mở cửa lại sau kỳ nghỉ đông. Những buổi sáng tháng Ba tràn ngập tiếng la hét của bọn trẻ rầm rập đi ngang nhà chúng tôi. Bọn lính trong những boongke của khu chúng tôi ở dường như mỉm cười được một chút. Báo chí không sớm thì muộn sẽ đưa tin như mọi năm về chuyện tuyết tan chảy trên Đường Kiểm Soát và số lượng nghĩa quân tìm cách vượt biên tăng lên. Tôi bước ra ngoài mua cà phê thì ông thợ cắt tóc đang đứng bên ngoài tiệm cắt tóc Bombay la to “Tóc của chú mày bù xù một núi kìa.” Ông bỏ ra ít nhất hai tiếng đồng hồ để cắt tóc cho tôi, dù tôi là khách quen bởi vì ông có một trí tưởng tượng phong phú và hay kể chuyện trong lúc giải lao giữa những lượt cắt tóc. Tôi không thể nào quên được câu chuyện ông kể trong

một ngày mùa đông, sau lần nghĩa quân kích nổ quả mìn nhắm vào đám lính Ấn đang tuần tra khu vực chúng tôi. “Các thứ kính bể tan nát và tiếng nổ lớn, lớn lắm, đến nỗi ta tưởng là ta đã chết rồi. Trong một chớp nhoáng, ta thấy thần chết cầm một cuốn sổ. Trong đó có tên những người chết. Tên ta không có trong đó! Sau đó ta đốt một liều thuốc. Ta biết mình sẽ không sao.”

Tôi lắc đầu rồi cầu Thượng Đế và nhà tiên tri Muhammed. Sau một hồi, tôi hỏi ông, “Vậy tên người chết viết bằng tiếng Anh hay tiếng Urdu?”

“Dĩ nhiên là tiếng Urdu! Cháu biết là ta không đọc được tiếng Anh mà.”

Chẳng có chuyện nào hay ho ở Kashmir cả. Chỉ toàn những chuyện khổ sở, nhậ nhằng và không giải quyết được. Tôi vẫn nghe chuyện về những gia đình có người thân chết trong cuộc xung đột, những người không có sự giúp đỡ về tài chính của bà con và những mối quan hệ để tiếp tục cuộc sống dễ dàng hơn một tí như gia đình chú Gulzar. Tôi được nghe nhiều câu chuyện về những gia đình đi tìm tiền bồi thường cho những đứa con đã chết của họ, phải tới lui các văn phòng chính quyền nhiều tháng trời và rồi bế tắc trong nhiều năm. Một trong những câu chuyện đó là về bà Shameena, người phụ nữ sống cách làng tôi không xa lắm. “Cậu phải gặp bà ta mới được,” người bạn kể chuyện về bà nói với tôi như vậy.

Bà Shameena sống tại làng Larkipora, cách làng tôi khoảng ba mươi kilômét về hướng nam. Larkipora là cụm nhà và những cánh đồng thanh bình nơi có những bi kịch ẩn mình mà người khách thông thường khó thấy được. Tôi bước đến một con hẻm dẫn vào cánh cổng làm bằng những miếng sắt nhẵn nhúm được đóng vào mấy tấm gỗ sồi sồi. Bên trong cổng, một người phụ nữ gầy nhom, có chiếc mũi nhọn, mặc áo choàng màu cam đã bạc ngời trên hàng hiên lát đá cuội. Bà gặp người bên chiếc giỏ đan bằng dây liễu đựng đầy *haakh*, một loại rau địa phương giống như rau bina. Bà để giỏ rau sang một bên và đứng dậy. Bà nhìn tôi một lúc thật lâu rồi nói, “Ngồi xuống đây, con trai. Ta là Shameema.”

Tôi ngồi đối diện bà. Đứa con trai út mười ba tuổi của bà ngồi trong một góc khác của cái hàng hiên hình chữ nhật bên cạnh cái *hookah*^[46]. Em dâu

của bà Shameema cũng tham gia vào câu chuyện của chúng tôi. Hai người phụ nữ ngồi sau mấy chiếc giỏ đầy rau. Bà Shameema cầm một nhánh *haakh* dài lên, ngắt bỏ một đoạn, rồi nói, “Hôm đó là ngày 11 tháng Năm, 2001.” Tôi thấy choáng váng khi thấy người ta có thể nhớ được ngày tháng chính xác của những sự kiện kinh hoàng nhất trong đời họ. Bà nói tiếp, “Ta đã nấu xong món cơm cà chua và đang đợi Shafi về ăn trưa.”

Shafi, đứa con trai mười bảy tuổi của bà, lúc đó đang học lớp mười ở một trường công tại Qabamarg, một làng kế cận, nổi tiếng vì có miếu thờ thánh Sufi. Đứa con trai khác của bà, thằng Bilal, đang học lớp chín và chồng bà, ông Majid là nông dân và bán trái cây phơi khô rẻ tiền ở một trạm xe buýt ở Anantnag. Buổi sáng ngày 11 tháng Năm, Shafi đi học Lý và Hóa ở chỗ hai ông thầy khác nhau tại hai làng lân cận, dù cha cần nó phụ bán hàng tại Anantnag. Nó về nhà vào giữa trưa. “Ta bảo nó ăn trưa nhưng nó bảo chờ nó mang củi đến nhà máy cửa gần đó.” Hai mươi phút sau, thằng Shafi trở về với một cái xe kéo đầy củi. Bà Shameema chỉ tay vào một khoảnh đất dưới sàn gần cầu thang, chỗ một thằng bé đang đứng ăn chuối và nói, “Nó cất củi ở đó.” Bà ấy thở dài. “Rồi nó đi đến đền thờ cho lễ cầu nguyện ngày thứ Sáu.”

“Em gặp nó gần đền thờ bên đường,” một giọng con trai nói. Tôi đã không để ý thấy một thanh niên mặc áo sơ mi nâu và quần jean rộng đang ngồi trên mép hiên. Hóa ra đó là Mushtaq, bạn của Shafi. “Tụi em có năm đứa khi Shafi nhập hội, tính luôn cả em trai nó. Tụi em không cầu nguyện mà ngồi dưới bóng cây chinar bên đường và nói chuyện.” Một trận đọ súng đã xảy ra giữa nghĩa quân và quân đội Ấn ở Qabamarg. “Tụi em nói về trận đọ súng đó và nghĩ ngôi trường có thể đã bị thiêu trụi. Rồi tụi em thấy mấy chiếc xe tải của quân đội chạy đến từ rất xa.” Mấy đứa con trai giải tán và nhanh chóng tìm đường về nhà chúng. Đoàn xe quân đội dừng lại và bọn lính rượt theo. Mushtaq và một đứa thoát được, bốn đứa khác bị bắt đem đi. Dân làng nhìn bọn lính đẩy mấy cậu bé vào xe tải rồi chạy về hướng Qabamarg.

Hàng xóm của bà Shameema chạy học tốc đến báo tin là quân đội đã bắt

hai thằng Shafi và Bilal. Trong vòng vài phút, những người mẹ và chị của các cậu bé đã tập trung lại gần nhà bà. Rồi họ bắt đầu chạy về hướng Qabamarg trên con đường mòn nối hai làng, ngang qua những cánh đồng mù tạt. Bọn lính rảo vòng quanh các cánh đồng ở rìa làng. Chúng cố chặn những người phụ nữ đang la hét và xô đẩy chúng. Bà Shameema ngẩng đầu nhìn lên bầu trời xa xăm và nói, “Hôm đó Thượng Đế đã ban cho ta ý chí. Ta đã chống lại bất cứ thằng lính nào cố ngăn cản ta. Thường thì người ta rất sợ bọn lính, nhưng hôm ấy ta đã không dừng lại cho đến khi đến được căn nhà nơi diễn ra trận đụng độ.” Bà ấy nhìn thấy xung quanh toàn binh lính và bọn Ikhwani (bọn phản bội nghĩa quân, làm việc cho các lực lượng của Ấn Độ). Chúng đang xả súng vào một căn nhà một tầng. Trong sân tòa nhà bên cạnh, bà thấy mấy cậu bé bị bắt. “Ta chỉ thấy thằng Bilal ở đằng xa, chứ không thấy thằng Shafi.” Bà dừng lại. Rồi bà thở dài và kêu thằng út đem cho ít nước. Nó chạy vào trong và mang ra một chiếc cốc bằng đồng. Bà Shameema uống một ngụm, đặt cốc xuống và đẩy giỏ rau sang chỗ khác như thể đang chuẩn bị chiến đấu. “Ta chạy đến Bilal, chụp lấy nó và bắt đầu bỏ đi cùng nó.” Bilal ôm lấy bà, nói rằng bọn lính đã đẩy Shafi vào bên trong căn nhà của nghĩa quân, bắt thằng bé cầm một trái mìn trên tay.

Một tên lính dùng báng súng đánh vào tay bà Shameema và kéo Bilal về phía hăn. Bà thét vào mặt tên lính và kéo tay Bilal. Nó nói, “Buông con ra đi mẹ. Chắc chúng đã giết anh Shafi rồi, hãy để con chết luôn đi.” Thằng lính kéo mạnh hơn và lôi thằng Bilal đi. Bà Shameema đứng ngó theo như trời trồng. Tên lính dúi vào tay Bilal một trái mìn rồi đẩy nó về hướng căn nhà đó. Trận hỏa chiến vẫn tiếp tục. “Có gì đó bóp chặt trái tim ta khi ta nhìn thấy đôi tay run bần bật của Bilal cầm trái mìn. Hai chân nó khuỵu xuống và nó ngã xuống đất.” Bà Shameema hớp một ngụm nước trong chiếc cốc bằng đồng, quệt mồ hôi trên trán và nói, “Ta nhào tới trước và lấy thân mình che chắn thằng Bilal.” Bà giật trái mìn khỏi tay con trai mình và ôm lấy nó. Ba tên lính và một tên sĩ quan vây quanh, yêu cầu bà buông con trai ra. Bà bảo tên sĩ quan buông tha cho con trai mình và để bà ôm mìn vào căn nhà đó. “Ta ôm

chặt trái mìn và kêu tên sĩ quan cho nó nổ tung đi.” Hãn im lặng, bà hét lên lần nữa. “Rồi hãn ra lệnh cho bọn lính để cho ta đi. Ta giữ chặt thẳng Bilal. Khi mẹ con ta bước đi, ta thấy bọn chúng đẩy một ông già về phía căn nhà đó với một trái mìn trong tay.”

Tối hôm ấy họ không ngủ. Bà ôm thẳng Bilal trong tay và họ khóc thương Shafi. Chồng bà, người đã ở lại Anantnag, về đến nhà vào buổi sáng. Hàng xóm báo cho ông ta biết con trai ông đã bị giết. Ba ngày sau khi Shafi được chôn cất, họ tổ chức buổi lễ tưởng niệm cuối cùng. Theo tục lệ, trong ba ngày, họ không được nấu thức ăn trong nhà; hàng xóm sẽ nấu giùm họ. Vào ngày thứ tư, họ nấu cho hàng xóm và mời vị giáo sĩ làng đến cầu nguyện cho linh hồn Shafi được cứu rỗi. “Ta nấu đồ ăn bằng củi mà Shafi mang về nhà lần cuối,” bà Shameema vừa nói vừa lau nước mắt.

Đứa con trai mười ba tuổi của bà cũng khóc. Bà ôm nó, vỗ về và an ủi. Rồi bà đốt thuốc trong *hookah* và đưa nó cho thằng nhỏ như thể đó là một ly nước trái cây. Nó rít thuốc như điên và nhìn tôi chăm chăm. Bà Shameema nói với tôi là nó bị chấn thương tâm lý. Nó học cùng trường với Shafi và sẽ chạy ra khỏi lớp học để đứng bên ngoài căn nhà nơi Shafi bị giết mà khóc. Tình trạng của nó ngày càng tệ hơn và nó không chịu đến trường nữa. Rồi nó bắt đầu hút thuốc. “Ta đưa nó đến Aishmuqam, đến điện thờ của Zain Shah Sahib (một vị thánh Sufi địa phương được sùng kính). Nó đã khỏe hơn từ khi ta đến cầu nguyện ở đó. Nhưng mỗi nhắc đến Shafi là nó lại bị kích động. Có người mẹ nào lại đưa *hookah* cho con trai mình chứ? Nhưng ta phải làm như vậy để thằng bé dịu xuống.”

Sau thời gian để tang, bà Shameema và gia đình lại đương đầu với cuộc sống thường nhật. Bilal trở lại trường học, bà Shameema làm việc nhà và ông Majid chồng bà đón xe buýt mỗi sáng đi bán trái cây khô trong thị trấn. Một tháng sau, một người hàng xóm có học thức nói cho họ biết về khoản tiền bồi thường. Ông Majid và thằng Bilal làm những đơn từ cần thiết và chạy ngược xuôi giữa sở cảnh sát và văn phòng quận để giải quyết việc bồi thường. Từ tháng Sáu năm 2001 Bilal và ông Majid đã có mặt hàng tuần tại văn phòng

quận. Những nhân viên sắp xếp các cuộc hẹn này luôn có một câu trả lời quen thuộc: “Quay lại đây vào tuần sau. Chưa đến lượt của ông đâu.” Tuần sau họ lại nghe về một lệnh hủy bồi thường giả. “Tháng trước viên thư ký nói với ông Majid rằng số hồ sơ của gia đình ta là bốn trăm, tuần này hẳn lại nói là sáu trăm,” bà Shameema kể cho tôi nghe. “Sao cậu không đi gặp ông Majid? Ông ấy sẽ có mặt ở lề đường trạm xe buýt Achabal ở Anantnag gần một tiệm trái cây. Cậu có thể hỏi bất cứ chủ tiệm nào ở đó và họ sẽ chỉ cho cậu chỗ ông ấy. Ông ấy rành về vụ này hơn.”

Tôi hứa sẽ đi gặp ông ấy rồi ra về. Bà tiễn tôi đến chỗ cánh cổng làm bằng thiếc và gỗ để ra ngoài đường. Bà dừng lại, nhìn tôi chăm chăm với đôi mắt trống rỗng ngấn nước. “Suốt buổi trò chuyện, ta đã muốn nói với cậu một điều,” bà nói. Tôi hy vọng nó không phải là một cơn ác mộng nào khác ập lên gia đình bà. Bà cầm tay tôi và nói, “Cậu không biết con trai ta. Nhưng cậu giống hệt thằng Shafi. Nếu nó còn sống đến hôm nay thì cậu có thể bị nhìn nhầm là anh em sinh đôi với nó.” Tôi không biết phải phản ứng thế nào, rồi ôm lấy bà. Tôi bước thất thểu đến con đường chính. Bên kia đường, tôi thấy một cây chinar cao lớn đu đưa trong cơn gió nhẹ. Dưới bóng cây này, Shafi đã tán gẫu với bạn bè lần cuối cùng.

Tôi thấy một chiếc xe buýt đến gần và vẫy nó. Tôi lên xe, ngã đầu vào thành ghế và nhắm mắt lại. Khoảng một giờ sau, xe buýt đến trạm ở Anantnag, chỗ ông Majid bán đồ ngọt. Bụi đất bay tứ phía, xe buýt và xe hơi nhẩn còi liên hồi. Những người bán hàng rong hét lớn giá các món hàng, dân các làng xã ôm những cái túi nylon nhiều màu đựng rau củ chạy lòng vòng tìm xe buýt chạy về các ngôi làng khang trang của họ và một nhóm lính bán quân đội mặt mày ủ rũ trong áo chống đạn đứng trên lề đường, tay ôm súng trường. Ông chủ tiệm trái cây thập thò trên lề đường biết ông Majid. “Tiệm của ông ấy ở đâu vậy?” tôi hỏi thăm. Ông ta mỉm cười và chỉ vào một góc nhỏ xíu bên lề đường giữa tiệm của ông ta và tiệm kế bên. Tôi nhìn thấy một cái giỏ đan bằng liễu đựng đầy *seemnih*, một thứ mứt màu hồng mà tôi mê thích hồi còn bé, được đặt trên một đồng gạch. Người đàn ông tóc bạc với đôi

gò má hóp mặc áo *pheran* màu be gần như bị che khuất sau cái giỏ. Tôi bước đến chỗ ông ấy và hỏi, “Ông là Majid phải không ạ?” Ông đứng dậy trên tấm chiếu cói và hỏi, “Mấy trăm gram, thưa ông?”

Tôi không thể gom đủ dũng khí để quấy rầy thế giới của ông lần nữa. Tôi cuốc bộ đến văn phòng quận để gặp người từng lo việc bồi thường cho những cái chết. Sau một đoạn cuốc bộ ngắn, tôi đã đến trước những cánh cổng của khu văn phòng ở Lal Chowk, một sự bắt chước không mấy sáng tạo trung tâm thành phố Srinagar. Đây chính là trung tâm của thị trấn Anantnag – một khu ngổn ngang nhà cửa, hàng quán, cống rãnh toác hoác đầy rác rưởi, những người bán hàng rong ồn ào, tiếng còi xe buýt inh ỏi lẫn với tiếng huýt còi của cảnh sát. Về mặt nào đó nó giống những thị trấn nhỏ buồn tẻ ở phía bắc Ấn Độ. Đi qua những trạm kiểm soát và máy dò kim loại, khu văn phòng đó là một dãy tòa nhà giống các doanh trại, có cửa sổ sơn thứ màu xanh ẩm đạm chuyên dùng để sơn các tòa nhà chính quyền. Nó là trung tâm quyền lực của địa phương, là đơn vị hành chính được kế thừa từ hệ thống dân sự thuộc địa. Những nhóm thường dân sốt ruột, những luật sư vội vã, các chính khách cấp làng xã, những cụ già lảng vảng xung quanh để tìm người tiếp dân và những tay lính văn phòng đói khát đang lúng lúng con mồi để có thêm chút ít tiền vào số lương cơm côi của mình ủa ra những bãi cỏ. Tiếng trao đổi, mặc cả vội vã và náo loạn tràn ngập nơi này.

Bên trong, những tay cần vụ mặc đồng phục hét to tên những người chờ đợi được sắp xếp gặp các nhân viên khác nhau. Tôi đi qua một hành lang tối để gặp một người đàn ông có thể biết về trường hợp của bà Shameema. Tôi quen biết ông này đã nhiều năm. Đống cạc tông rách nát che đậy những bộ hồ sơ nằm trên chiếc bàn gỗ xiêu vẹo của ông. Những bộ hồ sơ giống nhau phủ đầy bụi được chất trên kệ phía sau ghế của ông. Có bốn người nữa ngồi sau những bàn chất đầy hồ sơ tương tự, đang gõ chữ trên những chiếc máy cổ lỗ hiệu Remington. Ông mỉm cười khi thấy tôi nhìn cái máy đánh chữ và những bộ hồ sơ. Ông đã gặp tôi khi tôi còn bé và vừa thích thú lại vừa thất vọng khi biết tôi không phải là một công chức như cha tôi, mà là một người cầm bút

quan tâm đến “những người dân thấp cổ bé họng” mà tôi gặp “tình cờ”.

“Việc là thế này, họ phải làm một tờ khai trước tiên ở đồn cảnh sát và xin được giấy của cảnh sát, chứng nhận rằng người bị giết không thuộc nghĩa quân. Nghĩa là họ phải trả từ năm ngàn đến mười ngàn rupee cho viên cảnh sát, bởi nếu không có tiền chúng sẽ không nộp báo cáo. Rồi những hồ sơ đó sẽ được đưa đến ban cứu tế ở văn phòng quận. Chúng ta phải làm những hồ sơ dịch chuyển chứ.” Ông tạm dừng để hút thuốc. “Hồ sơ không tự nó di chuyển từ bàn này qua bàn khác. Hay một người đánh máy cũng không đánh không công một công văn nào. Quan chức cấp trên cũng phải được thuyết phục và chia phần. Mọi việc này đều tốn thời gian và tiền bạc. Trong khoản tiền bồi thường một *lakh*^[47], thì người đứng đơn phải chịu bỏ ra từ hai mươi lăm đến ba mươi ngàn rupee. Nếu không ông ta sẽ tiêu tốn nhiều năm trời đi tới lui các văn phòng. Và một khi ông ta trả số tiền đó, chúng tôi bảo đảm là tên của ông ta trong danh sách bồi thường sẽ được đưa lên trên và mọi việc được tiến hành nhanh hơn.” Ông nói y như một cái máy.

Trong khuôn khổ của Đức tin



Bà Shameena và ông Majid đã mất đứa con trai, giờ đang nhọc nhằn trải qua một loạt thủ tục hành chính chậm chạp để tìm việc cho đứa con trai khác của họ, và họ không đủ khả năng chi trả cho việc chữa trị đứa con trai út bị rối loạn tâm lý. Dường như tất cả những gì họ có chỉ là gia đình mình và đức tin. Anh Hussein từ chối lập gia đình sau khi bị tra tấn, thường cầu nguyện để tìm sức mạnh đương đầu với tình thế khó khăn của mình. Cha mẹ tôi tin rằng Thượng Đế đã cứu sống họ và họ đã cầu nguyện nhiều hơn sau khi sống sót qua vụ nổ mìn. Shahid nói với tôi rằng ngay cả các bác sĩ ở bệnh viện tâm thần đông đúc nhất cũng khuyên nên nương dựa vào đức tin. Thượng Đế và các vị thánh của ngài dường như đã trở thành những chuyên gia tâm lý hành nghề ở khắp Kashmir. Đức tin quả là một chỗ dựa không thể thiếu.

Từ xưa đến giờ đã luôn luôn là thế. Trong thời thơ ấu và niên thiếu của mình, tôi không hề có nhận thức về đạo Hồi – nó ở sẵn trong tôi, là một phần cuộc sống chúng tôi, như làng mạc, hàng xóm, gia đình tôi và như những cuốn sách trên kệ của cha tôi. Đền thờ của làng là nơi tôi viếng thăm cùng hầu hết bạn bè vào những ngày thứ Sáu và thỉnh thoảng vào các buổi tối để cầu nguyện. Có một ý thức về cộng đồng, một sự trêu đùa vui vẻ và một sự thư giãn trong những thực hành tôn giáo. Chúng tôi đều là hàng xóm của nhau, cùng đến một tiệm bánh mì, một ông bác sĩ và một tiệm tạp hóa. Đền thờ của chúng tôi là một ngôi nhà hai tầng khiêm tốn cách nhà tôi vài trăm

mét, trên bờ một dòng suối nhỏ chảy qua làng. Lũ trẻ con sẽ bơi dưới suối nhiều giờ liền, phụ nữ thì giặt đồ, rửa chén trên bờ và tán gẫu. Khi thầy *muezzin*^[48] gọi cầu nguyện, những người phụ nữ sẽ tìm tấm khăn choàng và đội lên đầu cho đến khi cầu nguyện xong, rồi lại tán chuyện tiếp.

Những tấm chiếu cỏ đan bằng tay mềm oặt đi sau nhiều năm sử dụng, được trải lên nền của đền thờ và vài bóng đèn điện lơ mờ rọi một thứ ánh sáng leo lét lên mấy bức tường màu xanh lá cây đã bạc phếch. Một hốc tường hình vòm ở sảnh cầu nguyện đánh dấu không gian nơi vị *imam* dẫn dắt lễ cầu nguyện, xoay mặt về phía tây, hướng thánh địa Mecca. Bên cạnh sảnh cầu nguyện là *hamaam*, một phòng nhỏ nền lát đá vôi được sưởi ấm bằng vài khúc củi đốt dưới tầng hầm. Chú Gul Khan, một nông dân có gương mặt trẻ thơ sống gần ngôi đền và là người gọi nhắc nhở cầu nguyện, thường đến từng nhà để xin tiền đóng góp cho việc giữ gìn đền thờ. Mùa đông, những người đàn ông ngồi trong *hamaam* và nói chuyện làng, chuyện tôn giáo và chính trị. Đó là nơi ấm áp nhất trong làng.

Vị *imam*^[49] đọc cùng một bài thuyết pháp bằng tiếng Ả Rập mỗi thứ Sáu. Tôi biết tên của các nhà tiên tri Muhammad, Easa (Jesus), Moosa (Moses) và Ibarhim (Abraham) xuất hiện ở đoạn nào, nhưng tôi không bao giờ hiểu nổi bài thuyết pháp nói gì. Chúng tôi luôn đi từ đền thờ về nhà với bà con và bạn bè. Sau buổi lễ cầu nguyện ngày thứ Sáu, theo phong tục thì phải chuẩn bị một ấm trà *samovar* và tụ tập quanh nó nhiều giờ liền. Trong những cuộc chuyện trò đó, chúng tôi thường kể lại câu chuyện cười về một người dân quê Kashmir đi đến Mecca. Ông ấy ở trong một khách sạn và có một lần người quản lý khách sạn nổi cáu với ông và bắt đầu la hét bằng tiếng Ả Rập. Người đó chỉ biết tiếng Ả Rập như ngôn ngữ của việc cầu nguyện nên đã đáp lại, “Aameen.”

Tôi có thể gắn nhiều gương mặt vào nhân vật dân quê đó. Một nhóm những ông già sẽ ngồi trong gian *hamaam* ấm cúng, ngủ gà gật. Tôi thường phải nén cười khi thấy họ giật nảy mình ra khỏi cơn mộng mị khi chú Gul Khan hét gọi cầu nguyện. Sau khi cầu nguyện, họ lại đắm mình vào việc

tụng niệm *darood*, những lời ca ngợi Đấng tiên tri và các vị thánh bằng tiếng Kashmir và tiếng Ba Tư, lắc lư người trong khi ngân nga những lời thiêng liêng. Tôi và đám bạn bè không bao giờ nhớ nổi bài *darood*, nhưng chúng tôi cũng giả bộ làm theo, ngồi bắt chéo chân, lắc lư người và đồng thanh la to “*Ya Allah*” theo các cụ già. Ai trong đền thờ cũng cười khi ông Saifuddin, ông chú của mẹ tôi, đứng lên trong đền sau lễ Eid và nói, “Ôi Thượng Đế! Xin hãy phù hộ cho những người đã kiêng ăn trong suốt tháng Ramadan. Ôi Thượng Đế nhân từ! Xin hãy tha thứ và phù hộ cho những kẻ đã làm ngơ trước những yêu cầu của người và không kiêng ăn trong tháng Ramadan.” Chúng tôi biết ông Saifuddin không bao giờ kiêng ăn và sẽ chuồn ra đằng sau tấm rèm của tiệm ông để ăn vào mỗi buổi trưa trong tháng Ramadan.

Vào cuối những năm tám mươi, một giáo viên cao đẳng cầm đầu một nhóm Salafist hoạt động trong làng tôi và họ đã thành lập một đền thờ riêng. Hầu hết thành viên của nhóm là tầng lớp trung lưu trở xuống, có bằng cao đẳng và công việc bậc thấp trong chính quyền. Họ chống lại nghi thức mà người đạo Hồi đã thực hiện qua bao thế kỷ tại Kashmir – một sự kết hợp giữa truyền thống và sách vở. Không ai trong số họ là học giả Hồi giáo được đào tạo bài bản, mà họ chỉ là những độc giả nhiệt thành của những bài bình luận của người Urdu về kinh Koran và Hadith. Họ muốn làm méo mó truyền thống địa phương được gầy dựng trong quá trình dài chuyển từ đạo Hindu sang đạo Hồi. Thậm chí họ đã trình làng những sự khác biệt về hình thức: họ xắn quần lên trên mắt cá chân khoảng hai, ba phân, để râu quai nón dài ra và cầu nguyện vào những giờ khắc hơi khác một tí trong ngày. Họ cho mình là những người cải cách xã hội, cứu rỗi nông dân khỏi sự sùng bái mù quáng và khỏi sự bóc lột của tầng lớp tu sĩ – những *moulvi*^[50] và *pir*^[51], những người Bàlamôn theo Hồi giáo. Một người bạn tôi mô tả thế này: “Xe gắn máy của con trai một vị *moulvi* không chạy bằng xăng. Nó chạy bằng máu của dân làng.” Ngoài tôi, người luôn có cái nhìn khắt khe với các *moulvi* và *pir*, đã rời bỏ ngôi đền trong làng tôi và bắt đầu đến cầu nguyện ở đền thờ của *những người thức tỉnh đức tin*^[52] cách đó ba tiếng đi bộ.

Tôi có vài lần đến đền thờ Salafist để cầu nguyện ngày thứ Sáu, nhưng tôi thấy những buổi lễ đó khô khan và nghiêm ngặt. Tôi không thoải mái với không khí căng thẳng, ý thức mộ đạo và sự chắc chắn của họ về việc đang đi đúng đường. Họ khinh khi và khắt khe với những người không quá sùng đạo. Họ tranh luận không ngừng nghỉ về việc phát âm chính xác tiếng Ả Rập và cho rằng việc phát âm sai những trích đoạn kinh Koran và Hadith là một cái tội. Một nỗi ám ảnh khác của họ là về độ dài đúng mực của bộ râu: bảy phân rưỡi hay là mười phân, một nắm tay hay hai nắm tay. Lũ trẻ con trong làng gọi người điều hành nhóm thức tỉnh đức tin là lão Dê.

May thay, Ngoại chẳng bao giờ để cho mối quan hệ giữa ông và người điều hành nhóm đó ảnh hưởng đến những tình bằng hữu của mình. Ông giữ mối liên hệ với những người theo đạo Hồi chống lại nhóm thức tỉnh đức tin và những người bạn theo đạo Hindu. Ngoại vẫn tiếp tục ghé tiệm tạp hóa của ông Somnath và giữ tình bạn với ông Bhaskarnath, người dạy học chung với Ngoại trong nhiều năm. Không giống những nơi khác trong đất nước Ấn Độ các cuộc xung đột giữa đạo Hindu và đạo Hồi đã giết chết hàng trăm người và đẩy những người Ấn Độ theo đạo Hồi vào những khu ổ chuột; ở Kashmir mối quan hệ giữa người đạo Hindu và người đạo Hồi trước nay vẫn hòa bình. Có một sự ý thức về những khác biệt và tương đồng tôn giáo trong quan niệm xử thế. Nhiều người Hồi giáo và người Hindu để riêng các tách và đĩa ở nhà họ cho những người khách thuộc tôn giáo khác.

Nhà chúng tôi không có tách và đĩa riêng. Chúng tôi ăn cùng nhau. Vào khoảng mười tuổi, tôi được dự một đám cưới Hindu của em trai ông Bhaskarnath. Tôi mặc quần tây đen, áo sơ mi carô trắng-đen và vuốt tóc bằng dầu mù tạt. Ông ngoại diện chiếc áo khoác nỉ ưa thích, cạo râu nhẵn nhụi và xức nước hoa Old Spice. Chúng tôi ngồi trong một phòng lót thảm đầy khách khứa. Bữa trưa gồm các món rau và thịt cừu, được phục vụ trong những đĩa thép nhỏ. Nó thật khác biệt so với những bữa tiệc cưới Hồi giáo, nơi bốn người ăn chung trong một cái đĩa đồng tráng thiếc, có rất ít rau củ và những món thịt cừu thì cay hơn và nhiều vô kể. Một người ngồi gần tôi hỏi thăm,

“Con chịu ăn ở nhà người Hindu rồi ư?” Một người khác chụp hình rồi sau đó đưa cho chúng tôi vài tấm. Tôi còn một tấm trong album của mình: hình Ngoại đang nói chuyện với ông Bhaskarnath, còn tôi đang cầm một mẫu thức ăn trong tay phải và nhìn chăm chăm vào máy ảnh.

Sau cuộc nổi loạn chống Ấn Độ, tương tự những câu chuyện từ lịch sử nền chính trị ở Kashmir, các nhóm nghĩa quân đã dùng đạo Hồi cho kế hoạch động viên. Họ mượn những hình ảnh về lịch sử Hồi giáo và dùng tràn lan những từ ngữ như “tử vì đạo” và “chiến tranh vì đạo^[53]”. Cho đến năm 1993-1994 các nhóm nghĩa quân Hồi giáo đã thắng thế trong cuộc chiến ly khai và các nhóm người Kashmir theo chủ nghĩa dân tộc như Mặt trận Giải phóng Jammu và Kashmir ủng hộ độc lập, đã đầu hàng và chấp nhận phương thức phản kháng phi bạo động. Pakistan hoàn toàn ủng hộ phương thức đó vì cũng như Ấn Độ, họ luôn kiên quyết chống lại ý tưởng về một nước Kashmir độc lập.

Pakistan quay về phía phe ủng hộ họ từ xưa tại Kashmir: Jamaat-e-Islami ở Jammu và Kashmir, một tổ chức tôn giáo – chính trị cánh hữu, từng có sự hiện diện nhỏ bé ở Kashmir từ đầu những năm 1950. Maulana Sayid Abu Ala Mawdudi, một nhà báo, đã sáng lập tổ chức Jamaat tại Lahore năm 1941; ông hy vọng thiết lập một tiểu bang Hồi giáo bằng việc cải tạo từng cá nhân, để họ luôn trong sạch về đạo đức và triệt để tuân theo các giáo luật của đạo Hồi.

Tổ chức Jamaat đến Kashmir một thập kỷ sau và tìm cách mở rộng ảnh hưởng bằng cách mở trường dạy học, thường xuyên họp mặt các thành viên cốt cán và phân phát vô số tờ rơi và sách in rẻ tiền do ông Mawdudi viết. Họ giữ nguyên quy mô, cung cách hoạt động và đã trưởng thành trong sự tự tin và tham vọng chính trị của mình. Họ ra tranh cử trong những đợt bầu cử tiểu bang vào cuối những năm 1960, với hy vọng rằng việc chỉ trích không ngừng về thất bại của Đảng Hội nghị Quốc gia trong việc tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý tại Kashmir sẽ thu được phiếu bầu dành cho họ. Nhưng họ không bao giờ giành được nhiều hơn ba hay bốn trên tổng số bảy mươi ghế trong quốc hội Kashmir. Mặc dù hầu hết dân Hồi giáo Kashmir không còn ảo tưởng

về đất nước Ấn Độ và đã có thiện cảm với Pakistan, họ vẫn không nương tay với tổ chức Jamaat. Năm 1979, khi nhà độc tài người Pakistan Zia-ul-Haq treo cổ thủ tướng theo Đảng Xã hội của Pakistan là ông Zulfikar Ali Bhutto – người rất được dân Hồi giáo Kashmir thích – thì những người ủng hộ tổ chức Jamaat đã bị các băng nhóm ở Kashmir tấn công, còn nhà cửa của họ bị đốt. Ngoại thấy dân làng tức giận ném các bản kinh Koran vào đồng lửa trên đường gần nhà chúng tôi. “Ta cố ngăn họ lại nhưng họ không chịu nghe và nói rằng nó là kinh Koran của tổ chức Jamaat-e-Islami.”

Nhưng khoảng đầu những năm chín mươi, tổ chức Jamaat lên tiếng trở lại sau khi phe cánh chiến đấu của nó là nhóm Hizbul Mujahideen được sáng lập. Người của tổ chức Jamaat trở nên đầy quyền lực do ảnh hưởng của họ đối với nghĩa quân đã giúp họ nhận được sự hỗ trợ to lớn từ phía Pakistan và sự khuyến khích Kashmir sáp nhập vào đất nước này. Tôi nhớ đến người được sĩ thuộc tổ chức Jamaat ở làng tôi. Ông ta từng là một người lạnh lẽo và lịch sự, nhưng có điều gì đó đã thay đổi trong khoảng năm 1992. Ông không bước đi bình thường nữa, mà ông đi nghênh ngang. Bạn có thể biết ngay ai là thành viên của Jamaat từ kiểu cách tự tin, đôi mắt sáng rỡ đầy vẻ chắc chắn, phong thái toát ra một sự hiểu biết bí ẩn nào đó và bộ râu quai nón ngắn đúng quy cách. Những ý tưởng của Mawdudi cũng nhận được sự cống hiến gần như sùng bái. Những người thuộc nhiều phe phái khác nhau trên chính trường đã dùng đạo Hồi ở Kashmir cho những mưu cầu chính trị, nhưng không ai nhấn mạnh vị trí của nó trong chính thể Kashmir nhiều như tổ chức Jamaat. Đầu những năm chín mươi, họ tổ chức những cuộc họp thường xuyên gọi là *ijtima*, nơi người của họ sẽ tìm cách thuyết phục các thanh niên gia nhập nhóm Hizbul Mujahideen.

Tôi nhớ một ngày nọ, tôi đang ngồi trước một cửa tiệm phía ngoài nhà mình thì ông được sĩ của Jamaat đi ngang qua. Tôi lịch sự chào hỏi ông và ông chụp lấy ngay sự chú ý của tôi, nói chuyện hết sức hồ hởi và chu đáo, hỏi thăm gia đình, việc học hành của tôi, kể lễ niềm hy vọng của ông rằng tôi sẽ toàn tâm toàn ý nghiên cứu tôn giáo hay *deen*^[54]. Rồi giọng điệu ông bỗng

trở nên bí ẩn như thể ông đang chia sẻ với tôi một bí mật giấu kín. Ông choàng một tay qua vai tôi rồi bảo tôi đi sang một chỗ cách xa đám đông trước tiệm. Ông nói, “Chúng tôi cần những chàng trai giống cậu. Cậu nên đến dự một buổi *ijtima*.” Nhưng ông không bao giờ phải nung nấu điều đó lần thứ hai sau khi tôi đáp, “Cháu sẽ cùng đến với con trai bác.”

Nhiều người Kashmir cho rằng sự lớn mạnh trong những năm 1990 của nhóm vũ trang tàn bạo Ikhwan-ulMuslimoon (Hội Ái hữu Hồi giáo) là nhờ sự thừa mứa của tổ chức Jamaat và Hizbul Mujahideen. Những người này – thường được biết đến như những Ikhwani – được chính phủ Ấn Độ trang bị vũ khí và cho một đặc quyền: miễn tố trước bất kỳ tội ác nào của họ. Những Ikhwani nắm rõ các nhóm khởi nghĩa ly khai lẫn xã hội Kashmir và sự hiểu biết đó giúp chúng trở thành những người chống khởi nghĩa đặc lực đến tàn nhẫn. Bọn chúng tra tấn và giết người như đội quân Mông Cổ thời hiện đại. Được trang bị khí tài bởi quân đội Ấn Độ, bọn Ikhwani thực hiện các cuộc vây ráp, giết chóc, đả thương và hạch sách bất cứ ai chúng nghĩ là có cảm tình với tổ chức Jamaat hay quân ly khai.

Có một lần tôi gặp con trai của Kuka Parrey, kẻ sáng lập tàn bạo của Ikhwan.

Parrey từng hoạt động phần lớn ở Baramulla. Đến khi tôi gặp con trai Parrey thì nghĩa quân ly khai đã giết chết ông ta. Con trai ông ta kể, Parrey từng là một ca sĩ hát dân ca hạng xoàng, một người ủng hộ phong trào ly khai và tán dương những thanh niên Kashmir vượt qua Đường Kiểm Soát để được huấn luyện vũ trang bằng việc sáng tác và hát một bài mang tên: “*Shahzaad lukh Draayih Azad Kashmir*” (Các hoàng tử hành quân đến Kashmir tự do!) Con trai Parrey nói với tôi là cha hắn đã hợp tác với quân đội Ấn Độ chỉ sau khi một thành viên Jamaat tát và sỉ nhục ông ta. Parrey và nhóm chống khởi nghĩa của ông ta bị dân Kashmir khinh ghét đến nỗi khi nghĩa quân giết chết ông ta, gia đình đã không đủ cam đảm chôn ông ta trong nghĩa trang của làng. Rồi khỏi ngôi nhà giống như pháo đài được canh giữ bởi đám lính bán quân đội có vũ trang của Parrey, tôi nhìn thấy một khoảng đất có hàng rào sắt

bao quanh ở một góc đàng xa trên thảm cỏ – đó là mộ của Parrey. Con trai ông ta kể rằng gã đàn ông thuộc nhóm Jamaat, người khiến Parrey trở thành quân chống khởi nghĩa, đã đảo ngũ và làm mật thám cho lực lượng bán quân đội.

Sau thập niên chín mươi, tổ chức Jamaat tìm cách tách khỏi các nhóm nghĩa quân, một phần vì hàng trăm thành viên của nó đã bị bắt và giết chết bởi quân đội Ấn và bị chết nhiều hơn nữa trong chiến dịch của quân chống khởi nghĩa Ikhwan. Tổ chức Jamaat tiếp tục là một nhóm thiểu số ở Kashmir. Nếu nó lại tranh cử tại Kashmir, tôi e rằng nó sẽ không tìm được một người ủng hộ nào ngoài những người ủng hộ nó từ trước, cũng không thể nào giành được nhiều hơn ba ghế như nó đã làm được vào những năm 1960.

Phần lớn tín đồ Hồi giáo Kashmir vẫn tiếp tục theo đạo Hồi không chính thống. Thực ra xã hội Kashmir đã thoáng hơn trong một thập kỷ rưỡi vừa qua. Hàng ngàn trai gái Kashmir đã ra đi vào đầu những năm chín mươi để theo học tại những thành phố và thị trấn của Ấn Độ hoặc tại các trường đại học ở Bắc Mỹ, châu Âu và Nga. Tôi là một trong số đó. Bạn bè tôi cũng là một phần của làn sóng. Hầu hết chúng tôi quay về Kashmir trong tư thế những người được đào tạo bài bản và những chuyến du hành dài đã làm thay đổi chúng tôi. Trong khi chúng tôi ra đi, một cuộc cách mạng khác đã nổi lên khắp vùng Nam Á, kể cả Kashmir, đó là truyền hình cáp. Trong suốt cuộc xung đột, khi phương tiện vận chuyển bị cắt giảm và người Kashmir phải ở trong nhà, họ đã xem hàng ngàn giờ tivi – phần lớn là các bộ phim Bollywood, những chương trình múa hát và tin tức. Sự phổ cập của Internet cũng làm xã hội “mở cửa”.

Đã có ít nhiều nỗ lực trong việc áp đặt các quy tắc đạo Hồi kiểu Saudi ở Kashmir, mặc dù việc này luôn thất bại. Trong một xã hội chủ yếu làm nông của Kashmir, đàn ông và phụ nữ cùng làm việc với nhau trên đồng và trong vườn và mặc dù phụ nữ vẫn đội khăn che đầu, cái ý tưởng về mạng che mặt không bao giờ thực sự được hưởng ứng. Thậm chí trong môi trường ngoài nông nghiệp và vùng thành thị như trường học, văn phòng và trường đại học,

chỉ một số nhỏ phụ nữ Kashmir chọn đeo mạng. Đã có cố gắng không thành trong việc bắt phụ nữ đeo mạng che mặt, đặc biệt là của nhóm phụ nữ Hồi giáo khắt khe Dukhtaran-e-Millat (Những cô con gái của Cộng đồng Hồi giáo), cầm đầu là bà Asiya Andrabi, người không được biết đến bởi chuyện nào khác hơn. Tôi đã không nghe nói về bà ấy trong hơn một thập kỷ. Rồi một ngày hè năm 2004 bà xuất hiện trở lại trong cộng đồng. Tôi đến quán cà phê internet ưa thích của mình ở Lal Chowk. Người quản lý có vẻ chán nản và cam chịu. Cửa của hầu hết các phòng gỗ đã bị giật ra khỏi bản lề. “Asiya Andrabi và mấy mụ đàn bà của bà ta đã ở đây,” ông nói.

Bà ta và những người hoạt động của mình đã bắt đầu quấy nhiễu những cặp bồ bịch trẻ đang tranh thủ tình cảm một tí trong quán cà phê Internet hoặc đang ăn trưa trong các nhà hàng đèn mờ. Trong những tấm hình trên báo, bà Andrabi trông như một Zorro^[55] nữ, một phụ nữ che mạng giương cao nắm tay đeo găng trắng. Mãi sau này tôi mới tìm cách gặp bà tại nhà riêng của bà ở Srinagar. Bà cao chưa được đến một mét tư và từ đầu đến chân trùm kín trong tấm mạng đặc trưng của mình. Bà kể với tôi là bà trở thành một tín đồ cải đạo theo Hồi giáo vào năm 1986, khoảng thời gian bà cảm thấy trầm cảm và bị cản trở vì gia đình cấm bà không được học cao học ngành hóa sinh ở Pune. Tham vọng không được thỏa mãn quả là một thứ nguy hiểm.

Bà bắt đầu hoạt động tích cực ngay sau khi ra trường vào năm 1987, bằng việc xóa hình những nữ diễn viên Bollywood trên các tấm poster được dựng lên hàng tuần ở Srinagar và đầu đó trong thung lũng. Bà cũng vận động để phụ nữ có băng ghế riêng trên những chiếc xe buýt đông nghẹt người. Sau đó, bà tham gia vào chương trình nghiên cứu Ả Rập và Hồi giáo tại Đại học Kashmir. Bà nói về gia đình gia giáo và trung lưu lớp trên của mình. Thật sự là, tôi đã choáng ngợp với hàng trăm quyển sách, kể cả sách của Noam Chomsky, Edward Said và bản copy cuốn *Bhagavad Gita* trên nhiều kệ sách trong phòng khách của bà. Đầu những năm chín mươi, bà Andrabi đã kết hôn với chỉ huy của nhóm Hizbul Mujahideen, người đã bị cầm tù nhiều năm ròng. Bà cho rằng việc lập gia đình với người theo nghĩa quân là một vinh dự,

bất chấp những khó khăn kèm theo nó, và đã đặt tên cho con trai mình là Mohammed bin Qasim, theo tên của một vị tướng Ả Rập thời trung cổ đã xâm chiếm Ấn Độ. Khi chúng tôi trò chuyện vào trưa hôm ấy, bà Andrabi căn nhắc về sự phổ biến của truyền hình cáp và thừa nhận là có rất ít phụ nữ Kashmir theo bà.

Những cách áp dụng khắt khe đạo Hồi tiếp tục thất bại ở Kashmir. Trong một lần về thăm quê, một đứa em họ kể cho tôi nghe về thằng con trai lớn của một ông thầy từng là lãnh đạo một nhóm Salafist tại làng tôi từ khi tôi còn nhỏ. Thằng bé đó học chung với em họ tôi. Ai cũng biết việc người ta nuôi dạy con cái theo kiểu khắt khe là như thế nào. Trong nhiều năm trời, bọn trẻ đã vâng lời, nhưng khi trưởng thành, chúng sẽ nổi loạn. “Nó làm trò hề trong trường. Nó đuổi theo tụi con gái, phóng xe như điên và tụi em gọi nó là Cầu vồng,” thằng em họ tôi nói vậy. Tôi thắc mắc cái tên đó và hỏi nó nghĩa là gì. “Nó nhuộm tóc mỗi tuần một màu khác nhau. Ngày thì tóc nó đen, ngày khác thì đỏ hay xanh lá cây.”

Tôi còn nhớ, khi tôi còn nhỏ, cha thằng bé và nhóm của ông ta đã vận động chống lại việc cầu nguyện ở đền thờ. Họ nghĩ rằng việc biến các vị thánh thành trung gian giữa đấng tạo hóa và tạo vật là phi Hồi giáo. Họ bị toàn bộ dân làng phản đối đến mức phải trốn vào nhà của bạn bè vì sợ một băng nhóm nào đó sẽ thanh toán họ. Điều mà ông thầy nhóm Salafist và đội quân của ông ta dường như không hiểu là tầm quan trọng về xã hội và văn hóa của đền thờ trong đời sống của người Kashmir. Chúng không đơn thuần là trung tâm tín ngưỡng mà còn là một nơi hội hè, một không gian dành cho những cuộc họp mặt cộng đồng, những kỳ lễ lạt và cho việc kinh doanh.

Đền thờ gần nhà tôi nhất nằm trong làng Aishmuqam, gần trường cũ của tôi. Một buổi trưa đầu tháng Tư tôi lên xe buýt đến Aishmuqam. Một người bạn của gia đình tôi, ông Kallu, bán vải trong cái chợ nhỏ gần trạm xe buýt. Con đường từ chợ đến làng trải rộng trước khoảng đất trống của con dốc dẫn đến đền thờ trên đỉnh đồi.

Trước khi bắt đầu cuộc bộ, tôi thấy ông Kallu ngồi trên cái bục trong tiệm,

mặc áo khoác kiểu Nehru trang nhã và đội mũ kiểu Jinnah. “Mày ở đâu trong suốt thời gian qua thế?” ông ấy hỏi thăm. Giọng cao vút của ông ấy nghe thật vững dạ. Hai răng cửa của ông đã rụng, khuôn mặt ông nhăn nheo. Tôi tóm tắt những phần chính của khoảng thời gian tôi vắng mặt: cao đẳng, đại học và nghề báo chí. “Vậy còn chuyện vợ con thì sao?” Ai cũng hỏi bạn câu đó, dù là người thân trong gia đình, bà con hay người quen. Chị Razia con gái và anh Altaf con trai ông đều đã lập gia đình và đang điều hành một trường học. Riêng việc kinh doanh của ông thì không được tốt từ khi xảy ra cuộc chiến. “Nhưng cũng cảm ơn Thượng Đế là mọi người trong gia đình đều an toàn. Vào thời điểm này, mỗi ngày đều là một món quà.” Hai người đàn ông ngồi cạnh tôi trên chiếc ghế gỗ trong tiệm gặt gù đồng ý. “Không có gì bảo đảm hết,” một người nói.

“Sáng nay toán lính tuần tra đã giết chết một thằng bé làng Pulwama. Xác của nó đang nằm trong đồn cảnh sát,” ông Kallul nói. “Một viên cảnh sát đến đây mua vải liệm cho nó. Bọn quân đội nói nó là người của nghĩa quân. Nhưng ai mà biết chắc được?” Rồi ông quay về hướng đền thờ trên đỉnh đồi và giơ hai tay lên cầu nguyện. “Ôi! Thánh Zainuddin ơi! Xin hãy làm người hòa giải với Đấng tối cao! Hãy cầu xin Ngài thương xót những con người này!”

Vì muốn làm nhẹ bớt bầu không khí đó, tôi nhắc ông một chuyện cũ từng làm ông cười. Một trong những cái tên mà người Hồi giáo dùng cho Thượng Đế là Noor (Ánh sáng thiêng liêng). Một giáo sĩ già với gương mặt hồng hào và bộ râu trắng toát ở đền thờ của làng Aishmuqam cũng được gọi là Noor. Khi còn bé, tôi được đi theo Ngoại và ông Kallu đến làm lễ cầu nguyện ngày thứ Sáu ở ngôi đền lộng lẫy đó. Mới kiến thức nhỏ nhặt về tôn giáo dạy tôi rằng đền thờ là nhà của Thượng Đế. Noor đang thuyết pháp. Tôi tưởng ông là Thượng Đế. Sau buổi cầu kinh, tôi thấy Noor đi cùng một con đường với mình. Quá đổi ngạc nhiên, tôi hỏi ông Kallu, “Tại sao Thượng Đế lại đi cùng đường với chúng ta?”

“Lúc đó cháu chừng sáu tuổi thôi. Đó là những ngày rất hạnh phúc. Ta với

ông ngoại của cháu kể chuyện đó cho bạn bè nghe, còn ông Noor tội nghiệp thì rất xấu hổ.” Ông ấy mỉm cười và nói, “‘Thượng Đế’ đó của cháu đã chết rồi.”

Allah-o-Akbar! Ashadu An la ilaha illallah! (Thượng Đế vĩ đại! Không có Thượng Đế nào khác, ngoài Ngài!)

Tiếng gọi nhắc nhở tín đồ cầu nguyện buổi trưa lan xuống như làn sương từ trên đền thờ phủ lên những mái nhà tôn lô nhô trên đồi. Mùi bánh mì mới ra lò đựng trong các chiếc giỏ đan bằng liễu gai của tiệm bánh và mùi những bọc gia vị đặt trước các cửa tiệm vây lấy tôi khi tôi leo lên những bậc thang bằng đá dẫn đến đền thờ. Mỗi khi xuân về người ta lại tụ tập ở đây để dự một hội chợ thường niên ăn mừng hết đông và bắt đầu mùa gieo trồng mới. Hàng trăm người đàn ông, đàn bà và trẻ em sẽ cùng đốt những bó đuốc (những nhánh thông khô cột vào một cành dương liễu) và khiêm nhường đứng gần tường bao giống như pháo đài và trong cái sân lát đá cuội của đền thờ. Cổng vòm bằng gỗ của đền thờ được khắc chữ văn hoa. Những cửa sổ lưới mắt cáo và mái nhà màu xanh có hình dáng như của một ngôi tháp được chống đỡ bởi các cột trang trí và trên đỉnh được phủ một chóp đồng rực sáng trong ánh lửa vàng của những bó đuốc.

Nhiều năm sau, các tín đồ vẫn đứng chật cả sân lát đá cuội. Tôi dựa người vào bức tường bao thấp, ngắm nhìn dòng suối Lidder chảy xiết, nhìn những dải vàng rực màu hoa mù tạt, những mái nhà và ngôi làng bị thu nhỏ bởi khoảng cách và đường cánh cung màu nâu sẫm của dãy Himalaya. Đức Phật đã nghĩ Kashmir là địa điểm lý tưởng cho sự thiền định. Mỗi ngọn đồi nhỏ đều có một đền thờ và mỗi dòng suối đều có một thánh thất. Việc làm tín đồ ở đây dường như thật dễ. Tôi quay người vào sân và xem ông thợ hớt tóc râu ria lởm chởm đang mài chiếc dao cạo vào đá. Một đôi thanh niên và một phụ nữ lớn tuổi đang bồng một đứa bé cũng quan sát ông. Người phụ nữ giúp ông thợ tóc cột một miếng vải cotton trắng quanh cổ đứa bé. Lần cắt tóc đầu tiên của đứa bé, theo truyền thống của đạo Hồi ở Kashmir, phải được tiến hành tại một đền thờ. Ông thợ hớt tóc thoa lên mái tóc màu nâu nhạt thứ nước ấm

đựng trong một tô nhôm.

Đứa bé khóc ré lên, người phụ nữ dỗ dành cho nó im lặng và đôi cha mẹ trẻ thì bồn chồn. Ông thợ cạo sạch tóc của đứa bé. Người cha bỏ những mớ tóc đó vào một chiếc khăn tay. Người mẹ mang một thau đầy *tehr* – thứ gạo tấm gia vị có màu nghệ – và chia cho những người đã chúc phúc cho đứa bé.

Tôi đi theo gia đình đó vào trong đền thờ. Những người coi sóc đền thờ – những *baba* – ngồi trên bục gỗ đằng sau các khay đồng đựng đầy tiền xu. Gia đình đó hào phóng cúng tiền, đặt một hoặc hai tờ lên khay của mỗi *baba*. Tất cả *baba* đều chúc phúc cho đứa bé. Bên trong đền thờ là một cái hang cổ xưa với những cải biến hiện đại. Nhiều phụ nữ mặc áo hoa rực rỡ cầu nguyện ở một bên bệ đá cẩm thạch óng ánh xanh và một số *baba* khác nhận tiền cúng ở phía bên kia. Một cột đá vững chãi chống đỡ nóc hang. Một *baba* đang ngồi đó la to, “Nó là cột Mehboob-e-Alam. Người nào dựa vào nó thì được giải tỏa hết những rắc rối của mình. Cúng một ít vào đây và dựa vào cái cột kia, chàng thanh niên ơi. Những lo lắng của cậu sẽ biến mất.”

Tôi bước về cuối hang, nơi có một hốc thấp và hẹp dẫn vào căn phòng bé xíu nơi vị thánh từng cầu nguyện. Một ông cụ bước ra khỏi hốc đó và hai cô gái trẻ theo sau ông. Họ gập lưng lại và bước lùi ra. Người mộ đạo không quay lưng về phía vị thánh. Một ngọn đèn bằng đất nung được thắp gần cái hốc. Các tín đồ nhúng ngón tay của họ vào một ô đá hình lòng bàn tay chứa đầy dầu rồi xoa lên trán mình. “Nó sẽ chữa lành mọi bệnh tật và giải quyết mọi rắc rối của quý vị,” một *baba* đầu vấn khăn nói lạnh lạnh. Tôi bò vào căn phòng của ông thánh. Một mảnh lụa xanh phủ lên mộ của ngài. Tám vị tín đồ đứng thành hai hàng hướng về ngôi mộ. Một *baba* cầu kinh một lúc rồi đi từ tín đồ này sang tín đồ kia với cái khay đồng của mình. “Để những tờ tiền vào khay, vị thánh sẽ lo cho quý vị.” Tôi ra về với một chút thất vọng về sự lẩn tránh của sự thương mại hóa đối với vẻ cô tịch và trang nhã ở đây.

Khi đang bước xuống các bậc thang để đến trạm xe buýt, tôi nghe tiếng ai đó gọi. Khuôn mặt của người đàn ông thấp và gầy đó có vẻ quen quen. “Ta học chung trường. Tôi là Mubashir.” Anh ấy bán dược phẩm ở gần đây. Tôi

ngồi trên một băng ghế gỗ sần sùi đối diện với chiếc bàn gỗ trống trơn, anh ngồi trên một cái ghế nhựa. Thuốc bao tử loại thường, xirô giảm ho và những gói giấy đựng thuốc viên chữa các bệnh lặt vặt nằm trên các kệ gỗ thô sơ dọc theo bức tường trát bùn. Giấy hoa dán tường phủ cái trần bằng rầm gỗ và cái bóng đèn lờ mờ làm cho cửa tiệm trông vàng vọt hắt đi. Mubashir bỏ đi lấy trà. Tôi ngắm anh băng qua đường, anh đi cà nhắc. Khi anh quay lại, chúng tôi trò chuyện về cuộc sống của mình sau khi ra trường và Mubashir nói với tôi là anh không học hết cao đẳng.

Cha của Mubashir bị bệnh vào mùa đông năm 1997.

Bệnh viện địa phương lại đóng cửa. Chàng trai mười chín tuổi chạy đến tiệm thuốc gần cửa tiệm của ông Kallu. Khi anh chờ đến lượt mình thì thấy một tên trong nhóm chống khởi nghĩa Ikhwan đi về hướng tiệm thuốc. Mubashir cảm thấy bồn chồn khi thấy tên Ikhwan lảng vảng xung quanh mình. “Tôi tự hỏi ai sẽ gặp rắc rối đây.” Quân ly khai rất ghét Ikhwan và chắc chắn sẽ có một cuộc đụng độ nhỏ. Mubashir chỉ muốn lấy thuốc cho cha mình rồi đi về nhà.

Hàng người nhích lên chậm chạp. Tên Ikhwan đứng gần Mubashir, nhìn ngó quanh quất, nói vài câu xã giao và tung hứng một quả lựu đạn như tung một trái banh cricket. Mubashir hét to, bảo ông bán thuốc tây làm nhanh hơn. Không có gì xảy ra. Anh ấy vẫn chờ. Rồi anh nghe một tiếng nổ và mọi thứ tối đen. Sáu tiếng sau anh hồi tỉnh trên giường bệnh viện ở Srinagar. Quả lựu đạn đã tuột khỏi tay tên phản bội, rơi xuống mặt đường kim loại và phát nổ. Tên phản bội chết tại chỗ. Nhiều mảnh đạn xuyên vào chân Mubashir. Các bác sĩ đã mổ và chăm sóc cho anh trong ba tháng. Anh về nhà trên chiếc xe lăn và sau hai năm thì bỏ xe để chống gậy. Việc chữa trị cho anh hao tốn cả một gia tài. Cha anh đã nghỉ hưu một vị trí công chức cấp thấp. Anh Mubashir phải chu cấp cho gia đình mình. Bằng cấp của anh không đảm bảo được một công việc, mà anh lại không quen ai có chức tước. Thế nên anh bỏ học và mở tiệm thuốc, cũng kiếm được chút tiền. Ngày ngày anh ngồi trên chiếc ghế nhựa màu xanh đằng sau cái bàn gỗ trống trơn, chờ bệnh nhân đến

mua thuốc và mơ đến những gì lẽ ra anh đã có thể có.

Tôi rời tiệm của anh và bắt đầu đi xuống trạm xe buýt. Anh đi với tôi, lê chân qua các bậc thang bằng đá cuội. Tôi ngăn anh lại. Anh dừng, quay lưng lại và nói, “Basharat à! Điều này thật khó nói, nhưng mà cậu giúp tôi tìm một công việc được không? Giúp tôi ra khỏi cái địa ngục này.” Thật không dễ gì trả lời câu hỏi này. Nhưng tôi thấy có một niềm hy vọng, đó là việc học tập. “Tôi sẽ hỏi thăm bạn bè tôi, nhưng anh phải học xong cao đẳng đã. Không có bằng cấp thì không có hy vọng gì đâu.”

Anh đồng ý. “Tôi sẽ gọi điện cho anh khi tôi có tấm bằng trong tay. Với sự phù hộ của thánh Zain Shah, chắc sẽ có điều gì đó giải quyết được”. Đôi mắt anh lóe lên một tia hy vọng mỏng manh. Chúng tôi chia tay nhau. Những lời nói của anh theo tôi về đến nhà. Tôi nghĩ mãi về sự vô vọng, về sự bám víu vào đức tin của anh.

Dường như con người ta cần đức tin, cần những phép màu. Một tuần sau, tôi ngồi trong nhà mình ở Srinagar, nói chuyện với một người bạn thi sĩ, người làm ra tiền bằng việc sản xuất những chương trình trả tiền cho đài truyền hình của bang. Anh ấy nói, “Thời bây giờ, đức tin đã trở thành thứ chống đỡ cho những kẻ giàu có, người nổi tiếng và người nghèo vô danh. Người ta không còn hy vọng vào chính phủ hay bất kỳ một chính khách nào. Họ quay sang các đền thờ, Đấng tiên tri và Thượng Đế.” Anh kể cho tôi nghe về một trong số các nhà thơ nổi bật nhất của Kashmir, giáo sư Rashid Nazki, người đã đắm mình vào đức tin sau một bi kịch cá nhân trong khoảng giữa những năm chín mươi. “Ông ta rời bỏ cuộc sống ồn ào và lui về sống tại ngôi làng của tổ tiên ở Bandipora,” anh bạn tôi nói.

Thị trấn nhỏ Bandipora cách Srinagar khoảng một trăm kilômét, trong quận Baramulla ở phía bắc Kashmir, gần Đường Kiểm Soát. Một buổi sáng, tôi đón taxi buýt đi từ Srinagar đến Bandipora. Đi khỏi Srinagar khoảng nửa tiếng, con đường dẫn đến Bandipora chạy men theo dòng Jhelum nhiều dặm khi con sông chảy lên hướng bắc, ngang qua Pakistan rồi đến biển Ả Rập. Những nhánh dương liễu đan vào nhau tạo thành bóng mát cho đến khi con

đường chạy lên một vùng cao nguyên bị quân đội chiếm đóng.

Đăm đăm nhìn qua cửa sổ taxi bên tay phải của mình, tôi bị hút hồn bởi khung cảnh của một cái hồ. “Đó là hồ Manasbal,” một người đi cùng nói với tôi. Trên mặt hồ xanh ngắt, hai chiếc *shikara* màu vàng đang lướt đi thanh thoát. Con đường lại chạy về hướng những ngọn đồi ở đằng xa. Chúng tôi chạy ngang qua các vườn táo và hạnh nhân cùng với những nóc nhà bằng tôn lấp lánh. Trong làng, có một cái biển vẽ tay thông báo:

HIỆU LÀM ĐẸP MUSKAAN, CHĂM SÓC DA, MÁT-XA VÀ CẮT TÓC.

Trên băng ghế phía sau tôi là một gia đình có hai đứa con hiếu động. Người mẹ bảo chúng xử sự đúng mực. Do quá phấn khích bởi làn gió nhẹ thổi qua cửa sổ xe, mấy thằng bé bỗng dừng đọc một bài thơ nói về ánh sáng và làn gió lạnh.

Một trạm kiểm soát xuất hiện chứng tỏ đã đến Bandipora. Một chiếc xe bọc thép đậu gần đó và hàng tá lính đứng dọc con đường. Chiếc taxi dừng lại. Mấy bé trai trên ghế sau la hét, “Dishkiaon, Dishkiaon”. Chúng nó cong tay, giả làm súng. Chúng nhại các hiệu ứng âm thanh đi kèm với tiếng súng trong hầu hết phim tiếng Hindi. Cái chợ ngay trung tâm thị trấn rất đông đúc, nhưng không dơ dáy như chợ ở các thị trấn nhỏ khác ở Kashmir. Lính Ấn Độ là những kẻ ngoại đạo duy nhất người ta có thể thấy. Cho đến tận những năm 1930, nếu bạn đi lòng vòng trong một cái chợ, thì cứ mỗi bốn người bạn gặp sẽ có một người đến từ một thành phố trung cổ nổi tiếng nào đó ở Trung Á. Chuyển hành trình từ Bandipora đến các thành phố Trung Á mất đến vài tuần, ngay cả bằng những phương tiện thời trung cổ như ngựa và la. Sự giao thoa văn hóa giữa Kashmir với những thành phố Samarkand, Bokhara và Kashgar rất phong phú và mạnh mẽ.

Nhà thơ Rashid Nazki sống trong căn nhà một tầng có cây tuyết tùng bên ngoài. Một thằng bé dẫn tôi vào. Nhà thơ rúm người dưới tấm khăn choàng trong một căn phòng nhỏ. Ông có đôi mắt đen sâu, sáng rực trên khuôn mặt hóp và giống như bức tượng. “Chắc hẳn cậu đến từ Srinagar,” ông nói, đẩy một tấm đệm về phía tôi. Mời khách tấm đệm để tựa lưng thay vì để họ dựa

vào bức tường trống là một cử chỉ bày tỏ sự kính trọng theo tập quán địa phương. Ông duỗi chân ra rồi lại dựa vào tấm đệm, rút điều thuốc lá trên những ngón tay mảnh khảnh, run rẩy. “Tôi là một ông già sống cách biệt với thế giới bên ngoài. Điều gì đã mang cậu đến đây?” Bạn tôi đã giới thiệu tôi là một nhà báo, và nhà thơ cũng chờ đợi một cuộc phỏng vấn về suy nghĩ của ông đối với cuộc xung đột ở Kashmir.

Ông vừa ngạc nhiên lại vừa nhẹ nhõm vì tôi đã không có câu hỏi nào như vậy cho ông. “Ở những thời điểm khó khăn thế này, các nhà báo thường hỏi những câu người ta biết nhưng không dám trả lời,” ông nói có phần bực dọc. “Tôi chỉ muốn được gặp ông thôi,” tôi nói. Một cậu thiếu niên đi vào và hỏi ông dùng bữa trưa hay không. “Cậu sẽ ăn trưa với tôi,” ông ra lệnh. Rồi ông lấy tờ một trăm rupee trong túi quần đưa cho cậu. “Mua thịt cừu rồi nói mẹ con chiên lên. Ông khách này sẽ ăn cơm với ta.” Ông nói với tôi, “Nó là cháu ngoại tôi.” Rồi ông bảo tôi kể về những chuyến đi. Tôi kể chuyện, còn ông nhận xét, hút thuốc, rồi nhận xét và hút thuốc. Thức ăn được mang đến: cơm, thịt cừu và đậu. Nhà thơ chất lên đĩa của tôi đầy thịt cừu. “Tôi sẽ ăn chừng đó trong hai ngày,” tôi vùng vằng. “Cậu là thanh niên và cậu cần phải ăn”, ông ấy khăng khăng.

Sau bữa trưa, chúng tôi trò chuyện về thơ ca. “Ông nghĩ gì về thơ ca được viết ở Kashmir sau khi có cuộc xung đột?” tôi hỏi ông. “Thơ được sáng tác nhiều lắm. Thế hệ trẻ hơn nói về cuộc xung đột một cách thẳng thắn. Có một số bài khá hay. Viết bằng tiếng Anh thì có tác phẩm của Agha Shahid Ali,” ông ấy khăng khăng.

“À đúng rồi. Tôi thích thơ anh ta lắm,” tôi tán thành.

Giáo sư Nazki lại im lặng. “Cậu ấy là một chàng trai khá hay. Khi chúng tôi ở nhà cậu, Shahid hay bước đi như một người say rượu. Cha của cậu là bạn tôi và có một lần tôi nói với ông ấy là Shahid không được khỏe. Nhưng ông ấy tin rằng đó chỉ là cách các nhà thơ sống mà thôi. Không bao lâu sau, người ta phát hiện ra tế bào ung thư trong cậu. Cái chết của cậu là một mất mát to lớn. Kashmir cần có những nhà thơ như cậu ấy, nhưng liệu ai có thể né

tránh được cái chết?” Nhà thơ già ngời thẳng người lên. “Shahid tuy làm thơ về chính trị nhưng không thỏa hiệp về mặt kỹ thuật. Hầu hết thơ ca chính trị đều trống rỗng. Chất luận chiến còn thì thơ ca chết.”

Tôi hỏi về thơ của ông. Những bài thơ có tính chất huyền bí của ông đã đoạt nhiều giải thưởng khác nhau. Tôi hỏi ông có bài nào được dịch sang tiếng Anh không. “Có, chúng đã được dịch sang tiếng Urdu. Người nào đó ở Delhi đã dịch thơ ta sang tiếng Anh. Người dịch không bao giờ hỏi xin phép ta, thậm chí cậu ta cũng chẳng thèm gửi cho ta một bản copy.” Ông đã không viết nhiều kể từ năm 1990. “Ta đã mất nửa gia đình mình trong một vụ nổ lựu đạn và đã ngưng làm thơ sau đó.” Tôi rất sợ cái giây phút này và cúi đầu trong im lặng. Nhà thơ tường thuật lại chuyện của mình bằng một giọng điềm tĩnh.

Một buổi chiều năm 1990, khi ông đang dạy tại trường Đại học Kashmir thì có tin báo rằng một trái bom đã phát nổ gần nhà ông. Ông lao thẳng từ trường đại học về Bandipora. Sáng hôm ấy, một người nghĩa quân lảng vảng trên con ngõ cạnh nhà ông, dự tính sẽ ném một trái lựu đạn vào toán lính đang đi ngang qua. Sợ bọn lính trả đũa, hai người con trai của nhà thơ đi ra, thuyết phục người đó ném trái lựu đạn ở một nơi xa khu dân cư. Anh ta rất kiên quyết và họ cũng vậy. Rồi mẹ của họ cũng tham gia vào câu chuyện. Trong lúc tranh cãi, người ta vung tay chỉ trỏ để thuyết phục theo cách của người Kashmir và người nghĩa quân đó đã vô tình làm bật chốt nổ trái lựu đạn. Khi nhà thơ về đến nhà thì vụ nổ đã giết chết tay nghĩa quân, hai người con trai và vợ của ông. “Ta rơi vào trạng thái mê man trong tám năm sau đó. Ta không thể viết nổi một dòng thơ. Mỗi lần cầm bút lên, mấy ngón tay ta run lấy bầy.” Không có tòa án nào dành cho nỗi mất mát của ông. “Ta than với Đấng tiên tri Muhammad. Ta gửi những lời cầu nguyện và than vãn của mình đến tòa án của người.” Ông đã vượt qua sự mất mát bằng tình yêu dành cho Đấng tiên tri. “Ta dành thời gian cho việc dịch một cuốn tiểu sử.” Ông sống động trở lại, mắt ông sáng rỡ khi ông nói về công việc của mình. “Cậu sẽ cảm nhận được hơi thở của Đấng tiên tri khi cậu đọc cuốn sách này. Ta đã

tận hưởng dòng ý thức ấy.” Tôi còn nhớ một trong những câu thơ của ông:

*Tôi hỏi vị tu sĩ ngồi trên vỉa hè
Từ đây đến thế giới bao xa?*

Nooruddin Rishi là vị thánh bảo hộ của Kashmir. Ông được dẫn dắt bởi Lalleshwari, một phụ nữ Balamôn, người sau khi chịu quá nhiều đau khổ dưới bàn tay sắt của gia đình chồng đã nổi loạn và trở thành một người bí ẩn, rao giảng về sự độc hữu của Thượng Đế và phản bác hệ thống đẳng cấp xưa cũ của Ấn Độ. Khi còn bé, ông Nooruddin đã được gửi đến một *mullah*, nhưng ông không chịu đọc cái gì khác ngoài chữ cái Ả Rập đầu tiên là chữ Alif (Một). Thầy của ông hỏi vì sao, ông đáp, “Chỉ có một Thượng Đế mà thôi và tôi không cần biết gì ngoài Alif.” Thời tuổi trẻ, ông đã chối bỏ thế giới và cầu nguyện trong một hang động suốt mười hai năm. Thỉnh thoảng sau thời gian tu hành trong hang động của mình, ông Nooruddin đã gặp Mir Mohammed Hamdani, một vị thánh Sufi người Iran. Mohammed là con trai của nhà học giả Sufi vĩ đại Syed Mir Ali, người đến Kashmir vào thế kỷ mười bốn và đã thu hút người Kashmir đến với Hồi giáo và được biết đến rộng rãi với cái tên Shah-eHamadan (Vua của Hamadan). Trước khi trở về và chết ở Khatlan, một thị trấn Trung Á, Shah Hamadan đã thuyết phục được đứa con trai nhỏ của mình là Mohammed đi vòng quanh thế giới để học hỏi. Sau nhiều cuộc hành trình, chàng trai trẻ đã đến Kashmir và tiếp tục sứ mạng cũng như công việc của một học giả như cha mình.

Mohammed Hamdani đã dạy cho Nooruddin Rishi những giáo lý phức tạp của đạo Hồi và về cuộc đời của đấng tiên tri Muhammad. Những cuộc đàm luận của hai người đã thuyết phục Nooruddin tập trung vào cải cách xã hội thay vì từ bỏ nó. Ông đã đi khắp Kashmir, trò chuyện với mọi người bằng tiếng nói của họ. Sự diễn giải của ông về đạo Hồi đã bám được vào các phong tục địa phương và nền văn hóa của họ, nên dân chúng hiểu ông dễ dàng hơn hiểu những người Sufi gốc Iran và gốc Trung Á, những người đã đưa đạo Hồi đến Kashmir. Ông chỉ trích những tu sĩ Hồi giáo chính thống và

Bàlamôn đã hạ thấp tôn giáo thành những nghi thức rỗng tuếch, biến nó thành cách tự đề cao bản thân và tạo ra sự thù ghét lẫn nhau giữa những người theo đạo Hindu và đạo Hồi:

Nghiền ngấm sách vở họ trở thành những người xa lạ với chính mình.

Giống như những con lừa nặng trĩu sách trên lưng.

Vị Mullah thì hi hỏ với quà cáp và tiệc tùng,

Vị Pandit già thì tìm kiếm một cô vợ trẻ trinh trắng.

Dưới sự ảnh hưởng của ông, phần lớn dân Kashmir trở thành tín đồ Hồi giáo, tuy việc cải đạo sang Hồi giáo đã bắt đầu vào đầu thế kỷ mười bốn sau khi hoàng tử Tây Tạng Rinchana trở thành người cai trị Kashmir. Để củng cố vị trí của mình, ngài Rinchana đã quyết định cải đạo sang đạo Hindu. Nhưng các tu sĩ Bàlamôn không chịu cho ngài cải đạo vì không chắc chắn Rinchana sẽ thuộc về đẳng cấp nào. Shah Mir, người bạn theo đạo Hồi đồng thời là cố vấn của ngài nói cho ngài biết về Hồi giáo. Hoàng tử Rinchana ngủ trong cung điện trên bờ sông Jhelum và tỉnh giấc khi nghe nghe tiếng gọi cầu nguyện của người Hồi giáo. Trên bờ sông đối diện với lâu đài, vị Sufi người Ba Tư Bulbul Shah đang dẫn dắt lễ cầu nguyện buổi sáng. Hoàng tử Rinchana vượt qua sông để gặp Bulbul Shah và được trả lời những thắc mắc. Thế giới đạo Hồi không phân biệt đẳng cấp, mọi người đều bình đẳng. Sự cải đạo chỉ đơn giản là nói: “Không có chúa trời mà chỉ có Thượng Đế và Muhammad là sứ giả của Ngài.” Hoàng tử Rinchana đã cải đạo sang đạo Hồi, bảo trợ cho vị thánh đó và cai trị độ lượng trong ba năm.

Shah Mir đã thắng trong trận tranh giành quyền kế vị sau cái chết của ông hoàng Rinchana. Trong số những người kế vị của Shar Mir có hai người được nhớ đến nhiều nhất: Sikander, một người cuồng tín và Zainulabideen, một người theo chủ nghĩa tự do. Sikander ra lệnh cấm nhạc nhẽo, rượu chè nhảy múa và bị lên án là đã phá hủy nhiều đền thờ của đạo Hindu tại Kashmir trong khoảng cuối thế kỷ mười bốn. Người Kashmir còn nhớ, thời gian trị vì của vị vua chuộng tự do Zainulabideen, từ năm 1420 đến năm 1470, là một

thời kỳ hoàng kim. Người ta vẫn còn gọi ông là Bud Shah (Đức vua vĩ đại). Ông đã cho xây dựng nhiều trường đại học và tặng học bổng cho nhiều sinh viên và học giả ngành luận lý và ngôn ngữ. Ông cho mời các thợ thủ công và nghệ nhân bậc thầy ở những thành phố Trung Á về dạy cho dân Kashmir làm giấy bồi và dệt thảm. Ông chấm dứt nạn ngược đãi người theo đạo Hindu và vực dậy âm nhạc và kịch nghệ. Bud Shah là một trong những người hộ tang trong tang lễ của Nooruddin Rishi. Nhà vua được chôn cất tại thị trấn Charar, cách Srinagar khoảng một giờ lái xe về hướng tây, nơi ông đã sống những năm cuối đời mình. Ngôi đền được xây ở đó để tưởng niệm ông đã trở thành một trong những nơi linh thiêng nhất ở Kashmir.

Tháng Năm 1995, quân đội Ấn đã bao vây thị trấn Charar. Nghĩa quân được cầm đầu bởi một người Pakistan tên là Mast Gul đang ẩn náu trong thị trấn Charar. Từ khi tuyết rơi, việc ẩn nấp trong núi của họ trở nên bất khả. Một trận chiến đã nổ ra trong thị trấn và không lâu sau trở nên vô cùng gay gắt. Hai ngàn năm trăm ngôi nhà đã bị đốt và vô số thường dân bị giết. Quân Ấn đã chuyển sang tấn công khu đền thờ nơi nghĩa quân ẩn nấp. Trận chiến đó đã thiêu rụi ngôi đền: sáu trăm năm của lịch sử đã bị hủy hoại chỉ trong một ngày. Người Kashmir thương khóc và cùng tuần hành đến ngôi đền chỉ còn lại tro tàn. Bọn lính bắt bớ họ, xả súng vào những người tuần hành. Mast Gul và quân của ông đã phá vỡ hàng rào quân đội và trốn thoát. Người Kashmir buộc tội quân đội Ấn Độ đã phá hủy ngôi đền, còn quân đội và chính phủ Ấn đổ tội cho nghĩa quân Pakistan đã phá hủy nó để tự cứu mình.

Vào một buổi chiều tháng Năm quang đãng tôi lên đường từ Srinagar đến đền thờ ở thị trấn Charar. Nửa tiếng sau, chiếc taxi ra khỏi thành phố và những ngôi làng xuất hiện dày đặc hơn ở phía trước. Xe chạy qua những cánh đồng, lên một vùng cao nguyên và qua một số trạm kiểm soát. Chín năm sau, thị trấn Charar có vẻ giống như một thị trấn mới. Chiếc jeep dừng lại bên ngoài ngôi đền mới do chính phủ xây dựng. Nó là một tòa nhà bằng xi-măng, màu trắng. Những khung cửa sổ bằng gỗ phủ véc-ni được mô phỏng theo kiến trúc ngôi đền cũ một cách nửa vời. Những tấm thiếc bóng loáng như đang mĩa

mai cái ký ức về những tấm ván ộp mái.

Tôi đứng nơi taxi đậu, chăm chú nhìn ngôi đèn mới. Một cặp vợ chồng già đang đi chậm chậm ra cửa trong nỗi sùng kính. Họ dừng lại gần tôi, miệng mấp máy những lời khẩn nguyện: “Ôi Sultan của các vị thánh! Xin hãy từ bi với chúng con, từ bi với con cái của chúng con. Xin hãy cứu chúng khỏi những trận bão và hỏa hoạn, xin hãy cứu vớt chúng như ngài đã từng cứu vớt chúng cho đến hôm nay.” Đôi mắt họ rưng rưng lệ.

Thần Shiva mất tích



Những nghi thức Hồi giáo ở Kashmir đã vay mượn các nguyên lý của đạo Hindu và đạo Phật trong quá khứ; ngược lại, những tín đồ đạo Hindu cũng bị các nghi thức Hồi giáo ảnh hưởng. Trong thời thơ ấu của tôi, không ai may mắn may mắn mà ngạc nhiên khi một phụ nữ đạo Hindu đến một đền thờ Hồi giáo để xin thánh phù hộ. Sự phân chia về tôn giáo chỉ thể hiện rõ vào những ngày Ấn Độ và Pakistan chơi cricket. Người Hồi giáo ủng hộ đội cricket của Pakistan, những Pandit thì về phe Ấn Độ. Những sự căng thẳng phần nào dựa trên đẳng cấp đó, không bao giờ bùng nổ thành bạo lực tôn giáo. Không ai ngạc nhiên khi một người Hindu và một người Hồi giáo là bạn bè của nhau. Bạn chí cốt của cha tôi đã và vẫn là một Pandit, còn mẹ tôi có những tình bạn lâu năm với các nữ Pandit dạy cùng trường với bà.

Mọi thứ đều tan rã sau khi bùng nổ cuộc xung đột vũ trang. Quân ly khai không hề dung thứ cho một sự bất đồng quan điểm nào. Cùng với việc giết chết hàng trăm nhà hoạt động chính trị Hồi giáo ủng hộ Ấn Độ và những người bị tình nghi là chỉ điểm cho tình báo Ấn, họ đã giết mấy trăm Pandit dựa vào lý do trên hay chẳng vì một lý do nào. Những vụ thảm sát đó đã mang một làn sóng khiếp sợ đến cho công đồng và hơn một trăm ngàn Pandit khác đã bỏ Kashmir đi sau tháng Ba năm 1990. Tầng lớp giàu có đó đã dời đến những ngôi nhà ở Jammu, Delhi và nhiều thành phố Ấn Độ khác. Nhưng đa phần số Pandit đó chỉ có thể tìm được nơi trú ẩn trong những trại tị nạn và những căn phòng cho thuê bẩn thỉu ở Jammu và Delhi.

Mặc dù nổi cay đắng dâng trào, cả người Hồi giáo lẫn các Pandit đều cố gắng giữ gìn các mối quan hệ riêng của mình. Cha tôi vẫn giữ liên lạc với những người bạn là Pandit của ông và vẫn đến thăm họ ở Jammu và Delhi mỗi dịp ông ở đó. Bà Kaul, chủ nhà trọ của tôi, thường kể những kỷ niệm về Kashmir của bà. Bà kể một mạch về ngôi đền thánh Sheikh Nooruddin hoặc việc viếng thăm các đền thờ gần ngôi nhà của tổ tiên mình ở trung tâm Srinagar. Sinh sống tại nhiều thành phố khác nhau của Ấn Độ, các Pandit hy vọng một ngày nào đó được trở lại nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Ngay cả những Pandit quá già để bắt đầu một cuộc đời mới cũng không quên được mái nhà họ đã bỏ lại phía sau. Hầu hết nhà của các Pandit đều bỏ hoang hay bị đốt trụi trong cuộc xung đột còn những khu đền thờ thì bị quân đội Ấn chiếm đóng.

Vào thời thơ ấu, tôi và những đứa bạn Hindu đã viếng thăm các đền thờ địa phương, nhất là đền thờ cổ Martand gần làng tôi. Tôi còn nhớ trong chuyến viếng thăm đền Martand, thằng bạn Pandit tên Vinod kể cho tôi nghe với thái độ hống hách rằng đền thờ đó được xây bởi họ Pandava, năm vị anh hùng trong *Mahabharata*. Năm anh em đó đã đánh bại hàng trăm anh em họ hung ác của mình, thuộc dòng họ Kaurvas, với sự giúp đỡ của Krishna. Thằng Vinod còn kể với tôi rằng những tảng đá đồ sộ của đền thờ đã được nhấc vào đúng vị trí của chúng bởi Bhima, người anh khổng lồ nhà Pandava. Ông hiệu trưởng đã sửa sai cho chúng tôi: “Vua Lalitaditya, một trong những vị vua vĩ đại nhất của Kashmir, đã xây đền thờ đó.” Vua Muktapida Lalitaditya đã trị vì Kashmir từ cuối thế kỷ bảy đến giữa thế kỷ tám và người ta tin rằng ông đã chinh phục nhiều phần của Ấn Độ, Iran và Trung Á.

Có thể nào đền thờ mặt trời Martand cũng trở thành đồn bót? Tôi tự hỏi. Hoặc một thầy giáo nào đó vẫn kể cho đám học trò nghe về vị trí của nó trong lịch sử Kashmir chẳng? Tôi rời Srinagar để về làng thăm ông bà của tôi một ngày rồi lên đường đi Martand. Tôi đón một chiếc xe buýt tại quảng trường đông đúc ở Mattan, cách làng tôi và ngôi trường đầu tiên Lyceum của tôi ba dặm, để đi đến đền thờ Martand. Chiếc xe buýt đi theo một con đường

ngoằn ngoèo lên một vùng cao nguyên tôi đã từng đến trong một chuyến đi dã ngoại của trường. Những ngọn núi cần cỗi, những con đường gồ ghề, những ngõ hẻm sinh lầy của các ngôi làng bao quanh Martand đã không thay đổi gì trong hai mươi năm trời. Ngôi đền đá vôi xanh đứng đó như một vị bô lão già khòm. Bức tường kéo dài từ lối vào tạo thành một hình vuông bao quanh ngôi đền gần như đã đổ sập. Bên trong, cây cỏ dại đã mọc kín. Ký ức về chuyến dã ngoại cùng với Vinod vẫn còn rõ mồn một trong tôi. Khu đền trong mắt chúng tôi lúc đó trông rất khổng lồ. Bây giờ nó như bị thu nhỏ lại.

Tôi ngược trở ra và đợi xe buýt bên vệ đường vắng vẻ. Tôi thấy nhớ Vinod. Kể từ khi cuộc xung đột nổ ra tôi đã không gặp nó. Lúc tôi rời trường Lyceum để đi học xa, tôi mới mười hai tuổi, khi đó gia đình nó đã di dời sang một tỉnh phía nam của Jammu.

Vinod là một thằng con trai mập mạp có đôi má đỏ đến nỗi tôi tưởng nó đánh phấn. Sau buổi học, chúng tôi thường chạy đến dòng suối gần ngôi đền để tắm. Chúng tôi hù dọa lẫn nhau bằng cách la lên “Rắn! Rắn!” khi đứng trên bờ suối. Chúng tôi cũng mê khám phá những hang núi đá vôi gần đó. Vinod tin rằng nếu cứ đi mãi trong cái đường hầm tối đen đó, chúng tôi sẽ đến Trung Quốc. Vì sợ bóng tối nên chẳng bao giờ chúng tôi đi xa hơn một chục mét. Tôi đã tập đi xe đạp trên chiếc Atlas màu đỏ của nó trên con đường dẫn đến những hang động.

Không có tín hiệu xe buýt trên con đường bên ngoài đền thờ Martand. Tôi cuốc bộ vài kilômét đến Mattan. Vinod đã từng sống trong cái làng kề bên. Chỗ khúc quanh, tôi thấy người ta đi xuống con đường dẫn đến làng nó. Tôi không thể kiểm chế mình và đã đi theo ngã đó. Thêm một dặm nữa, có một con đường mòn chạy ngang những ruộng lúa, đến một rặng cây óc chó gần nhà nó. Những người đàn ông và đàn bà làm ruộng còn trẻ con thì đạp xe trên đường. Nhà của các Pandit nằm biệt lập. Tôi còn nhớ đường đến ngôi nhà hai tầng của nó và chỉ trong vài phút tôi đã ở đó. Cái khóa đồng trên cánh cửa gỗ ngó ra trũng trũng, còn mạng nhện chằng chéo trên những cửa sổ đóng kín. Gia đình Vinod có vẻ đã bỏ đi vội vã. Nó thậm chí đã không đến chào từ biệt

ai hoặc để lại một dòng địa chỉ nào.

Sáng hôm sau tôi đến thăm ngôi trường cũ của chúng tôi, hy vọng được gặp lại ông hiệu trưởng yêu quý của mình, thầy Kantroo. Tấm biển mới sơn lại treo trên cổng trường đề: TRƯỜNG CÔNG LYCEUM. Tòa nhà trông vẫn vậy. Những học sinh mặc quần soóc xám và áo sơ mi trắng. Tôi gõ cửa phòng thầy hiệu trưởng. Một người đàn ông trung niên mặc quần jean và áo sơ mi giản dị ra mở cửa. Tôi giới thiệu mình và xin gặp thầy Kantroo. Ông ấy mời tôi ngồi ghế rồi nói, “Tôi là hiệu trưởng trường này.” Rồi ông ngồi xuống chiếc ghế mà thầy cũ của tôi từng ngồi. “Thầy Kantroo đã đến Jammu năm 2002 rồi.” Vị hiệu trưởng mới biết chỗ thầy tôi sống tại Jammu nhưng không có số điện thoại của thầy. Tôi đi về và biết rằng tôi phải đi thăm thầy tôi và tìm thằng Vinod.

Jammu, một thành phố nhỏ với những mùa hè khắc nghiệt, đã trở thành nơi ẩn náu cho hầu hết Pandit người Kashmir. Tôi cảm thấy lo lắng trước viễn cảnh thầy cô và bạn bè thuở ấu thơ của mình trở thành những người di cư. Vài năm trước tôi từng ở Jammu trong tư cách một phóng viên đến thăm các trại tị nạn. Nơi ngoại ô, tôi tìm đến cụm nhà gạch tạm bợ nằm san sát nhau thành một dãy dài khép kín, bao bọc bởi vùng đất hoang um tùm cây dại. “Không ai đếm xỉa đến đến chúng tôi,” một thiếu niên nói. Cậu bé không nói chuyện như một người Kashmir. Và nó ghét người Hồi giáo. Tôi không đủ can đảm để nói với nó tôi là một người như vậy. Nên tôi bảo với nó rằng tôi là một người Punjabi^[56] sống ở Delhi. Tôi đi vòng quanh, cố tìm những người đồng hương của tôi. Một người đàn ông trạc năm mươi mặc pajamas kiểu *kurta* màu trắng bước ra từ một con hẻm. Tôi hỏi thăm xem ông có biết ai đến từ Anantnag hay không. Ông nhìn tôi thận trọng. “Cậu là người vùng đó à?”

“Vâng,” tôi trả lời.

“Ở vùng nào của Anantnag?”

“Ở Seer ạ,” tôi nói.

“Cậu là người ở Seer! Cậu là con ai?”

Tôi nói tên cha và tên ông ngoại. Ở xứ sở tôi, người ta luôn hỏi bạn là con, cháu của ai. Mắt ông sáng lên. Ông cười to, mắng yêu, rồi ôm chầm lấy tôi. Trước khi tôi hỏi ông là ai thì ông đã kéo tay tôi đi, bảo tôi im miệng lại mà đi theo ông. Chúng tôi băng qua những con đường chật hẹp, dơ bẩn len lỏi giữa những dãy nhà tạm. Ông dừng trước một túp lều lụp xụp nơi một người phụ nữ ốm yếu đang giặt đồ. “Đứng lên đi Gowri!” ông ấy nói. “Ôm nó đi! Nó là con trai con đó!”

Bà ấy không nhận ra tôi, nên chúng tôi lưỡng lự ôm nhau. “Bác này là chị của cha cậu đó,” người đàn ông đó nói với tôi. Tôi đứng đó hoang mang tột cùng. Cha tôi chưa bao giờ có chị cả. Tôi thấy choáng váng khi người phụ nữ đó hỏi: “Nó là con trai của Ammul à?” Ammul là tên thân mật thuở nhỏ của cha tôi, cái tên ít ai biết ngoại trừ những người trong gia đình. Bác nhìn tôi lần nữa, ôm tôi trong tay và khóc. Chõng của bác ngồi dưới đất cũng khóc theo. Mắt tôi nhòa lệ. Bác Gowri bỏ mặc mớ quần áo đang giặt dở dang trong thùng gần vòi nước công cộng. Chúng tôi cùng vào trong lều. Chiếc giường choán gần hết chỗ. Trong góc là phần bếp bé tẹo. Bác Gowri dời vài vật dụng sang bên để lấy chỗ ngồi trước một lò ga nhỏ và nấu trà.

Chúng tôi chuyện trò hơn hai tiếng đồng hồ về Kashmir và cuộc sống của mình ở đó trước khi cuộc xung đột vũ trang nổ ra. Họ đã sống tại ngôi làng gần nhà bác trai tôi, nơi cha tôi đã sống từ ấu thơ cho đến lúc trưởng thành. Trong những năm đầu của tuổi hai mươi, cha tôi là thầy giáo ở Pulwama. Bác Gowri cũng có một công việc ở làng đó. Cha mẹ bác không yên tâm về việc bác đi tới đi lui một mình hàng ngày. “Họ chỉ đồng ý cho bác đi làm ở đó sau khi biết là có cha của cháu đi cùng,” bác nói vậy.

Trên các bức tường treo đầy quần áo là hình của thần Shiva, Rama, Krishna và Saraswati. Khi tôi sắp sửa ra về thì một cô gái trẻ bước vào, gần như không gây một sự chú ý nào. Cô có gương mặt của bác Gowri và đôi mắt đen của bác Avatar. Bác giới thiệu chúng tôi với nhau. Tôi hỏi thăm về trường lớp của cô bé. Cô ngồi trên mép giường, vẽ bồn chồn, cặp sách để trên đùi. Mồ hôi trên trán cô chảy xuống như những dòng nước mắt.

Tháng Tám là thời điểm nóng bức kinh khủng ở Jammu. Tôi đã quên băng cái nóng khi gặp bác Gowri và Avatar. Tôi cảm thấy chiếc áo sơ mi dính chặt vào lưng dù cái quạt trần vẫn quay vù vù. Cô bé quay sang nhìn mẹ mình cầu khẩn. Bác Gowri bảo tôi và bác Avatar ra ngoài đi một vòng. Cô bé cần phải thay đồ. Cô đã mười ba tuổi. Mà trong lều không có chỗ nào khác. Không có một tia hy vọng nào về một ngôi nhà lớn hơn cho họ. Và cô bé thì ngày càng lớn. Cô có thể ngủ bao lâu nữa trên tấm nệm trải dưới sàn bên cạnh giường của cha mẹ cô? Những từ như “phòng khách”, “phòng học”, “phòng ngủ” hay “ban công” có nghĩa gì với cô không? Làm sao cô bé có thể cảm nhận được câu chuyện về những người được sống trong một “ngôi nhà”? Có thể cha mẹ cô sẽ tìm cách giải thích. Ngày xưa họ cũng từng sống trong một ngôi nhà có nhiều phòng.

Buổi tối, tôi gọi điện cho cha tôi và kể cho ông về cuộc gặp gỡ. Ông im lặng một hồi lâu. Tôi nghĩ là tôi nghe thấy tiếng ông khóc. Ông nói như thể cho chính mình. “Đó là những ngày thật đẹp, con trai ạ. Gia đình của bác ấy giống như thế gia đình ta. Ta đã làm mọi việc trong nhà khi bác ấy lấy chồng. Ta đã không gặp bác nhiều năm. Nói với bác là cha sẽ đến.”

Cuối cùng vào một buổi sáng tôi lên một chiếc xe jeep ở Anantnag, và sau tám tiếng trên xa lộ gập ghềnh núi non, tôi đã đến được Jammu.

Sáng hôm sau, trong khách sạn, tôi gọi điện cho một số người quen để hỏi thăm về thầy tôi. Họ không thể giúp gì được cho tôi. Chính phủ có danh bạ điện thoại nhưng nó hiếm khi hiệu quả. Tôi gọi nhưng không có ai trả lời. Một cuộc gọi khác, vẫn không ai trả lời. Đến cuộc gọi thứ năm, có tiếng trả lời tự động, “Chúng tôi rất vui khi nhận được điện thoại của bạn. Cuộc điện thoại của bạn rất quan trọng với chúng tôi. Nhân viên tổng đài của chúng tôi sẽ nhanh chóng hỗ trợ bạn”. “Nhanh chóng” có nghĩa là năm phút chờ đợi trước khi cuộc gọi bị ngắt. Tôi đã quá quen với điều này.

Tôi đi tới đi lui trong phòng rồi lại gọi. Có tiếng chuông điện thoại và tôi nghe giọng đàn ông, một nhân viên tổng đài thực sự. “Làm ơn cho tôi xin số điện thoại của ông Chaman Lal Kantroo được không? Ông ấy sống ở

Amphalla.” Tôi nghe tiếng đánh máy. “Ghi số nhé.” Tôi nhìn chăm chăm vào số điện thoại trên mẫu giấy, lấy bình tĩnh và bấm số. Vợ thầy trả lời điện thoại. Bà vẫn nhớ tôi; tôi có thể được nói chuyện với thầy mình nếu tôi gọi lại sau mười phút nữa. Tôi gọi lại và thầy bắt máy. Giọng thầy mệt mỏi và khàn đục. Có vẻ như ông không được khỏe. “Em có thể đến gặp thầy được không ạ?” “Đến đây trước mười giờ nhé,” thầy nói. “Thầy có hẹn với bác sĩ của thầy lúc mười giờ rưỡi.” Thầy ho khục khặc rồi chỉ đường cho tôi. Lúc đó đã chín giờ rưỡi rồi.

Tôi lao nhanh ra đường và chụp ngay một chiếc xe lô. Bác tài đạp hết tốc lực xuyên ngang những cái chợ, băng qua mấy chiếc cầu, vượt lên một con dốc, rẽ vào con đường nhỏ, rồi dừng lại. Chúng tôi đã đến một cột mốc, một nhà tù, trong vòng mười lăm phút. Tôi tìm đường đi đến căn nhà gỗ màu trắng của một nhà văn địa phương. Con đường mòn hẹp và hoang vắng dẫn tôi đến đó. Rồi một người bán rau chỉ cho tôi căn nhà. Từ nhà của nhà văn đó tôi phải đi con đường đầu tiên bên tay trái, thầy tôi sống ở căn nhà đầu tiên. Đó là một căn nhà gạch xuống cấp sơn màu vàng. Chuông cửa không kêu. Tôi gõ. Một cô bé ra mở cửa. “Cháu không biết ai tên Kantroo cả. Có một gia đình Pandit người Kashmir sống ở tầng thượng. Có thể là họ đấy.” Rồi nó biến mất sau tấm rèm cửa ở tầng trệt.

Cầu thang dốc dẫn lên tầng áp mái. Phía sau mớ quần áo treo trên dây nylon như một cái rèm cửa là căn gác xép. “Vào đi Basharat,” thầy Kantroo gọi to. Thầy ngồi trên chiếc giường cạnh cửa sổ duy nhất trong phòng. Chúng tôi bắt tay, rồi thầy bảo tôi ngồi xuống giường với thầy. Tôi ngắm thầy, thầy đã già đi nhiều. Gò má thầy hóp sâu, mái tóc gần như bạc trắng và bộ ria đen của thầy đã biến mất. Đôi lông mày của thầy vẫn đen và rậm rạp, đôi mắt thầy vẫn mang màu nâu thẫm nhưng dường như đã đánh mất sức sống. Tôi nhìn thấy trong đó sự cam chịu và nỗi mệt mỏi. Thầy phá tan sự im lặng, hỏi thăm tôi về cuộc sống và công việc, về những học sinh khác trong lớp tôi.

Tôi trả lời thầy trong lúc lướt mắt nhìn cái thau nhựa màu xanh da trời, một lưỡi dao cạo và một cái tách đựng kem cạo râu nằm trên tờ báo trước mặt

thầy. Một số bạn học của tôi giờ là bác sĩ, nhà sinh hóa, luật sư, hay kỹ sư và một số đã chết. Sơn tường bong ra từng mảng, còn chiếc quạt trần trên đầu thì quay âm ỉ. Tôi muốn hỏi thầy điều gì đã buộc thầy rời bỏ Kashmir mười hai năm sau khi cuộc xung đột vũ trang nổ ra. Tôi nhớ ông hiệu trưởng mới có nói về một “vấn đề” của thầy. Tôi đã không thể hỏi thầy.

Vợ thầy, người từng giúp thầy điều hành trường, góp chuyện với chúng tôi. Chúng tôi nói chuyện Kashmir. Tôi đã quên mất thầy cũng là một thi sĩ. Khi sắp ra về, tôi hỏi thăm chuyện viết lách của thầy. “Gần đây thầy không còn viết nhiều nữa. Thầy có viết khi thầy còn ở Kashmir. Có một tuyển tập thơ xuất bản năm 2002 đấy.” Ánh mắt thầy lấp lánh trở lại. “Nhưng tuyển tập đó không nằm trong tay những người bán sách. Thầy đã không chấp nhận điều khoản của họ. Hầu hết bạn bè và người quen của thầy đến đây đều lấy mỗi người một bản copy.”

“Bọn em cũng phải được đọc thơ của thầy chứ,” tôi quả quyết. “Thầy không thể giấu cả thế giới được.”

Thầy mỉm cười, dừng dừng trước các quyền lợi của việc xuất bản. “Quay ra đằng sau và lấy một bản copy trên kệ đi.” Tôi cầm trên tay một tập thơ mỏng, bìa cứng có tựa đề: *Tội lỗi muôn đời*. Tôi tạm biệt người thi sĩ – thầy tôi.

Gần nhà tù, tôi thấy một quán trà vắng và tìm một chỗ ngồi trong góc. Tôi mở cuốn sách để tặng “những sinh linh không tồn tại của thế giới.” Tôi lật sang một trang, ông chủ tiệm trà mang cho tôi một ly trà đầy. Tôi đọc bài thơ “Người thơ ngây vô hại,” mô tả một người đàn ông đang hấp hối:

Một cái nhãn nhuộm máu

Dính chặt vào ve áo của ông ta để: in...

Nó có nghĩa là indian, informer, hay insurgent?^[57]

Thật hoang mang khi nó để “innocuous innocent”^[58]

Tôi đã nhìn thấy những người chết đó: ông Prem Nath Bhat bạn của cha tôi, một vị luật sư Pandit tài ba, đã bị nghĩa quân bắn; ông Abdul Sattar

Ranjoor, một thi sĩ phe cánh tả ở Kulgam, bị sát hại trước khi ông có thể làm một bài thơ phản bác; ông Zahoor Dalal, một chủ tiệm khi đang đi dạo buổi tối đã bị đẩy vào một chiếc xe cảnh sát, bị bắn chết và được thay bộ đồ của quân phiến loạn. Các nhà báo chạy ngược chạy xuôi trên taxi, gõ lên bàn phím chiếc máy tính cũ kỹ những từ: NGƯỜI THƠ NGÂY VÔ HẠI.

Một bài thơ khác có nhan đề: “Những khát khao bị khóa chặt.” Tôi còn nhớ cuộc trò chuyện cuối cùng của chúng tôi trong văn phòng thầy Kantroo ở Kashmir. “Người ta không nói chuyện gì khác ngoài sự chết chóc. Nói về cuộc sống, nói về sách vở chẳng hạn.” Tôi đã tìm thấy câu trả lời trong đoạn thơ của thầy. Tôi rời quán trà rồi bước đi giữa bầy xe cộ, thờ ơ với mọi thứ, tôi ôm chặt cuốn thơ trong tay.

Thầy Kantroo nói với tôi là gia đình thằng Vinod sống tại một nơi tên Palora. Tôi gọi cho tổng đài để hỏi về cha nó và xin số điện thoại. Mẹ nó nói là nó làm việc ở Delhi. Vinod đã được đào tạo thành kỹ sư và làm cho một công ty máy điều hòa. Mẹ nó chỉ biết tên chứ không biết địa chỉ công ty hay số điện thoại của nó. Bà ấy bảo rằng nó định sang làm cho một công ty khác. Tôi để lại số điện thoại của tôi cho bà và bà hứa sẽ chuyển cho thằng Vinod.

Sau chừng ấy năm đi theo những hướng riêng rẽ và không giữ được liên lạc với nhau, tôi thấy thiếu kiên nhẫn quá. Tôi tìm kiếm tên công ty đó trên internet và có được một địa chỉ. Tôi nhìn vào màn hình máy tính mà không tin được vào mắt mình. Nó chỉ cách văn phòng tôi ở Delhi có một block nhà. Chúng tôi đã làm việc cách nhau chỉ một block và không bao giờ gặp nhau. Cũng có thể chúng tôi đã gặp nhưng không nhận ra gương mặt khi trưởng thành của nhau. Tôi tự hỏi chúng tôi đã bước qua mặt nhau bao nhiêu lần cùng với hàng ngàn nhân viên văn phòng khác. Tôi yêu thích Delhi vì sự ồn danh nó mang lại cho tôi, nhưng tôi cũng ghét chính đặc điểm đó. Tôi phóng nhanh tới phòng điện thoại và gọi đến công ty kỹ thuật ở Vasant Vihar. Giọng nói thân tình của người tiếp tân trả lời, “Thật xin lỗi anh. Anh ấy không còn làm việc với chúng tôi nữa. Anh ấy đã nhận một công việc khác rồi.”

Tôi trở về Srinagar mà không còn dấu vết nào. Một buổi trưa nọ, tôi bước vào quán cà phê internet ưa thích của mình, ngồi trên một cái ghế xa lông lờ lợc đợi đến phiên mình. Bản hòa âm mới của bài hát Bollywood thịnh hành nhất phát ra âm ỉ từ cái loa. Tôi cố đọc tờ báo cách đây vài ngày nằm trên bàn. Một thanh niên với mái tóc đen rẽ ngôi một bên và vàng trán hẹp bước vào. Anh ta trông có vẻ quen quen. Chúng tôi nhìn nhau tần ngần trong một giây.

“Vikas!”

“Basharat!”

“Trời ơi! Đúng là mày rồi!”

Lần cuối tôi thấy nó, nó còn là một thằng nhóc đứng bên cạnh Vinod trong tấm hình cũ của trường. Vikas và tôi đã từng tranh giành sự chú ý của một cô bạn cùng lớp trong một câu chuyện tình không đi tới đâu. Vikas cũng cùng gia đình di dân đến Jammu vào đầu những năm chín mươi. Chúng tôi mất liên lạc với nhau. Bây giờ nó làm quản lý kinh doanh cho một công ty dược phẩm ở Srinagar, chuyên đánh giá doanh số bán ra. Nó đang ở tại một khách sạn trên bờ hồ Dal. Tôi nói với nó, “Mày phải về nhà tao thôi, Vicky! Đẹp quách cái khách sạn đi!”

“Tao cũng muốn lắm nhưng mà hai tiếng nữa tao phải đi rồi. Phải đi chuyến bay buổi trưa này, nên tao chỉ ghé vào đây để gửi email về văn phòng.”

Chúng tôi kể cho nhau nghe về gia đình. Không đứa nào nhắc đến cuộc xung đột; nó có vẻ chẳng ăn nhập gì với cuộc gặp gỡ bất ngờ của hai người bạn sau mười lăm năm rông. Nó hỏi thăm mấy đứa bạn Hồi giáo cùng lớp của chúng tôi. Tôi hỏi thăm mấy đứa Pandit. Nó đã mất liên lạc với phần lớn bọn nó. Chúng tôi chia nhau điếu thuốc và cười ha hả về những chuyện của thời thơ ấu.

Khoảng một giờ sau, tôi tản bộ qua Polo View hướng về phía cầu Zero, bên ngoài khu vực phía nam của Srinagar nơi tôi đang ở. Những giai điệu nhạc trên radio thoát ra từ một chiến hào đơn độc gần cây cầu. Một tên lính

trông có vẻ cô đơn đang đứng sau một khẩu súng máy. Ánh hoàng hôn lấp lánh dưới dòng Jhelum xanh biếc, những tia sáng cuối cùng của nó đổ rục phía chân trời. Tôi nghĩ đến lời bà ngoại dạy tôi khi còn bé, “Khi có một người vô tội bị giết thì bầu trời chuyển sang màu đỏ.” Gần như ngày nào cũng có một người vô tội chết ở Kashmir kể từ sau mùa đông năm 1990.

Cái mền đen



Có hai từ đã đồng hành với tôi trong những chuyến hành trình. Bất kể tại bữa tiệc hay đám tang, trong chuyến viếng thăm một đền thờ đã bị phá hủy hay tại một phòng tra tấn, trong câu chuyện về một người xa lạ hay về chính cuộc đời tôi, trong một bài thơ hay một bức tranh, hai từ này luôn khẳng định sự hiện hữu của chúng: nghĩa quân và quân đội. Chúng lẫn khuất trong những trang viết về mỗi cuộc đời, kể cả cuộc đời của chính tôi. Chúng hiện diện như những bóng ma. Bạn bè tôi ở Delhi thường hỏi tôi xem chúng là ai, chúng giống cái gì. Tôi cũng hỏi chính mình tương tự. Tôi cũng muốn cầm súng, đánh nhau, giết chóc và chết. Một số người tôi biết, đã cầm súng vượt qua ranh giới, để tham chiến, giết chóc và chết. Một số thì sống sót.

Gần đây tôi đến thăm gia đình của Tariq anh họ tôi và gặp em trai anh ấy, Shabnam. Mười hai năm sau cái chết của Tariq, tôi đã cùng với Shabnam đi đến sân thể thao nơi chúng tôi nhìn thấy anh Tariq lần cuối. Trông nó thật hoang tàn. Những đám đông hò reo cổ vũ của tháng Tám năm 1992 đã tan rã rồi, quân khởi nghĩa cũng đã thiệt mạng. Thằng Shabnam nói về nghề nghiệp của nó và về một cô gái. Nó muốn cưới cô ấy, nhưng cha mẹ cô gái phản đối mối quan hệ này. Mọi sự trở nên tồi tệ khi một người bà con của cô nhìn thấy nó chở cô trên chiếc xe đạp và thả cô xuống bên ngoài trường cao đẳng cô đang theo học, và người đó than phiền với cha mẹ cả hai về sự ương ngạnh của chúng. Bây giờ hai đứa bí mật gặp nhau tại nhà một người bạn. Shabnam đã hỏi xin cha nó về việc cưới cô và muốn ông đến đặt vấn đề với cha mẹ cô.

Cha nó đã nói về danh dự của gia đình, về việc phải gả con cái ông cho những gia đình đáng kính trọng, về việc gia đình cô gái là dân mới phát lên. Thăng Shabnam đã năn nỉ bạn bè và bà con thuyết phục cha nó, nhưng ông cụ là một người cứng nhắc và không thay đổi.

Shabnam đã phá bỏ luật bất thành văn của cha: Nó nói đến cái chết của người anh trai mình. Những gia đình mất người thân trong cuộc xung đột hiếm khi nhắc đến người đã khuất. Nó chất vấn cha nó và nói ra những lời đau đớn nhất: “Anh Tariq đã không quay sang cầm súng nếu như cha cho phép anh ấy cưới người con gái anh thích.” Giờ thì nó ân hận vì những lời lẽ đó. Từ đó đến giờ, cha nó đã thu mình lại trong một nỗi im lặng muộn phiền. “Tao nên làm gì đây? Tao thấy có lỗi khi đã nhắc đến anh Tariq, nhưng tao không thể bỏ cô ấy được. Tao nên bỏ nhà đi và kết hôn tại tòa thị chính, hay là tao nên từ bỏ tất cả?” Cuộc chiến giữa các quốc gia và cuộc chiến của con tim bao giờ cũng là đau khổ, khao khát và nước mắt.

Trước khi tham gia nghĩa quân, anh Tariq là một học sinh nghiêm túc. Tôi nhớ anh luôn tỏ ra lễ phép với cha tôi. Mỗi khi tôi đến thăm nhà anh, một là anh sửa sang cái gì đó trong chiếc xe đạp của mình, hai là anh chơi cricket trong sân chơi gần đó. Tôi đã được nghe về chuyến trở về nhà vợ và đây lo lắng nhưng lại biết rất ít về cuộc đời nghĩa quân của anh. Tôi đã không thể hỏi cha hay em trai anh về chuyện đó. Tôi nghĩ về nhiều người trẻ tuổi tôi quen biết trong thời niên thiếu đã gia nhập những phe nhóm như vậy. Nhưng tôi phải thật cẩn thận. *Cuộc xung đột vẫn chưa chấm dứt*, tôi tự nhắc mình.

Rồi tôi chợt nhớ đến Asif, một thằng bạn ở trường tham gia nghĩa quân trong nhiều năm và đã trở lại cuộc sống thường dân. Tôi đã không gặp nó khi còn đi học trong những năm chín mươi. Tôi lướt qua cuốn album của mình và tìm thấy một tấm ảnh chụp thời đi học: tôi mới mười lăm tuổi và đứng cùng Asif trong một khu vườn trước trường nội trú của chúng tôi. Bọn tôi sống cùng một ký túc xá và chơi trong cùng đội bóng chày.

Asif rất bảnh bao. Tôi ganh tị với sự chú ý của phái nữ dành cho nó và với những món phụ kiện của nó như đôi giày Kamachi. Kamachi là loại giày thể

thao của Nga mà quân khởi nghĩa đã biến thành một thời trang. Đối với thanh thiếu niên của Kashmir thời kỳ đầu những năm chín mươi, tên của Che Guevara và Malcom X không hề được nhắc đến, mà những nghĩa quân sải bước trên triền dốc của chiến tranh mới quyết định trào lưu thời trang. Các nghĩa quân thay đá trên nhẫn bằng những viên đạn, thì đám con trai cũng thay đá trên nhẫn của chúng bằng những viên đạn. Một loạt trang sức kiểu quân đội trở thành thời thượng. Truyền thống đeo bùa hộ mạng Sufi được cải biên bằng một sợi dây đeo vỏ đạn Kalashnikov. Thằng Asif có giày Kamachi, có nhẫn mặt viên đạn và bùa hộ mệnh là một vỏ đạn. Nó rất ngầu.

Tôi rời thành phố Srinagar vào một sáng tháng Tám để đến Anantnag, nơi tôi lên xe buýt để đi về làng thằng Asif ở xa tít về phía nam. Tôi không biết chắc nó có ở đó hay không, thậm chí tôi còn không có số điện thoại của nó nữa. Chiếc xe buýt chạy qua nhiều ngôi làng của người Kashmir và khoảng một giờ sau dừng lại ở một trạm kiểm soát của quân đội gần làng thằng Asif. Việc soát người, đòi chứng minh thư và hỏi những câu cộc cằn trước đây từng gây cảm giác nhục nhã, bây giờ đã trở thành lệ, giống như việc đánh răng vậy. Bọn lính cho chúng tôi đi qua, chiếc xe buýt chạy tiếp rồi dừng lại tại làng. Tôi băng qua sân đậu xe buýt đến một tiệm tạp hóa treo lủng lẳng một biển quảng cáo Coke với tấm hình cỡ người thật của nữ diễn viên Bollywood, Aishwarya Rai.

Hai cậu trai rời việc trước cửa tiệm chỉ cho tôi nhà của Asif. Chúng tôi chen chúc qua một mê hồn trận những con hẻm và đến cổng của một biệt thự có hai ban công gỗ. Một trong hai cậu trai chạy vào trong rồi quay lại cùng với cha của Asif, một người đàn ông gầy, đầu hói ngoài năm mươi mặc áo khoác kiểu Nehru rất phổ biến trong giới chính khách.

“Asif có nhà không ạ?” tôi hỏi thăm.

“Cậu là ai?” bác ấy hỏi trong khi nhìn tôi soi mói.

Tôi tự giới thiệu. Bác trở nên nồng hậu hơn và mời tôi vào nhà. “Bác thật xin lỗi. Bác không chắc cháu là ai,” bác nói. “Ai cũng nên cẩn thận.” Chúng tôi ngồi trong phòng khách lót thảm. Một bức họa về thánh địa Mecca và một

bức ảnh rẻ tiền in mấy chú ngựa hoang treo trên tường. Asif đang đi thăm một ông chú sống tại đầu bên kia làng. Trong làng không có điện thoại. Cha nó nhờ hai thằng con trai chạy đi gọi nó. “Ở đây có một phòng điện thoại dùng cho cả làng hồi năm ngoái,” bác ấy nói với một tiếng thở dài, “nhưng mà nó không hoạt động nữa.”

“Chuyện gì đã xảy ra vậy bác?”

“Nghĩa quân nghĩ rằng nó có thể được dùng để báo tin cho quân đội về hành tung của họ, nên họ đã cho nổ tung căn nhà nơi nó được lắp đặt. Căn nhà bị hư hại và một nửa gia đình đó bị giết. Không ai dám nghĩ đến việc dùng điện thoại nữa.” Làng của bác và làng kề bên có tiếng về sự hiện diện đông đảo của cả nghĩa quân lẫn lính quân đội. Những người sống ở đó hoặc tuân lệnh quân đội, hoặc tuân lệnh nghĩa quân.

Em gái của Asif mang trà ra. Cô bé học văn chương ở trường đại học, còn Asif sắp lấy bằng thạc sĩ về lịch sử. Tôi nhớ cha của Asif là luật sư nên hỏi thăm bác ấy về việc hành nghề của bác để kéo dài cuộc chuyện trò. “À, thỉnh thoảng bác có đến tòa án. Thật ra bác chưa bao giờ đam mê ngành luật. Bác kiếm tiền nhờ vào những vườn táo của mình.” Bác ấy dừng lại một chút rồi nói thêm một cách mệt mỏi, “Bác đã từng mơ được làm chính trị. Bác muốn ra tranh cử, làm một chính trị gia. Đó là tham vọng duy nhất của bác.”

“Bác có gia nhập đảng phái chính trị nào không?”

“Cháu tưởng bác muốn chết à?” bác ấy cười to. Bác từng là thành viên một đảng cầm quyền, Đảng Hội nghị Quốc gia, cho đến năm 1989. Sau khi chiến tranh bắt đầu, bác đã đăng đơn từ chức trên những tờ báo địa phương, giống như những nhà hoạt động thuộc các đảng phái ủng hộ Ấn Độ khác. Các nhóm nghĩa quân cũng như phe Ấn Độ không dung thứ cho bất cứ sự bất đồng chính kiến nào nên đã giết hại nhiều nhà hoạt động. Những lá đơn từ chức công khai đã cứu biết bao mạng người. Cha của Asif đã từ bỏ những tham vọng chính trị và bám chặt vào việc trồng táo.

“Basharat,” một giọng phấn khích gọi tôi ngoài cửa. Tôi quay lại, thấy một thanh niên cường tráng với mái tóc ngắn và đôi mắt đen láy trên khuôn

mặt hút hồn như tạc. “Mày đã ở đâu trong suốt những năm qua?” Asif gào lên. Chúng tôi ôm nhau. Tôi luôn thấy ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của tình bằng hữu tôi tạo dựng được trong quãng đời thơ ấu của mình. Tôi gặp bạn nó sau cả một thập kỷ và cảm thấy như mình chưa bao giờ đi xa. Cha nó để cho chúng tôi chuyện trò một mình. Asif nói năng chậm rãi, cẩn trọng và có vẻ như đến giữa chừng lại quên bằng nó định nói gì. Nó sống trong khu nhà trọ của trường đại học ở Srinagar và về thăm cha mẹ mỗi tháng một lần. Nó đến lớp và đọc bài vở. “Chẳng có nhiều việc để làm sau giờ học,” nó nói, “nói chung tao chỉ ngồi ở bờ hồ hay ở trong phòng.”

Nó uống trà và nhìn tôi như thể cần nhắc xem có nên nói cho tôi nghe một điều gì đó không. Tôi đến để hỏi thăm nó về cuộc đời làm nghĩa quân. Nhưng tôi không thể hỏi câu đó. Có vẻ việc tôi tha thiết muốn tìm hiểu về đời nghĩa quân của một người bạn cũ là không thích hợp.

Sau một hồi nó bắt đầu kể về cuộc sống của nó sau khi ra trường. Nó quay về làng và học tại một trường cao đẳng địa phương. Được bao bọc bởi những ngọn núi nân khô cằn, làng của nó trở thành căn cứ của nghĩa quân. Họ điều hành công khai, súng vắt trên vai, thắt lưng dắt đầy lựu đạn. Các toán lính tuần tra Ấn Độ thường tránh xa nơi đó. Không hề có tivi, điện thoại, kể cả bệnh viện hay những dịch vụ đàng hoàng ở nơi này. Nghĩa quân sống cùng nhà và ăn cùng mâm với dân địa phương.

Asif được làm quen với một số vị chỉ huy nghĩa quân. Nó thấy ấn tượng và ngày càng bị họ ảnh hưởng. Rồi một ngày kia nó bỏ nhà để đi theo lũ bạn bè nghĩa quân. Tại vô số điểm ẩn náu, nó học cách bắn súng, ném lựu đạn, kích nổ những bãi mìn và lập kế hoạch tác chiến du kích. Nó lang thang từ làng này qua làng kia với những người bạn chiến đấu. Tôi cố gắng hình dung thằng Asif trong bộ quần áo dã chiến, được trang bị các loại vũ khí giết người. Nó đã là nghĩa quân trong hai năm ròng.

“Mày thấy thế nào?” rốt cuộc tôi cũng hỏi.

“Thật đáng sợ,” Asif trả lời. “Tiểu đoàn đối xử với tao tử tế lắm. Tụi tao di chuyển cùng với nhau và nói chung là hài lòng với bản thân mình lúc đó.

Nhưng tao thấy đau lòng khi tụi tao phải chạy hết làng này đến làng kia, tìm nơi trú ẩn và thức ăn. Người dân đón tụi tao vào nhà họ. Nhưng nhiều lúc tao cảm thấy người ta cho tụi tao ăn vì họ sợ. Tao cảm thấy không được chào đón, gần như là một miếng ăn mà có vũ khí vậy. Tao đã lớn lên trong sự giàu có và cha mẹ tao mua cho tao những gì tao đòi. Và rồi tao lại thành một quân khởi nghĩa ngủ trong một căn nhà nơi chủ nhà sợ lính quân đội có thể đến bất cứ lúc nào. Người ta mỉm cười nhưng trong bụng chỉ ước gì tụi tao đi khỏi. Tao không ngủ được và rất nhớ gia đình.”

Asif thấy khó khăn khi nói về những ngày tháng đó.

Tôi thật sự muốn hỏi nó đã giết ai chưa. Thay vào đó, tôi hỏi nó về sự chia tay với nghĩa quân. “Ngày nọ, chỉ huy bảo tụi tao phải tấn công một đoàn xe vũ trang của quân đội. Tao nhặt khẩu Kalashnikov của mình lên. Lúc tụi tao sắp lên đường thì tao bắt đầu run lẩy bẩy. Tao thấy quá sợ hãi và cái chết xem ra rất thực. Tao bỏ ngũ không lâu sau đó. Những người chỉ huy đã khá tử tế khi cho tao ra đi.”

Chúng tôi rời nhà nó, đi bộ ra trạm xe buýt và mua hai lon Coke trong tiệm có cái hình quảng cáo của Aishwarya Rai. Asif mê cô đào Aishwarya và xem tất cả phim cô ta đóng. Tôi lại thấy cô ta máy móc quá và nói với nó như thế. Chuyện đó làm cho bầu không khí nhẹ hẳn đi. Chúng tôi trở lại là mấy thằng nhóc. Asif nói về chuyện sẽ tốt nghiệp đại học ở địa phương và sẽ thử học lấy bằng tiến sĩ ở Delhi hay một thành phố nào đó của Ấn Độ. Tôi ủng hộ việc học ở Delhi. “Nó là thành phố tốt nhất dành cho sinh viên. Mà sẽ tìm được các thầy giỏi và những thư viện tuyệt vời. Mà thử tìm hiểu Đại học Delhi và Đại học Jawaharlal Nehru xem.”

Nó đồng tình. “Sống ở đó chắc là vui lắm.”

“Có thể rất tuyệt đấy.”

Trên mặt nó nở một nụ cười láu lỉnh. “Nói thật cho tao nghe một chuyện nhé?”

“Cái gì?” tôi cũng tò mò.

“Mày có đi sà ở Delhi không? Mày có nhảy với bọn con gái không?”

Tôi kể cho nó nghe về những lần thử ngược chết người của mình. Chúng tôi cười ha ha.

Rồi chúng tôi bắt tay nhau. Tôi nhảy lên một chiếc xe buýt đang chạy ra khỏi sân đậu. Asif quay lại nhà. Từ trên xe tôi nhìn theo nó. Tôi mừng cho Asif, mừng vì nó đã sống sót và trở về.

Tôi về đến Anantnag sau khi mặt trời lặn. Thị trấn vắng tanh, các cửa tiệm đã đóng cửa và những nhóm hành khách tụ lại tại bãi đỗ xe buýt. Tôi quyết định không đi về Srinagar nữa và chờ một xe buýt đi về làng tôi. Sau vài phút, một chiếc xe lồi dừng lại và ông tài xế la to tên của một khu vực gần làng tôi. Nửa giờ sau tôi được gõ cái cửa sắt nhà mình. Vài phút thinh lặng. Rồi Ngoại tôi hỏi, “Ai đó?” “Con là Basharat đây, Ngoại ơi!” Cánh cửa mở ra. Tôi bắt tay Ngoại và hai đứa em họ của tôi đứng sau lưng ông như những vệ sĩ.

Sau bữa ăn tối, tôi ngồi trên cái ban công nhỏ, nhìn ra đường cái và xa hơn là cánh đồng lúa trải dài nhiều dặm cho đến tận cánh cung tạo bởi những ngọn núi. Vầng trăng khuyết đang đổ xuống làng tôi một thứ ánh sáng trắng nhờ nhờ. Có tiếng suối róc rách ở đằng xa. Tôi ngồi trên một cái ghế, gác một chân lên cái ghế khác, rồi vươn vai vặn mình một chút. Tôi lại suy nghĩ về Asif và những ngày chiến đấu của nó. Nó có nói về cảm giác nhớ nhà.

Tôi hiểu ý nó. Nó đã không thể cãi nhau với thằng em họ mười bốn tuổi về vụ đổi kênh tivi và chống lại cố gắng của bà ngoại ép nó dùng phần ăn đủ cho ba người. Làm một nghĩa quân không chỉ gồm việc huấn luyện vũ trang và chiến đấu mà còn là việc bị tước đoạt những niềm vui giản dị nhất của cuộc sống.

Một số nghĩa quân trở thành các nhân vật bí ẩn, nhưng họ đều chết cả. Và những người mà họ giết cũng vậy. Dân chúng trở về nhà sau những đám tang và những câu khẩu hiệu và tiếp tục cuộc sống của họ cho đến đám tang tiếp theo và một loạt khẩu hiệu sau đó. Tôi đã chứng kiến điều đó vào đầu những năm chín mươi và lại nhìn thấy nó lần nữa vào mùa xuân năm 2004 trong một lần đến thăm nhà người bạn cũ Hilal của mình.

Hilal sống trong một làng phía nam thị trấn Anantnag dọc theo xa lộ từ Srinagar đến các đồng bằng Ấn Độ. Chúng tôi học cùng một trường cao đẳng, sống trong cùng một ký túc xá và có lúc cùng lãng phí tuổi trẻ của mình. Chúng tôi vẫn giữ liên lạc. Cậu ta là một thanh niên cao, gầy với mái tóc quăn và đôi mắt xanh hiếm động. Trang phục thường ngày của cậu là quần jean áo thun và cậu gần như luôn bước đi vội vã, tay ôm cuốn tiểu thuyết hay cuốn sách gì đó. Cậu làm phóng viên một thời gian sau khi ra trường nhưng đã bỏ nghề sau khi va chạm thực tế khắc nghiệt. Sau đó cậu quay sang học ngành xã hội học ở trường đại học Srinagar. Bây giờ cậu trông giống phiên bản trưởng thành hơn của chính cậu so với thời chúng tôi còn học cao đẳng – cậu đi lại với một cặp đũa sách. Cậu ta khá nổi tiếng vì không bao giờ trả những cuốn sách mình mượn.

Sáng hôm sau tôi lên đường đi thăm Hilal. Tại trạm xe buýt ở Anantnag, một nhóm nhân viên văn phòng cũng đợi như tôi. Trong khoảng nửa giờ, không có một chiếc xe buýt nào. Chúng tôi tự hỏi lý do nào gây ra sự chậm trễ này và hy vọng không phải là một vụ tổng đình công. Bên cạnh xa lộ, một dãy nhà nghỉ trở nên nhộn nhịp, một trung đoàn lính đang tuần tra, những sinh viên rải bước đến ngôi trường gần đó và một cảnh sát chốt tại một vòng xoay vắng bóng xe cộ.

Rồi một chiếc xe tải thẳng kít lại gần trạm xe buýt. Hai mươi mấy người đàn ông ăn mặc tồi tàn nhảy xổ ra và đứng gần chỗ vòng xoay. Tôi nghe tiếng hét xung trận *Allah-o-Akbar* và quay người lại. Cái điệu bộ cương quyết chống lại một đối thủ vô hình nào đó có vẻ mạnh mẽ một cuộc biểu tình. Những người đàn ông đó vẫn kiên trì hò hét. Các nhân viên nhà nghỉ, những ông chủ tiệm, khách qua lại văn phòng và các sinh viên nhìn họ đề phòng. Viên cảnh sát có vẻ hồi hộp, còn những người chờ xe cùng tôi thì thầm: “Đã có ai bị bắt chưa?”

Một thanh niên lanh lợi ôm một bó củi nhúng vào xăng rồi dùng diêm châm lửa. Cậu ta chia cho mỗi người hô khẩu hiệu một thanh đang cháy. Họ cầm những thanh gỗ cháy như những cây đuốc Olympic và di chuyển thành

vòng tròn, hô đồng thanh, “Bóng tối bao phủ khắp nơi.” Viên cảnh sát cố sức ngăn nhưng họ vẫn tiếp tục. Khi lính quân đội đến, những người cầm đuốc đứng khựng lại. Viên cảnh sát nói gì đó với bọn lính, rồi chụp lấy một cái dùi cui và nhập vào đám lính kiên quyết trong cuộc tấn công bằng dùi cui. Những người biểu tình chạy tán loạn. Những thanh củi đang cháy rơi vãi xung quanh vòng xoay. Viên cảnh sát cùng bọn lính dập tắt những đốm lửa lay lắt bằng những đôi giày ống nặng nề. Những người ngoài cuộc đứng nhìn, một số còn mỉm cười.

Một lát sau tôi hỏi viên cảnh sát về những người biểu tình. “Họ đến từ mấy cái làng hẻo lánh và không có điện,” ông ta nói. “Bởi vậy họ đến đây để gây náo loạn giao thông trên xa lộ và buộc chính quyền phải xem xét những đòi hỏi của họ.”

Tôi gọi điện cho Hilal. Cậu ta nói với tôi là trên đường lớn không có xe buýt vì quân đội đã giết một chỉ huy quân khởi nghĩa ở một làng gần đấy. Người ta đã kêu gọi đình công để bày tỏ sự đoàn kết. Hilal đến đón tôi bằng xe máy. Chúng tôi quẹo vào một con đường đất chạy loằng ngoằng từ xa lộ xuyên qua những cánh đồng. Trong nhiều dặm không hề có một phương tiện giao thông nào khác, làng xóm dường như đang thiếp ngủ. Con đường đất chạy thẳng vào làng của Hilal và chúng tôi vượt qua mặt những đoàn xe tải chở đầy đàn ông, đàn bà và trẻ em đang hoang mang. Hilal kể cho tôi nghe là vị chỉ huy quân khởi nghĩa bị sát hại là người cách làng cậu ta hai dặm. Những chiếc xe tải đó đang chở những người than khóc đến đưa tang anh ta. Chúng tôi đậu xe lại và quan sát những người đang than khóc thì mấy thiếu niên địa phương bước đến chỗ Hilal và hỏi cậu ta có muốn đi đưa tang không. “Xe tải sẽ chạy về đó. Anh có thể đi cùng.”

Chúng tôi không chắc việc này an toàn đến mức nào nhưng vẫn quyết định đi theo và không lâu sau thì chúng tôi đã rong ruổi trên đường. Khi chúng tôi đến gần làng thì bắt đầu nhìn thấy hàng đoàn xe tải và xe hơi nối đuôi nhau như suối chảy về nơi có đám tang. Nam phụ lão ấu đi như chạy về hướng ngôi nhà của vị chỉ huy bị sát hại. Chúng tôi mất nửa giờ cho nửa dặm

đường. Rồi chúng tôi đậu xe lại và đi theo một đám người đang ngày càng đông. Tôi nhìn thấy những mái đầu tạo thành những ngọn sóng nhấp nhô. Người ta đứng trên bức tường đắp bùn bao bọc con đường làng, trên hàng hiên của những ngôi nhà, trên những vựa thóc và trên những chuồng bò. Lũ choai choai hí hửng xem cảnh tượng này trên các chạc cây. Chúng tôi còn nghe những khẩu hiệu đòi tự do bằng tiếng Urdu: *Hum Kya Chahte? Aazadi!* (Chúng ta muốn gì? Tự do!)

Nơi ở của vị chỉ huy là một căn nhà xác xơ có tường gạch sơn màu nâu thẫm. Thi thể anh đang được mang ra nghĩa trang. Tôi leo lên một vách tường trát bùn và nhìn thấy một cái xác đắp khăn choàng lụa màu xanh lá cây nằm trên sạp: đó là Arif Khan, chỉ huy khu vực phía nam của quân Hizbul Mujahideen. Chiếc sạp được đưa qua những mái đầu, những thân thể chen chúc và những cánh tay cố vươn ra để đỡ lấy nó. Làn sóng đó di chuyển như cơn lũ, như thể được tiếp thêm sinh lực bởi hình bóng của người đã chết. Tôi lạc mất Hilal trong đám đông. Tôi nhìn vào những khuôn mặt quanh mình. Họ không giống những người biểu tình được thuê mướn và được chở đi trên xe buýt từ làng này sang làng khác bởi các phe phái chính trị để gây ấn tượng với những nhóm phóng viên truyền hình trong những công viên ở Srinagar. Một số người khóc, một số cố kìm nước mắt, còn một số khác thì bưng bưng nổi giận. Nhiều người nhẹ nhàng chạm vào tấm vải liệm rồi xoa lòng bàn tay mình lên trán và ngực. Đó là một nghi thức của người Kashmir tại những đền thờ thánh Sufi, nơi người ta xoa tay lên những nấc thang dẫn lên ngôi mộ của vị thánh hoặc lên mảnh vải phủ trên mộ của vị thánh đó. Đoàn người tiến về phía trước với nhiều khẩu hiệu hơn:

Arif, Tere Khoon Se inquilab Aayega!

(Arif, máu của anh sẽ mang đến cuộc cách mạng!)

Ae Zaalimo, Ae jaabiro Kashmir Hamara Chorr Do!

(Này lũ bạo ngược! Này lũ bạo hành! Hãy rút khỏi Kashmir của chúng tao!)

Arif Se Poocho! Arif Kahta hai! Aazadi!

(Hỏi Arif đi? Và anh ấy sẽ nói với bạn: tự do!)

Những người khiêng chiếc sạp đi ngang qua chỗ tôi đứng trên tường. Tôi rướn người để nhìn thi thể người nghĩa quân bị sát hại. Khan vừa trạc ba mươi, dáng người thấp, gầy và cái đầu hói làm cho gương mặt anh dài ra. Tôi nhìn thấy đôi mắt đen vô hồn hé mở của anh và những vết máu không được lau sạch lấm tẩm trên trán. Tôi nhìn thấy chiếc áo sơ mi màu xám anh mặc khi chết. Đoàn người vẫn cứ đi. Một thanh niên trèo lên tường, tay cầm một chiếc giày da màu đen la to, “Chiếc giày này là của ai?” Một thiếu niên làm mất giày quay mặt lại nhìn rồi nói nó không phải của cậu.

Tôi nhập vào đoàn người đưa tang. Tôi nghe tiếng hát ở phía trước. Giống như tiếng đồng ca nữ đang ngân nga những bài dành cho lễ cưới, nó vút lên qua tiếng hô khẩu hiệu sôi nổi của đám đàn ông. Âm điệu của nó gợi cho tôi nhớ lại một bài hát mà đám con gái làng tôi hát vào cái đêm trước lễ Eid. Có một nhóm khoảng năm mươi phụ nữ theo sau đoàn tuần hành. Tôi đi phía sau họ. Một số người sửa sang khăn đội đầu, còn một số khác cứ để khăn tuột xuống khi họ lướt qua đường phố và hát: “*Shaheedo Mubarak! Shaheedo Mubarak!*” (Xin chúc mừng! Ôi người nghĩa quân! Anh đã chết vì nghĩa lớn!)

Bên ngoài nghĩa trang, đồng đội của người chỉ huy bị giết đang khẳng định sự trường tồn của tổ chức sau cái chết của anh. Một nhóm nghĩa quân khoảng hai mươi tuổi giơ cao những khẩu Kalashnikov và súng lục Trung Quốc màu đen và tiễn đưa người chết bằng những loạt đạn xuyên thấu trời xanh. Một người có râu mép cầm súng lục thét to phiên bản Kashmir của câu “Nhà vua băng hà, nhà vua sống mãi!” là: “*Zinda Hai HM*” (Hizbul Mujahideen sống mãi). Nghĩa quân và người đưa tang đồng thanh thét to, “*Zinda Hai*” (Anh sống mãi).

Một nhóm người vây quanh huyết được đào sẵn dành cho chỉ huy Khan. Đất ẩm ướt mới đào được đắp quanh hố. Những người hộ tang đặt chiếc sạp gần huyết. Nhiều người khác đến. Họ muốn nhìn mặt Khan trước khi anh được chôn cất. Người đưa tang tranh cãi, việc an táng bị hoãn lại. Cánh cổng gỗ của nghĩa trang kêu ken két trước lượng người khổng lồ đang cố đẩy nó

mở ra. Người ta xô đẩy hàng rào.

Tôi nhảy qua được hàng rào và đang chen lấn tìm lối ra ngoài thì một phụ nữ trung niên bé người túm lấy cổ áo tôi và hét lên, “Nghe tôi nói này.” Gương mặt bà ta bóng loáng vì mồ hôi, gần như cùng sắc độ với chiếc áo choàng màu hồng tươi bà đang mặc. “Cậu ta được sinh ra ở đây, nhưng lớn lên, chiến đấu và chết tại làng tôi. Tôi đã đi bộ mười dặm đường cùng với hàng trăm người để đến đây. Hãy nói với họ là họ không thể chôn cất cậu ta cho đến khi chúng tôi thấy mặt cậu.” Tôi nói với bà là việc an táng đã bị hoãn lại. Bà ôm chầm lấy tôi rồi lao vào hàng rào nghĩa trang, vốn cũng đã đổ rạp xuống.

Tôi chen lấn ra khỏi đoàn người, cởi áo khoác, rửa mặt và uống nước ở cái vòi bên vệ đường. Tôi nghỉ ngơi một chút trước một cửa tiệm. Đây có vẻ giống một ngày của những năm chín mươi, khi những đám tang như thế được tổ chức hầu như mọi ngày, ở khắp mọi nơi.

Một ông già đứng cạnh cửa tiệm nhìn tôi dò xét. Tôi có thể thấy ánh mắt ông thu vào chiếc áo khoác bông, chiếc quần nhung, cái túi đeo ngang người và cuốn sổ ghi chép của tôi. “Cậu không phải dân ở quanh đây đúng không?” ông ấy hỏi. Tôi nói cho ông biết tên của làng tôi. Có thể ông thấy tôi không giống một người đưa tang. “Điều gì khiến cậu đến đây?” Tôi nói, “Cháu là nhà báo.” Ông ấy thốt lên cái từ đó với vẻ khinh bỉ và hét lên, “Những người làm truyền hình đâu? Đi nói cho họ biết chuyện gì đã xảy ra ở đây! Bảo họ rằng đây mới là thứ đáng phát sóng trực tiếp.”

Hilal đợi tôi bên ngoài dãy xe dài hàng dặm. Cậu có vẻ mệt vì trải nghiệm này, tôi cũng không khác gì. Chúng tôi về làng cậu. Dựa lưng vào mấy tấm nệm trong phòng cậu ta, phấn chấn hơn nhờ tách cà phê ngon, chúng tôi dần lấy lại sức lực đã tiêu tốn vì đám tang cuồng nhiệt đến chóng mặt. Hilal nhìn thế giới theo cách của một sinh viên xã hội học. Cậu nói về sự pha trộn giai cấp của đám đông đưa tang: các tầng lớp trung trở xuống và tầng lớp nông dân. Bị cuốn hút bởi vai trò của truyện thần thoại và cổ tích trong một xã hội như Kashmir, cậu kể lại những chuyện nhuộm màu thần thoại cậu được nghe

về Arif Khan ở đám tang. “Có người nói là anh ta đổi trang phục để thoát khỏi sự lùng sục của quân đội. Có ngày anh là gã chăn dê đang lừa đàn dê trên xa lộ, có ngày anh lại là một người du mục Gujar mặc gi-lê và đội khăn xếp cưỡi ngựa đi ngang một tiểu đoàn tuần tra của quân đội.”

Bản chất cuộc đấu tranh ly khai ở Kashmir đã thay đổi. Phe ủng hộ độc lập JKLF đã bị lấn át bởi phe ủng hộ Pakistan Hizbul Mujahideen từ năm 1994. Cho đến giữa những năm chín mươi, quân khởi nghĩa liên Hồi giáo người Pakistan của Lashkar-e-Taiba và sau này của Jaish-e-Mohammed đã có sự hiện diện đáng kể. Quân khởi nghĩa Hồi giáo Pakistan chủ yếu giao thiệp với nhau và không hòa đồng với cộng đồng nói chung như quân khởi nghĩa Kashmir. Hai phe Lashkar và Jaish tin vào việc đánh bom cảm tử, còn quân khởi nghĩa Kashmir – kể cả quân Hizbul Mujahideen theo Hồi giáo – lại tránh việc đó. Tôi chưa bao giờ gặp hay phỏng vấn một người thuộc phe Lashkar hay Jaish nào ngoại trừ thấy trên tivi hoặc trên báo, nơi trưng hình những người chết bị lính Ấn lôi đi xềnh xệch sau một vụ tấn công cảm tử vào một doanh trại quân đội. Phần lớn những bài phóng sự đó mô tả họ hoặc là dân nghèo hoặc là con cô của cuộc chiến tranh ở Afghanistan, được nuôi dạy trong những trường Hồi giáo rồi bị đẩy sang Kashmir bởi những người chăm nom họ vốn làm việc cho quân đội và cơ quan tình báo của Pakistan.

Tôi có một cảm thức về những nghĩa quân Kashmir. Tôi biết hoàn cảnh của họ và có thể định vị được họ ở đâu đó trên bản đồ xã hội. Nhiều người họ đã bị giết, như anh họ Tariq và Pervez bạn tôi; nhiều người khác đã hạ vũ khí và trở về với cuộc sống thường dân lặng lẽ, như bạn học Asif của tôi; và nhiều người khác đã theo tất cả phe phái, cố tận dụng những gì có thể từ sự hỗn loạn và rối ren của cuộc xung đột, như Yusuf đã làm.

Tôi biết Yusuf hồi tôi còn bé. Kể từ đó gã đã trải qua nhiều mảnh đời khác nhau. Năm 1987, Yusuf giữ một chức vị thấp trong sở cảnh sát địa phương. Những lúc rảnh rỗi gã lẩn quẩn ở xung quanh Heaven, cái rạp hát duy nhất ở Anantnag, thu gom vé và bán lại cho đám người tụ tập chờ xem kịch để kiếm lời. Năm 1991, Yusuf trở về sau bốn tháng ở trại huấn luyện vũ trang tại

Pakistan. Tôi thấy gã trên đường, bên ngoài nhà tôi. Gã mặc một áo khoác da đắt tiền với quần jean xanh và áo sơ mi trắng, túi quần ló ra một khẩu súng ngắn sáng loáng màu bạc. “Thầy hiệu trưởng có nhà không vậy?” gã hỏi thăm Ngoại tôi, người từng dạy gã cũng như đã dạy hàng ngàn học sinh khác. Yusuf ngồi trên ghế salon trong phòng khách của chúng tôi và nói với Ngoại, ra dáng trịnh trọng, “Thầy hiệu trưởng kính mến, em xem thầy như một người cha vậy. Nếu có ai làm khó dễ thầy thì hãy nói với họ rằng thầy là thầy của Azad Khan (tên mới của Yusuf).” Gã để khẩu súng lên bàn rồi ăn bánh quy và uống trà. Ngoại tôi nói vài chuyện xã giao rồi lưỡng lự hỏi, “Cậu đã làm trong sở cảnh sát và biết cách dùng súng rồi. Vậy tại sao cậu lại sang Pakistan?”

Yusuf phá lên cười. “Chỉ để thấy Pakistan thôi! Rồi thêm nữa là, nó giống như một chứng chỉ, một bằng cấp chứng nhận nghĩa quân thực thụ! Nếu không thì người ta không tin em.”

Năm 1995, tôi gặp Yusuf lần nữa tại Anantnag, bên ngoài một doanh trại chống quân khởi nghĩa. Gã nói rằng việc làm quân ly khai quá nguy hiểm. Cái chết có vẻ quá gần bên, nên gã đã đổi phe, sống dưới sự bảo vệ và đỡ đầu của quân đội Ấn Độ.

Năm 1996, sau sáu năm Delhi cai trị trực tiếp, Ấn Độ quyết định tổ chức bầu cử địa phương tại Kashmir. Cuộc bầu cử biến thành một trò hề. Gần như không ai đi bầu. Phe chống khởi nghĩa cũng ra tranh cử; mấy người bị quân lính lôi đến phòng bỏ phiếu thì bỏ phiếu chống lại chúng. Yusuf đánh hơi được tình trạng đó nên đã rời bỏ phe chống khởi nghĩa. Quân khởi nghĩa đe dọa những ứng cử viên tranh cử. Còn chính phủ Ấn Độ hứa cấp cho họ nhà ở, xe hơi chống đạn và vệ sĩ là cảnh sát và lính bán quân đội. Yusuf chớp lấy thời cơ và tham gia vào một đảng phái chính trị cỡ nhỏ không bao giờ thắng một ghế nào. Tôi được nghỉ lễ ở trường nên về nhà. Cha tôi được bổ nhiệm làm phó chủ tịch quận, chức vị hành chính đứng thứ nhì về quyền lực của quận. Cha tôi ở trong một dinh thự, nơi chỉ dành cho viên chức cấp cao hoặc chính khách. Tôi thấy Yusuf đứng dựa vào một chiếc xe jeep chống đạn cách

nơi cha tôi sống vài căn nhà. Gã trông khỏe mạnh và giàu có hơn.

Trong năm 2003, bất kể có chuyện gì xảy ra ở Kashmir, những kẻ như Yusuf – có rất nhiều những kẻ như vậy – luôn xoay sở để được “làm ăn khấm khá”. Tôi đã bay từ Delhi về để tường thuật một cuộc thăm sát người Kashmir theo đạo Hindu trong làng Nadimarg. Cả thị trấn quay cuồng với nỗi đau. Những tiếng rên xiết của người sống sót và dấu vết còn lại của cuộc thăm sát đều làm mọi người rơi lệ. Tất cả chính khách cao cấp của Ấn Độ, kể cả phó thủ tướng L.K.Advani và chủ tịch quốc hội, bà Sonia Gandhi và con gái của bà, cô Priyanka đầy sức lôi cuốn đối với quần chúng, cũng có mặt ở đó. Bà Sonia đang trò chuyện với những người sống sót. Cô Priyanka đứng bên cạnh bà, nghiêm trang và trầm tĩnh trong áo sari. Những người lính biệt kích có nhiệm vụ bảo vệ đứng thành vòng tròn quanh bà mẹ và cô con gái. Một người đàn ông mặc bộ *kurta* trắng theo phong cách chính khách và khoác áo kiểu Nehru bước đến chỗ cô Priyanka Gandhi. Hóa ra đó là Yusuf. Họ nói chuyện một lúc. Nàng công chúa nói năng chậm rãi. Tên nịnh thần lắng nghe, trong tư thế xun xoe thấp hèn nhất có thể. Rồi Yusuf nhìn xung quanh, gương mặt hần bưng lên trong thoáng chốc trước sự thân thiết của mình đối với cô con gái quyền lực nhất ở châu Á, một phụ nữ mà lời nói của cô có thể đưa gã tiến xa trên chính trường.

Tháng Sáu năm 2004, khi tôi đang đi bộ tại trung tâm thành phố Srinagar, một chiếc xe hơi bóng lộn dừng lại cạnh tôi và Yusuf kêu tên tôi rõ to. Gã bước ra khỏi xe và ôm choàng lấy tôi. “Tôi nghe nói cậu em đã trở thành một phóng viên cỡ bự. Nhưng cậu đừng có quên tôi đấy nhé! Viết một bài gì đó về tôi đi.” Một ngày nào đó, tôi hứa với gã. Tôi đang vội đến một nơi và tôi bỏ lỡ một châu cà phê với gã.

Tháng Chín năm 2004, tôi đang ngồi tại nhà đọc một tờ báo địa phương. Nhan đề bài báo:

NGHĨA QUÂN XUẤT KÍCH CÔNG KHAI Ở ANANTNAG LÃNH ĐẠO ĐẢNG QUỐC ĐẠỊ, PSO BỊ BẮN CHẾT

Sáng 29 tháng Chín năm 2004, Yusuf, lúc này là phó chủ tịch Đảng Quốc đại tại Anantnag, đã dừng chiếc SUV của gã tại một cái chợ ở Anantnag. Gã bảo vệ sĩ cứ ngồi lại trong xe rồi đi bộ về hướng một cửa tiệm. Vài nghĩa quân bước ra từ một ngõ hẻm và xả súng vào gã. Yusuf và vệ sĩ của hắn được đưa vào bệnh viện. Nhưng các bác sĩ không thể làm gì được nữa; họ đã chết.

Đến cả Yusuf cũng không thoát chết. Tôi từng tin rằng Yusuf có thể thực hiện được nước bài của gã, rằng gã sẽ sống sót và chúng tôi sẽ lại gặp nhau.

Nghĩa quân người Pakistan đang hoạt động ở Kashmir khác xa với quân du kích phe ly khai, những người đã khởi đầu cuộc nổi dậy chống Ấn Độ năm 1990. Tôi tò mò về họ và muốn gặp vài người trong số họ. Bạn bè tôi gợi ý nên đến Shopian, một thị trấn nhỏ ở phía nam Kashmir.

Bill Clinton gọi Kashmir là nơi nguy hiểm nhất trên thế giới. Những người sống ở Kashmir gọi Shopian là nơi nguy hiểm nhất ở Kashmir. Thị trấn này hiện diện dày đặc những toán lính tuần tra Ấn Độ lẫn nghĩa quân Kashmir và Pakistan. Vài năm trước, tại trường đại học của tôi ở Delhi, tôi đã gặp Ahmed, một sinh viên học kỹ sư người Shopian. Chúng tôi trở thành bạn và có nhiều đêm tụ tập trong phòng trọ của tôi, hút thuốc, uống cà phê và bàn luận về văn chương – Orwell và Steinbeck và Ayn Rand, nữ thần của Ahmed.

Dường như cậu ta thần tượng Howard Roark, nhân vật chính của Rand trong tiểu thuyết *The fountainhead*^[59].

Cậu nói về Rand suốt cả đêm. “Bản ngã! Basharat ạ. Bản ngã là suối nguồn phát triển của con người. Người ta nên giống như Howard Roark, toàn tâm toàn ý với sự hoàn thiện và không nao núng vì hoàn cảnh.” Đôi mắt màu nâu sâu thẳm sáng lên và giọng nói của cậu run lên vì phấn khích mỗi lần cậu nhắc lại những câu văn. Tay cậu giơ lên rồi bỏ xuống như những nhát búa đóng vào cây đinh tưởng tượng trong khi cậu nói.

Tôi không có địa chỉ hiện tại của cậu ta. Có rất ít khả năng tôi sẽ tìm thấy một người đầy tham vọng như cậu trong thị trấn u uất nhưng vô cùng nguy hiểm này. Tôi gọi cho một người bạn lâu năm ở Srinagar và thế là tôi có số điện thoại nhà Ahmed, nhưng anh ta không chắc là Ahmed có ở đó. Người

phụ nữ nhận cuộc gọi của tôi nói rằng Ahmed làm việc tại một ngân hàng trong thị trấn.

Con đường đến Shopian chạy dài như một dải băng đen xuyên qua những ngôi nhà gạch và nhà gỗ mái nón. Xung quanh là phong cảnh thường nhật kiểu Kashmir: những cánh đồng, rặng dương liễu và những vườn cây ăn quả và doanh trại quân đội ngăn cách làng xóm với nhau. Xa xa là những ngọn núi trọc hoặc đã được phủ xanh. Người lái taxi chở tôi và năm người khác từ Srinagar là một lão đấng đấng sát khí, lái xe với tốc độ như đang muốn tự tử. Giọng hát sướt mướt của một ca sĩ phát ra từ chiếc loa: “Nhà ảo thuật hỡi! Người đã xuyên thủng con tim tôi bằng mũi tên nào?”

Hai giờ sau, chiếc xe jeep của chúng tôi dừng lại trong một cái chợ bụi bặm ở Shopian. Cái chợ – gồm hai dãy tiệm đối diện nhau: các tiệm vải, tiệm tạp hóa, hiệu sách, hiệu thuốc và quán trà – một kiểu chợ điển hình Kashmir trong một thị trấn nhỏ. Những chiếc xe jeep và xe buýt đợi khách; những người dân quê mang vác tạp phẩm và thuốc trừ sâu cho vườn cây của họ, đang đi lại quanh quẩn. Quân lính mang súng trường lưng lẳng trên vai đang tuần tra trên đường. Ngồi uống trà trong một kiốt ở trạm taxi, tôi nhớ lại một kỳ nghỉ đông ở đây cùng với cha mẹ tôi vào khoảng giữa những năm tám mươi, khi cha còn làm việc tại đây. Tôi nghĩ về những bản copy của tạp chí *Reader's Digest* của cha mà tôi đã hăm hờ đọc; một trái banh lông màu xanh da trời mà tôi và em trai thường dùng để chơi cricket; và một huyền thoại được cha tôi và bạn bè của ông thuật lại: chuyện tình lãng mạn của hoàng tử Nagirai và công chúa Heemal, hai nhân vật được tin rằng đã từng sống tại đây trong thời cổ xưa. Hai con suối chảy ngoài rìa thị trấn được đặt theo tên của họ. Niềm hoài cổ đã thôi thúc tôi đi tìm chúng.

Người tài xế vẫn đang chờ thêm khách. Tôi hỏi thăm anh ta về hai con suối Heemal và Nagirai. Gương mặt cau có của anh sáng bừng lên. “Tôi đã từng ngồi bên hai dòng suối đó hàng giờ. Tôi sẽ chờ cậu đến đó.” Chúng tôi quay trở lại con đường dẫn ra khỏi thị trấn. Anh ta dừng xe ngay khi chúng tôi vừa thoát khỏi sự huyền ảo của thị trấn và tiến gần một rặng liễu. Anh ta

bước ra khỏi con đường rồi chỉ về phía một cây chinar. “Dòng suối Nagirai đấy.” Dưới cây chinar non nớt là một dòng suối nhỏ bị che lấp bởi tán lá đỏ. Bên cạnh nó là một lùm táo.

Lưu vực của một con sông lớn, giờ đã khô cạn, chỉ còn lại một dòng nước nhỏ chảy tới chỗ rặng dương mọc đằng sau cây chinar. Xa xa phía sau dòng sông cạn kiệt nhô lên một quả đồi. “Dòng suối Heemal nằm gần quả đồi đó đấy,” anh Hasan tài xế nói vậy. Chúng tôi tiếp tục chạy trên trên con đường dẫn ra khỏi thị trấn. “Suối Nagirai rất linh thiêng. Chúng tôi vẫn thấy rắn ở đó. Năm ngoái ba lính giết một con rắn tại suối Nagirai. Ba ngày sau, bọn họ bị mìn nổ tan xác.” Lòng tôn kính từ xưa của người Hindu đối với các vị thần rắn dường như còn mãi, mặc dù hầu hết dân Kashmir đã cải đạo sang Hồi giáo.

Qua vài dặm nữa thì con đường cái trở thành một lối mòn dẫn lên đồi. Ở đỉnh đồi là một doanh trại quân đội khổng lồ. Trước khi đến doanh trại khoảng nửa dặm anh Hasan dừng xe lại và nói, “Hành khách bắt buộc phải đi bộ.” Tôi đi bộ đến chỗ cổng, nơi bọn lính rà soát người tôi rồi kiểm tra chứng minh thư.

“Anh đến đây có việc gì?” một tên lính la lên.

“Tôi muốn đến thăm dòng suối ở phía bên kia doanh trại của các anh.”

“Suối hả?” Giọng của hắn ta vừa mỉa mai vừa nghi hoặc.

Tôi đoán hắn là người ở Punjab, cũng là nơi nổi tiếng về một huyền thoại tương tự. “Dòng suối ở đây là ký ức về vị Heer của Kashmir. Chuyện của bà đối với Kashmir cũng giống như Heer-Ranjha đối với Punjab vậy.” Tôi đáp.

Hắn ngửa cổ ra sau, cân nhắc lời tôi, rồi mỉm cười. “Tôi ở đây lâu rồi nhưng chưa bao giờ nghe đến chuyện này. Thôi đi đi! Đi thăm vị Heer của anh đi!”

Sau cái cổng gác cuối cùng, anh Hasan đậu xe bên cạnh một lùm cây liễu. Anh ta chỉ tay vào một cây chinar khác dưới sườn đồi. “Kia là dòng suối Heemal.”

Có một bức tường xi-măng hình chữ nhật bọc lấy con suối. Một thằng bé

đang cúi người cạnh bức tường, khua làn nước phủ đầy rêu bằng một nhánh cây. Nó nhìn lên và dừng lại. Tôi hỏi thăm nó về con suối. “Nó là con suối của nàng Heemal. Cả thế giới đều biết con suối này. Nàng là công chúa của Kashmir vào thời cổ xưa và đã yêu chàng Nagirai, một hoàng tử,” nó nói, cố gắng tỏ vẻ trịch thượng. Rồi nó ngừng một chút và hỏi, “Có phải vì vậy mà anh đến đây không?”

“Đúng vậy.”

Nó cười và khua khoảng làn nước phủ rêu bằng một nhánh cây. Huyền thoại ấy sống mãi.

• • •

Trên đường về tôi đi đến ngân hàng của Ahmed. Một tấm biển màu xanh-trắng cho biết ngân hàng nằm ở tầng trệt của một tòa nhà gạch không có nét gì đặc biệt vừa được xây xong trên con đường đâm qua chợ. Howard Roark sẽ không tán thành kiểu kiến trúc đó. Cái quầy gỗ được đóng bên ngoài bằng tấm formica màu nâu rêu tiền dài như một đường ngăn cách khách hàng và nhân viên. Đằng sau quầy, năm người đàn ông ngồi trên ghế gỗ, đầu cúi gằm vào những tờ khai và chứng từ. Một người đàn ông thấp có râu quai nón và một phụ nữ cao đeo mạng che mặt đang tranh cãi với một thư ký. Anh chàng thư ký có đôi mắt nâu và gò má cao, đang vung vẩy hai tay trên không. Tôi nhìn anh ta một lúc lâu.

“Basharat!” Ahmed nhảy ra khỏi chỗ ngồi của mình. “Làm thế quái nào mà cậu đến được đây? Tôi không thể tin được điều này!”

Cậu ấy ngưng việc và chúng tôi gần như lao ra đường, cười đùa phấn chấn. Rồi chúng tôi đi về nhà cậu ở tận đầu bên kia của thị trấn. Nó là một cái nhà xây bằng gạch và đá tươm tất nhìn ra một bãi cỏ, xa hơn một chút là vườn táo. Chúng tôi cùng ngồi trong phòng của Ahmed, hút thuốc, uống trà và thay nhau kể chuyện. Hai năm trước cậu quay về nhà trong kỳ nghỉ và thấy cha mẹ mình sống trong nỗi cô đơn và sợ hãi. Là con một, cậu quyết định ở lại nhà. Lúc đó không có công việc nào trong thị trấn phù hợp với

trình độ và bằng cấp của cậu, nhưng sáu tháng sau một ngân hàng địa phương cần một nhân viên kế toán. Trong nhiều tháng trời, cậu đấu tranh với bản thân, hy vọng quay lại với Delhi và những ước mơ của mình. Chúng đã phai nhạt dần. Ahmed đã yêu một cô gái người địa phương đang học văn chương tại một trường cao đẳng trong vùng. “Cô ấy giống tôi lắm. Cô ấy cũng mê Ayn Rand và mơ về một thành công cho riêng mình. Vì gia đình, cô ấy cũng chấp nhận một công việc tại trường học địa phương.”

Ahmed mở một cửa sổ. Chiếc khung cửa dường như đã tạo ra quang cảnh khu vườn. Vườn táo và mô đất của quả đồi nhô lên ở đằng xa. Chúng tôi nhìn thấy người mẹ già nhưng vẫn khỏe mạnh và người cha lưng còng đang ngồi trên thảm cỏ. Cậu nhìn họ mãi mê nói chuyện với nhau. “Đây là điều mà tôi nghiệm ra. Howard Roark là một ảo ảnh.” Cậu phát ngôn từ tốn và đóng cửa sổ lại. Chúng tôi không nói về cuộc xung đột. Chúng tôi đang thử sống lại những ngày xa xưa. Chúng tôi nói chuyện sách vở và các nhà văn. Tôi mang theo một bản copy cuốn *Suy tôn xứ Catalonia* nên đưa cho cậu ấy. “Cậu sẽ tìm thấy Kashmir trong những trang sách này,” tôi nói.

Tiếng bước chân vội vã khiến chúng tôi nhìn ra cửa sổ. Chúng tôi thấy một nhóm thanh niên có súng đi vào con hẻm bên cạnh nhà. Ahmed nói với tôi rằng đó là nghĩa quân Pakistan. “Chắc là chúng đang đi đến một chỗ trú ẩn nào đó.” Tôi hỏi cậu đã bao giờ chạm mặt họ chưa. Cậu kể là có một đêm, ba người như vậy gõ cửa nhà cậu. Cậu và cha mẹ mình đã phải phục vụ cơm tối cho chúng sau khi một trong ba tên đó dùng súng đẩy vào giữa ngực cha cậu. Ahmed không nói gì ngoài những mẫu chuyện xã giao, rồi sau khi ăn tối các nghĩa quân bỏ đi. “Chúng trong độ tuổi hai mươi và mang theo nòng súng, nòng điện thoại vệ tinh và cả máy tính cá nhân nữa.”

Tôi vừa định hỏi Ahmed về khả năng gặp một thanh niên như thế thì cậu kể tôi nghe một câu chuyện đang làm xôn xao thị trấn Shopian. Những DVD lậu của bộ phim Bollywood có diễn viên ngôi sao Salman Khan đóng đã tới được tiệm bán băng đĩa địa phương. Khan đóng vai một sinh viên tình lẻ và câu chuyện về tình yêu tuyệt vọng của anh có nhan đề *Tere Naam* là một

trong những phim ăn khách nhất của năm. Nhạc nền phim trở nên rất thịnh hành. Mọi thanh thiếu niên đều đi cắt tóc giống ngôi sao điện ảnh Khan, kiểu tóc đó đã trở nên nổi tiếng như là một phong cách “*Tere Naam*”. Ở Shopian, một thành viên của phe Jaish-e-Mohammed, mười chín tuổi, người Pakistan, đã mua một bản copy của phim này. Vài ngày sau, cậu ra lệnh cho một ông thợ cắt tóc trong vùng cạo hết bộ râu quai nón của cậu rồi cắt tóc kiểu *Tere Naam*. Trong vài tuần sau đó, người nghĩa quân “thời thượng” đó bị bắt gặp bên ngoài trường cao đẳng nữ sinh địa phương, khi đang say đắm nhìn một cô gái mà cậu mê. Ahmed nói với tôi, “Cậu ta muốn cưới cô bé và mang cô về Pakistan. Nhưng cha mẹ cô bé không chịu. Tôi thấy cậu ta vài lần trong một cái chợ. Cậu ta trông hoàn toàn si dại và bây giờ cả thị trấn gọi cậu là Tere Naam.”

Ngoài kia, ngày đang tàn. Bãi cỏ, vườn tược và quả đồi đang trở thành những nét phác thảo màu của bản thân chúng mới vừa đây thôi. Như thể chợt nhớ ra điều gì đó, Ahmed nhìn cái bóng tối không mời mà đến và đứng dậy. Cậu ta thắp một ngọn nến, đóng cửa sổ lại và kéo rèm. Rồi cậu lôi hai cái mền đen trong tủ ra, phủ lên trên tấm rèm và bật đèn lên. “Mấy cái mền này là sao?” tôi hỏi. “Để làm nó trông như một cái phòng tối khi nhìn từ bên ngoài vào. Chúng tôi làm như vậy với các phòng sau khi hoàng hôn xuống,” cậu giải thích. “Chúng tôi không có đèn đường và không mở đèn tại cổng hay trong sân.” Ánh đèn sáng sẽ khiêu khích bọn lính xông vào kiểm soát xem có nghĩa quân hay không và chúng sẽ chọn căn nhà làm nơi trú đêm. Mấy trăm căn nhà đã bị phá hủy trong những lần chạm trán giữa quân lính và nghĩa quân, hàng trăm người đã bị bắt, tra tấn và bỏ tù vì chứa chấp nghĩa quân. Người ta hy vọng không nghe thấy tiếng gõ cửa nhà mình vào buổi tối. Tiếng xe cộ chạy ngang hoặc chỉ cần tiếng bước chân bên ngoài cũng đủ làm cả gia đình run lẩy bẩy. Đã bao nhiêu lần chúng tôi hít thật sâu và thở phào khi những tiếng động đó chìm vào trong đêm và không có ai gõ cửa?

Tôi đã trải qua kinh nghiệm sợ hãi này chỉ vài ngày trước khi đến thị trấn của Ahmed. Vào một buổi tối, Salaam, đầu bếp của nhà tôi chạy ừa vào trong

phòng. Cậu là anh chàng gầy nhom, hói đầu, ám ảnh với cái radio. Cha tôi đang bận rộn với chồng hồ sơ ở phòng bên cạnh. Salaam toát mồ hôi đầm đìa và thở hổn hển. Cậu ra dấu cho tôi giữ im lặng. “Có người đã vào trong phòng khách đấy.” Có một cánh cửa từ nhà bếp mở sang phòng khách. Salaam cố mở cánh cửa đó và cảm thấy như có ai đó đang đẩy nó ngược lại. Ngày xưa, nếu bạn là người mê tín dị đoan, bạn sẽ đổ thừa là có ma, trong khi những người lý trí hơn sẽ tìm những lời giải thích hợp lý. Giờ đây, ý nghĩ đầu tiên bật ra trong đầu là về những kẻ mang súng lạ mặt.

Salaam tin rằng kẻ đã vào trong phòng khách của nhà tôi có thể mang ý đồ xấu. Chúng tôi quyết định không làm phiền cha tôi và tự đối phó với việc này. Chúng tôi nhón chân đi thật khẽ vào trong bếp. Salaam khóa cánh cửa dẫn đến cầu thang từ tầng trệt lên tầng một. Chúng tôi đứng nhìn trừng trừng vào cái cửa đang che giấu kẻ đột nhập. Rồi chúng tôi áp tai mình vào cánh cửa gỗ để lắng nghe bất kỳ dấu hiệu chuyển động nào. Không có tiếng động nào ngoài lác đác vài tiếng chó sủa trên đường. Chúng tôi rời khỏi vị trí và thì thầm với nhau, quyết định sẽ tìm vũ khí rồi xông vào phòng. Việc tìm vũ khí là cả vấn đề nhưng rồi chúng tôi cũng có được một con dao bếp. Vì cao to và lớn tuổi hơn, tôi chụp lấy con dao. Salaam đứng đằng sau tôi, tay cầm một cái nĩa như cầm dao găm. Tôi cố gắng giấu Salaam bàn tay tôi đang run lập cập trong khi Salaam cũng đang cố gắng không kém gì tôi để tỏ ra dửng dưng. Tuy sợ hãi nhưng chúng tôi đã sẵn sàng cho một cuộc chiến.

Thời khắc xông vào kẻ thù giấu mặt đã đến. Chúng tôi đá cho cửa mở rồi xông vào phòng. Con dao bếp và cái nĩa giơ cao đầy sát khí. Chúng tôi nhìn quanh phòng. Chiếc trường kỷ trống không, những cái ghế trống không, kệ sách vẫn ở chỗ cũ. Không thấy kẻ đột nhập đâu. Gần cửa, một góc thảm lật ngược lên. Nó bị kẹt và lèn cứng cánh cửa. Chúng tôi nhìn thấy nó cùng lúc và quay sang nhìn nhau. Ném vũ khí xuống sàn, chúng tôi cười ha hả.

Đó là viễn cảnh không mấy hài hước ở thị trấn của Ahmed, một vùng sống trong sự sợ hãi cực độ như nhiều nơi khác ở Kashmir. Tôi hình dung cảnh cha mẹ già của Ahmed co rúm trong nhà bếp suốt những năm Ahmed xa nhà

và tôi hiểu vì sao cậu ấy đã ở lại. Trong giây phút đó tôi thấy nể trọng cậu hơn bao giờ hết. Cậu đã sống cuộc đời mình còn tốt hơn Howard Roark. Tôi quay về phía cậu với một cái nhìn kính nể trong khi cậu đang lặng lẽ bập thuốc lá và nhìn chăm chú vào hoa văn trên tấm thảm chúng tôi đang ngồi. Đốt một điếu thuốc khác, cậu nhìn tôi với vẻ mặt của một người đã già nua và mệt mỏi. “Nó giết dần giết mòn tôi,” Ahmed nói.

Cuộc chiến đã hủy hoại tất cả công trình văn hóa ở Kashmir. Trong thị trấn của cậu, không còn sót lại một thư viện hay tiệm sách nào. Người ta chỉ muốn được an toàn và không mong gì hơn nữa. Ahmed nói về nỗi sợ, rằng nhà của cậu sẽ nát vụn sau một trận đùng độ. Thậm chí ngay cả khi không có lính Ấn hay nghĩa quân xộc vào, cậu ta cũng chờ nó xảy ra. Gia đình, bạn bè và dân trong thị trấn của Ahmed chẳng nói chuyện gì khác hơn cuộc xung đột. “Cha mẹ tôi làm việc cả đời để dành dụm tiền xây căn nhà này. Chỉ cần một trận đánh là có thể biến nó thành một đống than tàn và gạch đá vỡ nát.” Tôi hỏi, “Sao cậu không bỏ đi? Cậu có thể đến bất cứ thành phố lớn nào và tạo dựng sự nghiệp. Sao cậu không quay lại Delhi?” Tôi không còn lời nào khác nữa. Cậu muốn bỏ đi nhưng không thể bỏ mặc cha mẹ mình. Và ngay cả nếu cậu rời nơi này để tìm một sự nghiệp tốt hơn ở đâu đó, nhiều Ahmed khác vẫn phải ở lại.

Gần nửa đêm. Ahmed kéo mền và rèm che cửa sổ xuống. “Giờ thì an toàn rồi. Không có động tĩnh gì vào lúc này đâu.” Thị trấn được bao phủ bởi bóng đêm; bầu trời xanh thẫm và những ngôi sao lấp lánh ánh bạc vẫn lặng lẽ.

Tôi đã không đành lòng nhờ Ahmed mạo hiểm để giới thiệu tôi với vài nghĩa quân Pakistan, nhưng lần ghé thăm thị trấn Shopian đã giúp cho nhận thức của tôi về cuộc sống trong một xã hội bị quân sự hóa nặng nề trở nên sắc bén hơn. Trên đường trở lại Srinagar, cứ vài phút tôi lại đi ngang qua những đoàn xe và doanh trại của lực lượng quân đội và bán quân đội. Ấn Độ có hơn nửa triệu lính đóng tại Kashmir. Srinagar là thành phố của những boongke. Những chiếc xe và binh lính vũ trang tuần tra mọi ngã đường hoặc chốt tại trạm kiểm soát đã trở thành một phần của phong cảnh Kashmir, giống như

những hàng dương, liễu và thông. Tôi biết rằng binh lính phần lớn là những người nghèo sống tại các vùng nông thôn và thành phố của Ấn Độ – họ đứng thành hàng dài ngoài cổng các trung tâm tuyển lính quân đội và bán quân đội, khắp khởi hy vọng được nhận vào thứ công việc nguy hiểm mà tiền lương lại thấp đến mức vô lý này. Tôi còn nhớ đã xem những báo cáo về việc thiếu hụt sĩ quan trong quân đội khi nền kinh tế của Ấn Độ đi lên, nhưng chưa bao giờ thấy một báo cáo nào về sự thiếu hụt binh sĩ. Người nghèo thì nhiều vô kể. Nhưng ngoài bộ đồng phục màu ô liu hay vàng nhạt, những gương mặt cứng đờ, những hiệu lệnh cụt lủn và những khẩu súng đầy vẻ đe dọa, tôi không biết gì về thực chất con người họ. Những từ ngữ chúng tôi nói với nhau chỉ là những câu lái nhại về việc kiểm tra chứng minh thư. Vì tôi là người Kashmir nên cũng chẳng đại dột mà thử nói chuyện lâu với một tên lính.

Bây giờ, chỉ còn vài ngày nữa là đến Lễ Độc lập của Ấn Độ, ngày 15 tháng Tám, bọn lính chờ đợi sẽ có thêm nhiều vụ tấn công của quân khởi nghĩa và chúng trở nên hung hăng hơn. Mật độ lục soát người và kiểm tra chứng minh thư cũng gia tăng. Tôi ở lại nhà tại Srinagar và suy nghĩ về những binh lính tôi đã tình cờ gặp. Tôi nghĩ về hai tên lính đã thẩm vấn tôi trong vụ đàn áp tại ngôi làng.

Tôi nhớ đến một tên lính khác tôi đã gặp hồi tháng Sáu. Tôi nhớ mặt, tên và lời lẽ của hắn. Vào tháng Năm 2004, Ấn Độ tổ chức bầu cử nghị viện, kết quả được thông báo vào tháng Sáu. Đảng Bharatiya Janata (BJP) bị ra rìa và Đảng Quốc đại đã thế chỗ, giành được sự ủng hộ của liên minh Cộng sản. Các tờ báo và các kênh truyền hình đưa tin âm ỉ về kết quả, rồi những tit lớn trên trang nhất, hàng trăm bài xã luận, và những ý kiến phân tích sự thay đổi không mong đợi trong chế độ tiếp theo.

Tôi đang ở Lal Chowk để gặp một người bạn phóng viên, anh Amir. Anh ấy trông bình thản. Kết quả bầu cử sẽ lấp đầy những trang của tờ báo có trụ sở ở Delhi của anh trong cả tuần còn lại. Sẽ không có chỗ cho tin tức từ Kashmir và anh đón nhận điều đó dễ dàng. Chúng tôi uống cà phê và trò chuyện về bất kỳ thứ gì chúng tôi đang đọc. Anh có một quyển sách mà tôi

muốn đọc nên chúng tôi đi về để lấy nó. Trong văn phòng của anh, báo được chồng lên những cái bàn bụi bặm và đầu thuốc tràn đầy cái gạt tàn. Khói thuốc bay lảng đãng trong không khí. Vài người bạn đồng nghiệp của anh ghé vào và cuộc chuyện trò chuyển sang đề tài tin tức. “Hôm nay thật thanh bình, chưa có tin gì cả,” một phóng viên nói.

Đột nhiên cánh cửa bị mở toang ra. “Tôi vào được không?” Chúng tôi xoay người về hướng cửa. Một tên lính mặc áo vét chống đạn với khẩu AK-47 lủng lẳng trên vai, bước vào trong khi Amir nói, “Được.” Một tên thuộc cấp gầy hơn, hiền lành hơn đi theo vào. “Tôi đến để kiểm tra anh,” tên lính đầu tiên nói với anh Amir. Sáng nay trên đường đến văn phòng, Amir đã bị hãm chặn lại. Anh trình chứng minh thư cho hắn. Tên lính đã nói về sự cần thiết phải kiểm tra những người có vẻ đáng ngờ và hỏi Amir về vết cắt trên mặt do cạo râu của anh. Amir cảm thấy bị xúc phạm nên đã đòi nói chuyện với các cấp trên của hắn – chúng biết anh là phóng viên của một tờ báo hàng đầu Ấn Độ. Tên lính đã để cho anh đi.

Trông thấy tên lính bước vào văn phòng của mình, Amir bực bội. “Chẳng phải anh đã xem chứng minh thư của tôi sáng nay rồi sao?”

“Tôi xem rồi. Nhưng chúng tôi vẫn phải kiểm tra bất cứ ai có vẻ đáng nghi. Tôi đến đây để xác nhận xem chứng minh thư của anh có thật hay không.”

“Anh nên biết cách nhận ra một người trông đáng nghi chứ.” Anh Amir lên giọng. “Anh cũng nên biết sự khác biệt giữa một tiệm bán rau và một văn phòng báo chí.”

Có vẻ như câu nói không tác động gì đến tên lính. Hắn ngạo mạn đi quanh phòng, quay sang anh Amir và nói, “Anh nên biết là tôi có thể đi vào bất cứ nơi nào vào bất cứ lúc nào. Đó là công việc của tôi.” Amir liền lấy cuốn danh bạ điện thoại ra, gọi cho một sĩ quan cao cấp của lực lượng quân đội và giải thích tình huống này. Viên sĩ quan nói chuyện với tên lính qua điện thoại. Hắn ta luôn mồm lẩm bẫm, “Thưa ngài, không có gì đâu ạ,” rồi bỏ đi. Anh Amir kể cho tôi là viên sĩ quan cao cấp đã xin lỗi vì tư cách của tên lính và

hứa sẽ cử một sĩ quan đến xem xét sự việc. Thêm hai phóng viên từ các hãng tin khác ghé qua. Người phóng viên già dặn nhất khuyên anh Amir đừng quá coi trọng những từ như “sự quý trọng” hay “phẩm cách”.

Cà phê và chuyện vẫn tiếp tục trong khoảng nửa giờ và lại có tiếng gõ cửa. Một sĩ quan trong quân phục chiến đấu bước vào, theo sau là khoảng mười tên lính. Viên sĩ quan yêu cầu bọn lính ra ngoài; chúng đứng ngay cửa vào. Viên sĩ quan nhanh nhẹn bước đến góc phòng nơi chúng tôi ngồi. Hắn ta là một gã đàn ông cao to, cơ bắp, có đôi mắt nâu sáng rỡ dưới phần lưới liềm của chiếc mũ đang đội. Chỉ vào từng người chúng tôi, hắn hỏi một hơi dài, “Tên anh là gì? Anh làm nghề gì? Nhà báo ư? Tờ báo nào?” Chúng tôi giới thiệu, còn hắn chẳng cho ai biết gì về mình. Ai đó mời hắn ngồi. Hắn ngồi và nói với chúng tôi là hắn đến để xem xét sự tình. Hắn có vẻ giận dữ. “Các anh có thể thấy cấp bậc của tôi và đọc tên tôi trên quân phục. Tôi là một sĩ quan chứ không phải là một thường dân mà cần phải giới thiệu. Thế mà khi tôi bước vào đây, các anh đã không tỏ ra kính trọng tôi như một sĩ quan xứng đáng được như vậy. Không ai đứng lên. Không ai nói chuyện một cách lễ độ.” Chúng tôi nhìn nhau. Hắn trừng trừng nhìn chúng tôi. Một sự im lặng quái gở bao trùm. Một đồng nghiệp của anh Amir thử xoa dịu hắn bằng cách mời hắn uống trà và hút thuốc. Hắn từ chối, nói rằng hắn không uống trà và hút thuốc.

Một loạt lời giải thích bắt đầu. “Chúng tôi không có ý xem thường.” “Chúng tôi có mối quan hệ nghề nghiệp với đồn của anh và rất để ý đến nó.” “Chúng tôi đã không có thời gian để thể hiện sự tôn trọng thỏa đáng khi anh đột ngột yêu cầu chúng tôi giới thiệu.” Năm nhà báo đại diện cho những hãng tin tiếng tăm có trụ sở tại Delhi đang gần như quy tụ, cố gắng biện minh cho chính họ. Tôi giữ im lặng. Những lời giải thích và những trận cãi vã không căng thẳng lắm kéo dài trong nửa giờ. Viên sĩ quan nhắc đến việc hắn ta thuộc một đơn vị của phe chống khởi nghĩa, đơn vị chuyên gây ra những trận đụng độ. Có vẻ đó là một lời đe dọa gián tiếp. Viên sĩ quan ngồi dựa vào ghế, soãi chân và ném mũ lên bàn. Họ của hắn giúp tôi biết hắn là người vùng

Haryana. Tôi hỏi thăm xem điều đó có đúng không. “Làm sao anh đoán được điều đó?” hấn hỏi. “Tôi đã sống ở Delhi và có nhiều bạn bè trong đảng cấp của anh,” tôi trả lời.

Cái vòng kim cô của hệ thống đảng cấp Hindu cổ áp đặt lên miền bắc Ấn Độ thể hiện rõ ràng trong nụ cười đầu tiên của hấn. Hấn tỏ dấu hiệu khoan khoái và quay sang phía tôi. Tôi nói về bạn bè của mình hồi tôi học tại trường Đại học Delhi. Hấn cũng học ở Đại học Delhi. “Tôi học bên ngành luật, anh học ở đâu?” tôi hỏi. Hấn học trong một khoa ngay sát khoa tôi. Tôi kể về trường lớp, về các lễ hội của khoa, những lần tụ tập, sự ganh đua, ký túc xá nữ gần đó và hầu như tất cả những gì mà một người nhớ về cuộc sống sinh viên. Dường như hấn đã biến thành một cựu sinh viên Đại học Delhi và quên bằng mình là một sĩ quan Ấn Độ thuộc lực lượng bán quân đội đóng quân tại Kashmir. Ngôn ngữ của hấn thay đổi khi hấn nói về chuyện nhà sách Jawahar nơi chúng tôi mua những bản sao rẻ tiền của các giáo trình và sách tham khảo; về chợ Kamala Nagar nơi lũ sinh viên lang thang lại sau giờ học; về Majnu Ka Tila nơi người tị nạn Tây Tạng bán quần áo và bia rẻ tiền kém chất lượng. “Cho xin một điếu coi ông bạn! Và cho tôi tí trà luôn.” Hấn nói, miệng cười toe. Chúng tôi uống trà và hút thuốc. Hấn ta xin lỗi, các phóng viên xin lỗi ngược lại. Hòa bình đã được tái thiết. Khi sắp ra về, hấn nói, “Tôi từng là một người khác trước khi tôi gia nhập lực lượng này và đến Kashmir.”

Tôi suy nghĩ về sự biến đổi trong tích tắc của hấn ngay khi hấn được nhắc lại cuộc sống thường dân của mình. Hấn không khác thằng Asif cựu nghĩa quân bạn tôi, thằng muốn biết về những sàn nhảy và đám con gái ở Delhi. Thế nhưng những thanh niên như họ, ở những chiến tuyến khác nhau, đã giết và đã chết sau khi họ chọn trở thành nghĩa quân hay binh lính. Những người sống sót dường như đã tiêu hủy và chôn vùi con người cũ của họ.

Tôi hy vọng một ngày nào đó họ sẽ ngưng dự phần vào quá trình làm nghèo đi con người, biến họ thành những kẻ bị sai khiến hoặc mục tiêu quân sự, tước bỏ tất cả sự phức tạp thuộc về con người ở họ – những quá trình đã để lại cho họ những cái danh trần trụi như nghĩa quân, binh sĩ, lính bán quân

đội. Tôi hy vọng một ngày nào đó họ có thể quay về với tổ ấm của mình, nơi họ có thể ngồi trên ban công hay cãi nhau với anh em họ của mình về việc đổi kênh tivi. Tôi hy vọng một ngày nào đó cuộc chiến họ đang can dự và những lý do khiến nó tồn tại sẽ biến mất như những dấu chân trên tuyết mùa đông.

Lời Kết

Chiếc xe hơi chạy chậm chậm về hướng sân bay Srinagar. Một lần nữa tôi lại đi, mang theo đồ đạc cho một cuộc sống mới và một căn phòng mới tôi vẫn chưa tìm được. Xe chạy ra khỏi thành phố, ngang qua những boongke, những toán lính, súng ống, những cuộn thép gai, những người đi bộ giơ cao tay và chứng minh thư; những chiếc xe hơi và xe buýt địa phương bóp còi inh ỏi; những nam và nữ sinh mặc đồng phục tụ tập ngoài cổng trường; áp phích của các chính khách với nhiều lời hứa hẹn đối chọi nhau, các chủ tiệm ngáp vẫn ngáp dài sau quầy và các món hàng ế ẩm; nhà cửa của bạn bè và của những người lạ; và rồi cổng vào khu sân bay được canh phòng chặt chẽ. Sau các chiếc máy kiểm tra kim khí và những lần khám xét, tôi bước vào một sảnh chờ ọp ẹp. Tôi cảm thấy như có một bàn tay sắt siết chặt lấy mình và lôi tôi ra khỏi nơi chôn nhau cắt rốn.

Cuộc hành trình vẫn chưa kết thúc; nó sẽ không bao giờ kết thúc. Bầu trời đã nhuộm đỏ, ngày thì ngập tràn sự sợ hãi và đêm đã bị giới nghiêm kể từ năm 1990. Ngày đó, tôi mười bốn tuổi và bị mê hoặc bởi những câu khẩu hiệu hùng hực khí thế về tự do, bởi câu chuyện về những lối mòn đầy nguy hiểm xuyên qua đường biên giới ngập tuyết, bởi niềm hy vọng ngây thơ rằng một thế giới mới sẽ sinh ra. Tôi rời Kashmir, trưởng thành, tìm được việc làm rồi bỏ việc. Tôi quay về. Tôi được nghe và nhớ những câu chuyện về sự tàn bạo, lòng can đảm, tình yêu, hận thù, đức tin, sự mất mát và cả niềm hy vọng. Cả Kashmir và tôi đều đã thay đổi. Kashmir nóng bỏng, nổi loạn mà tôi rời bỏ khi còn là một thiếu niên giờ đây là vùng đất của những con người kiệt sức và hoang mang. Tôi bây giờ đang ở cuối tuổi đôi mươi, đã già rồi. Cuộc xung đột có thể rời bỏ các con đường, nhưng nó sẽ không rời bỏ tâm hồn một con người.

Những chiếc máy kéo chở hành lý đến chiếc máy bay đậu trên mặt đường. Công nhân mặc đồ bảo hộ màu xanh bắt đầu khuân những bao bị và vali. Sự chắc chắn ra đi làm tôi buốt nhói. Tôi biết tôi sẽ quay về, ra đi, quay về, ra đi và lại quay về. Máy bay cất cánh sau một cú chạy nước rút mạnh mẽ trên đường băng. Nhà cửa trở nên nhỏ dần, những ruộng lúa trở thành những ô vuông gọn gàng màu xanh lá, những con đường đá nối liền làng xóm với nhau từ từ co lại thành những lằn đen, và những đám mây đồng đánh thay hình đổi dạng. Tôi quay người khỏi tấm kính cửa sổ. Các nhà thơ đã nói dối về thiên đường.

Thành phố Delhi cũng không thay đổi nhiều. Những chủ nhà trọ vẫn còn nói, “Cậu giống như con trai của chúng tôi. Gọi cho chúng tôi vào chủ nhật nhé.” Và đám bạn bè vẫn nói, “Ở với tụi tao đi!” Tôi bắt đầu viết đi viết lại trong căn phòng trọ ở một khu giống như ổ chuột, chứa toàn giới sinh viên, nhà văn và các bạn bè của tôi. Tôi làm việc tại tòa soạn vào ban ngày và viết đi viết lại về Kashmir vào buổi tối. Báo chí tại Srinagar vẫn tiếp tục đăng các tin nóng bỏng. Và người ta đang bàn tán về chiếc xe buýt. Ấn Độ và Pakistan đã đồng ý mở một dịch vụ xe buýt giữa Srinagar và Muzaffarabad. Sau năm mươi tám năm trời, một chiếc xe buýt sẽ vượt qua Đường Kiểm Soát và những gia đình bị chia cắt sẽ được phép thăm viếng người thân. “Lịch sử” và “hy vọng” trở thành những từ thường dùng.

Vào tuần đầu tiên của tháng Tư năm 2005, tôi trở về nhà để làm bài tường thuật. Manmohan Singh và Pervez Musharaf bắt tay nhau trên những tấm yết thị ở Srinagar. Người Kashmir tranh luận về sự khác biệt do các chuyến xe buýt xuyên qua Đường Kiểm Soát tạo ra. Một số người xem chuyện này tương đương với sự sụp đổ của bức tường Berlin. Một số khác kiểm chế hơn và nhìn nó như một bước chuyển hướng trong việc giải quyết sự bất hòa ở Kashmir. Một số nhóm nghĩa quân lại nhìn nó như sự đánh lạc hướng khỏi giải pháp thực sự của mỗi bất hòa và đe dọa sẽ tấn công những chiếc xe buýt. Các phóng viên thì tìm kiếm những người có gia đình ở bên kia Đường Kiểm Soát, những người từng vượt qua Đường Kiểm Soát, đã thấy Đường Kiểm

Soát, hay đã nghĩ về Đường Kiểm Soát.

Tôi đang nói chuyện với một số người trong một quán cà phê gần Lal Chowk thì có tiếng súng bắn như cửa vào không khí. Những nghĩa quân phản đối chuyển xe buýt đã thực hiện một vụ tấn công gần Trung tâm Tiếp nhận Du lịch, bên cạnh sân vận động cricket, nơi dịch vụ xe buýt này sẽ được khánh thành vào hôm sau. Những chiếc xe tải chở phóng viên truyền hình lao nhanh về phía Trung tâm Du Lịch như những chiếc xe cứu thương hụ còi inh ỏi. Lực lượng bán quân đội và cảnh sát vây chặt tòa nhà màu xanh lá cây có nhiều trụ sở văn phòng. Sau đó là một trận bắn nhau và trong vòng vài phút, Trung tâm Du lịch làm bằng gỗ đã cháy bùng.

Tôi cùng với một nhóm phóng viên núp sau một chiếc xe cảnh sát đậu bên kia đường, đối diện với tòa nhà đang cháy. Những tràng đạn khiến chúng tôi nép mình xuống sát đất, áp người vào nhau. Vài phút sau, một người đàn ông lớn tuổi trong bộ vét màu nâu nháy ra khỏi cửa sổ tầng một của tòa nhà và chạy băng qua đường. Một phóng viên kéo ông ấy vào nhóm chúng tôi. Ông là Mohammed Ashraf, người quản lý một hãng hàng không, đã làm việc nhiều năm tại Trung tâm Tiếp nhận Du lịch. Ông thấy làn khói đen sì, những ngọn lửa phừng phực và những chồng hồ sơ cháy bùng trong đồng đồ nát của văn phòng mình. “Tôi cần phải gọi điện cho gia đình tôi,” ông nói. “Không! Tôi cần gọi điện cho Atta trước đã,” ông nói thêm ngay sau đó. Đồng nghiệp Atta của ông đang bị kẹt bên trong. Một cô phóng viên người Mỹ đưa điện thoại cho ông. Ashraf gọi, rồi gọi một lần nữa nhưng mạng điện thoại đang bị nghẽn. Ông ở lại cùng nhóm chúng tôi một lúc lâu, nhìn tòa nhà sụp đổ và những đàn bò câu hoảng hốt lượn vòng ở đằng xa.

Sáng hôm sau, trên đường đến sân cricket để xem buổi lễ khánh thành, tôi đi ngang qua Trung tâm Tiếp nhận Du lịch. Những mẩu than vụn, tro tàn và mảnh vỡ nằm đầy bên mấy trụ đá. Phần sót lại của những cây cột cháy thành than vẫn đang bốc khói. Tôi tiến về phía trước, ngang qua mặt những tên lính cứng nhắc. Trong sân vận động, một nhóm nhạc của cảnh sát đang chơi một bài hát dân gian Kashmir nổi tiếng nhờ phiên bản theo kiểu Bollywood của

nó. Trời mưa lất phất. Manmohan Singh đọc một bài diễn văn và cảm ơn Pervez Musharraf đã giúp dịch vụ xe buýt trở thành khả thi. Singh vẫy một lá cờ xanh và chiếc xe buýt tuyến Srinagar-Muzaffarabad chạy ra ngoài sân vận động trong tiếng vỗ tay của đám đông khiêm nhường, được tăng cường bởi vài trăm người mặc thường phục được đưa đến từ sở cảnh sát địa phương, những người mà kiểu tóc cắt đúng quy cách đã tiết lộ nhân thân của họ.

Chiếc xe buýt chạy về hướng Đường Kiểm Soát, cách 140 kilômét về hướng bắc của Srinagar. Một chiếc xe tải có mui chở các nhà báo theo sau. Chúng tôi chạy ngang qua hàng trăm nón sắt, súng ống và vượt qua nhiều ngọn núi. Chúng tôi nhìn thấy dòng Jhelum rộng hơn ba kilômét, kiêu hùng và xanh ngắt, chảy mạnh mẽ qua núi non bất chấp hai quốc gia kiểm soát hai bờ của nó, như muốn nói rằng nó là dòng sông tự do. Và rồi sau nhiều năm trời, tôi đã được thấy: Đường Kiểm Soát. Một hàng rào được dựng lên bằng những cuộn dây thép gai sắc nhọn luôn luôn qua những bụi rậm hoang dã và đám cây xanh của một ngọn núi căn cứ với vài căn nhà đắp bằng đất. Dây thép gai này, ngọn núi này, chính là Đường Kiểm Soát. Hai bé gái đang chơi bên ngoài một ngôi nhà đất nhỏ xíu bên kia sông vẫy tay với chúng tôi. Chúng tôi vẫy lại.

Hành khách vượt qua Đường Kiểm Soát tại trạm Kaman, trạm quân sự nơi lính Ấn Độ và Pakistan gác đối diện nhau từ hai bờ của một con suối. Cây cầu vắt qua dòng suối tại trạm Kaman đã bị phá hủy năm 1948 trong cuộc chiến tranh Ấn Độ – Pakistan lần đầu tiên. Giờ đây, cùng với tiến trình hòa bình, cây cầu Kaman bị thiêu trụi đã được xây lại. Dân Ấn Độ muốn sơn cây cầu bằng những màu sắc trên cờ Ấn Độ, còn dân Pakistan phản đối. Họ đã thỏa thuận dùng màu trắng, màu của hòa bình và đặt lại tên cho nó là Cầu Hòa Bình. Trên Cầu Hòa Bình, cũng thế, *kiểm soát* dường như là từ thường trực, bất kể sự thân thiện giữa Pakistan và Ấn Độ như thế nào. Một sĩ quan quân đội Ấn nói với tôi rằng hai phần ba cây cầu là của người Ấn Độ và một phần ba còn lại là của người Pakistan. Cây cầu hai phần ba Ấn Độ và một phần ba Pakistan chính là đường kiểm soát; con suối cạn chảy phía dưới nó

chính là đường kiểm soát. Đến tối, ba mươi chín người Kashmir thuộc những phe đối nghịch nhau ở hai bên biên giới chia cắt Kashmir này đã bước qua cầu, bước qua năm mươi tám năm lịch sử của Ấn Độ và Pakistan, năm mươi tám năm Kashmir bị chia cắt, kể từ 1947.

Sharief Hussein Bukhari là một trong những người đàn ông đó. Ngoài sáu mươi, có cái mũi khoằm, đôi mắt hiền lành, bộ đồ *salwar kameez* màu xanh da trời, ông ta bước như đang đi trong mơ qua cây cầu từ phần đất do Pakistan kiểm soát sang phần đất do Ấn Độ kiểm soát, nơi ông sinh ra. Ông đang trở về quê hương lần đầu tiên kể từ năm 1950. Việc băng qua cây cầu đã ám ảnh ông suốt năm thập kỷ mà ông sống tại Pakistan, từ khi là sinh viên, là một luật sư, là một thẩm phán Tòa án tối cao Lahore, cho đến bây giờ là một giáo sư ngành luật. Hai người em gái và một em trai của ông đã ở lại ngôi làng của ông cha họ ở phía bắc Kashmir, trong khi ông cùng cha mình đi qua Đường Kiểm Soát khi mới là một thiếu niên mười lăm tuổi. Trong nhiều năm trời ông không nhận được thư hay gửi đi một bức nào cho gia đình. Cũng không hề có một cú điện thoại nào. Ông liên lạc với họ trong những giấc mơ của mình. “Tôi mơ thấy trường tôi, thấy những cây táo và cây mơ trong vườn nhà. Tôi mơ thấy ngôi nhà nơi tôi sinh ra và thấy chuyến hành trình trở về quê hương,” ông nói. Thậm chí trong những giấc mơ của ông, việc vượt qua biên giới cũng không thể đạt được. “Trong những giấc mơ của tôi, tôi sẽ bị bắt tại Đường Kiểm Soát và bị buộc phải quay lại,” ông kể.

Sự thất bại trong tiềm thức chính là một biên giới. Đường kiểm soát không chạy dọc suốt 576 kilômét núi non bị quân sự hóa. Nó xuyên qua linh hồn, trái tim và khối óc của chúng tôi. Nó xuyên qua tất cả những gì một người Kashmir, một người Ấn Độ và một người Pakistan nói, viết và làm. Nó xuyên qua ngón tay của các biên tập viên mảng xã luận của báo và tạp chí, xuyên qua đôi mắt của các phóng viên, xuyên qua những cuộn phim Bollywood sống động trong các rạp chiếu phim tối, nó xuyên qua những câu chuyện trong quán cà phê và trên màn hình tivi chiếu những trận cricket, xuyên qua những gia đình, qua câu chuyện quanh bữa tối, xuyên qua lời thì thầm của

các đôi tình nhân. Và nó xuyên qua nỗi đau, sự giận dữ, những giọt nước mắt, và sự im lặng của chúng tôi.

Mấy trăm dân làng đã tập trung ở trung tâm tiếp nhận những người đến từ vùng Kashmir thuộc quyền quản lý của Pakistan, tại làng Salamad, cách Cầu Hòa Bình khoảng nửa giờ nếu lái xe ngược về hướng Srinagar. Học sinh diện những bộ quần áo truyền thống, chúng đã chờ đợi chuyến xe buýt suốt cả ngày hôm nay. Chúng chào đón bằng cách nhảy múa theo những bài hát Bollywood. Một thanh niên chạy ùa đến chỗ ông Bukhari. Ông Bukhari không nhận ra chàng trai đang phấn khích này. “Con là Showket, con trai của em gái bác,” chàng thanh niên nói. “Bác xin lỗi nhé, con trai. Bác thậm chí không được xem một tấm hình nào của con suốt nhiều năm nay,” ông Bukhari nói. Đôi mắt ướt đẫm của họ chính là đường kiểm soát.

Những chiếc xe buýt chở khách từ Muzaffarabad chạy dưới bầu trời xám lất phất mưa đến Srinagar. Con đường đã bị bỏ hoang suốt một thập kỷ rưỡi tăm tối. Tôi ngắm hàng ngàn phụ nữ, đàn ông và trẻ con đứng dọc theo con đường đầy lính, đón mừng những người đã bước qua lằn ranh. Đêm hôm đó không có sự sợ hãi nào. Chỉ có những bàn tay vươn ra ngoài cửa sổ xe buýt, vẫy vẫy, như thể mỗi cái vẫy tay sẽ xóa đi những đường kiểm soát.

• Chú thích •

[1] . Một loại trà xanh truyền thống của thung lũng Kashmir. (Tất cả các chú thích là của người biên tập).

[2] . Nguyên văn: mongoose, tức con cầy mangut.

[3] . Tiếng Ba Tư.

[4] . Tiếng họ hàng với tiếng Hindi và là ngôn ngữ chính thức của bang Jammu và Kashmir và Pakistan.

[5] . Nguyên văn: hookah, tức một bộ gồm ống điếu và chân đế để hút thuốc, bên trong chân đế có nước để làm lạnh và lọc hơi thuốc.

[6] . Little Boy: tên quả bom hạt nhân được thả xuống Hiroshima.

[7] . Fat Man: tên quả bom hạt nhân được thả xuống Nagasaki.

[8] . Ramadan là tháng thứ chín trong lịch của người Hồi giáo. Trong suốt tháng này, người Hồi giáo phải nhịn ăn uống và không được quan hệ tình dục từ bình minh cho đến hoàng hôn.

[9] . Người dẫn dắt các cuộc cầu nguyện ở đền thờ Hồi giáo.

[10] . Nền công nghiệp phim bằng tiếng Hindi, trung tâm ở Mumbai, Ấn Độ.

[11] . Trang phục cổ truyền của phụ nữ Ấn Độ, làm bằng tấm vải dài từ bốn đến chín mét, được quấn lên người.

[12] . Mohammed Iqbal (1877-1938): nhà thơ, triết gia và chính trị gia của nước Ấn Độ thời kỳ thuộc địa. Ông viết bằng tiếng Ba Tư và Urdu.

[13] . Một thành phố của Ả Rập Saudi, được xem là nơi tụ hội linh thiêng nhất của người Hồi giáo.

[14] . Trong môn cricket, ở đầu sân mỗi đội là một tam trụ môn, gồm ba thanh gỗ (trụ môn) cắm xuống đất và hai thỏi gỗ (hoành mộc) nằm trên. Nếu người ném bóng làm vỡ tam trụ môn thì một trong hai người của đội đánh bóng bị đội ném loại ra.

[15] . Đội Pakistan được sáu điểm, do cú đánh không để bóng bay ra ngoài biên, không chạm đất.

[16] . Nguyên văn: princely state, là đơn vị hành chính do thực dân Anh lập ra ở Ấn Độ, được cai trị gián tiếp bởi vương quốc Anh qua bộ máy cai trị người bản xứ.

[17] . Từ tiếng Sanskrit chỉ “đức vua cao quý”.

[18] . Line of Control.

[19] . Viết tắt của Jammu Kashmir Liberation Front, tức Mặt trận Giải phóng Jammu-Kashmir.

[20] . Nhà văn Anh (sinh năm 1938) chuyên viết truyện kinh dị.

[21] . Từ để chỉ một nhóm người Kashmir gốc Hindu mang họ Pandit.

[22] . Ishmael và Isaac là hai người con trai của Abraham. Các con của Isaac là người Do Thái, các con của Ishmael là người Ả Rập. Nhà tiên tri Muhammad được sinh ra từ nhánh Ishmael.

[23] . Đợt Lai Lạt Ma.

[24] . Sheikh Abdullah (1905-1982): từng làm Thủ tướng Jammu và Kashmir (1948-1953), Chủ tịch hội đồng Bộ trưởng Jammu và Kashmir (1975-1977), là một trong những chính khách có tầm ảnh hưởng nhất trong lịch sử hiện đại của Jammu và Kashmir.

[25] . Bộ quần áo truyền thống của các nước Nam Á.

[26] . Con đường trung tâm ở Barcelona.

[27] . Business Process Outsourcing: Gia công quy trình nghiệp vụ.

[28] . Vụ bê bối về chính trị và thương mại gây xôn xao dư luận Ấn Độ trong những năm tám mươi.

[29] . Cuộc chiến ở Afghanistan theo sau vụ 11 tháng Chín.

[30] . Nhà thơ Mỹ gốc Kashmir, sinh năm 1949, mất năm 2001.

[31] . Nhà văn Ấn Độ gốc Bengal, sinh năm 1956.

[32] . Một danh hiệu, dành cho những nhân vật được trọng vọng hay những nhà thông thái.

[33] . Bộ quần áo truyền thống với phần áo phủ xuống tận hai gối của người mặc.

Phổ biến ở các nước Trung Đông và Ấn Độ.

[34] . Loại thuyền gỗ có mái che ở Srinagar, Jammu và Kashmir.

[35] . Caliph: quốc vương Hồi giáo.

[36] . Sinh năm 1947, diễn viên người Mỹ gốc Áo.

[37] . Ma thần Hồi giáo.

[38] . Một tông phái của Hồi giáo.

[39] . “half-widows”.

[40] . Burn Hall School: tên một trường truyền giáo ở Srinagar.

[41] . Tác giả muốn ví con đường này với Green Zone ở Baghdad, Iraq, là khu vực an toàn cho các đại sứ, nhân viên nước ngoài.

[42] . Chữ trong nguyên bản là *shared taxi*, một loại phương tiện giao thông lai giữa taxi và xe buýt thường.

[43] . Kangri: là vật dùng sưởi ấm của người Kashmir vào mùa đông. Nó gồm 2 phần: phần ngoài được đan bằng gai liều, phần trong là chiếc bình đất nung hình cái bát, chứa than hồng và tro.

[44] . Nón Jinnah, là kiểu nón lông cừu, được đặt theo tên người khai sinh đất nước Pakistan, Muhammad Ali Jinnah.

[45] . Kaaba, một khối nhà hình lập phương ở Mecca, là địa điểm thiêng liêng nhất đối với người Hồi giáo.

[46] . Một loại ống điều dòng để hút thuốc.

[47] . Mười vạn rupee.

[48] . Thầy tu giữ việc báo giờ cầu nguyện cho tín đồ đạo Hồi.

[49] . Người dẫn dắt việc cầu nguyện trong một đền thờ Hồi giáo.

[50] . Tước hiệu dành cho các học giả Hồi giáo Sunni.

[51] . Giáo sĩ Sufi.

[52] . Nguyên văn: revivalist.

[53] . Chữ trong nguyên bản là *jihad*, tức chiến tranh giữa những người đạo Hồi và những người ngoại đạo.

[54] . Lối sống.

[55] . Nhân vật anh hùng trong truyện tranh.

[56] . Một sắc dân ở Nam Á.

[57] . Người Ẩn Độ, Mật thám hay Kẻ phiến loạn.

[58] . Người thơ ngây vô hại.

[59] . Bản dịch ra tiếng Việt có tựa là *Suối Nguồn*, NXB Trẻ.